

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

PHẠM VĂN BẢN



CON CHÁU TIÊN RỒNG

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Với Huấn Ca Tiên Rồng

Địa chỉ liên lạc 14929 25th Pl W

Lynnwood, WA 98087, USA

(206) 724-9947

Phamvanban1@gmail.com

<http://www.phamvanban.org>

Giấy Phép số:

ISBN 978-1-4583-0228-1



978-1-4583-0228-1

Imprint: Lulu.com

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Huấn Ca Tiên Rồng – được phổ thơ theo thể ca dao lục bát lấy ý nghĩa từ nguồn gốc Dân Việt trong chín truyện tích Tiên Rồng, Trầu Cau, Chử Đồng, Tiết Liêu, An Tiêm, Vọng Phu, Trương Chi, My Châu, Phù Đổng là những câu chuyện hằng ngày được toàn dân truyền miệng và nhắc nhở cho nhau ghi nhớ rằng, mình là Đồng Bào, là anh em ruột thịt thì cần thực hiện tình thân thương và bình đẳng với nhau trong đời sống con người. Chín câu chuyện này nối kết và hòa hợp lại thành một hệ thống biểu tượng Tiên Rồng Song Hiệp, rồi đúc kết thành một hệ tư tưởng chỉ đạo, sống động và hiện thực, được Tổ Tiên linh huấn cho toàn dân sinh sống qua bao ngàn năm lịch sử, được chúng ta trân trọng gọi là Sinh Thức Hệ, là Kinh Việt, hay là Chính Thuyết Tiên Rồng.

Huấn Ca Tiên Rồng được phát hành để huấn luyện cho Đoàn Thanh Niên Việt Nam ở Trại Ty Nạn Sikew, Thailand vào năm 1982. Khởi xướng Đoàn Thanh Niên Việt Đức có 14 thành viên, trong buổi Lễ Tuyên Hứa khai trương 14 Đồng Bào với ước nguyện học tập về Tổ Chức – Lãnh Đạo, cho nên đã có danh xưng biểu trưng Mặt Trời 14 Tia mà Tổ Tiên truyền dẫn ở trung tâm Trống Đồng Ngọc Lũ và Thạp Đồng Đào Thịnh cách nay vài ngàn năm.

Từ đó Đoàn Việt Đức sinh hoạt và phát triển hùng mạnh với nhiều thanh niên tài năng, học hành và phát huy đạo đức Tiên Rồng, cho nên tập Huấn Ca Việt Đức được phát hành. Và thời gian hoạt động tiếp nối cho tới khi Đoàn Việt Đức nhận lệnh thực hiện công tác tổ chức Liên Minh Toàn Dân Việt Nam Quốc do Chủ Tịch Trần Văn Lắm khởi xướng, vào thời điểm chính trị thế giới thay đổi và Cộng Sản sụp đổ trên toàn cầu thì tập thơ này được đổi tên là Huấn Ca Tiên Rồng tại thành phố Seattle, Washington do Hội Đồng Lãnh Đạo Liên Minh Toàn Dân Việt Nam công bố vào năm 1989.

PHẠM VĂN BẢN

Hình chân dung tác giả
CON NGƯỜI THỜI ĐẠI



Personal Profile

Vincent Pham was born on February 1, 1949 in Hai Hung, Vietnam. This man's life has taken him from studies in Organization, Leadership and Management as a young man through a military career amidst a war and again into the realm of advanced studies.

After graduating from the University of Vietnam Law School, he started a Leadership and Commanding Officer at Thu Duc Officer Command School. He graduated on December 5, 1970 with his rank as Lieutenant and he was sent to the United States for his flying training.

Lieutenant Vincent has satisfactorily completed the prescribed courses of instruction of the Air Training Command, Department of the United States Air Force, and graduated from the Sheppard Air Force Base, Texas, in 1972 as a jet pilot. In July 1974, he served as a Leader Fighter Pilot in the 4th Air Force Division, Republic of Vietnam Air Force.

Between 1982 and 1984, he worked with the United Nations' Save The Children Foundation in Indonesia as a Supervisor. On August 10, 1984 Vincent and his family came to the United States and settled in Everett, Washington.

He became a United States Citizen in 1993 and worked to earmark money for his American Education. In the summer 1994, Vincent entered Everett Community College and received an Associate of Arts and Sciences.

He enrolled in the Human Service and Management Program to lead to a Baccalaureate and Master Degrees at Western Washington University. He continued in the Master Business Administration in Organization Management at University of Phoenix.

New learning experiences and opportunities for career growth keep Vincent interested in Boeing job. He completed the official application online and began to work since Christmas 2010.

Part of his works is to fabricate, rework or repair insulation blankets of the airplane 747, 767, 777 and 787 with new flammability standards, materials and practices.

Because he was a jet pilot and a military commander, so that he experienced in Boeing Airplane as technical comprehension, learning ability, commitment to quality, capacity to handle details, problem solving skills, versatility, ability to work effectively under pressure, work well with little or no supervision, etc...

Therefore, Vincent would like to bring his articulate achievable and realistic outcomes to apply a Stand-To Veteran Leadership position of the Boeing Company and the George W Bush Institute.



GEORGE W. BUSH
INSTITUTE

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI



Muốn tìm hiểu Người Máy (Robot) và Máy Bay Không Người Lái (Unmanned Aircraft) xin mở trang Dấu Nổi sau đây và gặp Vincent Phạm Văn Bản ở trang số 10 của nguyệt san Frontiers:

https://www.boeing.com/news/frontiers/archive/2013/june/pubData/source/Frontiers_June13.pdf

PHẠM VĂN BẢN

Con Người Thời Đại



CON CHÁU TIÊN RỒNG

WASHINGTON – USA

NĂM 2022

HAY NĂM 4901 VIỆT LỊCH

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI



MỤC LỤC

CHƯƠNG I	23
Lời Mở	
Kính thưa Quý Vị và Quý Bạn	27
Người Việt Hải Ngoại	
Xây dựng Thời Đại Tín Liệu cho Việt Nam	29
Khác biệt giáo huấn và di huấn	30
CHƯƠNG II	33
Tâm Tình Bạn Đọc	
Người Thanh Niên Sài Gòn – NNL	
Người Thanh Niên Hà Nội – DBTT	37
Người Thanh Niên Sài Gòn – HVL	45
CHƯƠNG III	49
Con Người Thời Đại	
Thời Đại Con Người	
Nguồn gốc con người	50
Phát triển con người	52

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Đặc tính loài người	53
Mô hình loài người	55
Tiến bộ loài người	
Xã hội phát triển	57
Tiến trình văn minh nhân loại	59
Thời đại bộ lạc	
Chế độ mẫu hệ	
Chế độ phụ hệ	
CHƯƠNG IV	63
Tổng Quát Thời Đại	
Thời Bộ Lạc	65
Chế độ mẫu hệ	
Chế độ phụ hệ	
Đợt sóng nông nghiệp	66
Thế chế quân chủ	67
Quân chủ phong kiến	
Quân chủ chuyên chế	68
Đợt sóng kỹ nghệ	71
Quân chủ lập hiến	72
Quân chủ đại nghị	73
Thế chế dân chủ	
Đợt sóng tin liệu	74
Kinh tế tin liệu	75

Kiến thức	77
Nghiên cứu phát triển	80
CHƯƠNG V	81
Thời Đại Tiên Sử/ Săn Hái	
Tổ chức gia đình	82
Kinh tế săn hái	83
Chính trị bộ lạc	85
Đất Tộc Việt đầu Thời Hùng	86
Chế độ mẫu hệ / Văn trị	87
Chế độ phụ hệ / Võ trị	89
Đấu tranh sinh tồn	91
Chiến tranh quân sự	92
Mục tiêu chiến tranh	
Thê chế nước làng	93
Làng xã tự chủ	94
Định chế nước làng	96
Hệ thống nước làng	98
Tình Ca Đồng Bào (Thơ)	100
CHƯƠNG VI	101
Thời Đại Nông Nghiệp	
Tiền nông	
Trung nông	103
Làng xã nông nghiệp	

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Đất nước nông nghiệp	104
Nông nghiệp Trung Hoa	
Nông nghiệp Việt Nam	105
Nước làng tự chủ	107
Nước làng nông nghiệp	108
Đế quốc nông nghiệp	
Chính trị nông nghiệp	109
Quân chủ phong kiến	
Quân chủ chuyên chế	110
Tiến trình xã hội	
Xã hội dân sự	111
CHƯƠNG VII	115
Thời Đại Kỹ Nghệ	
Thời đại đối kháng	117
Kinh tế kỹ nghệ	118
Chính trị kỹ nghệ	119
Xã hội kỹ nghệ	121
Ý niệm tự do	122
Kinh tế tư bản	125
Kinh tế cộng sản	126
Tư hữu tuyệt đối	
Lý thuyết Marx thất bại	127
Phong kiến Châu Âu	130

Xã hội kỹ nghệ	131
Hiến pháp	134
Điều I: Ngành lập pháp	141
Đoạn 1: Quốc hội	
Đoạn 2: Hạ viện	
Đoạn 3: Thượng viện	
Điều II: Ngành hành pháp	142
Điều III: Ngành tư pháp	
Điều IV: Sự quan hệ giữa các tiểu bang	143
Điều V: Giải thích và phương thức Tu chính Hiến Pháp	
Điều VI: Chấp nhận các khoản nợ và hiệp ước	
Điều VII: Phê chuẩn Hiến Pháp	
Cạnh tranh kỹ nghệ	145
Đối kháng kỹ nghệ và nông nghiệp	146
Vận tốc thời đại	148
CHƯƠNG VIII	151
Bầu cử tổng thống	
Bầu cử sơ bộ	152
Cách thức tính đại biểu trong kỳ bầu cử sơ bộ	154
Tổng tuyển cử Bầu tổng thống	156
Đảng phái chính trị	158
Chính đảng thế giới	161
Khuynh hướng chính trị	162

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Cánh cực tả	
Cánh trung tả	
Cánh trung hữu	163
Cánh cực hữu	
Sinh hoạt chính đảng	
Hệ thống chính đảng	164
Độc đảng	165
Đa đảng	166
Lưỡng đảng	167
Chính đảng Hoa Kỳ	
Đảng Dân Chủ	168
Đảng Cộng Hòa	169
Các chính đảng khác	170
CHƯƠNG IX	173
Chính đảng Úc Đại Lợi và Chính đảng Việt Nam	
Đảng Lao Động	
Nguồn gốc	174
Chủ trương	
Cơ cấu tổ chức	175
Trung tâm quyền lực	176
Mối quan hệ đảng	177
Tài chính tranh cử	
Chi bộ	

Các nhánh của đảng	178
Đảng tự do	
Nguồn gốc	
Chủ trương	180
Cơ cấu tổ chức	
Đảng Nông Thôn Quốc Gia	181
Các đảng phái khác	182
Đảng Dân Chủ Lao Động	
Đảng Người Úc Dân Chủ	
Nhiệm vụ chính đảng	183
Tập quyền – Tản quyền	184
Thế chế tổng thống	
Thế chế đại nghị	185
Đổi lập	
Gây quỹ	186
Ghi chú	
Chính đảng Việt Nam	189
Đảng chính trị Việt	191
Trong quá khứ	192
Đảng Lập Hiến	195
Đảng Thanh Niên	
Việt Nam Quốc Dân Đảng	196
Trong hiện tại	197

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

CHƯƠNG X	201
Khác biệt lưỡng đảng Hoa Kỳ	
Đảng Dân Chủ	202
Đảng Tự Do	
Đảng Cộng Hòa	203
Khác biệt giữa Cộng Hòa và Dân Chủ	204
Cuộc khủng hoảng I	211
Cuộc khủng hoảng II	
Cuộc khủng hoảng III	213
CHƯƠNG XI	215
Thời Đại Tín Liệu	
Quyền tự do cá nhân	217
Quyền tự chủ	
Quyền độc lập	218
Quyền bình đẳng	
Công bằng xã hội	219
Kinh tế tín liệu	221
Kiến thức	223
Nghiên cứu phát triển	226
Địa lý chính trị	227
Hòa bình	229
Chiến tranh	230
Đạo quân kỹ nghệ	

Đạo quân tín liệu	231
Chiến tranh tín liệu	232
Vũ khí	232
Vũ khí tín liệu	234
Tên khùng bố máy	
Con kiến điện tử	
Vũ khí chủng tộc	235
Vũ khí môi sinh	236
Bức màn vô hình	
Thuốc ngủ và súng Laser	
Vũ khí trơn trượt và dán cứng	237
Dân sự hóa chiến tranh	
Biến cải vũ khí ngu	238
Nguy hiểm	
Những vụ giết người bí mật	
CHƯƠNG XII	241
Chính Thuyết Tiên Rồng trong Thời Đại Tín Liệu	
Truyện Hồng Bàng	243
Tộc Việt khác Tộc Hoa	253
Tộc Tổ Tiên Rồng	255
Kinh Việt	258
Đại Cương Chính Thuyết	259
1. Huấn Ca Tiên Rồng	261

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Con Người Tiên Rồng: Thân, Trí, Tâm, Tuệ

2. Huấn Ca Trầu Cau	269
3. Huấn Ca Chữ Đổng	275
A. Bộ Ba Nền Tảng	281
a. Tiên Rồng	289
Tình ca Đổng Bào	291
b. Trầu Cau	293
c. Chữ Đổng	295
4. Huấn Ca Tiết Liêu	299
5. Huấn Ca An Tiêm	305
6. Huấn Ca Vọng Phu	311
Cách thức vái nhang	315
7. Huấn Ca Trương Chi	317
B. Bộ Bốn Sống Thực	323
a. Tiết Liêu	325
b. An Tiêm	329
c. Vọng Phu	335
d. Trương Chi	345
CHƯƠNG XIII	349
8. Huấn Ca My Châu	
9. Huấn Ca Phù Đổng	361
C. Bộ Hai Phục Hưng	365
a. My Châu	

Thành giặc	371
Bài học sức nước	373
Bài học đất nước	374
Ảo tưởng giữ nước	375
Yếu tố giữ nước	377
b. Phù Đổng – Sách lược Cứu Nước	379
CHƯƠNG XIV	399
Ý nghĩa Lá Cờ Tiên Rồng	
Quốc kỳ Do Thái	400
Đạo Đức Tiên Rồng	401
Quan niệm Sống Phúc Đức	
a. Làm Phúc	402
b. Hưởng Đức	
Phúc Phận	
Cờ Mặt Trời Phúc Đức	409
Tổng Kết	411
Tài liệu tham khảo	417
HẾT và Cám Ôn Bạn Đọc	422

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI



PreHistory là Thời Đại Tiền Sử hay còn gọi là Thời Đại Săn Hái – Nhân loại đã săn bắt hái lượm từ muôn thuở và không ai xác định được là đã có từ bao giờ, và thời gian kéo dài tới khoảng 8 ngàn năm, thì có đợt sóng văn minh đầu tiên (The First Wave) làm thay đổi đời sống con người và xã hội, gọi là Thời Đại Nông Nghiệp (Agricultural Age) nhu cầu thời đại là **Đất Nước và Hạt Giống (Land & Seeds)**. Khoảng 8000 năm trước và sau Công Nguyên, Thời Đại Nông Nghiệp lại bị đợt sóng văn minh thứ hai (The Second Wave) làm thay đổi thành Thời Đại Kỹ Nghệ (Industrial Age) với nhu cầu **Tư Bản và Lao Động (Capital and Labor)**, kể từ khi con người phát minh ra máy hơi nước. Nhưng vào năm 1953 Hoa Kỳ phát minh ra máy Điện Toán và Liên Thị Tín Liệu để trở thành đợt sóng văn minh thứ 3 (The Third Wave) và khai trương Thời Đại Tín Liệu với nhu cầu đòi hỏi chúng ta phải có **Kiến Thức và Thông Toàn (Knowledge & Information)** của ngày hôm nay. Hình trên đây là Biểu Đồ của Con Người và Nhu Cầu Thời Đại.

CHƯƠNG I



LỜI MỞ

Đây là tác phẩm đầu tay *Con Người Thời Đại* (Human Age) của Phạm Văn Bản biên soạn để giải thích công việc tổ chức và lãnh đạo trong thời đại mới của nhân loại, được gọi là hệ thống điều hành và quản trị không lãnh tụ, hay là tổ chức chính trị thông minh (the smart political organization) mà công việc vận hành sinh hoạt của thực thể này vẫn phát triển và đạt kết quả thành công theo đúng sách lược tổ chức. Sách cung ứng nhu cầu kiến thức (knowledge) của Thời Đại Tin Liệu (Information Age).

Tôi có duyên may được vào học các lớp, các khóa cùng ngành nghề chuyên môn trong chương trình đại học và cao học Hoa Kỳ, mà thời thanh niên ngày trước đã phải bỏ học dở dang vì lệnh tổng động viên. Ngày ấy tôi nhập ngũ vào ngành Hạ Sĩ Quan đồng hóa Thông Dịch Viên do Lục Quân Hoa Kỳ tuyển chọn.

Một năm sau ngày mãn khóa huấn luyện ở Trường Sinh Ngữ Quân Đội, tôi được bổ nhiệm làm Trung Sĩ Thông Dịch Anh Ngữ cho Lữ Đoàn 18 Quân Cảnh của Lục Quân Hoa Kỳ đóng ở Căn Cứ Long Bình, (Long Bình Post) thuộc tỉnh Biên Hòa. Trại lính được xây dựng trên một khu đồi trồng cao su non xinh đẹp, bên giòng Sông Đồng Nai hiền hòa, trù phú, xanh tươi và thịnh vượng.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Hai năm sau Hoa Kỳ dự tính rút quân khỏi Chiến Tranh Việt Nam, tôi được tuyển lựa đi du học Hoa Kỳ về ngành phi hành ở Trung Tâm Huấn Luyện Sheppard AFB, Texas. Tiếp đến tôi học khóa Phi Công Tác Chiến tại England AFB, Louisiana, rồi về nước phục vụ trong Phi Đoàn Thân Báo 520, Không Đoàn 74 Chiến Thuật, Sư Đoàn 4 Không Quân ở Phi Trường Bình Thủy (Trà Nóc), Cần Thơ và bay Phản Lực Cơ A-37B mang bom đạn đi đánh trận, yểm trợ Bộ Binh Việt Nam Cộng Hòa.

Tôi cũng bị địch quân dùng hỏa tiễn Liên Xô SA7 bắn rơi ở mặt trận Trà Teng, Châu Đốc và phải nhảy dù thoát chết. Sau chiến tranh tôi lại bị nhà cầm quyền bắt giam và gông cùm trong tù cải tạo, bị tra tấn đánh đập cũng nhiều! Tuy đau khổ nghiệt ngã nhưng xét lại thì cuộc đời mình cũng được may mắn hơn nhiều anh em đã tử trận, vì tôi được hưởng Phúc Đức do Quốc Tổ và Hòn Thiêng Sông Núi ban ơn, được Tổ linh huấn, mở tâm thông tuệ để hiểu biết Chính Thuyết Tiên Rồng.

Đây chính là câu chuyện đặc ân về chính thuyết mà ngàn năm mới có một người được học hỏi để làm người Việt Nam đúng nghĩa. Và sau bảy năm ngục tù tôi đã mãn “học tập cải tạo” về nhà sinh sống với vợ con theo lệnh nhà cầm quyền.

Nhưng duyên may là lúc đó tôi mang gia đình xuống thuyền vượt biên thoát khỏi cảnh khổ cực, tới gặp Cao Ủy Tỵ Nạn Liên Hiệp Quốc ở trại Sikew Thailand, rồi tới học Anh Ngữ và Đồi Sống Hoa Kỳ ở Indonesia. Sau cùng là được định cư tại Tiểu Bang Washington, một quốc gia tự do dân chủ thịnh vượng hoàn mỹ vào bậc nhất thế giới: Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ.

Gia đình tôi sinh sống ở Thành Phố Everett cách Seattle 25 dặm trong vùng Tây Bắc Hoa Kỳ, một nơi giàu có nhiều công ăn việc làm của hãng xưởng chế tạo phi cơ phản lực thương mại Boeing được xếp vào hạng lớn nhất thế giới.

Boeing tọa lạc bên bờ Thái Bình Dương, nơi tôi làm việc và có thể chiêm ngắm về miền Đông Nam Á là quê hương Việt Nam thân thương của tôi, là nơi tôi sinh trưởng lớn lên, học hành và chịu tù đầy non phần tư đời người.

Everett với phương tiện nghiên cứu và phát triển thuận lợi, cho dù tuổi đời của tôi đã quá cao, hơn 45 năm già nhưng chính quyền Hoa Kỳ vẫn cho phép tôi được ghi danh thi tuyển vào trường lớp để triển khai môn học về tổ chức và lãnh đạo mà tôi yêu thích, chính trị kinh doanh, khoa học kỹ thuật, giáo dục nhân sự vụ của chương trình đại học và cao học Hoa kỳ ở ba trường gần nhà Everett Community College, Western Washington University, University of Phoenix, và làm bạn học với lớp người thanh niên tài năng của nhân loại mà mình cảm nhận trẻ tuổi lại.

Phải thú nhận rằng, tôi có nhiều duyên phận may mắn vì trong thời gian học đường lại được nhận vào làm việc toàn thời ở Thư Viện với thời gian ba năm. Nhờ đó mà có ngân khoản giúp cho gia đình trang trải cuộc sống, đặc biệt hơn là tôi được gặp gỡ, tham khảo, học hỏi với nhiều giáo sư, tài liệu, sách báo, phim ảnh, truyền thông, kịch nghệ về đề tài mà mình muốn chọn lựa nhằm viết thành những bài tiểu luận nộp cho thầy cô để có được điểm cao, đồng thời tôi lại có dịp soạn thảo cho tác phẩm đầu tay *Con Người Thời Đại* này.

Thứ đến, tôi xin cảm ơn toàn thể Anh Chị Em Trường Hoa Tiên Rồng, một cơ sở huấn luyện và đào tạo cán bộ đúng nghĩa, với sứ mệnh Giúp Dân Cứu Nước hoạt động ở hải ngoại, cũng như quốc nội được khởi sự từ năm 1982. Đánh dấu thời gian tổ chức và lãnh đạo sau ngày tôi ra tù Cộng Sản Việt Nam tới Trại Tỵ Nạn Thái Lan, có duyên phát triển tổ chức và lãnh đạo Chính Trị Tiên Rồng.

Tôi cũng xin cảm ơn toàn thể quý ân nhân, thân hữu, chiến hữu Không Quân và Sĩ Quan Thủ Đức cùng màu cờ sắc áo với

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

tôi, và các bạn đọc thương tình đóng góp hay giúp tôi trong việc nghiên cứu, sửa chữa bản thảo, tạo phương tiện thực hiện một tuyệt tác *Con Người Thời Đại* với ước mong Đi Tim Mùa Xuân cho Dân Nước Việt Nam, như theo ước nguyện chung của mọi người chúng ta.

Sau cùng tôi xin chân thành ghi ơn Tổ Tiên, Ông Bà, Cha Mẹ đã ban cho tôi diễm phúc làm người, qua công ơn sinh thành dưỡng dục của các Ngài, từ tuổi ấu thơ cho tới trưởng thành. Tôi lớn khôn và trở thành con người biết yêu nước thương dân, biết suy tư, học hỏi, và thông toàn về Con Người (Human) đang sống trải qua các Thời Đại (Age) từ Thời Đại Săn Hái hay Tiền Sử (Prehistory), Thời Đại Nông Nghiệp (Agriculture Age), Thời Đại Kỹ Nghệ (Industrial Age) và tiền tới Thời Đại Tín Liệu (Information Age) ngày nay.

Theo tài liệu sách vở, nhiều tác giả Âu Mỹ dùng chữ Revolution: Cách Mạng. Thực ra cách mạng của Tây Phương di chuyển vào Trung Quốc từ lâu, và biến thành “Cách Mạng Đỏ” do những quốc sư đặc quyền đặc lợi, vẽ vờ thêm thành tích hay kinh điển hoặc nguyên lý “đấu tranh giai cấp,” “Cách mạng tháng tám,” hay “Đề tài cách mạng tới thành công” Hồ Chủ Tịch!

“Cách mạng” đã du nhập vào Việt Nam theo đường hướng “Ngàn Năm Bắc Thuộc.” Từ đó “Cách Mạng” lại được nhóm sử gia trí thức Việt Nam hoan hỷ và tận tình tiếp nhận, học hỏi, khai thác, xử dụng vào mọi phương diện văn học nghệ thuật và biến “Cách Mạng” thành bạo lực chém giết lẫn nhau, “huynh đệ tương tàn nòi da sáo thịt,” làm mất ý nghĩa nguyên thủy.

Do đó tôi khẳng định rằng: Tôi không dùng chữ “Cách Mạng” và Văn Hóa Ba Góc “chủ - nô,” của ngoại nhân, mà tôi đổi ra chữ Cải Hóa hay “Age” như Thời Đại, theo đúng ngôn ngữ trong Chính Thuyết Tiên Rồng, danh xưng Đờng

Bào hay Một Mẹ Trăm Con mà tôi được linh huân từ Tổ Tiên Việt Nam.

Tiếp đến tôi cũng cảm ơn hiền thê, các con và các cháu của tôi, vì rằng “Thuận vợ thuận chồng tát Bể Đông cũng cạn,” đã yểm trợ mọi mặt tinh thần cũng như vật chất để tôi có thể trở lại học đường mà viết ra cuốn sách đầu tay của mình ra đời.

Xin cảm tạ Ôn Trời Ôn Tổ, Hồn Thiêng Sông Núi và Anh Linh Dân Tộc đã luôn phù độ cho tôi biết đóng góp phúc đức để làm bổn phận của Con Cháu Tiên Rồng mà thực hiện sứ mệnh của mình là Giúp Dân Cứu Nước, nhằm cùng với toàn thể quý vị và các bạn với mục đích cộng tác, cộng tài, cộng lực cũng như chia sẻ tâm tư trên trang sách đặc biệt này.



Kính thưa Quý Vị và Quý Bạn,

Ở đời mọi sự đều thay đổi. Thay đổi theo tốc độ thời gian, từ con người cho tới những nhu cầu cuộc sống hay cấu trúc xã hội, biên cương quốc gia, các khối chính trị trên thế giới.

Tất cả đang biến chuyển mỗi ngày một nhanh chóng, đang khi Việt Nam của chúng ta như ngừng lại, nếu không nói là đất nước đã gặp nạn nội xâm làm băng hoại, tự do bị cướp đoạt, nhân quyền bị chà đạp, và nền dân chủ truyền thống của Dân Tộc Việt bị thủ tiêu.

Hầu hết mọi người Việt Nam chúng ta đều có lòng yêu nước thương dân, và mong muốn được góp phần của mình để

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

thực hiện việc chung, mong sao cho dân giàu nước mạnh. Thực tế Cộng Đồng Người Việt Hải Ngoại có tiềm năng yểm trợ Đồng Bào trong việc xây dựng và kiến thiết Việt Nam trở nên phú cường, thịnh vượng trong Thời Đại Tin Liệu (Information Age).

1. Người Việt Hải Ngoại có đội ngũ cán bộ trẻ, có khả năng và nhiệt tâm nhiệt huyết trong nhiều lãnh vực. Đặc biệt những người này có công ăn việc làm, và tài sản ở nước ngoài, hiểu biết luật lệ thuế vụ và không mặc cảm, không tranh dành quyền lợi, không làm giàu bất chính với đồng bào mình trong nước.

2. Người Việt Hải Ngoại sẽ là nhịp cầu nối kết các dân tộc tín liệu của những quốc gia tự do, dân chủ, nhân quyền và tân tiến trên thế giới. Với những kiến thức thời đại, cộng với tấm lòng yêu nước thì những người này sẽ đem hết tài nghệ phục vụ cho quốc gia dân tộc Việt Nam mà thôi.

3. Người Việt Hải Ngoại sẽ đóng góp tài chánh, hùn vốn hay thành lập những công ty đầu tư tại Việt Nam với mục đích vừa làm giàu cho gia đình, lại vừa xây dựng được quốc gia, mà cả vốn lẫn lời đều tăng mãi tại Việt Nam và làm ích nước lợi dân hơn bất cứ ai khác. Đó là điều kiện thực tế và hữu ích mà các công ty ngoại quốc hay thế giới đã không thể có, không thể giúp, không thể làm được.

4. Người Việt Hải Ngoại là nơi giúp đỡ cho các phái đoàn của chính phủ Việt Nam trong những việc nghiên cứu thị trường quốc tế, tìm hiểu nhu cầu của các quốc gia, và có thể đặc trách đại diện chính phủ ở nhiều lãnh vực. Nhằm mục đích kiến thiết phát triển Việt Nam, mà chính phủ sẽ giảm được nhiều kinh phí đài thọ.

Những người Việt này sẽ làm việc không lương vì sẵn có đủ điều kiện sinh sống. Họ còn có thể xuất tiền túi để giúp nơi

ã chôn ở và phương tiện di chuyển của các phái đoàn chính phủ Việt Nam từ trong nước ra ngoài công cán.

5. Người Việt Hải Ngoại sẽ giúp cho sinh viên học sinh du học có nơi tạm trú, sinh hoạt học hành với ngân khoản chi phí đại hạ giá, hoặc tặng không nhằm tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích sự học hành, cổ động tinh thần yêu nước thương nòi của các em.

6. Người Việt Hải Ngoại cũng đóng vai trò quan sát và phê bình chính phủ, đề nghị những giải pháp nhằm canh tân cải tiến xứ sở trong nhiều lãnh vực, giúp chính quyền Việt Nam có tầm nhìn rộng lớn hơn để điều chỉnh kịp thời nếu có thiếu sót, khuyết điểm.

7. Tiếp đến chúng ta sẽ bàn thảo về đề tài Người Việt Hải Ngoại này nhiều hơn trong một chương nói về Xây Dựng Thời Đại Tín Liệu Cho Việt Nam dựa trên nền tảng căn bản Chính Thuyết Tiên Rồng và cấu trúc tổ chức Hoa Tiên Rồng một cách chính trị khoa học là Con Cháu Tiên Rồng đúng nghĩa. Trước mắt chúng ta, Việt Nam trải qua hơn nửa thế kỷ, đã chứng minh rằng nhà cầm quyền độc tài lãnh đạo đất nước bị thất bại vì thiếu tầm nhìn kiến thức thời đại.

Thất bại về nhiều phương diện, từ giáo dục tới chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa, giáo dục, xã hội, ngoại giao. Thất bại nào cũng phải trả giá rất đắt, bao gồm, một là do những người cầm quyền bất tài, kém tổ chức lãnh đạo vì họ chỉ biết tham lam và tranh đoạt quyền bính. Hai là do những người như chúng ta thờ ơ với đại cuộc Giúp Dân Cứu Nước, và đứng ngoài guồng máy chính quyền để phó mặc cho dân nước chịu cảnh lâm than, đau thương, khổ sở và bất hạnh.

- Xây dựng thời đại tín liệu cho Việt Nam

Chúng ta học hỏi được gì về thất bại của nhà cầm quyền Việt Nam? Với vận tốc siêu âm siêu sáng của Thời Đại Tín

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Liệu, thế giới tiến nhanh, tiến xa và lia bỏ Việt Nam trên tiến trình văn minh phát triển các *thị xã kỹ thuật cao* với nhân tố *kiến thức* làm vốn sản xuất, sáng chế, dịch vụ.

Trong khi ngày nay Việt Nam còn lẩn mò dựng lại các *cột khối nhà máy* của thời Việt Nam Cộng Hòa ngày trước, hay của thời tiền kỹ nghệ châu Âu với cách khoảng 300 trăm năm về trước... Liệu rằng Việt Nam có thoát khỏi họa đào thải, diệt vong trên bước tiến hóa của nhân loại hay không?

Cứ mỗi lần con người tiến theo đợt sóng mới, thời đại mới thì các hình thức tổ chức từ gia đình cho tới những cơ cấu chính trị xã hội cũ đều bị hủy bỏ và thay đổi với hình thức mới, nội dung mới, nhu cầu mới, tổ chức mới. Thời đại mới sẽ tiến nhanh hơn thời đại trước, nên các tổ chức của thời đại trước còn tồn tại ở xã hội lạc hậu đều bị đào thải, bị diệt vong mà không quyền lực nào cưỡng lại được bước tiến hóa này.

Và trước họa diệt vong, thất bại của Việt Nam đang là một triệu chứng ung thư nội xâm mà mọi người chúng ta cần mổ xẻ để mong điều trị. Tất nhiên người ta cũng phải cắt bỏ một vài khối u khi giải phẫu bệnh nhân, không như những thập niên qua đã chỉ băng bó sơ sài để cho ngày nay vết thương Việt Nam đang mưng mủ và chờ chết, Mất Nước.

Mất theo nhóm đặc quyền với tập đoàn ký sinh trùng nội xâm là cả một đất nước, một dân tộc, một nền văn hóa và một lịch sử dòng giống Tiên Rồng ưu việt. Xin hỏi người thanh niên Việt Nam có chấp nhận ngòi chờ chết chẳng?

Đành rằng cuộc giải phẫu Việt Nam là cần kíp, nhưng Chính Quyền Mới cần chuẩn bị thay thế với lớp người biết tổ chức và lãnh đạo, biết điều hành và quản trị một hệ thống phục vụ cho Đồng Bào và Quê Hương. Những điều quan trọng và thiết yếu hôm nay là mọi người chúng ta cần bàn thảo học hỏi, cần huấn luyện cho nhau, cần giúp nhau hoạt động thẳng tiến

và chuẩn bị chu đáo với sứ mệnh Giúp Dân Cứu Nước và Cải Hóa Xã Hội Tiên Rồng.

- Khác biệt giáo huấn và di huấn

Trong xã hội con người thì những khoa học kỹ thuật ngành nghề truyền thụ cho nhau theo đường lối “giáo huấn” và mọi người đều hấp thụ nhanh chóng. Nhưng phân tinh anh, tức tổ chức và lãnh đạo, lại chỉ được hấp thụ theo truyền thống “di huấn,” “linh huấn” từ kinh nghiệm của các thế hệ tiền nhân trao lại.

Bởi thế dân tộc của các nước chậm tiến, không chỉ thua thiệt về khoa học kỹ thuật, mà họ bị thiếu truyền thống tổ chức và lãnh đạo. Truyền thống tổ chức và lãnh đạo chính là yếu tố quyết định thành bại trong cuộc xây dựng kiến thiết quốc gia, mà ít người trong chúng ta nhắc tới hoặc quan tâm.

Cũng bởi những nguyên do thất bại của Việt Nam nêu trên mà cuốn sách này ra đời để giúp chúng ta điều chỉnh, sắp xếp lại tổ chức và lãnh đạo, nhằm thực hiện việc nước hữu hiệu và thành công.

Ngoài ra, tôi cũng tìm tòi học hỏi và nghiên cứu việc tổ chức lãnh đạo trong thời gian qua, rút tĩa đúc kết từ những công tác thực tiễn trong sinh hoạt cộng đồng, nhiều đoàn thể đảng phái chính trị.

Đặc biệt với tổ chức Liên Minh Toàn Dân Việt Nam ở thập niên 1985 mà Chủ tịch Trần Văn Lắm và các cụ bô lão Diên Hồng II, mà các bạn trẻ đã cùng với tôi tích cực tham gia hoạt động để có kinh nghiệm tổ chức và lãnh đạo mà tô điểm cho kho tàng văn hóa chính trị dân tộc, giúp cho thế hệ lãnh đạo tiếp nối lãnh hội kiến thức mới nhằm xây dựng và kiến thiết một Việt Nam, thực sự tự do dân chủ, hạnh phúc phú cường và sống hòa bình thân ái trong cộng đồng nhân loại.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Đọc tới đây bạn cảm nhận như thế nào? Xin gửi lời cảm ơn bạn và mời bạn đọc tiếp nhé.

Tác giả **PHẠM VĂN BẢN**

Chấp bút tại Cố Đô Huế, Việt Nam năm 4888 Việt Lịch



越
VIỆT



寮
LẠC

Nhìn Trên Trông Đồng Ngọc Lũ

Với nhãn quan chính trị chúng ta thấy xuất hiện các thời đại:

- Gia đình từ 3 đến 1 triệu năm ở trong hang động
- Bộ lạc từ 1 triệu năm trước Công Nguyên đến 10 ngàn năm sau Công Nguyên
- Làng xã từ 10 ngàn năm trước CN đến 5 ngàn năm sau CN
- Nước từ 5 ngàn trước CN đến 2 ngàn năm sau CN
- Quốc gia từ 2 ngàn trước CN đến 200 năm nay
- Tiểu bang, liên bang, quốc tế từ 200 năm nay
- Liên thị, toàn cầu mới đây
- Liên Hành Tinh sắp tới

CHƯƠNG II



TÂM TÌNH BẠN ĐỌC

1. Người Thanh Niên Sài Gòn



Từ Sài Gòn, NNL đã đọc và viết hồi âm như sau:

a. Con người của thời đại

Con người đi trước thời đại. Đó là niềm khao khát của rất nhiều người. Tuy nhiên vẫn còn một số ít trong chúng ta đang lỗi nhịp với thời đại.

Bạn là ai trong số đó? Con người thay đổi thời đại, hay thời đại thay đổi con người? Giá trị con người có thể tạo nên giá trị thời đại? Hãy tìm đọc cuốn sách “Con Người Thời Đại” của tác giả Phạm Văn Bản để lựa chọn công thức giải đáp cho những vấn đề mang tính thời đại.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

b. Đôi nét về tác giả

Vincent Phạm, tức Phạm Văn Bản (01/02/1949). Sau khi tốt nghiệp Luật Khoa Sài Gòn năm 1970 thì ông bước vào cuộc đời binh nghiệp. Ông từng là nhân viên phiên dịch cho Lữ đoàn Cảnh sát Quân sự Hoa Kỳ 18 đóng quân ở Long Bình, Sài Gòn.

Sau đó được cử sang Hoa Kỳ để đào tạo và trở thành phi công phản lực. Sau khi tốt nghiệp tại Căn cứ không quân Sheppard, Texas ông trở về Việt Nam và tham gia chiến đấu với vai trò phi công tiêm kích thuộc Sư đoàn 4 Không quân VNCH.

Trong một lần tham chiến khốc liệt vào thời điểm những ngày cuối cùng của 4/1975, máy bay bị trúng tên lửa và ông bị bắt làm tù binh 7 năm. Sau khi ra tù, ông cùng gia đình vượt biên và định cư tại Hoa Kỳ.

Ông là một tấm gương vượt khó, vừa làm vừa học để trang bị cho mình vốn kiến thức rất đáng khâm phục: Bằng Cao đẳng Khoa học và Nghệ thuật trường Cao đẳng cộng đồng Everett, Thạc sĩ Chương trình quản lý và Dịch vụ con người tại trường Đại học Western Washington, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh về Quản lý tổ chức tại trường Đại học Phoenix...

Theo lời tâm tình của tác giả, trong suốt hơn 48 năm qua ông luôn trăn trở đi tìm công thức hữu hiệu cho dân tộc, cho quê hương. Cũng nhờ vào công thức này đã giúp ông trải nghiệm và thành công trong cuộc sống. Hiện ông đang làm nhân viên hỗ trợ kỹ thuật tại hãng hàng không hàng đầu thế giới Boeing.

Một số bài viết khác của tác giả các bạn có thể tham khảo thêm: Chính Thuyết Tiên Rồng, Những tác hại giáo dục của Việt Nam, Nghệ thuật dùng người, Nghiên cứu về nạn dịch

Covid 19, Lại ngàn năm Bắc thuộc và Sách lược giúp dân cứu nước ...

c. Nội dung cuốn sách

“Con Người Thời Đại” là tác phẩm nói về Tổ Chức Lãnh Đạo và Thời đại của nhân loại. Sách dày gần 500 trang khắc họa một không gian rộng lớn, thời gian lịch sử xuyên suốt. Tác giả sử dụng văn phong nhẹ nhàng, mạch lạc kèm nhiều thuật ngữ mới lạ như: “Tín liệu”, “Thông toàn”, “Liên thuộc tính”, “Cấu trúc Tiên Ròng” để thể hiện rõ nét con người và thời đại có mối quan hệ mật thiết với nhau.

Thời đại làm cho con người lớn lên và con người thích ứng linh hoạt làm chủ thời đại trong từng giai đoạn nhất định.

Với vốn sống phong phú, tác giả viết “Con Người Thời Đại” bằng sự đúc kết trải nghiệm của chính mình nên những triết lý khoa học, lịch sử không còn khô khan mà ngược lại dễ hiểu, dễ tiếp thu và dễ dàng thuyết phục người đọc.

Cốt lõi giá trị của cuốn sách là xây dựng hệ giá trị con người Việt Nam trong thời đại mới.

Tác giả mong muốn truyền tải thông điệp đến tổ chức, cá nhân cần phải mạnh dạn kết thúc tư duy cũ để khởi đầu thời đại mới, vận hội mới.

Sau khi đọc xong cuốn sách này, tin rằng các bạn sẽ bắt gặp với những gì tác giả đã mang lại.

Trước thềm năm mới, xin phép mượn lời “Bài Ca Chúc Tết” của Cụ Phan Bội Châu để cảm ơn tác giả cũng như thay ông gióng lên lời hiệu triệu:

*Thưa các cô, các cậu, lại các anh,
Đời đã mới, người càng nên đổi mới
Mở mắt thấy rõ ràng tân vận hội,*

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Xúm vai vào xóc vác cừu giang san.

(Phan Bội Châu)

NNL

Câu Chuyện Thời Đại:



Vận Tốc Thời Đại

Vận tốc của tiến trình văn minh nhân loại:

- Óc bò của mấy triệu năm trước
- Rùa bò của trăm ngàn năm trước
- Đi bộ của mấy chục ngàn năm trước
- Cỡi xe, chèo thuyền của mấy ngàn năm trước
- Lái xe hơi, xe lửa, tàu thủy của mấy trăm năm trước
- Bay phi cơ phản lực của mấy chục năm trước
- Bay phi thuyền không gian ngày nay



2. Người Thanh Niên Hà Nội

Một trong số giới thanh niên sinh sống ở Hà Nội và đi du học ngành Y Khoa ở Pháp, cháu có theo dõi và đọc những bài viết của Phạm Văn Bản. Cháu đã hồi âm với một lá thư tâm tình nguyên văn như sau:

Résidence Cézeaux, batiment 1, chambre 40
9 rue Roche Genès 63170 Aubière Cedex, France.
Tel: (33) 06 75 64 16 48

Kính gửi chú Phạm Văn Bản,

Cháu xin chuyển đến chú những ý kiến cá nhân của cháu về bài viết của chú cũng như nêu lên vài điểm thảo luận thêm.

Trong bối cảnh ngày nay, khi cả thế giới đều phải e dè trước tham vọng bành trướng của Trung Quốc, chúng ta không thể nào khoanh tay làm ngơ mặc tình cho bọn bá quyền phương Bắc dùng bọn tay sai bán nước CSVN làm công cụ thao túng, chi phối vận mệnh Việt Nam tiến tới từ từ nuốt chửng và sáp nhập đất ta vào bờ cõi bọn chúng.

Hiểu được rằng chiếm thì dễ nhưng giữ thì khó, bọn Hán tộc phải tìm cách đặt điều bịa chuyện hòng lừa toàn dân Việt

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

tin rằng người Việt có nguồn gốc từ người Hoa hoặc tệ hơn nữa thì quá trình một ngàn năm Bắc thuộc đã đồng hoá về mặt giống nòi nghĩa là người Việt ngày nay ai cũng có huyết thống chung với người Hoa, như vậy chống lại Hán tộc là chống lại tổ tiên mà truyền thống của Việt tộc thì luôn luôn nhớ về nguồn cội.

Bài viết «Trong nỗi bất an hãy tìm về sử Việt» của tác giả Nguyễn Khoa Thái Anh và bài viết «Cái học và cái không đáng học» của chú Bản đều là những công trình tâm huyết, có ý nghĩa, đầy giá trị và rất đáng trân trọng. Ở đây chúng ta chưa bàn đến tính chính xác đích thực như là thước đo giá trị cho những bài viết này mà phải ghi nhận mong ước cống hiến cho nước nhà. Chỉ riêng ở điểm này chú Bản thật xứng đáng được tất cả độc giả chứ không riêng gì cháu ghi nhận và ngợi khen.

Truyện Hồng Bàng là truyện cổ, thật sự ở Việt Nam ngày nay rất ít người biết và đã từng đọc qua nó vì không có tái bản lại. Nếu muốn tìm hiểu thì phải chịu khó lang thang vùi đầu vào các tiệm sách cũ.

Cháu có thể cung cấp vài địa chỉ tại Sài Gòn cho những người thật sự có đam mê tìm hiểu về lịch sử nước nhà để họ hiểu cặn kẽ thêm những bài viết tương tự như của chú (khu vực sách cũ đường Nguyễn Thái Sơn quận Gò Vấp, đường Trần Bình Trọng quận 05, đường Nguyễn Thị Minh Khai quận 03, đường Lí Chính Thắng quận 03).

Tuy nhiên khả năng tìm thấy truyện Hồng Bàng thì không chắc chắn lắm nhưng những tác phẩm cổ khác về nguồn gốc tộc Việt thì có thể tìm được như «Đại Việt sử kí toàn thư» của Lê Văn Hưu, «Việt điện u linh tập» của Lí Tế Xuyên, «Lĩnh Nam chích quái» của Trần Thế Pháp, «Đại Nam quốc sử diễn ca» của Lê Duy Cát... Ngoài ra không biết hiện tại trong các nhà sách như Xuân Thu, Nguyễn Huệ, Lê Lợi, Nguyễn Văn

Cừ, Minh Khai, Văn Nghệ... có còn bày bàn tác phẩm «Giai thoại dã sử Việt Nam» của Nguyễn Khắc Thuần hay không.

Đây là tác phẩm có trích dẫn rất nhiều những mẫu chuyện trong quyển «Công dư tiệp kí» của Vũ Phương Đề. Nhưng thật sự trong bối cảnh xã hội tât bật ngày nay, thật khó lòng mà tìm ra được những người tâm huyết đến độ đi tìm tòi, cốp nhặt lại từng trang viết xưa với hi vọng tìm về nguồn cội. Do vậy chú Bản nên nghĩ đến việc phổ biến bài viết của mình rộng rãi hơn nữa về Việt Nam.

Vì website Danchimviet luôn bị chú ý đặc biệt, bị tường lửa ngăn chặn tại Việt Nam nên những bài viết thuần túy về văn hoá lịch sử, hoặc ít dính dáng đến đề tài chính trị nhạy cảm thì cần phải được đăng tải nhiều để đồng bào ta có nhiều cơ hội tiếp xúc.

Thành thật mà nói, không riêng gì cháu là một thanh niên trẻ tuổi lòng còn đầy nhiệt huyết mong muốn ra sức cho nước nhà mà dân tộc ta chắc chẳng mấy ai lại đi ưa Hán tộc, kẻ thù không đội trời chung luôn rình rập dòm ngó chúng ta lại còn đô hộ, áp bức dân ta suốt một thời gian dài đằng đằng như vậy.

Chúng ta thật sự không biết đến hoà bình phần lớn là bởi bọn giặc ngoại xâm phương Bắc này. Nay chú Bản đã đưa ra được nhiều lập luận, bằng chứng hùng hồn để bác bỏ những giả thuyết bịa đặt, vu cáo, mơ hồ của các sử gia Trung Quốc ba trợn, và các sử gia Việt Nam lầm lẫn thời xa xưa cũng như hiện tại thì nên truyền đạt đến mọi người để chúng ta nhìn nhận rõ hơn nữa bản chất gian manh, thâm độc của Hán tộc và tự hào hơn nữa về tổ tiên Việt tộc.

Cá nhân cháu luôn ủng hộ hết mình những việc làm vì dân, vì nước. Trên mặt trận lịch sử văn hoá, bằng tất cả hiểu biết và khả năng của mình cháu quyết hỗ trợ chú Bản cũng như tất cả những ai đang dấn thân vì dân tộc. Đó là những suy nghĩ tự

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

đáy lòng cháu sau khi đọc bài viết của chú xin được tỏ bày cùng chú.

Còn sau đây là một số ý kiến đóng góp thêm của cháu có liên quan đến ý tưởng chủ đạo về nguồn gốc Việt tộc xuyên suốt trong bài chú đã viết. Với người Việt, những ai làm lợi cho dân tộc, những ai có thể vì dân tộc thì đều được trân trọng và ghi nhận.

Ví dụ tiêu biểu nhất là Lí Nam Đế, tổ tiên ông gốc là người Trung Quốc sang Việt Nam sinh sống đã bốn đời. Thế nhưng ông đã cùng anh mình là Lí Thiên Bảo chiêu mộ lực lượng, sử dụng những người tài đất Việt như Tinh Thiều và Triệu Túc (đứng đầu 2 ban văn võ) và Triệu Quang Phục (sau này là Triệu Việt Vương còn gọi là Dạ Trạch Vương) đứng lên đánh đuổi ngoại xâm giành lại độc lập cho nước nhà. Việc Lí Nam Đế đặt tên nước là Vạn Xuân được coi là một sự tái khẳng định chủ quyền dân tộc sau bao nhiêu năm bị đô hộ.

Thế nên ông vẫn được tôn thờ là anh hùng dân tộc. Cũng chính vì suy nghĩ có phần cao thượng và nhân văn này mà chúng ta thường bị thua thiệt trên mặt trận đối đầu với Hán tộc.

Chẳng hạn trong Bình Ngô đại cáo, Nguyễn Trãi đã viết - ...Từ Triệu, Đinh, Lí, Trần bao đời gây nền độc lập... là hoàn toàn không đúng.

Triệu Đà là kẻ đã cướp nước ta từ tay An Dương Vương Thục Phán sau đó đổi tên nước ta thành Nam Việt. Hẳn không phải là anh hùng của dân tộc Việt Nam, chúng ta không thể nào tôn thờ hắn được.

Có thể là Nguyễn Trãi muốn chọn cùng mốc thời gian cho các triều đại giữa hai nước, nhưng dù sao đi nữa ông cũng không thể để xảy ra sự lầm lẫn lớn như vậy. Ngoài ra việc ngoài tiếng nói ra, chúng ta không có chữ viết, phải dùng Hán

tự và chế độ khoa cử luôn dùng sách vở, điển tích của Trung Quốc do chúng không muốn chúng ta nhớ đến cội nguồn dân tộc mà chỉ biết đến danh nhân Trung Hoa mà thôi.

Từ bài thơ Thần của Lí Thường Kiệt, Bạch Đằng giang phú của Trương Hán Siêu, cho đến Truyện Kiều, Chính Phụ ngâm khúc, Cung oản ngâm khúc, có tác phẩm nào không viết bằng tiếng Hán hoặc dùng điển tích Trung Quốc đâu. Do vậy chúng ta sẽ dễ dàng mắc sai lầm trong việc xác định nguồn gốc của mình. Tệ hại hơn nữa, một số người lại luôn đưa ra lí lẽ các lễ lộc ở Việt Nam đều mang màu sắc Trung Quốc (chẳng hạn như độc giả Trần Công) để biện hộ cho lí lẽ ta bị Hán hoá từ đời nào rồi, đổ thừa lỗi cho tổ tiên mà không muốn nhận lấy trách nhiệm về mình.

Không sai, tết Nguyên đán, tết Đoan Ngọ, lễ cúng cô hồn... là của Trung Quốc thật nhưng có phải ta tổ chức lễ như họ đâu. Ngày tết Nguyên Đán ta ăn bánh chưng, bánh dày, dưa hấu... Sự tích bánh chưng, bánh dày do hoàng tử Lang Liêu tức Tiết Liêu vương được một nàng tiên chỉ cho làm đã chứng minh rằng chúng ta cúng tổ tiên ông bà như vậy là để chứng tỏ chúng ta nhớ về khởi thủy dựng nước bởi các vua Hùng chứ không phải bởi tên thái thú Tàu nào cả.

Nó cũng đồng thời chứng minh nhận định của chú Bản rằng chúng ta không bao giờ quên đi nguồn gốc Tiên Rồng cả nên vua Hùng là vua đất Việt sẽ được mẹ Tiên hết lòng che chở và giúp đỡ. Tết Đoan Ngọ chúng ta đâu có phải để tưởng nhớ lão nhà Nho Khuất Nguyên đã nhảy xuống sông Mịch La sau khi can ngăn vua Sở không được, đó không phải là việc của chúng ta và người Việt chúng ta không dư nước mắt để khóc lóc vô ích vậy đâu.

Hãy nhìn lễ Hội đền Hùng, lễ hội chùa Hương, lễ hội cầu Lim mà xem, đâu là màu sắc Trung Quốc. Không, không bao giờ có chuyện đó được, lễ hội dân gian Việt Nam là tiếng nói

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

của dân tộc Việt Nam, là kết tinh của một quá trình lao động và sáng tạo không ngừng nghỉ của người Việt Nam.

Trong quá trình phát triển, có thể vì hoàn cảnh bắt buộc, có thể vì học tập cái hay cái lạ nên chúng ta sẽ có thể vay mượn đôi nét văn hoá Trung Quốc nhưng chúng ta là chúng ta, chúng ta có cái riêng của chúng ta không cần phải bắt chước hay vay mượn của ai cả. Đó là sự kiêu hãnh mà mỗi người Việt Nam chúng ta cần có và phải có.

Truyện cổ tích Chử Đổng Tử và Tiên Dung còn có tên khác là Sự tích Đầm Nhất Dạ và Bãi Tự Nhiên chính là khát vọng bình đẳng giữa mọi tầng lớp trong xã hội Việt Nam, việc một anh đánh cá nghèo khổ không có nổi manh khô mà được nàng công chúa cao quý yêu thương thật là đẹp và thâm thúy biết bao.

Tư tưởng hoà đồng tương ái này hoàn toàn xa lạ với tư tưởng « Thống trị và bị trị » ở Trung Quốc lúc bấy giờ thì làm sao người Việt lại là người Hán được? Sự tích Trầu Cau nói lên sự thủy chung, tình nghĩa vợ chồng, tình cảm anh em luôn khắng khích không gì có thể chia lìa.

Sự tích ông đầu rau là một bài ca đẹp về nghĩa vợ tình chồng và đạo nghĩa sống trên đời, một thứ tình cảm rất đậm đà, rất Việt Nam không đáng cho chúng ta hãnh diện hay sao? Hãy thử đọc lại những câu ca dao, những câu nói trích trong truyện cổ dân gian mà xem, coi thử tinh thần người Việt là như thế nào:

- Nợ tình chưa trả cho ai

Khối tình mang xuống tuyền đài chưa tan

- Xung quanh những chị em người

Giữa hòn non nước mình tôi với chàng

Một ngàn năm Bắc thuộc, một sợi dây liên hệ với Hán tộc là chuyện hiển nhiên, nhưng không có nghĩa rằng chúng ta là họ hoặc tệ hơn nữa Việt tộc là bản sao của Hán tộc. Một dân tộc nhỏ bé có thể vững vàng tồn tại bên cạnh một anh bạn láng giềng đồ sộ, hung hăng, hiếu chiến, đầy mưu ma chước quỷ thì dân tộc đó phải có một xuất phát điểm tuyệt vời như thế nào.

Trong Đại Nam quốc sử diễn ca, Lê Duy Cát đã tái hiện lại cảnh tượng hào hùng của nước ta dưới thời hai vị nữ vương tài ba là bà Trưng:

- Biên thù đóng cõi Mê Linh

Lĩnh Nam riêng một triều đình nước ta

và bà Triệu:

- Vú dài ba thước vắt lưng

Cưỡi voi, gióng trống trong rừng kéo ra

Cũng toan gánh vác sơn hà

Cho Ngô biết mặt đàn bà nước Nam

Đây là một câu trả lời đích đáng cho tư tưởng thiên triều của bọn phương Bắc và là bản anh hùng ca của dân tộc chúng ta.

Ngày nay, chúng ta đã có những phương tiện tân tiến hơn trước rất nhiều thì việc tìm hiểu, tra cứu, sưu tầm và bổ sung hẳn sẽ không còn đầy trắc trở như trước. Rất mong những sử gia Việt Nam và những Việt có tâm huyết hãy tiếp tục con đường vinh quang này.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Cũng mong mỗi thay những sử gia nước ngoài có tinh thần trung thực hãy giúp đỡ Việt Nam thêm. Việc chúng ta làm hôm nay không phải chỉ vì người xưa, vì thế hệ mai sau mà còn vì chính bản thân chúng ta. Hãy tiến lên và tiến lên mãi mãi!!!

Lời kết là lời đáp lại hùng hồn nhất cho bài viết của chú Phạm Văn Bản.

Kính bút

DBTT

Ghi Chú (*) Bài Cái Học Và Cái Không Đáng Học được đổi tên là Chính Thuyết Tiên Rồng trong www.dangtienrong.org



3. Người Thanh Niên Sài Gòn

Lá thư thứ 3 do một người thanh niên đang sinh sống ở Sài Gòn, từng vào tù ra khám vì tội danh "Chính Trị Hiện Hành" của chính quyền Việt Nam hiện nay. Em đã đọc những bài viết của Phạm Văn Bản đăng trên diễn đàn Không Quân Việt Nam Cộng Hòa, Cánh Thép:

<http://www.canhthep.com>

Và Em đã viết thư hồi âm cho Phạm Văn Bản với nguyên văn như sau:

Kính gửi bác Phạm Văn Bản,

Bữa nay công việc tương đối rỗi, em lại nhớ đến bác. Công việc của bác hiện nay như thế nào, có thuận lợi chăng.

Em xin có đôi dòng kính chúc bác cùng quý quyền mạnh khỏe và bằng an. Hằng ngày em vẫn vượt tường lửa, lên Cánh Thép xem các bài viết bác dán ở đây. Sống hơn nửa đời người như em, thật là may mắn, đến nay mới gặp được một bậc đàn anh đáng kính như bác Bản.

Bác ở ngoài rộng tầm nhìn hơn, thử xem có diễn đàn nào có uy tín, bác chỉ cho em tham gia với. Bữa nào thông thả, bác ghé qua diễn đàn Đàn chim Việt xem thử thế nào. Em thấy ở

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

đây có nhiều luồng suy nghĩ, tương đối thuận lợi cho việc thăm dò hoặc trao đổi ý kiến.

(www.danchimviet.com)

Đến hôm nay, tình thân chúng ta đã có, em xin mạo muội hỏi bác tý việc. Trong diễn đàn Hoa Tiên Rồng ngày trước, em không hiểu bác giữ vai trò gì ở đây. Nếu diễn đàn Hoa Tiên Rồng là của bác, hoặc bác là người chủ xưởng – thì em xin ủng hộ hai tay.

<http://www.dangtienrong.org>

Thưa bác Bản, cho em hỏi thêm một việc. Em rất quan tâm đến biểu tượng bác đang sử dụng trên Diễn đàn Cánh Thép, có 3 chi tiết em không hiểu, mong bác giải thích giúp:

1/ Hình như đây là biểu tượng của tập thể Tự do Dân chủ – theo như tên mà bác đặt cho biểu tượng (TDDC).

2/ Hình màu cam đỏ có phải là hình mặt trời phải không bác Bản, song nếu là hình mặt trời thì tại sao có tới 14 cánh; đồng thời hình các tia mặt trời lại không thẳng và cong theo chiều kim đồng hồ.

Nhìn tổng quát biểu tượng của bác, em liên tưởng đến hình mặt trời trên vật linh (Hùng linh, trống đồng) thuộc nền văn hóa Đông Sơn của dân tộc ta. Trống đồng loại I Héger là loại hình cổ nhất và đẹp nhất, vật linh Ngọc Lũ thuộc loại I Héger. Mặt trời giữa mặt trống có 14 cánh.

Còn mặt trời ở loại II Héger thường có 8 cánh nhỏ, ở loại III Héger thì có 12 hoặc 8 cánh, mặt trời ở loại IV Héger thì 12 cánh. Toàn bộ đường nét các tia (cánh) mặt trời trên vật linh/trống đồng đều thẳng.

3/ Hình bản đồ Việt Nam màu vàng, tại sao không có một số chấm tượng trưng cho các đảo – mà quan trọng nhất là Hoàng Sa và Trường Sa.

Em hiểu rằng, nguyện vọng tối hậu của dân ta là sau khi xây dựng chế độ dân chủ pháp trị, việc song hành và tiếp theo phải là khẳng định chủ quyền lãnh thổ quốc gia.

Vài suy nghĩ của em đại loại là vậy, mạo muội trình bày, chẳng dám trúng đòi khôn hơn vịt cùng bác Bản.

Thường ngày gửi điện thư tới bác, em muốn tâm sự rất nhiều điều, song vì hoàn cảnh quê nhà quá khôn khó – không tiện trò chuyện lâu. Nhiều khi lòng em cũng áy náy trước kiểu viết có vẻ vô lễ này, song em tin là bác Bản hiểu cho.

Trọng kính bác Phạm Văn Bản

HVL

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Câu Chuyện Thời Đại:



Cái áo đầu tiên của con người là kết lá hoặc đan vỏ cây để che một phần thân thể với mục đích bảo vệ con người chống lại côn trùng, thời tiết hay nhiệt độ gây nguy hại đến cơ thể.

Cái áo đợt hai con người xé nhỏ vỏ cây, đặc biệt là vỏ cây gai rồi xe thành sợi và đan thành áo gai.

Thời chiến quốc cách nay hai ngàn năm, con người dùng mây là loại giây leo miền nhiệt đới, đường kính khoảng 5 ly đan lại thành áo giúp cho chiến sĩ mặc nhằm chống lại cung tên, gươm giáo của địch quân.

Vào thời đại nông nghiệp, ngoài việc dệt vải bằng bông hoa con người đã biết nuôi tằm, rồi dùng tơ tằm dệt thành áo vải hay còn gọi là lụa, nếu lụa thô xấu thì gọi là soạn.

Ngày nay cái áo của chúng ta, ngoài mục đích bảo vệ thân thể còn có nhiều mục đích khác như nghệ thuật, mỹ thuật cho việc may mặc của con người có những việc làm chuyên môn.

Con người của những nước văn minh tiên tiến có hàng trăm loại áo và đòi hỏi hàng trăm loại sợi, vải, chỉ may và màu sắc như áo lót, áo tắm, áo ngủ, áo len, áo lạnh, áo dài, áo cưới...

CHƯƠNG III



CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

(HUMAN AGE)

1. Thời Đại Con Người

Khảo cổ học và nhân chủng học ngày nay đã căn cứ vào những bộ xương mà phân loại giống người của những đợt sóng văn minh từ những Thời Đại Săn Hái, Nông Nghiệp, Kỹ Nghệ tiến đến Thời Đại Tín Liệu. Họ đối chiếu với những loại vũ khí, dụng cụ sản xuất hay nhu cầu tiêu dùng của con người đang sống trong thời đại đó, mà đặt tên.

Khác biệt với thế kỷ 19 vừa qua, khoa học chỉ căn cứ vào phương tiện sản xuất và vũ khí cá nhân của người xưa, mà phân loại và đặt tên cho Thời Đại như Đồ Đất, Đồ Đá, Đồ Đồng, Đồ Sắt... Họ lý luận rằng kinh tế là yếu tố quan trọng của tiến trình văn minh nhân loại, bởi vì ảnh hưởng của vật chất, như năng lượng hay kỹ thuật sản xuất, là yếu tố tiến hóa và thúc đẩy xã hội con người phát triển.

Những kỹ thuật Đồ Đất, Đồ Đá, Đồ Đồng, Đồ Sắt đã làm phát triển kinh tế, cải tiến xã hội, tạo giúp cho con người có phương tiện sống chung. Đời sống hàng ngày hội nhập từ gia đình, gia tộc, sắc tộc, dân tộc dẫn tới những việc thành lập cộng đồng xã hội rộng lớn hơn như quốc gia, quốc tế.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Xã hội rộng lớn lại đòi hỏi con người phải ra sức sáng tạo, canh tân cải tiến, đáp ứng nhu cầu về mọi phương diện của đời sống con người, đặc biệt đời sống chính trị gồm có tổ chức và lãnh đạo. Thí dụ: “Chính trị là đạo cả -- Khổng Tử,” “Chính trị là khoa học tổng thể -- Aristote,” vì rằng chính trị quyết định môi trường sống mà mỗi người sẽ phải tổ chức cuộc sống riêng của mình trong đó.

Nhưng sự đặt tên Thời Đại Đồ Đất, Đồ Đá, Đồ Đồng, Đồ Sắt... lại chỉ mang khái niệm đơn thuần về vật chất. Đang khi phân tinh thần, siêu linh, tinh anh, vô hình lại không được đề cập tới trong từng thời đại.

Bởi thế mỗi khi nhắc tới Thời Đại Đồ Đất, Đồ Đá, Đồ Đồng, Đồ Sắt thì chúng ta khó mà phân biệt được khả năng của con người sống trong thời đại ấy là như thế nào. Đặc biệt khả năng Tổ Chức Lãnh Đạo, là điều kiện cốt cán trong việc xây dựng và phát triển Thời Đại Văn Minh Nhân Loại trên hành tinh trái đất này.

2. Nguồn Gốc Con Người

Và các nhà khoa học đồng ý rằng, loài người xuất hiện trên trái đất vào khoảng 15 triệu năm, nhưng 5 triệu năm sau mới ghi nhận có Giống Người Tiên Sử mang tên *Australopithecus* (vượn người). 3 triệu năm tiếp theo giống người tiền sử này lại biến mất, rồi thời gian sau đó khoa học lại phát hiện Giống Người Khéo Léo *Homo Habilis* biết chế tạo công cụ để đập hạt, cắt thịt.

Tiếp đến là Giống Người Đứng Thẳng *Homo Erectus*, có thể giống người đứng thẳng này là tổ tiên gần gũi nhân loại thời nay. Giống người *Homo Erectus* biết kiểm soát lửa, phát triển tiếng nói, cư trú hang động vào thời kỳ hoang sơ ấy.

Giống người đứng thẳng *Homo Erectus* đã bắt nguồn từ châu Phi (có thể cả Đông Nam Á) và lan tỏa xa tới Anh,

Gruzia, Ấn Độ, Sri Lanka, Trung Quốc và Java. Một số đại diện như: Homo Heidelbergensis, Người vượn Java, Người vượn Bắc Kinh... Loài này hiện nay đã tuyệt chủng.

500 ngàn năm gần đây, Giống Người Thông Minh Homo Sapiens, có bộ óc lớn hơn và họ đã biết mài bén một bên lưỡi đá dùng làm vũ khí, dao chặt cây, cạo râu hay thái thịt. Con người đã phải tiến hóa trong bao triệu năm mới tiến bộ, khám phá và sử dụng đồ đá.

Thời ấy, dù chỉ có vài cục đá, gậy đá, dao đá nhưng người ta đã đánh bắt được nhiều con thú khổng lồ, có tiệc rượu thịnh soạn và mời trai thanh gái lịch trong xóm làng tới tham dự.

Ở thời kỳ này, con người mới chỉ biết mài đá một bên, nếu họ mài hai bên lưỡi đá thì có nhiều hữu dụng hơn. Theo giòng thời gian, con người biết dùng vỏ cây làm áo quần che thân, tìm hang động làm nơi trú ẩn, đánh bẫy và bắt thú vật để làm thức ăn.

40 ngàn năm thì nền văn minh nhân loại khởi đầu với Giống Người Thông Minh Hơn Homo Sapiens Sapiens, thuộc chi nhánh của Homo Sapiens, xuất hiện cùng một lúc một thời ở khắp các Châu Á, Châu Âu, Châu Phi, Châu Mỹ.

Con người ghi lại nhiều hình ảnh tranh vẽ điêu khắc trên những vách đá trong hang động, biết liên lạc với nhau bằng tiếng nói, chữa bệnh cho nhau bằng cỏ cây, giúp nhau phát triển đời sống như làm đồ gốm, làm trống đồng, xây nhà dựng làng, trao đổi buôn bán bằng vật dụng dọc theo các trục giao thông đường bộ cũng như đường biển, mà họ còn gọi là Con Đường Tơ Lụa.

Cách đây 24 ngàn năm, đỉnh cao của thời kỳ băng hà, nước Anh băng dày 1/2 dặm, âm 20 0C. Giống người thông minh hơn Homo Sapiens Sapiens ở Châu Âu phải trốn vào sống trong những cái hang.

CƠN NGƯỜI THỜI ĐẠI

Họ còn để lại các bức tranh vẽ trên hang động ở Lascaux, niên đại khoảng 16 ngàn tuổi. Khoảng 100 thế hệ của con người này đã kiên nhẫn sống trong hang cho đến khi địa cầu bắt đầu tăng nhiệt độ và nắng ấm lên trở lại.

Vì Châu Âu ít có ánh nắng mặt trời hơn Châu Phi. Và vì thiếu ánh nắng nên cũng làm cho con người bị thiếu Vitamin D. Từ đây nhà khoa học đã khám phá ra và tìm thấy số bộ xương của người Châu Âu thường bị còi xương.

Những ngôi đền thời đồ đá mới ngoạn mục tại Gobekli Tepe ở miền đông nam Thổ Nhĩ Kỳ có niên đại 10 ngàn năm. Đền Gobekli Tepe là một dạng chôn cất thi hài trên bầu trời. Nơi đây còn có khu định cư của thợ săn thú bầy đàn, và cho chúng ta thấy thời đó con người đã biết xây dựng và phát triển Thời Đại Nông Nghiệp (Agriculture Age).

3. Phát Triển Con Người

Ba triệu năm trước, bộ óc em bé sơ sinh đo được khoảng 350 phân khối, người lớn tăng gấp đôi là 700 phân khối, và như thế bộ óc con người phát triển 100%. Ngày nay bộ óc trẻ em bằng 25% người lớn, và bộ óc của em bé phát triển 300% theo thể tích, từ lúc mới sinh ra cho tới ngày trưởng thành.

Bộ óc người lớn thời nay cũng tăng gấp đôi so với con người của thời đồ đá, đồ đồng, đồ sắt. Thể tích trung bình của bộ óc con người có khoảng 1400 phân khối với thời gian phát triển từ sơ sinh tới lúc khôn lớn.

Hoàn cảnh và điều kiện sinh hoạt cũng ảnh hưởng trong việc tăng trưởng hệ thống thần kinh của con người. Nếu thời thơ ấu của em bé thiếu dinh dưỡng, sống trong một gia đình nghèo khổ, và trong một xã hội độc tài, lạc hậu, chậm tiến thì bộ óc của em bé ấy không thể phát triển bằng những người bình thường của xã hội tự do dân chủ, giàu có tân tiến.

Đây cũng là một nỗi bất hạnh cho những dân tộc nghèo khổ sống trong quốc gia độc tài đảng trị chậm tiến, trong chính quyền tham nhũng đặc quyền đặc lợi, trong xã hội áp bức bất công chẳng khác gì những thổ dân mà chúng ta thường thấy ở nước Tây Phương. Vì con người thiếu thốn dinh dưỡng, thiếu thốn giáo dục, thiếu thốn tình thương, thiếu óc sáng tạo mà chỉ tài lanh, ma le, bắt chước... là nỗi hổ thẹn, quốc nhục cho dân nước.

Nếu chúng ta đem so sánh bộ óc của loài khỉ Chimpanzee, là một giống khỉ thông minh nhất, nhưng thể tích bộ óc khi mới sinh chỉ đạt 65% khi mẹ, có nghĩa rằng bộ óc khi mới chỉ phát triển được một phần ba, từ lúc sinh ra cho tới khi trưởng thành.

Đang khi sức tăng trưởng về bộ óc của con người, thì sức nặng cũng tăng gấp đôi, chiều cao tăng khoảng 30%, và tuổi thọ cũng tăng hơn nhiều lần. Sự khắc phục thiên nhiên đã làm cho con người ngày một linh động hơn bất cứ các động vật nào khác, từ đó con người phát triển được nhiều khả năng, tính khí nảy sinh, sáng tạo nhiều phương tiện phục vụ đời sống con người và cộng đồng xã hội.

4. Đặc Tính Loài Người

Loài người có khả năng đem suy tư vào trí nhớ, vào tiềm thức, vào sinh hoạt đời sống, bởi thế đã đặt ra được những chương trình phát triển, kế hoạch sáng tạo, biến cải thiên nhiên, truyền đạt kinh nghiệm, hệ thống tổ chức, liên lạc xã hội cho thế hệ con người tiếp nối. Với tinh thần cầu tiến con người vận động tâm trí sáng tạo, phát minh dụng cụ, khoa học cải tiến và tạo ra nhiều phương tiện sản xuất.

Qua mỗi thời đại cải tiến cuộc sống, gia tăng nhân số, thu hẹp đất đai thì con người phải biến cải các cơ cấu tổ chức từ chính trị, kinh tế, xã hội, quân sự... Đến nay loài người đã trải

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

qua nhiều cuộc cải hóa và thay đổi toàn diện để có cuộc sống mới, đáp ứng nhu cầu tổ chức và lãnh đạo chính trị tân tiến nhằm ổn định trong việc điều hòa, an ninh, thịnh vượng xã hội.

350 ngàn năm, nhân loại đã biết thực hiện những chương trình kế hoạch như săn thú, giữ lửa, dệt vải, sắp xếp nghi thức chôn người chết. Những chứng tích của tôn giáo đã ghi lại các biến cố quan trọng, và nghệ thuật sống của con người có từ 30 đến 40 ngàn năm nay trong việc xử dụng ngôn ngữ, luân lý, luật lệ xã hội của các nhóm người xuất hiện trong cùng thời đại.

10 ngàn năm, nhân loại có những sự thay đổi quan trọng hơn, con người chuyển sự phát triển văn minh từ vận tốc ốc bò của Thời Đại Săn Hái trong bao triệu năm, để bước vào thời đại mới với vận tốc rùa bò của Làng Xã trong Thời Đại Nông Nghiệp.

Theo sự nhận diện về con người và cộng đồng xã hội, Tô Tiên trong Chánh Thuyết Tiên Rồng nhận định rằng, Con Người là một hiệp thể tự tại và bất khả phân, bao gồm bốn sức sống thân lực, trí năng, tâm tình, và tuệ linh – Thân lực thực tại, Trí năng tinh biến, Tâm tình thông hiến, Tuệ linh vĩnh hiệp.

Và theo giòng thời gian, để kiếm sống thì con người đã phát triển phần thân lực. Khi con người biết sống chung, thành lập gia đình ngay từ thời đại săn hái họ phát triển phần tâm linh.

Tới khi thành lập làng nước nông nghiệp, con người lại phát triển thêm phần trí năng. Khi tiến sang thời đại quốc gia kỹ nghệ, tín liệu thì con người chú trọng đến phần giáo dục và phát triển kiến thức để mong đạt mức độ thông toàn.

5. Mô hình Loài Người

Do phát hiện các tiềm năng con người, các nhà khoa học giáo dục khảo sát, nghiên cứu, phát triển đời sống giúp cho tương lai hệ thống giáo dục có thể thực hiện việc phát triển con người toàn diện, thông toàn. Ngày nay nhờ khoa học kỹ thuật chúng ta có thể đo lường được tám đặc tính con người:

1. Sức mạnh bắp thịt/ hay cơ năng Physical)
2. Trí tính toán, được gọi là chỉ số thông minh IQ (Intelligence Quotient)
3. Bản tính (Intrapersonal)
4. Cảm xúc (Kinesthetic)
5. Mỹ thuật tính (Aesthetic)
6. Liên thuộc tính (Interpersonal)
7. Không gian tính (Spatial)
8. Sáng tạo tính (Creative)

Do đó sức mạnh lực sĩ và trí tính toán được đo bằng những cách phổ thông. Các đặc tính khôn ngoan của con người cũng được khám phá, và còn nhiều khả năng tiềm ẩn khác nữa là điều mà các nhà khoa học đang tìm kiếm đo lường tiếp tục trong tương lai.

6. Tiến Bộ Loài Người

Loài người tiến bộ từng giờ từng phút, không tiến ắt lùi. Tổ Tiên thường nói, cái học như đi thuyền trên dòng nước ngược, không tiến ắt lùi, do đó chúng ta luôn cần học hỏi cho dù phải sống ở bất cứ hoàn cảnh và điều kiện nào.

Trên mặt hành tinh địa cầu này đã trải qua bao lần tiến hóa, mọi sinh vật hay động vật nào không chịu tiến hóa ắt bị diệt vong. Những con khủng long của thời tiền sử vì không muốn

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

biến thành cá sấu/ hay đại bàng mà chúng bị tiêu diệt, bị tuyệt chủng là vậy.

Dân tộc nào lạc hậu chậm tiến, không theo kịp trào lưu tiến hóa chung của cộng đồng nhân loại, rồi lại rơi vào hoàn cảnh dân đói nước nghèo, dốt nát nhu nhược. Chính quyền thì hèn với giặc ác với dân, xã hội vô kỷ cương đạo lý, trở thành ác thú đầu tranh, cá lớn nuốt cá bé, cò đất dân oan... thì không lấy gì bảo đảm để dân tộc ấy tồn tại trên quả đất này trong tương lai gần.

Bất cứ thời đại nào, con người cũng phải đem hết sức lực, trí lực, tâm lực, tuệ lực của mình để mà thực hiện và chu toàn chương trình dự tính sống chung. Thời nào, người thành công cũng được xem là người xuất chúng của thời ấy.

Lấy trình độ thời nay để nhìn về lịch sử mấy trăm năm thời trước, thì chúng ta thấy con người thời ấy đã đơn sơ yếu kém, nhưng thật ra họ đã phải cố gắng làm hết sức, hết tâm, hết trí, hết lực để trở thành bậc kiệt xuất của thời đó.

Họ là những người thành công.

Cấu trúc xã hội thay đổi cho nên giá trị cuộc sống của mỗi thời đại cũng thay đổi và khác biệt. Đức tính giết người ăn thịt của thời đại săn hái, lại trở thành tội ác của thời đại nông nghiệp, kỹ nghệ hay tín liệu.

Đức tính cưới nhiều vợ để sinh sản con cái đông đúc, có nhiều nội trợ để giúp việc trong nhà, và nhiều thương hiệu nhằm đáp ứng nhu cầu nhân công trong thời đại nông nghiệp. Chế độ đa thê lại trở thành lập dị, lạc hậu, phản cảm, phản khoa học ở vai trò người lãnh đạo chính trị hay đại diện cho cả một dân tộc như Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ trong thời đại kỹ nghệ/ hay tín liệu ngày nay.

Ví dụ những ai cưới nhiều vợ thời nay thường bị người đời chê trách, xem thường vì nhân cách bị khiếm khuyết và thiếu đạo đức. Vì rằng con người phải sống chung thủy, một vợ một chồng như Thánh Kinh đã dạy, hay thuận vợ thuận chồng tát bể đông cũng cạn, và điều này nói lên đức tính tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ.

Tổ chức triều đình hàng dọc, trên bảo dưới nghe, trung thành với lãnh tụ, và chấp hành huấn lệnh của thời đại nông nghiệp. Nhưng nó lại trở thành độc tài, độc tôn, độc đoán và lỗi thời với chính quyền dân chủ của thời đại kỹ nghệ/ hay tin liệ.

Bởi thế nhu cầu lãnh đạo chính trị của loài người và điều kiện sống đã tạo ra một bảng giá trị thời đại, và mọi người phải chấp nhận với tiêu chí đó, không có miễn trừ.

7. Xã Hội Phát Triển

Bộ mặt thế giới đang thay đổi theo sự phát triển của dân số, khoa học kỹ thuật, phương tiện vận chuyển của vận tốc thời đại. Phương tiện di chuyển theo vận tốc cũng đồng nghĩa với sự thu ngắn, thu bé, thu hẹp, thu nhỏ quả địa cầu này về mọi phương diện tổ chức, lãnh đạo, điều hành, quản trị.

Nhân loại đã thay đổi theo vận tốc từ đi bộ, cỡi ngựa, chèo thuyền cho tới tốc độ nhanh hơn của xe lừa, xe hơi, tàu thủy, phi cơ, phi thuyền, rồi từ máy bay cánh quạt tới phản lực, vệ tinh, trạm không gian. Vì vậy vận tốc thời đại đã làm thay đổi bộ mặt của đời sống con người và xã hội.

Chiến tranh xâm lăng xưa nay cũng tùy thuộc vào phương tiện di chuyển. Với tốc độ rùa bò của đôi bàn chân, chiến tranh chỉ xảy ra trong vùng bộ lạc với địa bàn nhỏ hẹp.

Nhưng khi con người biết làm ra thuyền gỗ, biết nuôi ngựa nuôi voi thì tốc độ thỏ chạy tiến nhanh hơn. Chiến tranh mở

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

rộng tới cấp quốc gia, đi xâm lăng và chinh phục các nước lân bang, thành lập đế quốc và mở rộng thị trường buôn bán hay khai thác hoặc chiếm hữu tài nguyên thiên nhiên.

Khi người Mông Cổ nuôi được giống ngựa quý, chạy nhanh chạy xa hơn các giống khác của những quốc gia đương thời, thì Thành Cát Tư Hãn điều binh khiển tướng đi gây chiến tranh khắp vùng lãnh thổ Châu Á tới Châu Âu. Đó là thời xả thân chiến trường và da ngựa bọc thây (mã cách khỏa thi).

Khi người Châu Âu biết chế tạo tàu sắt, thì đã mang quân đi xâm lăng các nước Tây phương và tiến chiếm gần hết thế giới. Do đó vận tốc thời đại càng nhanh thì chiến tranh càng mạnh và tàn sát càng nhiều.

Trong những thập niên tới nếu phương tiện di chuyển thông dụng đạt tới 25.000 cây số/ giờ, thì sự liên lạc qua hệ thống điện lưới toàn cầu, điện toán cá nhân chắc chắn sẽ đưa nhân loại tiến đến một thể chế chính trị dân chủ hoàn mỹ, gọi là Tân Dân Chủ (New Democracy).

Luật lệ bang giao quốc tế, vai trò của Liên Hiệp Quốc từ đó cũng phải thay đổi để mở rộng ra trong nhiều lãnh vực khác nữa. Liên Hiệp Quốc sẽ cùng với sự hợp tác cải tiến và các tổ chức quốc gia quốc tế mới được thành lập, để thay thế cho những cơ quan tổ chức đang có hiện nay.

Thời đại mới đáp ứng tình hình biến chuyển của xã hội mới mang nhân bản tính Con Người, của Đồng Bào mang tinh thần Một Bọc Trăm Con. Xã Hội Tiên Rồng ưu việt được ghi nhận trong Chính Thuyết Tiên Rồng của Dân Tộc Việt Nam, một tuyệt tác chính trị của Tổ Tiên, mà tôi may mắn được học hỏi về tổ chức và lãnh đạo nhằm đúc kết trong tập sách này.

7. Tiến trình văn minh nhân loại

Tiến trình văn minh nhân loại được khởi sự từ Thời Đại Săn Hái hay Thời Đại Tiền Sử (Prehistory Age) và trải qua các chế độ chính trị bộ lạc phát triển và tiến hóa hàng chục triệu năm. Với hai chế độ mẫu hệ hay phụ hệ đã nắm giữ vai trò lãnh đạo và điều hành hệ thống chính trị bộ lạc được ổn định điều hòa và giúp cho nhân loại tiến hành tới bước phát triển và xây dựng Thời Đại Nông Nghiệp (Agricultural Age).

8. Thời Đại Bộ Lạc

Trong thời kỳ này, các bộ lạc được chia ra hai loại: du mục và nông nghiệp. Từ khuynh hướng này con người phát minh ra hai cách cai trị: chế độ mẫu hệ, và chế độ phụ hệ.

a. Chế Độ Mẫu Hệ

Các bộ lạc chủ yếu về nông nghiệp thì tổ chức công việc cai trị theo chế độ mẫu hệ. Người đứng đầu bộ lạc, trưởng tộc/ hay trưởng bộ lạc là nữ giới.

Người phụ nữ đã giữ vai trò lãnh đạo chính trị đang khi nam giới chỉ phụ thuộc. Theo chế độ mẫu hệ, người phụ nữ đứng đầu bộ tộc, từ gia đình ra ngoài xã hội, như Trưng Vương, Triệu Vương...

b. Chế Độ Phụ Hệ

Các bộ lạc du mục thì nay đây mai đó, không có chỗ ở nhất định và họ tìm đến vùng sữa mật để sinh sống. Khi vùng đất ấy trở nên khô cằn thì họ lại đi tìm vùng màu mỡ khác.

Vì đời sống du mục thường gặp nhiều chướng ngại trên đường di chuyển như thú dữ, bộ lạc hiếu chiến khác... nên nhu cầu lãnh đạo phải là người có đủ sức mạnh đối phó, và nam giới được chọn làm trưởng tộc/ trưởng bộ lạc, từ đó chế

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

độ phụ hệ ra đời. Ví dụ: Thành Cát Tư Hãn, Tô Phụ Abraham, Vua David.

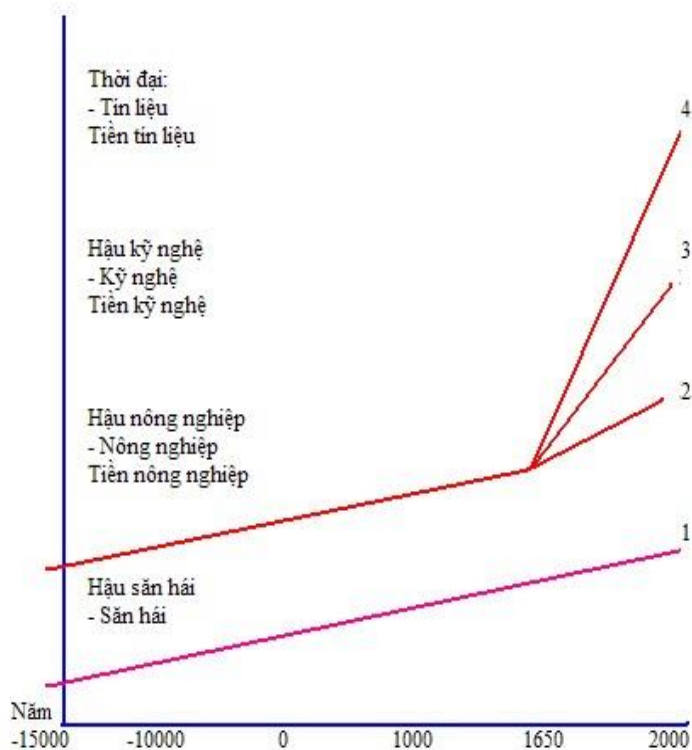
Với hai chế độ mẫu hệ và phụ hệ, thì chế độ phụ hệ có phần trội vượt hơn, lấn lướt hơn, vì quen sống chiến đấu để tranh giành, xâm chiếm đất đai. Khi các bộ lạc du mục đến tranh đoạt, dân theo mẫu hệ thường yếu thế hơn, vì không quen chiến tranh, không thích cảnh chém giết nên họ phải bỏ vùng định cư mà di tản đi nơi khác.

Nhưng rồi đất đai cũng có giới hạn mà lòng người thì tham vô đáy, vì thế có nhiều bộ lạc bị diệt vong hoặc đồng hóa. Thiếu số bộ lạc sống sót, vì nhu cầu sinh tồn nên họ phải liên kết lại mà thành lập ra quốc gia.

Những bộ lạc du mục cũng thế, vì nhu cầu sát nhập của các bộ lạc để đấu tranh với những bộ lạc hùng mạnh khác, cộng thêm tình trạng dân số gia tăng, đất đai có chủ và cần tổ chức xã hội qui mô để bảo vệ, để canh phòng cương vực sở hữu. Hình thức tổ chức nhiều sắc dân trên vùng lãnh thổ rộng lớn. Quyền hành nằm trong tay một người với một số thuộc hạ, hoặc họ hàng thân thích để hướng dẫn đời sống dân trong lãnh thổ nhằm phát triển trong trật tự và điều hòa.

Lối cai trị với vùng lãnh thổ lớn đó gọi là quốc gia, người lãnh đạo chính trị của quốc gia gọi là vua. Thế chế quân chủ ra đời, tức *Đợt Sóng Nông Nghiệp/Đợt Sóng Thứ Nhất (The First Wave)* làm thay đổi địa cầu đầu tiên như các học giả Vinh Đức Nguyễn Đức Đơn hay Alvin Tooffler, Samuel P. Hington, John Ehren-reich và nhiều tác giả khác nữa đã từng đề cập tới lần sóng nông nghiệp này.

BIỂU ĐỒ THỜI ĐẠI



1. Các Thổ Dân, hậu sản hái hay tiền nông nghiệp
2. Các nước Đông Dương, tiền kỹ nghệ
3. Các nước kỹ nghệ
4. Các nước tin liệu

Câu Chuyện Thời Đại:



Dân Số Việt Nam:

- Mười ngàn người của triệu năm trước
- Trăm ngàn người của thế kỷ 1
- Triệu người của thế kỷ thứ 10
- Mười triệu người của thế kỷ 20
- Trăm triệu người của thế kỷ 21

Tôn trọng Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền của Liên Hiệp Quốc, chúng ta cần có những Quyền Công Dân căn bản

- Tự hữu
- Tự do chính trị
- Tự do tôn giáo
- Tự do ngôn luận
- Tự do lập hội
- Tự do kinh doanh

CHƯƠNG IV



TỔNG QUÁT THỜI ĐẠI

(AGE OVERVIEW)

Như tôi vừa trình bày phần trên, tiến trình văn minh nhân loại được khởi sự từ Thời Đại Săn Hái qua các chế độ chính trị bộ lạc, gọi là Thời Đại Tiền Sử (Prehistory Age) đã tiến hóa hàng chục triệu năm mới tiến đến công cuộc xây dựng và phát triển thành Thời Đại Nông Nghiệp (Agricultural Age.) Đây là Đợt Sóng Đầu Tiên (The First Wave) là đợt sóng văn minh đã mở ra trang sử mới cho nhân loại.

Cũng thế, những tài liệu sách báo này mà tôi đã từng tham khảo trước đây 20 năm trong Thư Viện đại học Hoa Kỳ, và tôi cũng cùng nghiên cứu với người thân của tôi, là Anh 6 từ Úc Đại Lợi tới Everett, Hoa Kỳ thăm tôi. Sau đó, Anh 6 đã ấn hành một tác phẩm và xuất bản có tựa đề “Chính Trị Thời Đại,” còn tôi thì tổng gom những bài essay đã nộp trong trường lớp để làm thành cuốn sách “Con Người Thời Đại.”

Nhưng tới nay khi tôi vào “search on the Internet” thì những tài liệu có liên quan đã ghi rằng “Removed on June 2012” và chỉ còn hướng dẫn tới những bài viết của tôi “post on Hội Quán Phi Dũng.” Có thể đây cũng là nguyên do mà ít người Việt chúng ta ở trong hay ngoài nước biết đến các thời đại mà nhân loại đã và đang sống.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Như chúng ta đã thấy rằng Thời Đại Nông Nghiệp có nhu cầu kinh tế nông nghiệp là đất nước và hạt giống (Seed & Land). Nhu cầu chính trị của thời đại nông nghiệp là quân chủ (Monarch), và nhu cầu xã hội được định đoạt theo một bảng giá trị thời đại của nhân loại.

Thời Đại Nông Nghiệp là một Đợt Sóng Đầu Tiên làm thay đổi đời sống con người và xã hội nhân loại từ Thời Đại Săn Hái. Thời Đại Nông Nghiệp cũng đã trải qua ba thời kỳ là tiền nông nghiệp, nông nghiệp, hậu nông nghiệp và đã kéo dài hàng chục ngàn năm. Biểu tượng của thời đại nông nghiệp là cái cày, ông tổ là Thần Nông, và chế độ chính trị là quân chủ.

Tiếp đến, Đợt Sóng Thứ Hai (The Second Wave) vào năm 1750 đã làm biến đổi toàn bộ đời sống con người và xã hội của thời đại nông nghiệp, kể từ khi nhân loại phát minh ra Máy Hơi Nước, và áp dụng máy này vào sản xuất kinh tế, thời từ tiền kỹ nghệ, kỹ nghệ, và hậu kỹ nghệ tới ngày nay là hơn ba trăm năm.

Nhu cầu kinh tế của thời đại kỹ nghệ là nhiên liệu và công nhân (Capital & Labor). Biểu tượng của thời đại là nhà máy cột khói, ông tổ là Newton, và chế độ chính trị là dân chủ (Democracy).

Đợt Sóng Thứ Ba (The Third Wave) trên tiến trình văn minh nhân loại đã khởi sự từ năm 1953, từ khi Hoa Kỳ phát minh ra Máy Điện Toán (Computer). Thời Đại Tin Liệu ra đời để khai tử các thời đại của con người ngày trước.

Nhu cầu kinh tế của thời đại mới này là kiến thức và dữ kiện (Knowledge & Data). Biểu tượng là máy điện toán, chế độ chính trị là tân dân chủ (New Democracy) và đang xuất hiện với nhiều hình thức điều hành mới đáp ứng nhu cầu chính trị của thời đại này.

Nhìn lại tổ chức con người trong giai đoạn Săn Hái

1. Thời Bộ Lạc

Trong thời kỳ này, các bộ lạc được chia ra hai loại: du mục và nông nghiệp. Từ khuynh hướng này con người phát minh ra hai cách cai trị, đó là chế độ mẫu hệ và chế độ phụ hệ.

Với hai chế độ mẫu hệ và phụ hệ, thì chế độ phụ hệ có phần trôi vượt hơn, lấn lướt hơn, vì quen sống chiến đấu để tranh giành, xâm chiếm đất đai. Khi các bộ lạc du mục đến tranh đoạt, dân theo mẫu hệ thường yếu thế hơn, vì không quen chiến tranh, không thích cảnh chém giết nên họ phải bỏ vùng định cư mà di tản đi nơi khác.

Nhưng rồi đất đai cũng có giới hạn mà lòng người thì tham vô đáy, vì thế có nhiều bộ lạc bị diệt vong hoặc đồng hóa. Thiếu số bộ lạc sống sót, vì nhu cầu sinh tồn nên họ phải liên kết lại mà thành lập ra quốc gia.

Những bộ lạc du mục cũng thế, vì nhu cầu sát nhập của các bộ lạc để đấu tranh với những bộ lạc hùng mạnh khác, cộng thêm tình trạng dân số gia tăng, đất đai có chủ và cần tổ chức xã hội qui mô để bảo vệ, để canh phòng cương vực sở hữu. Hình thức tổ chức nhiều sắc dân trên vùng lãnh thổ rộng lớn.

Quyền hành nằm trong tay một người với một số thuộc hạ, hoặc họ hàng thân thích để hướng dẫn đời sống dân trong lãnh thổ nhằm phát triển trong trật tự và điều hòa. Lối cai trị với vùng lãnh thổ lớn đó gọi là quốc gia, người lãnh đạo chính trị của quốc gia gọi là vua. Thế chế quân chủ ra đời, tức Đợt Sóng Nông Nghiệp/ Đợt Sóng Thay Đổi đầu tiên.

2. Đợt Sóng Nông Nghiệp

Cách nay cả chục ngàn năm, Đợt Sóng Thay Đổi đầu tiên xuất hiện khi con người biết trồng trọt, chăn nuôi, dựng làng và đó là Thời Đại Nông Nghiệp ra đời.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Biểu tượng thời đại nông nghiệp là cái cày. Từ lưỡi cày gỗ mà tiến đến lưỡi cày đồng, cày sắt do trâu bò kéo, nó đã phải trải qua cả một tiến trình với thời gian dài bao nghìn năm lịch sử (ít nhất là 8000 năm như minh họa). Trong thời gian này con người đã có thể tự cuộc xới trồng trọt, chăn nuôi gia súc, làm ăn sinh sống và thành công nhờ sức mạnh bắp thịt, gọi là Thời Đại Cơ Năng.

Con người trong thời đại nông nghiệp, vì cuộc sống phù hợp với thiên nhiên và phát triển tuần tự theo sự xoay vần của vũ trụ, của trái đất xoay quanh mặt trời... cho nên những tình yêu, tư tưởng, luật lệ, luân lý, đạo đức, tôn giáo... đã trở thành khuôn vàng thước ngọc, bất biến, tín điều. Bởi thế các tôn giáo đã phát sinh từ thời đại nông nghiệp với những tác phẩm kiệt xuất về văn chương thi phú.

2a. Thể Chế Quân Chủ

Từ khi thành lập quốc gia, vua và bầy tôi tổ chức ra chính quyền để điều hành dân nước, gọi là triều đình. Những nước có nguồn gốc du mục (phụ hệ) thường chú trọng tới sức mạnh quân sự, các mặt liên quan đời sống dân sự chỉ là phụ thuộc.

Họ tổ chức binh lực để dập tắt các cuộc nổi loạn/ hay muốn thay đổi chính quyền, đề phòng ngoại xâm, mở chiến tranh xâm lấn các nước lân bang, tiêu diệt hay cưỡng chiếm các bộ lạc chậm tiến/ chưa kịp theo đà biến đổi, cải tiến chính trị quân chủ. Trong nước thì họ dùng võ lực để trị dân, áp dụng hình pháp nghiêm nhặt triệt để gọi là Võ Trị.

Những nước có nguồn gốc nông nghiệp (mẫu hệ) thì chú trọng tới việc giáo hóa, hướng dẫn chăm lo đời sống âm no hạnh phúc của dân, võ lực không phải là điều chính yếu trong việc tổ chức điều hành dân nước. Hình thức này là gọi Văn Trị.

Tóm lại, vào thời tiền quân chủ thì các nước có nguồn gốc du mục áp dụng Võ Tri, nặng hình pháp trừng phạt mà hình luật thì lại vô tình. Đang khi các nước có nguồn gốc nông nghiệp dùng Văn Tri, chú trọng giáo hóa, sửa đổi con người, nặng tình hơn lý.

2b. Quân Chủ Phong Kiến

Vua tặng thưởng cho những người có công, gồm tiền của, tặng phẩm hay chức vụ làm động lực thúc đẩy lòng hăng say, nhiệt tình của những ai phục vụ cho chế độ, cho nhân quần xã hội. Tổ chức chính quyền triều đình gồm có vua quan và các phẩm trật chức tước, tước văn tước võ để tưởng thưởng cho các công thần.

Đối với các chức quan nhỏ, dù văn hay võ, khi có công thì được thăng lên chức tương xứng. Nhưng tướng lĩnh, hay quan nhất phẩm triều đình, hoàng tộc... thì tiền của hay chức tước lại trở thành thứ yếu. Do đó vua cất đất tặng cho công thần và họ có toàn quyền xử dụng đất đai, lối tưởng thưởng này gọi là phong kiến (phong hầu kiến địa).

Nhờ lối tổ chức cai trị theo hình thức phong kiến đã giúp cho xã hội phát triển ổn định và điều hòa trong nhiều ngàn năm. Nhưng sau, vì có nhiều lãnh chúa hay tiểu quốc vương trên các lãnh địa gây hấn, xâm lấn, tiêu diệt lẫn nhau trong thời gian dài mấy trăm năm, họ đưa xã hội vào vòng hỗn loạn bế tắc.

Bởi đó mà hình thức điều hành mới ra đời từ Âu sang Á... đặc biệt là Trung Quốc vào năm 221 trước Tây lịch, Tần Thủy Hoàng thành công trong chính sách “Diệt lục quốc thống nhất thiên hạ” đổi thể chế phong kiến ra Quân Chủ Chuyên Chế.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

2c. Quân Chủ Chuyên Chế

Lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại, sau bao trăm năm chiến tranh giữa các tiểu vương quốc, Tần Thủy Hoàng đã dùng bạo lực cưỡng chiếm các lân quốc. Ông đặt quyền thống trị lên các lãnh thổ chiếm được, đoạt quyền bính của các vua, đổi chế độ phong kiến ra chế độ quân chủ chuyên chế.

Đồng thời ông tập trung tất cả các quyền hành, thông nhất chữ viết, tiền tệ, dụng cụ đo lường, luật pháp và sách vở. Quyền lực được tập trung vào một tay của ông gọi là Hoàng Đế.

Những phần lãnh thổ chiếm được, ông chia làm quận huyện và bổ các quan chức triều đình đến điều hành quản trị, và trực thuộc bộ máy cầm quyền độc nhất của nước. Song song với chế độ quân chủ phong kiến phương Bắc do các sắc dân có nguồn gốc du mục dùng Võ lực lãnh đạo chính trị, thì ở phương Nam chế độ quân chủ phong kiến dùng Văn Trị.

Đặc biệt do Việt tộc lãnh đạo và được hưởng thái bình an lạc hơn 2500 năm từ khi Tần Thủy Hoàng thiết lập thể chế quân chủ chuyên chế. Trong suốt 2500 năm lịch sử của Việt tộc chỉ có 3 lần xảy ra chiến tranh qui mô cấp quốc gia.

Lần thứ nhất Ân Cao Tôn xua quân xâm lấn nước ta, và bị toàn dân đánh đuổi khỏi bờ cõi.

Lần thứ hai Việt Vương Câu Tiễn đánh bại Ngô Vương Phù Sai để trả hận bị vây hãm ở núi Cối Kê.

Lần thứ ba giữa hai sắc tộc Bách Việt: Việt Vương Triệu Đà xâm chiếm đất An Dương Vương Thục Phán ở thành Cổ Loa.

Đang khi cùng khoảng thời gian này thì ở phương Bắc châu Á, Trung Đông, và châu Âu đã xảy ra hàng vạn cuộc chiến tranh kinh hoàng với sức tàn phá tàn khốc. Cũng đang

khi châu Á đã thay đổi thể chế chính trị, từ quân chủ phong kiến sang quân chủ chuyên chế, thì chính trị của châu Âu vẫn còn dậm chân tại chỗ.

Các vua, các lãnh chúa châu Âu lại dùng thần quyền, dùng tôn giáo để làm hậu thuẫn chính trị, hay làm dù che khiên chống cho bộ máy điều hành của họ. Mãi tới khi phát minh khoa học ra đời và làm thay đổi các hệ thống giá trị cổ học, rồi nguyên nhân dẫn tới sự sụp đổ toàn bộ hệ thống lãnh đạo của đế quốc La Mã, thì khi đó mào mống chống đối, phản kháng trong lòng người dân bị trị mới bắt đầu trở hoa kết trái.

Rồi cũng trong thời gian này đã xuất hiện những đội thương thuyền nối liền các lục địa, với những thương gia giàu có. Giới thương gia càng ngày càng có nhiều thế lực góp phần làm thay đổi bộ mặt xã hội, đồng thời, họ ép buộc vua nhường bộ và cải tiến hình thức điều hành: Quân Chủ Lập Hiến ra đời.

Vì chính quyền quân chủ phong kiến Châu Âu không còn đủ sức để tiêu diệt, không còn nhà tù để giam giữ... thì lúc đó những nhà thám hiểm, trong đó Christopher Columbus chỉ huy, tìm thấy các đảo nhỏ gần lục địa Châu Mỹ vào năm 1492. Ít năm sau, người khác mới chính thức tìm ra lục địa Châu Mỹ này, ông có tên là Amerigo nên người ta đặt tên cho lục địa này là America.

Chính sự kiện thám hiểm này đã giúp cho chính quyền Châu Âu giải quyết được những ứ đọng, quá tải của các nhà tù bằng cách đưa chính trị phạm và tội nhân đi đày ở Châu Mỹ. Tiếp đến, những người dân ngang bướng sống trên lãnh địa Châu Âu cũng bị di cư mang đi lập nghiệp trên vùng Tân Thế Giới (New World) nhằm làm giảm cường độ chống đối guồng máy điều hành quản trị của vua quan trong chế độ quân chủ phong kiến Châu Âu.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Cách giải quyết nói trên, cũng không làm thỏa mãn nguyện vọng người dân bị trị, bởi dân chúng thời đó đã văn minh tiến bộ, mà giai cấp cầm quyền vẫn không thay đổi lề lối hoạt động, điều hành và lãnh đạo chính trị cổ xưa. Rồi từ đó, trên vùng đất Châu Mỹ, các thế hệ tiếp nối của lớp người di dân lưu đày này đã biết tổ chức vũ trang chống lại nhà cầm quyền của đế quốc quân chủ Anh.

Cuộc chiến khởi sự từ năm 1775 và kết thúc vào năm 1783, sau khi giành độc lập mười ba thuộc địa của Anh hợp lại thành đất nước Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ. Các đại diện đã cùng nhau thảo luận và soạn thành văn kiện chính thức, trong đó có một số luật lệ và bản qui định quyền hạn của người cầm quyền và người dân bị trị, sự thỏa thuận giữa người thi hành cai trị và người chấp hành luật lệ điều hành dân nước gọi là Hiến Pháp Hoa Kỳ, công bố ngày 21 tháng 6 năm 1788.

Ngày đó cũng là ngày Thẻ Chế Dân Chủ ra đời, một hình thức điều hành xã hội mới mà người tham gia chính trị, quản trị do dân bầu ra gọi là Tổng Thống.

3. Đợt Sóng Kỹ Nghệ

Khi đợt sóng nông nghiệp bắt đầu chìm xuống vào cuối thế kỷ 17 tại châu Âu, năm 1750 và cuộc cải hóa kỹ nghệ bắt đầu ở Anh, tạo thành đợt sóng vĩ đại thứ hai lan tràn ra cả nước, cả lục địa, cả toàn cầu với nhiều tốc độ khác nhau.

Đợt sóng thứ hai đã làm cải hóa đời sống người dân Châu Âu, Bắc Mỹ và một vài nơi trên địa cầu với một thời gian ngắn, vài trăm năm so với thời gian vài nghìn năm của thời đại nông nghiệp. Đợt sóng thứ hai vẫn còn tiếp tục lan rộng ra trên các quốc gia nông nghiệp gọi là những nước chậm tiến, như trường hợp Việt Nam ngày nay.

Nước này hiện nay đang hì hục và cố gắng xây dựng những lò luyện thép, hăng chế tạo xe hơi, xưởng dệt, đường

sắt, hệ thống xa lộ, xưởng biến chế thực phẩm... do những công ty nước ngoài vào đầu tư. Biểu tượng của thời đại kỹ nghệ là cột khói nhà máy.

Các đô thị lớn xuất hiện, biên giới làng được tháo gỡ, nếu còn thì chỉ còn trong tâm tưởng, trong tiềm thức mà thôi... Nhờ sự an toàn của xã hội kỹ nghệ, nên gia đình cũng được thu hẹp lại, gồm cha mẹ và con cái, gọi là “vệ tinh hóa,” tiêu gia đình của một đại gia đình trong làng/ thời đại nông nghiệp.

Vào thế kỷ 19, nhiều học giả đã tiên đoán nền kỹ nghệ sẽ chiến thắng về vang nền nông nghiệp chân tay. Sức mạnh kỹ nghệ của Đợt Sóng Thứ Hai dựng nên những đô thị lớn, sản xuất phương tiện di chuyển nhanh, và giáo dục đại chúng.

Tư tưởng của con người trong thời đại kỹ nghệ đã phát triển thành nhiều lãnh vực, làm thay đổi mọi mặt từ đời sống cá nhân, gia đình tới những cơ cấu tổ chức đoàn thể đảng phái, hay công ty xí nghiệp cấp quốc gia và guồng máy điều hành.

3a. Quân Chủ Lập Hiến

Trước Đợt Sóng Dân Chủ Hoa Kỳ tràn qua các nước quân chủ Châu Âu, Châu Á... đã làm cho vua chúa của các chế độ phong kiến không thể khinh thường, nên họ phải nhượng lại cho dân một số quyền tự do, quy định rõ ràng trên văn kiện gọi là quân chủ lập hiến.

Thật ra ý niệm về hiến pháp đã được triết gia Hy Lạp Aristotle bàn tới từ hơn bao ngàn năm trước, khi ông đặt vấn đề về tổ chức điều hành và quản trị xã hội. Nhưng các vua chúa thời đó tới nay trải qua cả hai ngàn năm mà họ vẫn không muốn thi hành.

Nếu lập ra luật pháp, công bố văn kiện hiến pháp thì vua chúa phải chia quyền với dân, và vua chúa sẽ bị giới hạn quyền hành bởi luật pháp chi phối, cũng là điều mà những người cầm

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

quyền không bao giờ muốn. Nhưng vì không muốn vương quyền của họ sụp đổ nên họ lại phải thay đổi hình thức điều hành biến quân chủ phong kiến/ quân chủ chuyên chế thành ra quân chủ lập hiến.

Tiếp đến cuộc cách mạng kỹ nghệ đã sản sinh ra một số đại tư bản, tư bản, và người dân nghĩ rằng thể chế quân chủ đã là mầm mống của bóc lột bất công, cần lật đổ để tranh lấy quyền điều hành. Một lần nữa, các vua chúa của chính thể quân chủ lại cho người dân thêm tự do và quyền hành để bảo đảm sự an toàn cho hoàng tộc. Hình thức cai trị này gọi là Quân Chủ Đại Nghị.

3b. Quân Chủ Đại Nghị

Quân chủ đại nghị là hình thức điều hành của quân chủ lập hiến, nhưng quyền điều hành phần lớn nằm trong tay người dân. Các đại diện dân (dân cử) được giữ, được ứng cử vào các chức vụ trong guồng máy công quyền, trừ chức vua.

Trong thể chế đại nghị, vua chỉ có trên hình thức đại diện, đang khi quyền điều hành, quyền quyết định lại thuộc về các đại diện của dân. Có thể nói, chính thể quân chủ đại nghị là một hình thức chuyển giao quyền điều hành từ vua sang dân, từ quân chủ sang dân chủ.

Đây là một cuộc biến đổi thể chế chính trị trong vòng trật tự, ổn định, và điều hòa.

3c. Thể Chế Dân Chủ

Sự kiện tuyên bố bản Hiến Pháp Hoa Kỳ mở đầu một hình thức điều hành quản trị mới, mọi thành phần xã hội, không phân biệt nguồn gốc, chủng tộc, phái tính, tín ngưỡng... đều được quyền tham dự vào mọi sinh hoạt của quốc gia, và bình đẳng trước pháp luật. Hình thức chính trị này gọi là thể chế chính trị dân chủ.

Mặc dù hình thức mới này được sinh sản và thực thi ở Châu Mỹ, nhưng phải thừa nhận rằng nó đã được thai nghén từ những cá nhân ưu tú, yêu chuộng tự do và công bằng với lòng nhiệt thành, hăng say nung đúc tư tưởng dân chủ từ môi trường mang thân phận nông nô, tù đầy của các lãnh chúa và giai cấp quý tộc thống trị châu Âu.

Và mặc dù châu Âu có thực thi thể chế chính trị dân chủ, nhưng tinh thần độc tài của các lãnh chúa vẫn còn tồn tại. Cho nên nó đã sản sinh ra các lãnh chúa trong ngành kỹ nghệ, gọi là tư bản.

Sự chênh lệch của hai giai cấp giàu – nghèo trong xã hội tạo ra bất công và làm tiền đề cho chủ thuyết cộng sản phát sinh. Thể chế dân chủ đã bị diễn giải và thi hành bởi những tham vọng cá nhân với đầu óc bệnh hoạn trở thành chế độ dân chủ tập trung, dân chủ trá hình, hay phi dân chủ.

4. Đợt Sóng Tín Liệu

Trong lúc đợt sóng thứ hai vẫn còn đang tiếp diễn trên các quốc gia chậm tiến, thì đợt sóng khác quan trọng hơn lại đã bắt đầu. Đợt sóng mới khởi nguồn từ đầu thập niên sau Thế Chiến II, và là Đợt Sóng Thứ Ba đang lan tràn trên địa cầu, làm thay đổi toàn diện cuộc sống con người.

Nếu như đợt sóng thứ hai bắt đầu tại Hoa Kỳ vào khoảng năm 1650, thì đợt sóng thứ ba đã chuyển đổi thời đại tại Hoa Kỳ vào năm 1953. Ở thập niên này, lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại: giới công nhân dịch vụ văn phòng có nhiều hơn công nhân lao động chân tay.

Chúng ta thấy xuất hiện máy điện toán, máy bay phản lực thương mại, thuốc kiểm soát sinh sản, phi cơ, xe tàu không người lái và những phát minh kỹ thuật khác. Ngày nay tại những quốc gia kỹ thuật cao, thì sự va chạm giữa hai đợt sóng

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

nói trên đã làm cho nền kinh tế của đợt sóng thứ hai đông đặc và tàn lụi dần.

Biểu tượng của Thời Đại Tin Liệu là máy điện toán. Máy này đã làm cho tiền tệ di chuyển với vận tốc siêu âm siêu sáng, là điều mà những nhà kinh tế học của thời đại trước khó tiên đoán được.

Tiếp đến các cơ quan xã hội có chiều hướng lưỡng hệ/ đa hệ, tức nam nữ bình quyền bình đẳng và không mang huyết thống hay liên hệ họ hàng... vì nhân tài là đặc tính của thời đại chứ không độc quyền của một dòng tộc hay sắc tộc.

4a. Kinh Tế Tin Liệu

Trong lúc đất đai, công nhân, nguyên liệu, vốn liếng là những yếu tố sản xuất của thời đại kỹ nghệ, thì kiến thức (knowledge) lại được xem là dữ kiện, tin tức, hình ảnh, biểu tượng, văn hóa, lý thuyết... là yếu tố sản xuất của thời đại tin liệu. Kinh tế tin liệu đặt nền tảng ở các thị xã kỹ thuật cao (hitech city).

Kỹ thuật của thời đại mới làm hạ giá thành của các sản phẩm. Các sản phẩm và dịch vụ lại càng ngày càng rẻ tiền, tiện lợi, nhanh chóng nhờ có kỹ thuật cao.

Ví dụ điển hình là trong thập niên trước, giá thành của một chiếc máy in laser bán ra thị trường với số tiền rất cao, đã mắc gấp ba lần giá thành hiện nay, và cũng nhờ kỹ thuật tân kỳ đã làm cho máy in chạy ra nhanh gấp nhiều lần so với máy thời trước. Ví dụ nhà in Lulu của Hoa Kỳ đang làm cuốn sách Con Người Thời Đại.

Vì kỹ thuật càng ngày càng được tinh vi, nhỏ gọn, rẻ tiền nên nó được phổ biến nhanh chóng và địa phương hóa nền kinh tế khắp nơi. Chính điều này đã tác dụng và làm thay đổi

cán cân thăng bằng của các nền kinh tế quốc gia và các khối chính trị.

Kiến thức là điều cần thiết cho việc sản xuất và tạo ra thịnh vượng. Nó làm giảm sức lao động, bớt đi máy móc, tiết kiệm năng lượng, nguyên liệu, thời giờ, tiền bạc... và không cần kho chứa hàng hóa. Ví dụ, máy tiện được điện toán hóa nên có độ chính xác rất cao, rất nhanh, bớt hao hụt nhôm, thép và còn giảm giờ làm việc của công nhân.

Và nhờ kỹ thuật thông minh kiểm soát nhiệt độ nên máy móc này đã giảm điện, giảm khí, giảm nước... hoặc xe hơi cũng giảm nhiều nhiên liệu tiêu dùng. Năng lượng mặt trời và sức gió cũng sẽ trở nên đóng góp quan trọng trong kỹ nghệ cũng như tư gia vào một ngày gần đây.

Với mức độ sản xuất trong thời đại tin liệu sẽ nhanh, nhiều, đẹp, nhiều kiểu... và được thay đổi luôn nhờ vào máy điện toán cho phép, một nhà máy chế tạo xe hơi có thể sản xuất ra rất nhiều kiểu xe mới lạ, mà tốn phí trong việc đúc khuôn lại còn rẻ hơn ở thời đại kỹ nghệ.

Thời Đại Tin Liệu là thời mua bán tin tức, sáng kiến, quản trị, văn hóa, kỹ thuật tân tiến, nhu liệu điện toán, giáo dục, huấn luyện, y khoa, tài chánh và các dịch vụ của thế giới. Bởi thế những công nhân trí óc hay lao động chân tay, muốn có việc làm trong thời đại mới này họ đòi hỏi phải có Kiến Thức, nhưng cũng nhờ kỹ thuật tân tiến sẽ giúp cho việc giáo dục mở rộng đề có thể đào tạo ra hàng tỷ chuyên viên.

Giá trị của các hãng điện tử, điện ảnh, máy móc gia dụng, xe hơi... ắt lệ thuộc vào sáng kiến, kiến thức cao, sự hiểu biết trong đầu của nhân viên, các dữ kiện của ngân hàng, bằng sáng chế mà các công ty có thể kiểm soát được, chứ không chỉ lệ thuộc vào xe vận tải, hệ thống giây chuyền với những tài sản

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

vật chất khác như thời đại kỹ nghệ. Số vốn kiến thức sẽ tăng trưởng dần, nhưng khó mấy ai nhìn thấy.

Tóm lại, các khám phá về khoa học, kỹ thuật của thời gian trước ất trở thành lỗi thời. Hệ thống giáo dục cũng phải đặt lại vấn đề. Các cơ cấu tổ chức kinh doanh, xã hội, chính trị... cũng được nghiên cứu để canh tân cải tiến sao cho phù hợp và theo kịp thời đại văn minh tin liệu này.

b. Kiến Thức

Kiến thức là sự hiểu biết thấu đáo một hay nhiều vấn đề. Từ công ty cho tới cường quốc đều thu thập kiến thức trong mọi lãnh vực: truyền thông, văn hóa, nghiên cứu và phát triển bằng nhiều nguồn tài nguyên rộng lớn với những phương tiện tối tân. Phương cách để thu thập tin tức có giá trị là qua hệ thống tình báo, điệp viên.

Chiến Lược Kiến Thức của quá khứ, hiện tại, và tương lai là tìm cách chuyển các nhân tài/ thiên tài của nước người thành ra của nước mình. Vì nhân tài/ thiên tài là người thông minh, là kho tàng kiến thức, do đó các sinh viên/ học sinh ưu tú đều được cấp học bổng.

Ngay tự ngàn xưa, vấn đề nhân tài và mỹ nữ đã trở thành mối quan tâm đối với triều đình đế quốc, và trong nhiều giai thoại, nhân tài hay mỹ nữ đã làm thay đổi cuộc diện chính trường của một quốc gia. Và để thâm nạp và chiếm hữu nhân tài của các nước chư hầu, thì đế quốc thời đại nông nghiệp cũng đã “chiêu hiền đãi sĩ,” hoặc tìm bắt nhân tài qua hình thức Triều Cống.

Triều cống là dâng nạp phẩm vật hoặc người tài cho nước thống trị. Thời gian bị đô hộ thì Việt Nam phải triều cống Trung Quốc theo thứ tự ưu tiên: thứ nhất nhân tài, thứ nhì mỹ nữ, thứ ba tiền vàng...

Và thời nay, chính sách thâm nạp nhân tài phục vụ cho “thiên triều” vẫn còn áp dụng qua những chương trình “săn người” như viện trợ, học bổng, di dân, tuyển mộ chuyên viên nghiên cứu.

Tiếp đến, quân sự hay dân sự, cũng đều xử dụng chiến thuật “tát cạn thông minh,” bằng cách, một là hủy diệt nhà thông thái của đối phương hay hai là thâm nạp các nhà bác học. Và một trong những bí quyết của siêu cường ngày nay, là “ăn trọn thông minh” của các nước chậm tiến.

Trong Đệ Nhị Thế Chiến khi quân đồng minh chiếm Berlin, các nước đua nhau tìm bắt các nhà thông thái của Đức nhằm ngăn ngừa Đức Quốc Xã sáng chế những vũ khí tối tân, bom nguyên tử... và Hoa Kỳ thành công hơn đồng minh trong công tác này để mang số nhà bác học về nước.

Chiến lược “tát nước bắt cá,” các nhà thông thái trong Đệ Nhị Thế Chiến cũng xảy ra nhiều chuyện rùng rợn. Đức Quốc Xã đã giết nhiều nhà khoa học Châu Âu vì không đồng ý mà phục vụ cho tham vọng chiến tranh của quốc trưởng Adolf Hitler.

Ngày nay, chiến lược kiến thức vẫn không tận cùng. Lưỡi kiếm chiến lược kiến thức được mài sắc bén hai bên, một bên thì dùng chém đứt sức tấn công của quân địch, và bên kia lại chặt đứt những cánh tay nuôi dưỡng nó. Hoa Kỳ là một nơi tốt nhất và nuôi dưỡng nhân tài/ thiên tài.

Các nhân tài/ thiên tài của các ngành, các lãnh vực ở khắp nơi trên thế giới đổ xô về Hoa Kỳ để học hỏi, nghiên cứu, tiến thân vì rằng quốc gia của họ không đủ phương tiện cung ứng trong việc nghiên cứu, và giúp họ phát triển tài năng. Ngoài ra, mức lương bổng và nếp sống cao đã thu hút rất nhiều nhà thông thái của thế giới vào Hoa Kỳ để làm việc cho siêu cường nguyên tử.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Cũng trong Đệ Nhị Thế Chiến, kỹ thuật quân sự ở Hoa Kỳ đã tiến bằng vận tốc ánh sáng qua cuộc nghiên cứu và thí nghiệm nguyên tử thành công. Hai quả bom nguyên tử thả xuống Nhật Bản trước đây, nó chỉ là mặt trái của một vấn đề, đang khi việc xử dụng nguyên tử vào kỹ thuật hòa bình, nó đã thúc đẩy nền kinh tế vượt tiến quá nhanh.

Từ đó mà ngành tin liệu phát triển và ảnh hưởng ngược lại lãnh vực quân sự. Như chúng ta biết nhà bác học Von Braun, người phát minh hỏa tiễn V1, V2 của Đức.

Hỏa tiễn thì đã có tự ngàn xưa dưới dạng pháo thăng thiên của Trung Hoa. Khi những chiến lược gia Đức Quốc Xã cần vũ khí mới để thống trị thế giới, Von Braun được bổ nhiệm giám đốc trung tâm sản xuất hỏa tiễn. Hỏa tiễn V1 ra đời bằng nhiên liệu đặc biệt và đạt vận tốc 600 cây số/ giờ.

Nạn nhân đã từng kinh hoàng với tiếng rú tử thần gầm thét xé tan bầu trời u ám của hỏa tiễn V1, trước khi chạm mục tiêu và tàn phá muôn loài. Chiếc V1 chỉ là bước đầu của Von Braun, đã không phải là mục đích nhắm tới, như lời ông nói trong một buổi thuyết trình về hỏa tiễn.

Ông cho biết, hỏa tiễn sẽ mở cửa cho Con Người bước vào không gian vô tận, và từ đó Con Người sẽ cảm nhận sự u tối của chính mình đối với không gian.

Hỏa tiễn V2 ra đời và đốt bằng nhiên liệu lỏng, có vận tốc nhanh hơn vận tốc âm thanh, nên khi hỏa tiễn mang bom nổ tan tành thì lúc đó nạn nhân mới biết mình chết, và đã gây ra kinh hoàng cho thế giới. Những nhà chiến lược Đức Quốc Xã cũng tiếc rằng đã chế V2 hơi trễ, và nếu chế được bom nguyên tử thì quốc trưởng Adolf Hitler không ngần ngại gì mà không cho gắn bom nguyên tử vào hỏa tiễn V2 để tàn sát các quốc gia láng giềng.

Sau này Von Braun cũng làm giám đốc trung tâm hỏa tiễn Hoa Kỳ, và các khoa gia tuyên dương ông làm người mở đầu kỷ nguyên thám hiểm không gian. Và là một giám đốc, ông đã thành công trong nhiệm là được sự hợp tác tích cực của mọi nhân viên. Dù là một nhà bác học, nhưng ông ngay thẳng liêm chính, công bằng, không lạm dụng quyền hạn chèn ép nhân viên dưới quyền, và biết áp dụng quyền lợi như lên chức, lên lương, tặng thưởng để khuyến khích, thúc đẩy nhân viên tích cực hợp tác.

Von Braun đã thành công trong vai trò lãnh đạo của mình.

c. Nghiên Cứu Phát Triển

Các nước văn minh chi tiêu một ngân khoản khổng lồ trong việc “Nghiên Cứu (Research) và Phát Triển (Development). Công việc nghiên cứu của các công ty, hay của quốc gia được nâng lên ưu tiên hàng đầu, vì có nghiên cứu tìm tòi học hỏi thì mới khám phá, mới phát minh để phát triển nền kinh tế quốc gia. Ví dụ các vũ khí Robot, phi cơ không người lái (unmanned aircraft) hay trực thăng hoàn toàn tự động tác chiến không người điều khiển... đang được Hoa Kỳ nghiên cứu và chế tạo liên tục.

Hoa Kỳ chi tiêu những ngân khoản tài chánh khổng lồ cho việc nghiên cứu và họ âm thầm kín đáo công việc phát minh sáng chế. Những trung tâm nghiên cứu này lại được trang bị những máy móc, dụng cụ tối tân vào bậc nhất thế giới.

Chính đặc điểm này đã thu hút nhân tài trên thế giới, vì rằng các nơi khác không đủ phương tiện để nghiên cứu giúp cho người tài thi thố tài năng.

Ngoài ra, chương trình “sẵn đầu người,” Hoa Kỳ trợ cấp học bổng cho những sinh viên/ học sinh ưu tú đại học/ trung học, và những ai tỏ lộ khả năng xuất chúng ở bất cứ lãnh vực nào trong xã hội, họ cũng đều được đi du học/ tu nghiệp ở Hoa

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Kỳ, và tạo cho nước này thành nơi qui tụ nhân tài/ thiên tài của cả một thế giới.



Phạm Văn Bản chào mừng Phi Cơ Boeing 777 Max vừa hoàn tất

CHƯƠNG V



THỜI ĐẠI TIỀN SỬ/ SĂN HÁI

(PREHISTORY AGE)

Nhân loại đã trải qua nhiều cuộc đấu tranh trường kỳ nhằm thay đổi, tiến hóa và phát triển đời sống con người từ bản thân, đời sống gia đình, đời sống xã hội, và đời sống quốc gia quốc tế. Mỗi lần bước từ thời đại cũ tiến sang thời đại mới, thì các hình thức và cấu trúc tổ chức, từ gia đình cho đến các đoàn thể, các xã hội, các văn hóa hoặc chính trị, kinh tế, giáo dục, ngoại giao, quân sự, luật lệ, hiến pháp cũng phải đoạn tuyệt với toàn thể thể chế cũ, mà người ta thay đổi tổ chức mới, cơ cấu mới, phương thức mới, điều hành mới, hành động mới, sinh hoạt mới.

Tất cả đã không chuyển tiếp, không sửa chữa, không thay đổi từng phần mà người ta phải đoạn tuyệt và đổi mới, cải hóa toàn bộ để đồng bộ hóa. Thời đại sau tiến nhanh hơn thời đại trước.

1. Tổ Chức Gia Đình

Bởi rằng con người biết truyền thụ kinh nghiệm cho nhau, với những gì đã tìm tòi, học hỏi, thu lượm từ sắc nhiệm thể,

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

giòng máu, truyền sinh và gia tăng dân số. Từ những đơn vị cá nhân riêng rẽ ở thuở ban sơ, con người đã tiến bộ và biết sống chung hợp thành gia đình, hợp thành tổ chức.

Gia đình được gọi là tổ chức đầu tiên – vì có hai người trở lên thì mới được gọi là tổ chức. Tổ chức nhằm giải quyết nhu cầu sinh tồn, tạo ra sức sống sức mạnh, tạo ra tinh thần kỷ luật, tạo ra bổn phận trách nhiệm của từng con người trong sinh hoạt tổ chức ấy, ví dụ vợ chồng, cha mẹ và con cháu.

Ý thức bổn phận và trách nhiệm của con người được đề cao và thể hiện đức tính sống chung trong một tổ chức, một đoàn thể, một tập thể được gọi là xã hội bộ tộc, để rồi phát triển ngày càng rộng lớn hơn. Đơn vị chính trị của con người sơ khai khi chưa có nhu cầu sinh hoạt, chưa có nhu cầu tổ chức, chưa có nhu cầu biên cương thì hoạt động con người mạnh ai nấy sống, sống lẻ loi đơn độc gọi là cá nhân vị kỷ, chớ không phải cá nhân chủ nghĩa.

Nhưng theo giòng thời gian, biên cương lãnh vực tổ chức xã hội bộ tộc được ấn định do thỏa thuận của những bộ lạc khác trong vùng, được phân chia ranh giới rõ ràng và ghi chép lại thành văn bản, giao ước, khế ước. Bởi thế người sống chung trong lãnh thổ đã có chung nguồn gốc, ngôn ngữ, phong tục, tập quán, lịch sử, văn hóa, giống dòng.

Con người thành lập và tổ chức gia đình đã phát sinh nhu cầu nuôi nấng, chăm sóc, giáo dục con cái. Do đó có sự phân chia công việc, phân chia khả năng, phân chia bổn phận và trách nhiệm giữa hai vợ chồng trong gia đình.

Thời gian nuôi nấng con người từ lúc sơ sinh cho tới khi có thể kiếm ăn và tự lập cánh sinh, đã cần một thời gian lâu dài để chăm sóc, thực tập, dưỡng dục. Nếu chúng ta so sánh với các sinh vật hay động vật khác khi chúng vừa ra đời đã biết

kiếm ăn ngay, hoạt động nhanh nhẹn và mạnh khỏe hơn con người.

Gia đình ngay từ thời đại săn hái, vợ chồng đã biết phân công cho nhau, một người ở nhà làm nội trợ trông con giữ lửa, và người kia đi ra ngoài làm công nhân kiếm ăn, rồi mang về nuôi vợ nuôi con. Hình ảnh phân công phân nhiệm đầu tiên của con người đã được các nền văn hóa hay tôn giáo ghi nhận, đề cao và lập thành một bảng giá trị thời đại.

2. Kinh Tế Săn Hái

Săn hái là hoạt động kiếm ăn của các loài sinh động vật, chứ không chỉ dành riêng cho con người. Từ thuở hồng hoang con người ta kiếm ăn bằng cách săn hái, tức là săn bắt hái lượm như săn thú bắt chim, săn cá bắt tôm, săn cua bắt hến hay cò đất dân oan... hái trái lượm hạt, hái hoa đào rẫy, hái lá thu mật mang về nhà cho vợ làm tiệc tùng trong gia đình.

Thời đó cấu trúc xã hội cũng đơn sơ dăm cái hang động, vài ba túp lều, lẻ tẻ một số thôn ấp, để tạo ra nền chính trị với chế độ bộ lạc trong suốt bao triệu năm trường.

Kinh tế ở thời đại săn hái thì con người chỉ cần miếng ăn thức uống, cho nên nhu cầu đời sống của họ chỉ là đám rừng, mảnh ruộng, bãi nương, con suối... được gọi là bờ xôi ruộng mật, chứ không phải là đặc khu kinh tế Trung Quốc của đảng săn hái mà tham nhũng như ngày nay.

Vì nguồn cung cấp lương thực hằng ngày là rừng chồi thu hoạch rau cải, bờ sông bãi sù đánh bắt cá tôm, cánh đồng cỏ hoang bầy thú lưới chim. Săn hái trở thành hoạt động xã hội dễ dàng nhất, sâu đậm nhất, tiềm tàng nhất trong huyết quản của con người đã từng trải nghiệm qua bao chục triệu năm, mà tới nay nhiều người vẫn chưa quên.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Bất cứ thời đại nào, bất cứ địa vị nào, bất cứ lãnh vực nào xưa nay con người vẫn thích săn hái, thích “cò đất,” thích quan tham, thích đại gia và thích bán nước. Săn hái là kiếm ăn có thu hoạch nhanh nhất, dễ nhất, tiện nhất vì hành nghề không cần học hành tính toán, không nặng đầu óc suy tư, không cần bằng cấp, không đòi vốn liếng đầu tư và không cần học hành mà có ngay, có sẵn, có của ăn vật để làm giàu trong Xã Hội Chủ Nghĩa.

Đồng thời giúp con cháu đi du học, nhằm mở cửa cho mình thoát thân khi việc làm quan tham ở trong nước này bị bại lộ, bị “tổng tịch” đốt lò thì dọt sang Mỹ. Theo giòng thời gian, con người muốn sinh tồn thì phải tạo ra lương thực, sản phẩm và phương tiện cải thiện cuộc sống.

Người ta tìm tòi, học hỏi, nghiên cứu phát minh và gia tăng sản xuất. Mỗi thời đại, lại có phương thức sản xuất mới, phát minh sáng chế những dụng cụ mới, khí cụ mới, thuốc men trị liệu bệnh hoạn mới, dịch bệnh mới. Biên cương đơn vị chính trị của con người săn hái, được ấn định lại theo mức độ an ninh an toàn bộ tộc.

Có những bộ tộc ở cách xa nhau dăm bảy ngày đường, tùy thuộc vào tình trạng thực phẩm mà người ta quy định khoảng cách. Thời kỳ chưa có văn tự, nên biên cương là sự mặc nhiên công nhận giữa các bộ tộc lân cận với nhau.

Bộ tộc gồm có hai yếu nhân, một người trưởng bộ tộc được gọi là Tướng Quân lãnh đạo Phần Xác, Vật Chất, và một người tu sĩ nhận chức Thầy Cúng đặc trách Phần Hồn, Tinh Thần của nhân dân trong tộc.

Khách du lịch đến Mê Tây Cơ thường gặp Thầy Cúng của bộ tộc du mục Mayan đốt nhang, xông hương, cầu nguyện trước khi mọi người bước vào thăm viếng hang động Pha Lê Riviera.

3. Chính Trị Bộ Lạc

Thuở hồng hoang con người chỉ biết trèo cây, hái trái, hoặc rình bắt chim muông, sống trên cành cây cao hay trong hang động tránh thú dữ. Nhờ có trí khôn con người biết chế tạo vũ khí và dụng cụ săn hái mỗi ngày thêm sáng kiến, thêm hiệu quả, thêm thu hoạch.

Đời sống du mục nay đây mai đó, tùy thuộc vào điều kiện thiên nhiên, thời tiết thuận lợi, kinh tế dồi dào. Ngàn năm trôi qua, có những lúc bình yên êm ấm con người ngồi ngắm vũ trụ vạn vật xung quanh để suy tư, để sáng tạo, để đặt kế hoạch và soạn thảo chương trình sống.

Nhìn trời cao vô tận, vực thẳm hun hút, giòng thác cuộn cuộn, hay đồng cỏ mênh mông con người rút tía những kinh nghiệm sống. Rồi từ những sự kiện thực tế ấy con người tìm cách trồng tía, chăn nuôi, thuần hóa súc vật để bắt đầu một đời sống mới, có ấm no, thanh bình, an hòa, hạnh phúc.

Từ tâm lý an sinh của con người, nhu cầu chính trị cũng bắt đầu phải có, vì tay làm hàm nhai, đất đai hạn chế, dân số gia tăng, cho nên xã hội bộ lạc cần có an ninh trật tự, phân chia đất đai, tổ chức làng xã. Nhưng nếp sống nông nghiệp chỉ hiện ra trên những cánh đồng bằng phì nhiêu, phù sa, màu mỡ dọc theo những giòng sông lớn, con người dựng làng lập nghiệp.

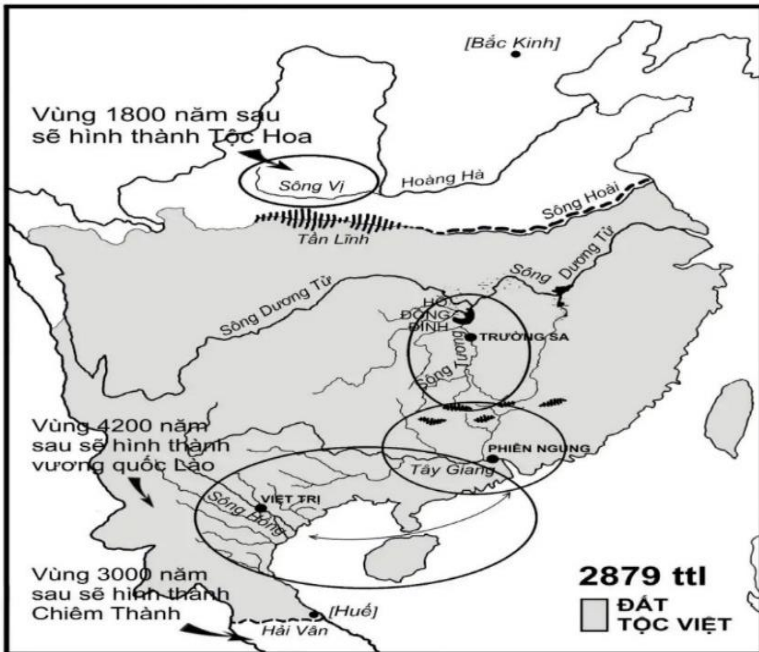
Trái lại, những nơi có núi cao rừng thẳm, sỏi đá băng tuyết, con người vẫn phải tiếp tục săn hái mưu sinh. Điều kiện và hoàn cảnh du mục con người phải biết tổ chức đội ngũ binh bị, huấn luyện chiến đấu, thu nhập lương thực để có khả năng sinh tồn, bảo đảm sinh kế, an toàn sinh nhai.

Bởi thế thời đại săn hái được chia thành hai sắc dân, hai xã hội, hai chế độ là du mục và nông nghiệp. Theo khuynh hướng chính trị con người phát minh ra hai phương thức điều hành

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

quản trị dân nước là chế độ mẫu hệ theo văn trị, và chế độ phụ hệ theo võ trị.

- **Đất Tộc Việt đầu Thời Hùng** – năm 2879 trước Công Nguyên



Đất TỘC VIỆT đầu Thời Hùng - năm 2879 ttl

a. Chế Độ Mẫu Hệ/ Văn Trị

Tổ Tiên dòng giống Trăm Việt đã sống đời nông nghiệp với thời đại thanh bình, ấm no, hạnh phúc được diễn tả trong Truyền Thuyết Tiết Liêu của Chính Thuyết Tiên Rồng, và những vị vua hiền chăm lo đời sống toàn dân. Từ khi có Việt Lịch năm 2879 trước Công Nguyên có nước Văn Lang với 18 Vua Hùng lập quốc trong vùng phía Nam Hồ Động Đình, Sông Dương Tử và trải dài tới miền Bắc Việt Nam ngày nay.

Đang khi xã hội bộ tộc du mục của Trung Quốc phát nguồn từ phía giòng sông Hoàng Hà là hướng Tây Bắc của Trăm Việt. Vào thời này nhu cầu kinh tế tiến đến đâu thì chính trị cũng thay đổi tới đó.

Mọi người trong xã hội đồng thuận với những truyền thống sinh hoạt chung, và mỗi khi có sự đồng thuận thì đất nước có hòa bình, thịnh vượng, an lành. Con người trở vượt những thử thách của thời gian trong nếp sống thân thương, bình đẳng, tương trợ cho nên nếp sống du mục hay nông nghiệp cũng theo truyền thống.

Kinh tế của con người cũng là kinh tế truyền thống, mặc dù hai nếp sống kinh tế du mục và kinh tế nông nghiệp khác biệt nhau. Hai nếp sống du mục và nông nghiệp phát triển riêng biệt, nhưng rồi cũng phải gặp nhau, vì biên cương đất đai cũng có giới hạn bởi núi cao và biển cả.

Sự khô cằn băng giá của miền đất Bắc đã đẩy con người phải di chuyển về phương Nam, và rồi sự nguy hiểm của núi rừng trùng điệp lại dồn con người ra hướng biên. Khi hai nếp sống du mục và nông nghiệp đụng chạm nhau, thì những xung đột xảy ra rõ rệt.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Nếp sống du mục dựa vào săn bắn, nếp sống nông nghiệp dựa vào trồng trọt. Dân du mục sống trong đấu tranh, còn dân nông nghiệp sống trong hợp tác.

Sức mạnh của dân du mục là tiêu diệt, và sức mạnh của nông nghiệp là vun trồng. Khi những xung đột không được giải quyết bằng thương lượng, thì chiến tranh xảy ra.

Kết quả nếp sống du mục Trung Quốc thắng cuộc bởi vì chiến tranh là sở trường của họ. Sự chiến thắng của du mục người Hoa được kéo dài bằng khả năng nuôi dưỡng nếp sống nông nghiệp người Việt Nam.

Do đó nền kinh tế truyền thống lại phải phục tùng một nếp sống kinh tế mới, gọi là nền kinh tế pháp lệnh. Nền kinh tế pháp lệnh là tổ chức điều hành một chiều, từ trên xuống dưới, cá nhân vị kỷ.

Mọi người trong một vùng phải tuân theo lệnh của lãnh chúa. Mọi sinh hoạt kinh tế bị kiểm soát và định đoạt bởi triều đình và nhóm người hành pháp. Gặp vua sáng tôi hiền thì dân được hưởng nhờ, nếu gặp vua quan độc ác thì dân chịu đau thương khổ sở.

Cấu trúc của nền kinh tế pháp lệnh thì mang hình Kim Tự Tháp và thể hiện nền văn hóa Chủ -Nô, chủ nhân và nô lệ hay còn gọi là tổ chức theo sơ đồ ba góc, mà nó vẫn còn tồn tại trong xã hội nhân loại cho tới ngày hôm nay. Cả hai nền kinh tế truyền thống và pháp lệnh tiến rất chậm, vì không có nhu cầu cạnh tranh.

Theo truyền thống thì cha truyền con nối, nhất nghệ tinh nhất thân vinh; còn pháp lệnh thì bảo sao nghe vậy, chính quyền nói sai thì dân chúng cũng đành nghe theo. Nhìn chung các bộ lạc chủ yếu về nông nghiệp thì tổ chức công việc quản trị theo chế độ mẫu hệ.

Người đứng đầu bộ lạc, trưởng tộc/ hay trưởng bộ lạc là nữ giới. Người phụ nữ giữ vai trò lãnh đạo chính trị, đang khi cánh đàn ông chỉ là phụ thuộc và bảo sao nghe vậy.

Theo chế độ mẫu hệ, phụ nữ đứng đầu bộ tộc từ trong gia đình ra ngoài xã hội như Trưng Nữ Vương, Triệu Nữ Vương.

b. Chế Độ Phụ Hệ/ Võ Trị

Các bộ lạc du mục thì nay đây mai đó, không có chỗ ở nhất định và đi tìm đến vùng sữa mật để kiếm ăn sinh sống. Khi vùng đất ấy trở nên khô cằn, thì con người lại phải đi tìm vùng màu mỡ khác.

Đời sống du mục thường gặp nhiều chướng ngại trên đường di chuyển như thú dữ, bộ lạc hiếu chiến khác, cho nên nhu cầu lãnh đạo phải là người có đủ sức mạnh đối phó, và nam giới được chọn làm trưởng tộc/ trưởng bộ lạc, từ đó chế độ phụ hệ ra đời. Ví dụ Thành Cát Tư Hãn, Tổ Phụ Abraham.

So sánh hai chế độ mẫu hệ và phụ hệ, thì chế độ phụ hệ có phần trỗi vượt hơn, lấn lướt hơn, vì dân du mục quen sống chiến đấu tranh giành, xâm chiếm đất đai. Khi bộ lạc du mục người Hoa đến tranh đoạt thì dân theo mẫu hệ yếu thế hơn, thích cầm kỳ thi tửu không quen chiến tranh, không thích cảnh chém giết, nên dân nông nghiệp người Việt đành bỏ vùng định cư mà di tản nơi khác.

Nhưng rồi đất đai cũng có giới hạn mà lòng người thì tham vô đáy, vì thế có nhiều bộ lạc bị diệt vong hoặc đồng hóa. Thiếu số bộ lạc sống sót, vì nhu cầu sinh tồn nên họ phải liên kết lại mà thành lập quốc gia.

Những bộ lạc du mục cũng thế, vì nhu cầu sát nhập của các bộ lạc để đấu tranh với những bộ lạc hùng mạnh khác, cộng thêm tình trạng dân số gia tăng, đất đai có chủ và cần tổ chức xã hội qui mô để bảo vệ, để canh phòng cương vực sở

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

hữu. Hình thức tổ chức nhiều sắc dân trên vùng lãnh thổ rộng lớn.

Quyền hành nằm trong tay một người với một số thuộc hạ, hoặc họ hàng thân thích để hướng dẫn đời sống dân trong lãnh thổ nhằm phát triển trong trật tự và điều hòa. Điều hành quản trị một vùng lãnh thổ lớn gọi là quốc gia, nhà lãnh đạo chính trị của quốc gia gọi là vua.

Từ đó thế chế quân chủ ra đời, tức đợt sóng thay đổi/ thời đại nông nghiệp. Thời đại nông nghiệp những cuộc đấu tranh chính trị đã khởi xướng.

Sức mạnh tiềm ẩn bao gồm lý tưởng, nhân sự, tổ chức và nguồn vật lực. Ví dụ trường bộ tộc nghĩ rằng, nếu được trang bị nghi thức uy nghiêm huyền bí thì ông sẽ tăng quyền lực lãnh đạo, củng cố bộ lạc, phát huy sức mạnh chiến đấu, thực hiện lý tưởng với mộng xâm lăng bành trướng bộ lạc rộng ra khắp vùng.

Muốn thực hiện lý tưởng bành trướng bá quyền, Tướng Quân và Thầy Cúng phải hợp tác trong việc đi tìm nhân sự, gồm những người có khả năng học tập, khả năng hoạt động, khả năng tổ chức và sau khi các ông đã nghiên cứu, phân tích, tổng hợp và nhận định tình hình địch – bạn.

Đồng thời ông còn phải nhận định khả năng của chính ông, giữa ta và người, rồi mời gọi những người cùng lý tưởng, cùng cấp độ, cùng khả năng thuộc nhiều lãnh vực trong xã hội, mà họ đồng ý thực hiện chung lý tưởng bành trướng này.

Thứ đến, những người có cùng mục tiêu, hoài bão, lý tưởng ngồi lại để bàn thảo, đặt kế hoạch sách lược và chương trình hành động, ấn định những điều kiện luật lệ mà những người tham gia phải tôn trọng để thành lập tổ chức. Tổ chức là nơi tập hợp các cá nhân, các khả năng, các lãnh vực chuyên biệt để tạo nên quyền lực và sức mạnh đấu tranh.

Tổ chức còn là nơi đào tạo, cung cấp nhân sự cho các mục tiêu chính và mục tiêu phụ trong công cuộc đấu tranh. Tổ chức cung cấp nhân sự, kế hoạch hành động và là tiềm lực của sức mạnh đấu tranh.

Nếu được trang bị lý tưởng và chính nghĩa, có nhân sự và kế hoạch hoàn chỉnh, mà thiếu phương tiện cung ứng thì không thể thành công. Nguồn vật lực gồm của cải vật chất như tiền bạc, vật liệu, kinh thương, hãng xưởng sản xuất, cơ sở kinh doanh đóng góp cho tổ chức làm phương tiện nuôi dưỡng và phát triển, tức là làm cho khả năng chuyên biệt của mỗi nhân sự thành viên được thăng tiến, phát huy và mở rộng những mặt trận phụ.

Tất cả hỗ trợ cho chiến trường chính, mục tiêu chính, thành quả chính theo đúng kế hoạch của tổ chức đấu tranh thắng lợi. Tóm lại, sức mạnh nền tảng của cuộc đấu tranh chính trị ngay từ thời đại nông nghiệp, ắt có và đủ để thành công là lý tưởng, nhân sự, tổ chức, vật lực.

Sau đó Tướng Quân và Thày Cúng mới vận dụng thông tin tuyên truyền để được chính danh, chiêu mộ, thu phục nhân tài gồm quân sự, tư tưởng, kỹ thuật để tăng cường ban tham mưu và phát triển lực lượng quân sự.

II. Đấu Tranh Sinh Tồn

Con người đấu tranh sinh tồn qua nhiều hình thức, và cuộc đấu đó tiến lên cao điểm thì gọi là chiến tranh. Chiến tranh xảy ra từ khi có con người trên địa cầu này, và các cuộc chiến cũng luôn cải tiến tùy theo thời đại. Bởi thế người ta có câu: “Lưỡi kiếm bén hơn lưỡi cày,” vì dụng cụ chiến tranh luôn được phát minh tối tân để sản xuất hơn dụng cụ kinh tế.

Ngày xưa nền kinh tế còn thô sơ, liên lạc thông tin chậm chạp, lệnh được truyền bằng miệng, và quân đội cũng giống như kinh tế, phải sống nhờ vào canh tác mùa màng ruộng đất.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Cho nên các trận đánh khai chiến vào mùa thu, tức là thời gian mùa màng đã gặt hái xong, đã tích trữ vào kho lẫm.

Vì chiến tranh là chiếm đoạt lương thực của đối phương, và chiến trận phải mở màn ngay sau mùa gặt, bằng không mà để lâu không khởi chiến thì đối phương đã ăn uống, tâu tán, buôn bán, chia chác hết phần lương thực. Bởi thế chiến tranh là giành ăn, và rồi từ chiến tranh lương thực tiến tới chiến tranh quân sự qua các bộ lạc.

1. Chiến Tranh Quân Sự

Chiến tranh cũng được hiểu qua chiều dài lịch sử đời sống bộ tộc gọi là chiến tranh quân sự. Mục đích của chiến tranh quân sự là chiếm chiến trường, giết tướng lãnh, bắt đối phương đầu hàng, chiến thắng rực rỡ, xâm lăng và lập guồng máy điều hành, phổ biến văn hóa của nước chiến thắng.

Nước thất trận thì bị chiếm đóng và trở thành đô hộ, nô lệ, chu hầu hay sát nhập vào hệ thống chính trị mới của đoàn quân chiếm thắng, lập thành đế quốc. Tùy theo thời đại sự lệ thuộc tăng hoặc giảm, nước bị chiếm phải nộp thuế triều cống hay đem quân tham chiến theo lệnh quan thầy, làm nghĩa vụ quốc tế.

2. Mục Tiêu Chiến Tranh

Với chiến tranh quân sự ta có được những mục tiêu rõ ràng như:

- Giết hoặc bắt vua, lãnh tụ, tướng sĩ
- Bắt đối phương đầu hàng
- Bắt đối phương chấp nhận thua trận
- Chiếm lãnh thổ
- Lập guồng máy chính trị lệ thuộc

- Truất phế hoặc giết quốc trưởng
- Can thiệp vào nội tình quốc gia với lập luận có hại cho an ninh thế giới
- Tổng tư lệnh quyết định chiến trường
- Chính trị gia, chính phủ quyết định chiến lược và lãnh đạo chiến tranh.

Ngày xưa tài sản quốc gia tập trung vào tay Nhà Vua, người thay Trời để hành Đạo, trị quốc an dân. Vua của một nước hay hoàng đế của đế quốc thường kiêm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng.

Những vua kế tục sự nghiệp của vua cha thường kém tài so với vua trước, và thiếu khả năng quân sự. Vua này trông cậy vào tướng lĩnh để điều khiển ba quân, và vị này có toàn quyền ở mặt trận. Trong trường hợp này, nhân vật chính trị lãnh đạo chiến tranh và tướng lĩnh quân sự chỉ huy chiến trường.

III. Thể Chế Nước Làng

Theo nguyên lý Tiên Rồng Song Hiệp Hoàn Chính trong truyền thuyết Con Cháu Tiên Rồng, Tổ Tiên đặc biệt rút tĩa nguyên lý này và chú trọng hình thành những nguyên tắc để áp dụng vào cấu trúc, bằng công tác xây dựng phát triển một hệ thống tổ chức chính trị làng thôn, lưu truyền trong lịch sử. Với những cơ quan sinh hoạt tự lập tự do trong nếp sống thân thương bình đẳng, làng thôn Việt còn là nơi bảo toàn lực lượng dân quân, bảo vệ và nung đúc tinh thần yêu nước thương dân của mọi người, bảo tồn nếp sống thuần phong mỹ tục của dân tộc trong thời bình cũng như thời chiến.

Xa xưa cũng như ngày nay, giặc nước bao gồm các loại quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa... đều không thể xâm chiếm và hoành hành được ở trong làng, vì rằng mọi cố gắng nỗ lực chinh phục của giặc vẫn luôn gặp lũy tre xanh kiên cố của làng

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

bao bọc và ngăn cản. Bởi thế Nước Làng Việt Nam trở thành tiền đồn chống các loại giặc nước, và cũng khai tử các chế độ độc tài hay giặc nội xâm hoặc ngoại xâm.

Với nền tảng thể chế Nước Làng như trong truyền thống của Văn Hóa Việt được bảo tồn và phát huy, thì Dân Tộc Việt Nam mới có cơ may thoát khỏi gọng kìm tóa của chế độ độc tài đảng trị, và có tự do hạnh phúc được bảo đảm một cách bền vững cho đời sống của toàn dân. Vì vậy, Chính sách Dụng Làng là một đòn chí tử, triệt tiêu tận gốc rễ của mọi tính cách phổ quát cũng như cưỡng bách bởi duy vật sử quan của tà thuyết nội xâm hay ngoại xâm.

1. Làng Xã Tự Chủ

Đặc tính nền tảng của Làng Xã Việt tự ngàn xưa, là người dân tự ý tới ở, quy tụ thành làng. Tuy cách khởi lập có khác nhau, nhưng điều kiện tiên quyết trong việc Dụng Làng vẫn là lợi ích và sự tự quyết của những người quy tụ, không ai bắt buộc ai.

Làng được thành lập không chỉ vì lợi ích vật chất, biến nơi khô cằn hoang vu thành miền phì nhiêu trù phú như trong truyền thuyết An Tiêm, mà còn vì lợi ích tinh thần. Làng giúp cho người dân thoát nạn sống cảnh bơ vơ thiếu nơi nương tựa, trái lại đã giúp cho toàn dân có được cuộc sống xum vầy đầm ấm, tươi mát trong Xã Hội Đồng Bào, Xã Hội Một Bọc Trăm Con của truyền thuyết Tiên Rồng.

Nếu chỉ để thu tích của cải lợi lộc, dầu dưới bất cứ hình thức nào, như chủ trương của xâm lăng, của đế quốc, của phong kiến, của duy vật duy lợi, thì chẳng những không giúp ích gì cho Dân Tộc, mà còn làm cho Dân Tộc thêm khôn khổ, biến Dân Tộc thành nô lệ, thành động vật tiêu thụ hay máy móc.

Tụ họp thành làng, mọi người chia sẻ cảnh sống vui buồn sướng khổ có nhau, giúp nhau vượt thắng những khó khăn, cùng nhau gánh vác trách nhiệm, cùng nhau xây đắp cho đời, cho làng, cho nước ngày thêm giàu đẹp vui tươi. Và cũng không một thường dân nào bị bó buộc phải cư trú tại một nơi nhất định; dân chúng có thể tùy thích tới ở hay tự ý bỏ đi, miễn là tự quyết và chấp nhận lệ làng hay hương ước của nơi mình muốn gia nhập, cư ngụ.

Khác với tổ chức chính trị của nhiều quốc gia trong Thời Đại Săn Hái, quyền hạn vua quan Việt chẳng những không can thiệp vào đời sống từng người dân, mà cũng không xâm phạm vào nếp sống sinh hoạt của các làng thôn. Đối với triều đình, mỗi làng Việt là một quốc gia thu hẹp có chủ quyền và độc lập; việc làng thì dân chúng tự lập và tự quyết.

Làng tự lập và có ban quản trị riêng, do chính dân bầu ra, có những điều lệ riêng cho hệ thống hành chính của làng, gọi là hương ước. Làng có một ngôi đình để thờ vị Thành Hoàng riêng, với những nghi thức do truyền thống riêng.

Làng có cả tổ chức trị an riêng, với những tiêu chuẩn thưởng phạt do làng quy định. Dĩ nhiên làng cũng có tài sản riêng, và toàn quyền xử dụng ngân sách tài chánh theo nhu cầu.

Trong phạm vi làng, cả quyền phép của vua quan cũng kiêng nể những điều lệ riêng này. Phép vua thua lệ làng... Bởi thế không còn có chế độ nào trực tiếp của dân, do dân và vì dân... hơn thể chế dân chủ Nước Làng Trăm Việt.

2. Định Chế Nước Làng

Khi góp phần vào việc nước, làng là đơn vị đại diện người dân. Theo truyền thống chính trị Việt, người dân không trực tiếp với vua quan mà qua làng. Trong tất cả mọi việc, từ tiếp xúc, lệnh truyền, tới sưu thuế, lính tráng... của nước chỉ cần

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

căn cứ vào làng, liên lạc với làng, và theo khả năng của toàn làng mà định phân đóng góp.

Do đó, làng là đơn vị nền tảng của cơ cấu chính trị, của chính quyền, của nước. Đang khi gia đình là đơn vị nền tảng của xã hội, của cộng đoàn, của dân tộc.

Khác biệt với nhiều thể chế chính trị Tây Phương, người dân không phải đơn độc đương đầu trực diện với cơ quan quyền lực, mà còn được bà con thân thuộc của làng nước xóm giềng chia sẻ, trợ giúp, bù đắp, bảo bọc... Miễn là sao mà làng chu toàn được công tác chung, việc nước.

Đối với người dân, làng trở thành một bức tường che, một mái ấm, một lá chắn bảo đảm vừa vật chất lại vừa tinh thần, vừa thực tế lại vừa pháp lý.

Nhìn chung, làng thôn Việt không phải là nếp sống tự phát, mà được Tổ Tiên tạo thành một thể chế chính trị rất độc đáo, nhân bản và tuyệt vời: Định Chế Nước Làng.

Ông Bà ta cũng phân biệt rõ ràng hai loại công tác chính trị: Việc làng, Việc nước. Và việc làng việc nước khác biệt nhau, từ phần chủ động tới mức độ dần thân, khả năng tài trí và các vấn đề nhu yếu khác. Bởi thế chúng ta có hai loại công tác làng và công tác nước.

Người dân ai cũng có thể làm việc làng, và ai cũng có quyền can dự vào việc tổ chức, điều hành, bầu cử, hay quyết định của làng. Nhưng để đủ tầm vóc để làm việc nước thì người đó phải học hành ở trường sở, phải thông thạo khoa chính trị An Dân, và phải thi cử như thi hương, thi hội, thi đình để xác định khả năng tài trí mà làm việc phục vụ cho toàn dân.

Vẫn biết bất cứ nơi nào, bất cứ thời nào cũng có những kẻ sẵn có ưu thế và muốn củng cố thêm quyền lực hay địa vị. Nhưng Văn Hóa Việt và Đại Chúng Việt luôn quyết tâm sống

thực, bảo vệ và kiên toàn định chế tuyệt hảo này qua mấy ngàn năm lịch sử.

Thê Chế Nước Làng, phép vua thua lệ làng, đã giúp toàn dân Việt Nam được hưởng nếp sống tự do dân chủ, đang khi vẫn tích cực đóng góp đầy đủ và hòa điệu với đời sống quốc gia quốc tế. Thê Chế Nước Làng là đặc điểm căn cội, làm cho nền Quân Chủ Việt khác biệt với các nền quân chủ của những quốc gia trên thế giới.

Theo Văn Hóa Việt, với chủ trương chính đáng về bổn phận của vua quan, tức là lớp người lãnh đạo và với thê chế làng nước, việc chung được quan niệm và thực sự là việc giúp ích cho mọi người, giúp đời.

Khi vua quan ta cư xử với dân chúng như cha mẹ, đem hết tâm hồn và tài trí chăm lo cho mọi người được hưởng ấm no hạnh phúc, và khi người dân được thực sự sống trong tự do dân chủ đúng nghĩa, thì đóng góp vào việc chung là một đồng tâm hiệp lực, một tương trợ cần thiết để bảo đảm cho hạnh phúc chung của nhau. Đi làm việc chung chính là ta đem tài trí giúp ích cho đời.

Tuy nhiên, nhiều khi việc chung cũng vượt quá nếp sống thường ngày và ít mang lại kết quả lợi lộc trước mắt. Vào thời loạn, gánh vác việc chung còn kèm theo cả nguy hiểm tánh mạng. Do đó việc chung thường đòi hỏi tầm nhìn xa trông rộng, và cũng thường làm cho nhiều người ái ngại; điển hình công cuộc tranh đấu cho tự do dân chủ và nhân quyền của Dân Tộc Việt Nam dưới chế độ độc tài đảng trị hiện nay.

Thê Chế Nước Làng của Tổ Tiên mà chúng tôi muốn trình bày nơi đây, là một đặc điểm chẳng những đã giúp cho Dân Tộc Việt Nam thoát nạn quân chủ chuyên chế ở thời quá khứ, mà còn là phương thức giúp cho toàn dân thoát khỏi ách nô lệ của giặc nước ngày nay.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Từ xưa, các nền văn hóa Phương Tây đã luôn bắt từng con người đơn độc phải gánh chịu mọi tai ách do giới quyền thế áp đặt. Từ những thuế khóa, sưu dịch, quân vụ... đều ảnh hưởng trực tiếp tới từng người, như con số của an sinh xã hội. Và việc chung, việc làng, việc nước được coi như công tác phục vụ cho giai cấp thống trị như văn hóa của duy vật duy lợi đang tuyên truyền rêu rao.

Hiện nay, chế độ độc tài đảng trị chẳng những đã biến đổi tổ hợp của người dân thành phương tiện phục vụ giới đặc quyền, mà còn làm mọi cách để phá hủy tổ ấm gia đình, và những cơ chế bảo bọc toàn dân của xã hội đồng bào.

Khi con người trở thành cô độc lạc lõng, thì những thế lực tiền bạc, quyền chức, luật lệ, chuyên môn, nghiệp đoàn, đảng phái... mặc tình thao túng. Và người dân càng ngày càng trở nên đơn độc, nhỏ bé, bất lực trước một bộ máy quyền thế đảng viên ngày một thêm to lớn, đàn áp bóc lột một cách tinh xảo, vơ vét toàn bộ tài sản quốc dân một cách bất nhân phi nghĩa.

3. Hệ Thống Nước Làng

Sống đúng nguyên tắc Giữ Nước Là Việc Của Toàn Dân, Tổ Tiên đã lập hệ thống phòng thủ an toàn nơi toàn dân. Làng thôn của dân trở thành một mạng lưới thành lũy và thành một lực lượng quân sự quốc phòng trải rộng khắp đất nước.

Nhìn lại lịch sử, chúng ta thấy rằng vua quan Việt cũng xây thành, nhưng thành thị không phải là nơi tập trung sức nước. Thủ đô và thủ phủ của Việt Nam đã chỉ là những cái làng lớn, có những cơ sở thích ứng cho nhu cầu hành chánh tài chánh, nghi lễ ngoại giao... Khi nguy cấp, vua quan ta đã sẵn sàng bỏ thủ đô mà chạy về làng để chống giặc cứu nước.

Từ đó, mất thủ đô đã không có nghĩa là bị mất nước như thời điểm vừa qua của Việt Nam Cộng Hòa chúng ta. Với Thế

Chế Nước Làng, làng Việt chính là trung tâm sinh hoạt tự lập tự chủ của người dân, mà cũng là sức mạnh của dân tộc.

Trước mọi cuộc xâm lăng thuộc mọi lãnh vực, trước mọi mưu đồ làm tổn hại cuộc sống hạnh phúc của người dân, hệ thống làng thôn đã luôn luôn là cơ cấu chính yếu giúp dân tộc ta bảo toàn lực lượng, phục hồi sức mạnh, và vùng lên phá tan giặc. Giặc không những chỉ quân xâm lăng cướp nước hay kẻ nổi loạn phá rối, mà còn là những ai, những gì, ở bất cứ phương diện hay mức độ nào, mà làm thiệt hại cuộc sống hạnh phúc của con người, phá hoại nếp sống thanh bình của dân tộc thì là giặc nước vậy.

Dưới khía cạnh quân sự làng là nơi huấn luyện mọi người, toàn dân trở thành nghĩa sĩ, dũng sĩ, chiến sĩ chống giặc.

Chẳng những có hệ thống canh gác nghiêm ngặt, luôn bảo đảm có lớp người túc trực, mà còn có những lò võ thuật đào tạo ra nhiều bậc anh hùng đánh giặc, nhiều cấp lãnh đạo chỉ huy tài ba.

Làng cũng là nơi phát xuất sức mạnh dân tộc về mọi phương diện. Vì vậy trong công cuộc giữ nước, mở nước, cứu nước thì làng đóng vai trò then chốt và quyết định sự thành công của cả dân tộc từ ngàn xưa cho tới ngày nay.

CON NGƯỜI THỜI ĐÀI



Phạm Văn Bản nhận lệnh làm việc tại Boeing Defense – hãng sản xuất phi cơ quân sự thuộc Bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ ở Thành Phố Saint Louis, Tiểu Bang Missouri. Nơi đây tác giả học hỏi được nhiều về người máy và phi cơ không người lái.

CHƯƠNG VI



THỜI ĐẠI NÔNG NGHIỆP

(AGRICULTURE AGE)

Mười ngàn năm nay Đợt Sóng Đầu Tiên (The First Wave) thay đổi khi con người biết trồng trọt, biết chăn nuôi, biết thuần hóa thú vật và biết xây dựng Thê Ché Nước Làng. Thời Đại Nông Nghiệp (Agriculture Age) ra đời đánh dấu một bước tiến vĩ đại của nhân loại sống trên hành tinh địa cầu, và vĩnh biệt Thời Đại Săn Hái với lối sống cá nhân vị kỷ của con người.

Trong Đời Sống Nông Nghiệp, con người phát sinh và đòi hỏi nhiều loại nhu cầu, như nhu cầu kinh tế là đất nước và hạt giống, nhu cầu chính trị là quân chủ, nhu cầu xã hội định đoạt một bảng giá trị thời đại để làm khuôn vàng thước ngọc cho mọi người sống trên trái đất này phải noi theo, khác biệt với đời sống ở thời kỳ ăn lông ở lỗ.

I. Thời Đại Nông Nghiệp

Thời Đại Nông Nghiệp cũng chia thành ba giai đoạn là tiền nông nghiệp, trung nông nghiệp, và hậu nông nghiệp. Biểu tượng thời đại là cái cày, và ông tổ được mọi người nhìn nhận là Thần Nông.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

1. Tiền Nông

Thoạt tiên con người mới chỉ sáng chế ra cái bấp cày trang bị lưỡi gỗ để cày bừa, thay cho sức kéo của con người làm việc trên những mảnh đồng áng ruộng nương. Nhưng theo giòng thời gian vài ngàn năm người ta đã bắt đầu biết chế tạo lưỡi cày đồng, lưỡi cày sắt thay cho lưỡi cày gỗ vì kém bền nhọn khi sỏi đất cày ruộng, vì cày sâu cuốc bẫm mới làm đất cát trở nên màu mỡ, và dùng sức kéo trâu bò để thay thế sức người.

Giờ đây, con người biết vun xới trồng tía, biết làm ăn thành công nhờ vào sức mạnh bắp thịt, được gọi là Thời Đại Cơ Năng, vai u thịt bắp trai tráng khỏe mạnh ở nông thôn, đã được nhiều người đẹp ở tỉnh thành chằm chằm, chọn lựa. Đời sống nông nghiệp con người gắn bó với điều kiện thiên nhiên, khí tượng, thời tiết.

Tây Phương thì tính thời vụ mùa màng theo Dương Lịch, họ dùng ánh sáng mặt trời đối chiếu với các nấc thang ghi trên Kim Tự Tháp ở Ai Cập (Pyramid Egypt Giza tính theo mặt trời) để tính ra niên lịch, thời giờ, ngày tháng. Đang khi Đông phương cũng tính thời khắc theo ánh sáng của mặt trăng với con nước thủy triều lên xuống trên nấc thang Kim Tự Tháp ở Cancun, Mê Tây Cơ (Pyramid Chichen Itza tính niên lịch theo mặt trăng) được gọi là Âm Lịch, nhìn chòm sao Thần Nông để tính ra thời lượng cho việc cày cấy gieo trồng.

Con người sống phù hợp với môi trường sinh nhai quen thuộc, tuân tự theo chu kỳ vũ trụ như trái đất xoay quanh mặt trời, mặt trăng xoay quanh trái đất và trở thành định luật bất di bất dịch trong cuộc sống dân làng. Cũng từ đó con người phát sinh tư tưởng, luân lý, đạo đức, tôn giáo làm khuôn mẫu cho đời sống xã hội nông nghiệp.

Văn chương thi phú đã được phát xuất và thịnh hành trong Thời Đại Nông Nghiệp vì con người có nhiều thời gian nhàn rỗi nghỉ ngơi để suy tư và sáng tạo.

2. Trung Nông

Con người biết cách làm nông, cày cấy, chài lưới và sản xuất lương thực càng ngày dồi dào, nuôi sống gia đình. Đời sống nông dân trở thành sung túc, thịnh vượng, gia tăng nhân khẩu thì nhu cầu đất đai càng ngày càng hạn hẹp, do đó ràng buộc mọi người phải sống tụ tập thành ấp thành làng trong nước để dễ dàng chia phần ruộng đất, sinh hoạt gia tộc và nâng cao mức sống.

Khi con người cải tiến không ngừng trong việc chăn nuôi, trồng trọt, cày cấy, dẫn thủy nhập điền, trị nước tránh ngập... thì Ông Tổ Thần Nông ra đời, ông hướng dẫn mọi người về phương cách làm ruộng, mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu. Thần Nông được thờ kính ở các đình làng và trong nhiều lễ hội.

Lễ tịch điền tổ chức khi gặt hái, hạ điền trước khi gieo trồng, và cầu bông khi lúa trở hạt. Thần Nông còn được dùng đặt tên cho chòm sao trên trời, giúp cho nông dân đối chiếu với con nước thủy triều để biết tính toán thời vụ cày cấy.

3. Làng Xã Nông Nghiệp

Con người biết chế tạo vật dụng, mở rộng canh tác, sản xuất lương thực và dẫn đưa xã hội bộ tộc tiến lên xã hội thôn ấp vào thời kỳ tiền nông. Thời đại này con người cần ruộng đất canh tác, cho nên cương vực lãnh thổ được đánh dấu bằng những hình thể địa dư như sông ngòi, đồi núi có thể dễ dàng xác nhận trong công ước.

Và khi con người có văn tự, có bản đồ, có đo đạc ấn định trong việc phân chia ranh giới và công nhận của hai hoặc nhiều

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

đơn vị, thi lãnh thổ mở rộng hay hẹp là tùy thuộc vào quyền lực chính trị. Do đó mà có đất nước lớn hay nhỏ, làng xã rộng hay hẹp.

4. Đất Nước Nông Nghiệp

Con người tiến tới giai đoạn biết đóng tàu thuyền, ghe chài, thuần hóa ngựa cỡi, nuôi trâu bò kéo xe kéo cày làm thay đổi bộ mặt xã hội, di chuyển thuận lợi, vận tốc nhanh chóng. Bởi thế nhiều làng đã liên kết thành một nước, gọi là làng xã với hệ thống tổ chức điều hợp chính trị, triều đình vua quan, thuộc thời kỳ trung nông với quốc gia nông nghiệp.

Quốc gia phát triển khi gia tăng dân số và nhu cầu đòi hỏi con người phải có hệ thống sản xuất nông nghiệp, hệ thống cung cấp thực phẩm, hệ thống dẫn thủy nhập điền nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của toàn dân. Do đó triều đình phải thành lập hệ thống quân đội quốc phòng, bảo đảm an ninh và bảo vệ tài nguyên.

Theo làn sóng văn minh nông nghiệp phát nguồn từ Trung Đông tiến qua các nước Ai Cập, Đông Nam Châu Á... xuất hiện nhiều chiến lũy, chiến hào, chiến đài. Phương Đông có chùa tháp lộng lẫy, phương Tây với thánh đường đồ sộ nguy nga tráng lệ, không thua kém cung điện triều đình vua quan.

5. Nông Nghiệp Trung Hoa

Theo truyền thuyết kinh tế nông nghiệp Trung Hoa, khởi đầu từ thời Nhà Thương, ruộng đất công nhận là của chung, của bộ tộc. Nhưng tới thời Nhà Chu thì áp dụng phép Tĩnh Điền, chia ruộng đất thành 9 khu hình Chữ Tĩnh – khu đất ở giữa có cái giếng nước được gọi là Công Điền, còn 8 khu kia phân phát cho các bộ tộc canh tác hưởng lợi. Khu Công Điền thì các bộ tộc cày cấy và nộp thuế cho triều đình nhà vua.

Tới thời Xuân Thu, Thượng Ưởng làm tướng Nhà Tần phế bỏ Tỉnh Điền và áp dụng Pháp Gia, xóa bỏ ruộng, khai thiên mạch, hướng dẫn cách canh tác mới và cho mọi người được quyền Tư Điền, nạp Địa Tô vật phẩm cho triều đình, thay thế địa tô sưu dịch của phép tỉnh điền. Thống nhất đo lường, đo đạc (hộc, thùng, cân, thước, tấc) nhờ đó việc đánh thuế được gia tăng.

Phân cư và điều hợp các xóm làng thành huyện và cắt cử quan lại trông coi. Tần Thủy Hoàng sau khi thống nhất đất nước áp dụng chính sách trung ương tập quyền, hủy bỏ phép tỉnh điền và truất phế thế lực của 8 bộ tộc đã từng khuynh đảo nền chính trị Trung Hoa ngày đó.

6. Nông Nghiệp Việt Nam

Khác biệt với xã hội chủ nô của Trung Quốc, xã hội của Việt Nam là Xã Hội Đồng Bào, Xã Hội Anh Em, Bọc Mẹ Trăm Con của Chính Thuyết Tiên Rồng, một tuyệt tác Chính Trị của Tổ Tiên, và là món quà tặng vô giá đang nằm tiềm ẩn trong kho tàng Văn Hóa Việt.

Khác biệt với phép Tỉnh Điền của Trung Quốc, triều đình Việt Nam áp dụng và điều hành phép Quân Điền, là công điền công thổ và chia đất định kỳ tạo ra công bằng xã hội trong việc phân định cuộc sống ấm no cho toàn dân. Chế độ điền thổ của Việt Nam, theo nguyên tắc là của chung, của công — của vua.

Vua là người đại diện tối thượng có quyền sở hữu và cấp phát ruộng đất cho toàn dân. Mọi người dân đều được hưởng quyền tư hữu, lãnh đất canh tác, sở hữu hoa lợi và đóng thuế cho triều đình.

Tới thời nhà Trần, Lê Quý Ly lại đề xướng chính sách Hạn Điền, vì dân số gia tăng và yêu cầu người nào có hơn 10 mẫu đất, thì phải nộp số ruộng dư làm của công. Tuy rằng nhà vua có quyền sở hữu, nhưng chủ quyền hưởng dụng do làng xã tự

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

quản, gọi là công điền công thổ để phân phát cho mọi người dân làng.

Luật điền thổ thời đó cấm không ai được quyền trao đổi, buôn bán hay sang nhượng đất đai làm của riêng. Thời gian phân bổ ruộng vườn là cứ mỗi ba năm, làng lại chia đất lại cho mọi người theo số lượng tráng đinh trong làng.

Vì rằng số con cháu gia tộc trong làng tới tuổi trưởng thành khôn lớn, là tráng đinh thì được hưởng quân cấp khẩu phần và tư hữu ruộng đất. Ngoài số ruộng chia cho dân trong làng tự túc canh tác và có quyền tư hữu, làng cũng còn giữ lại một số khoản đất để làm công quỹ của làng:

- Bút điền là ruộng cho thuê, nộp tô dùng chi phí về sổ sách giấy tờ trong việc điều hành quản trị dân làng.

- Trợ điền là ruộng trích ra nhằm thực hiện những chương trình xã hội, cứu trợ hay giúp cho những ai gặp khó khăn trong việc đóng thuế đinh, thuế thân.

- Học điền là ruộng dành giúp cho hội tư vấn, có quỹ đi thuê thầy dạy học cho con em dân làng, hoặc tu bổ, mở mang thêm trường lớp.

- Cô nhi quả phụ điền là đất dành để giúp cho con trẻ mồ côi, góa phụ nghèo túng hay đơn thân hoạn nạn.

Tổng quan về chính sách ruộng đất của Việt Nam là một điểm son trong lịch sử, và khác biệt với các chính sách điền địa của Trung Quốc, hay của Nhật Bản, Thái Lan, Đại Hàn.

7. Nước Làng Tự Chủ

Đặc tính Nước Làng Việt Nam là người dân tự ý tới ở, tự quy thành làng, tự quyết cuộc sống. Tuy có nhiều cách khởi sự lập làng khác nhau, nhưng điều kiện tiên quyết trong việc

lập làng vẫn là sự tự quyết và ích lợi của mọi người quy tụ, không ai buộc ai, tự do chọn lựa.

Tự họp thành làng, mọi người chia sẻ cho nhau cảnh sống vui buồn sướng khổ, giúp nhau vượt thắng những khó khăn, cùng nhau gánh vác trách nhiệm, cùng nhau xây đắp cho đời, cho làng cho nước ngày một thêm giàu đẹp thanh bình. Làng cũng không bó buộc ai phải cư trú ở một nơi nhất định, người dân có thể tới ở hay tự ý bỏ đi, miễn là chấp nhận lệ làng khi muốn gia nhập.

Khác với tổ chức chính trị của nhiều quốc gia đương thời, quyền hạn vua quan Việt Nam chẳng những không can thiệp vào đời sống của từng người dân, mà cũng không xâm phạm vào nếp sống sinh hoạt của các làng. Đối với triều đình, mỗi làng là một quốc gia thu hẹp có chủ quyền, tự do và tự lập, việc làng thì dân chúng tự hành tự quyết.

Làng tự lập chẳng những có ban điều hành do chính dân bầu ra, mà còn có luật lệ theo hệ thống hương ước và hành chính của làng. Làng có ngôi đình thờ vị Thành Hoàng, với nghi thức truyền thống tự quản.

Làng có lực lượng trị an với tiêu chuẩn thưởng phạt minh bạch do làng quy định. Làng cũng có tài sản riêng và có toàn quyền xử dụng ngân sách theo nhu cầu người dân trong làng.

Trong phạm vi làng xã Việt Nam, cả quyền phép của vua quan cũng phải kiêng nể trước hương ước, điều lệ riêng của làng, “Phép vua thua lệ làng.” Bởi thế làng xã Việt Nam đã thể hiện một chế độ trực tiếp do dân, của dân, vì dân hơn bất cứ thể chế chính trị nào khác.

8. Nước Làng Nông Nghiệp

Khi góp phần vào việc nước, làng là đơn vị đại diện người dân. Trong truyền thống chính trị Việt, người dân không trực

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

tiếp với vua quan mà phải qua làng. Trong tất cả mọi việc từ tiếp xúc, lệnh truyền, tới sưu thuế lính tráng của nước, triều đình Việt Nam chỉ căn cứ vào làng, liên lạc với làng và tùy thuộc khả năng của làng mà định phần đóng góp.

Do đó, làng là đơn vị nền tảng của cơ cấu chính trị, của chính quyền nước. Đang khi gia đình là đơn vị nền tảng của cộng đồng xã hội, của dân tộc.

Khác biệt với nhiều thể chế chính trị trên thế giới, người dân Việt không phải đơn độc đương đầu với cơ quan quyền lực, mà đã được họ hàng thân thuộc trong làng hỗ trợ, miễn sao làng chu toàn nhiệm vụ công tác với nước. Đối với người dân Việt, làng là bức tường che chắn, mái ấm bảo bọc, cuộc đời bảo đảm vật chất và tinh thần, vừa thực tế lại vừa pháp lý.

Làng thôn Việt không phải là nếp sống tự phát hay vô tổ chức, mà được Tổ Tiên tạo thành một thể chế chính trị độc đáo, nhân bản, tuyệt vời, là một định chế làng nước thể hiện trong Chánh Thuyết Tiên Rồng.

9. Đế Quốc Nông Nghiệp

Đang khi Việt Nam sống theo hệ thống làng nước trong chế độ quân chủ pháp trị, thì nhiều quốc gia lại thực hiện “đế quốc nông nghiệp.”

Nhiều nước mạnh ở phương Đông hay phương Tây vào thời kỳ hậu nông nghiệp đã phát triển kinh tế vững mạnh, tìm thị trường tiêu thụ, đem quân đánh chiếm nước lân bang làm thuộc địa và khai thác tài nguyên khoáng sản. Thực dân xâm lược áp dụng chính sách bành trướng và trở thành đế quốc.

10. Chính Trị Nông Nghiệp

Những nước có nguồn gốc du mục — phụ hệ — thường chú trọng tới sức mạnh quân sự, các mặt liên quan đời sống dân sự chỉ là phụ thuộc. Họ tổ chức binh lực để đập tắt các

cuộc nổi loạn hay muốn thay đổi chính quyền, đề phòng ngoại xâm, mở chiến tranh xâm lấn các nước lân bang, tiêu diệt hay cưỡng chiếm các bộ lạc chậm tiến, chưa kịp theo đà biến đổi, cải tiến chính trị quân chủ. Trong nước thì họ dùng võ lực để trị dân, áp dụng hình pháp nghiêm nhặt triệt để gọi là võ trị.

Những nước có nguồn gốc nông nghiệp - mẫu hệ - thì chú trọng tới việc giáo hóa, hướng dẫn chăm lo đời sống âm no hạnh phúc của dân, võ lực không phải là điều chính yếu trong việc tổ chức cai trị dân. Hình thức cai trị này là văn trị.

Thời tiền quân chủ, các quốc gia có nguồn gốc du mục áp dụng võ trị, nặng hình thức trừng phạt mà hình luật thì lại vô tình. Đang khi quốc gia có nguồn gốc nông nghiệp dùng văn trị, thì chú trọng việc giáo hóa, sửa đổi con người và nặng tình hơn lý.

11. Quân Chủ Phong Kiến

Phong Hầu Kiến Địa cất đất tặng cho công thần. Vua tặng thưởng cho người có công như tiền của, tặng phẩm tặng vật hay chức vị, để làm động lực thúc đẩy lòng hăng say của người phục vụ chế độ. Đối với chức quan nhỏ, văn hay võ, khi có công thì được thăng lên chức vị tương xứng.

Nhưng hàng tướng lãnh, hay quan nhất phẩm của triều đình hoàng tộc, thì tiền bạc hay chức tước đã trở thành bình thường thứ yếu, vì mọi người đều có. Do đó nhà vua phải cất đất tặng cho công thần, để họ có toàn quyền xử dụng đất đai, lối tương thưởng này được gọi là phong kiến — phong hầu kiến địa.

Nhờ lối tổ chức cai trị theo hình thức phong kiến đã giúp cho xã hội con người phát triển ổn định và điều hòa trong nhiều ngàn năm. Nhưng sau vì có nhiều lãnh chúa hay tiểu quốc vương trên các lãnh địa gây hấn, xâm lấn, tiêu diệt lẫn

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

nhau trong thời gian dài mấy trăm năm, họ đưa xã hội vào vòng hỗn loạn bế tắc.

Bởi đó mà hình thức cai trị mới ra đời từ Âu sang Á, đặc biệt là Trung Hoa vào năm 221 trước Tây lịch, Tần Thủy Hoàng thành công trong chính sách “Diệt lục quốc thống nhất thiên hạ” đổi thể chế phong kiến ra “quân chủ chuyên chế.”

12. Quân Chủ Chuyên Chế

Lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại, sau bao trăm năm chiến tranh giữa các tiểu vương quốc, Tần Thủy Hoàng dùng bạo lực cưỡng chiếm các lân quốc. Ông đặt lại quyền thống trị các lãnh thổ chiếm được, truất phế quyền bính vua chúa và đổi chế độ phong kiến thành ra chế độ quân chủ chuyên chế.

Ông tập trung tất cả các quyền hành, thống nhất chữ viết, tiền tệ, dụng cụ đo lường, luật pháp và sách vở vào tay ông, gọi là hoàng đế. Những phần lãnh thổ chiếm được, ông chia làm quận huyện và bổ nhiệm quan chức triều đình cai trị, và trực thuộc bộ máy cầm quyền thống nhất Trung Quốc.

13. Tiến Trình Xã Hội

Song hành với chế độ có nguồn gốc du mục dùng võ lực của Trung Quốc, thì ở phương Nam chế độ quân chủ dùng văn trị do Tộc Việt lãnh đạo, được hưởng thái bình an lạc trong 2500 năm.

Khoảng thời gian này, Lịch Sử Tộc Việt chỉ có 3 lần chiến tranh xảy ra (1) Ân Cao Tôn đem quân xâm lấn và toàn dân Việt vùng lên đánh đuổi (2) Việt Vương Câu Tiễn đánh bại Ngô Vương Phù Sai trả hận bị vây hãm ở núi Cối Kê (3) Chiến tranh giữa hai sắc tộc Trăm Việt, là Việt Vương Triệu Đà chiếm đất An Dương Vương Thục Phán ở thành Cô Loa.

Bởi thế mà có chính sách an dân thịnh nước và Chính Thuyết Tiên Rồng ra đời với những truyền thuyết trong Lịch Sử Việt Nam.

Con người đã phải trải qua bao giai đoạn lang thang trên cánh đồng hoang vắng, sống cô đơn bao ngàn năm sẵn hái để biết kết xã trong thời kỳ hậu nông nghiệp. Từ xã hội đơn sơ dăm ba người ngày trước, tới khi thành lập làng xã có vạn triệu dân là một tiến trình dài phát triển hai hệ thống, xã hội công quyền và xã hội dân sự.

14. Xã Hội Dân Sự

Xã được hiểu theo nghĩa rộng là tổ chức thân thiện của loài người, và theo nghĩa hẹp là một nhóm người có chung quyền lợi, đặc tính hợp lại thành tổ chức được gọi là hội. Cơ cấu xã hội tăng dần, từ tổ chức bộ lạc phát triển thành làng xã nông nghiệp.

Khi con người tiến sang thời kỳ tiền kỹ nghệ, các miền hay tỉnh có khả năng tự trị trở thành tiểu bang trong liên bang Hoa Kỳ hay Úc Đại Lợi, hoặc tỉnh bang Gia Nã Đại, mục đích hợp tác và tranh đấu cho quyền lợi, cho tự do, cho tự chủ của tiểu bang/ tỉnh bang.

Con người có những tổ chức sinh hoạt riêng tư, tuy nằm trong hệ thống công quyền, nhưng hoạt động riêng tư không bị chính quyền chi phối – phép vua thua lệ làng, được gọi là xã hội dân sự. Xã hội dân sự cũng được gọi là xã hội tư, khi một nhóm người không liên quan đến chính quyền thành lập hội đoàn.

Sự hoạt động của hội không nguy hại chính quyền, không tranh giành quyền bính, mà còn phục vụ cho cộng đồng xã hội. Xã hội khởi thủy chỉ có một cơ cấu tổ chức bao gồm chính trị, văn hóa, quân sự, tôn giáo, y tế, giáo dục... nhưng qua thời gian dân số gia tăng, các lãnh vực sinh hoạt được chuyên môn

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

hóa, số người làm nghề nghiệp mới, tạo ra tổ chức Xã Hội Dân Sự (Civic Society).

Hợp Tác Xã (Cooperative) là xã hội hợp tác hoạt động kinh tế và kinh doanh, không tìm kiếm lợi nhuận, và chỉ hợp tác để tiêu thụ. Những người tiêu thụ đoàn kết để giảm chi phí, tránh các giai đoạn trung gian, phân phối hạ giá mua hàng hóa, bằng cách làm chủ cơ sở, hàng hóa do họ chung nhau tạo dựng và mua sắm.

- Năm 1761 một nhóm thợ dệt Anh Quốc hợp nhau để mua chỉ dệt và bột mì. Họ lập bộ phận mua hàng hóa và phân phối đến các thành viên.

- Năm 1795, 1400 người ở Hull, Anh Quốc lập hợp tác xã nhà máy xay bột để đáp ứng nhu cầu của thành viên. Sự lợi ích của hợp tác xã tăng nhanh, vào thập niên thứ ba thế kỷ 19, ở Anh Quốc, đặc biệt ở những vùng kỹ nghệ, hợp tác xã tiêu thụ ra đời, về sau phát sinh ra hợp tác xã sản xuất và hợp tác xã dịch vụ.

- Hình thức hợp tác xã được cải tiến vào năm 1844, khi 28 thợ dệt nghèo ở Rochdale, Anh Quốc thành lập hội tương trợ, được gọi là Hội Công Bằng Tiên Phong Rochdale (Rochdale Society of Equitable Pioneers). Với sáng kiến này, hội lập tiệm tạp hóa và buôn bán thành công thịnh vượng.

- Năm 1863 Anh Quốc có hơn 400 hợp tác xã theo kiểu mẫu của Hội Rochdale. Kể từ đó phong trào hợp tác xã lớn mạnh, trở thành kiểu mẫu cho thế giới. Đến giữa thế kỷ 20 có 2400 hợp tác xã các loại, và hợp tác xã bán sỉ là cơ quan phân phối lớn nhất ở Anh Quốc.

- Thụy Điển phong trào hợp tác xã cũng thành công trong lãnh vực tiêu thụ, phân phối sản phẩm kỹ nghệ và là động lực của kinh tế nước này. Hợp tác xã ở Thụy Điển còn được gọi

là “con đường trung dung” để phân biệt giữa xí nghiệp do cá nhân làm chủ và xí nghiệp của chính phủ điều hành.

- Phong trào hợp tác xã tiêu thụ được thành lập tại Hoa Kỳ vào đầu thế kỷ 20. Kể từ năm 1920 hợp tác xã được áp dụng vào các lãnh vực như tiệm tạp hóa, bánh mì, tiệm ăn, nhà máy điện, bảo hiểm, ngân hàng... cạnh tranh thành công với các cơ sở kinh doanh tư nhân. Hợp tác xã nông dân là mạnh nhất ở Hoa Kỳ.

- Ngoài các hợp tác xã tiêu thụ, sản xuất chúng ta thấy hiện nay có các hợp tác tín dụng, hợp tác bảo hiểm, hợp tác y tế, mai táng là những hợp tác xã lớn tại Hoa Kỳ.

- Liên Minh Hợp Tác Quốc Tế (International Co-operative Alliance, ICA) được thành lập năm 1895, đến thập niên 1980 tổ chức có 355 triệu thành viên, có tiếng nói ở Liên Hiệp Quốc.

- Người Trung Hoa đi lập nghiệp ở hải ngoại, đã thành lập các bang, như bang Triều Châu, bang Phúc Kiến... Các bang này là “xã hội dân sự” hoạt động độc lập đối với chính quyền cũng như với dân bản xứ.

Các xã hội sắc tộc chú trọng đến buôn bán, thành công, và có truyền thống thương mại cao hơn dân bản xứ. Từ đó họ vươn lên giữ quyền kiểm soát kinh tế, tài chánh của một số tiểu bang ở Hoa Kỳ hay Úc Đại Lợi, hoặc tỉnh bang Gia Nã Đại là nơi nhiều người Hoa cư ngụ.

Còn ngành làm móng của người Việt ở hải ngoại thì sao, bao giờ có hợp tác xã? Câu hỏi còn chờ một tiểu luận trả lời!

Tóm lại, đợt sóng nông nghiệp bắt đầu chìm xuống ở cuối thế kỷ 17 tại Châu Âu, vào khoảng năm 1750 kỹ nghệ bắt đầu tại Anh Quốc. Đợt Sóng Thứ Hai đã tràn ngập cả nước, cả lục địa và cả toàn cầu với nhiều tốc độ nhanh chậm khác nhau, thành công chỉ ba trăm năm Thời Đại Kỹ Nghệ, nếu so với

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

chục nghìn năm Thời Đại Nông Nghiệp và bao triệu năm Thời Đại Săn Hái.

Câu Chuyện Thời Đại:



Đức Tính Thay Đổi Qua Thời Đại

Những sách vở cổ thư của Phương Đông cũng như Phương Tây cách nay hai ngàn năm ghi chép lại rằng, thời đó cha mẹ thường mắng trách con cái hư hỏng. Nếu chúng ta so sánh với các cụ ở thời điểm cách nay 2022 năm trách cứ hư hỏng, thì chẳng lẽ chúng ta hư hỏng ra sao? Và tiếp tục chúng ta lại dùng điệp khúc hư hỏng cho con cháu của mình. Vậy hư hỏng là gì? Hư hỏng, phải chăng là thế hệ trước nhìn thế hệ sau để phán đoán theo quan điểm thời đại của mình.

Vì cấu trúc xã hội thay đổi theo từng thời đại con người cho nên giá trị cuộc sống của mỗi thời đại khác nhau. Ví dụ đức tính giết người để ăn thịt của thời đại tiền sử đã trở thành tội ác của thời đại nông nghiệp và thời đại kỹ nghệ. Đức tính kết hôn và đa thê của thời đại làng nước nông nghiệp đã trở thành lạc hậu với thời đại liên bang kỹ nghệ, và đó là hư hỏng.

Tóm lại, nhu cầu của con người và điều kiện sống đã tạo ra bảng giá trị của thời đại.

CHƯƠNG VII



THỜI ĐẠI KỸ NGHỆ

(INDUSTRIAL AGE)

Thời Đại Kỹ Nghệ được mở đầu từ khi Isaac Newton (1641 – 1727) phát minh lý thuyết khoa học và vật lý học với nhiều công trình nghiên cứu, đặc biệt là ngành toán học Vi Phân Tích (Calculus). Vương Quốc Anh ứng dụng lý thuyết Newton trở thành nước kỹ nghệ đầu tiên dùng sức kéo của Động Cơ Hơi Nước trong sản xuất nông nghiệp, chế tạo cơ giới, mở mang giao thông, khai thác mỏ quặng, biến chế thực phẩm thay thế sức lao động của con người và sức kéo trâu bò, mở ra Thời Đại Kỹ Nghệ để thay thế cho Thời Đại Nông Nghiệp.

Chúng ta được biết rằng các thiết bị chạy bằng hơi nước được phát minh ra Aeolipile do kỹ sư toán học Ai Cập tên Hero ở thành Alexandria vào thế kỷ thứ nhất, sau Công Nguyên. Sau đó được nối kết với số ứng dụng khác được ghi nhận vào thế kỷ 16 và 17 để hoàn thành Động Cơ Hơi Nước.

Ví dụ, bơm khử nước của Thomas Savery đã xử dụng áp suất hơi hoạt động trực tiếp trên mặt nước. Tiếp đến động cơ này thành công về mặt thương mại đầu tiên, là có thể truyền năng lượng liên tục đến máy được phát triển vào năm 1712 bởi Thomas Newcomen.

Rồi James Watt đã thực hiện một cải tiến quan trọng bằng cách loại bỏ hơi nước đã qua xử dụng sang một bình riêng để

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

ngưng tụ, cải thiện đáng kể lượng công việc thu được trên mỗi đơn vị nhiên liệu tiêu thụ.

Các Động Cơ Hơi Nước đầu tiên được sử dụng như bộ phận chuyển động sơ cấp của bơm, đầu máy tàu hỏa, tàu thủy hơi nước, máy cày, xe tải và các loại xe cơ giới chạy trên đường bộ hay đường thủy, và trở thành nền tảng căn bản được khai trương Thời Đại Kỹ Nghệ.

Các nước Pháp, Đức, Ý cũng dùng thành quả khoa học Newton nói trên của Anh Quốc để phát triển kinh tế. Đây là những quốc gia kỹ nghệ đã tạo Đợt Sóng văn minh Thứ Hai làm thay đổi toàn diện đời sống con người, và đời sống tổ chức cộng đồng xã hội từ chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa, giáo dục, tôn giáo.

Đợt Sóng Kỹ Nghệ lan tràn rất nhanh chóng ra khắp Châu Âu, rồi tiến sang Bắc Mỹ và một số quốc gia Châu Á, Châu Úc trong ba thế kỷ vừa qua. Kỹ nghệ là dùng máy móc thay thế sức lao động của con người ở Thời Đại Nông Nghiệp, sản xuất hàng loạt theo hệ thống giầy chuyền, làm giảm nhân công của giới thợ và tăng lợi nhuận cho giới chủ.

Một quốc gia muốn kỹ nghệ hóa phải có cơ giới và thiết kế hăng xưởng, mở mang nhà máy công xưởng, xí nghiệp, khai thác luyện kim, chế tạo động cơ, làm cầu đường, dựng nhà kho và nhà nghỉ cho giới công nhân. Chính quyền đặt dự án xây dựng và phát triển đô thị kỹ nghệ, và xóa bỏ ranh giới nông thôn.

Nhờ kỹ thuật cao ruộng đất thị trấn được xây thành đô thị nhanh chóng, vận chuyển và cung cấp lương thực từ nông thôn cho dân chúng tỉnh thành tiêu thụ dễ dàng, phương tiện lưu thông thuận lợi, mở mang đường xá, xây dựng cầu cống, đào vét sông ngòi. Sản xuất công nghệ càng ngày gia tăng, thì số

lượng hàng hóa càng ra càng có nhiều, giá cả càng rẻ, sản phẩm càng mới lạ.

Từ cuộc sống thịnh vượng đó, có công ăn việc làm nhiều, sản phẩm mới xuất hiện liên tục, giá thành giảm hạ tạo ra cho tâm lý con người thích tiêu thụ, thích mua sắm, thích thời trang. Tiêu thụ giờ đây không còn là nhu cầu mà đã trở thành cái thú tiêu khiển, hoặc bệnh ghiền thời trang.

Sinh hoạt xã hội nông nghiệp cũng được kỹ nghệ hóa. Ví dụ kỹ nghệ văn hóa giáo dục, kỹ nghệ quốc phòng, kỹ nghệ thực phẩm, kỹ nghệ ăn uống, kỹ nghệ truyền thông báo chí... và ngay cả các cơ sở tôn giáo cũng biến thành kỹ nghệ. Biểu tượng thời đại là cột khói nhà máy để thay thế hình ảnh con trâu cái cày. Ông tổ là Newton. Nhu cầu kinh tế là công nhân và nhiên liệu, và nhu cầu chính trị là dân chủ.

1. Thời Đại Đối Kháng

Nhìn chung đối kháng giữa Thời Đại Nông Nghiệp và Thời Đại Kỹ Nghệ đã từng xảy ra trong những cuộc giành giật đảng phái, đụng độ gay gắt, đấu tranh sinh tồn giữa hai thành phần cấp tiến và bảo thủ trên các lãnh vực mà chủ yếu là do tổ chức lãnh đạo chính trị.

Những cuộc đấu tranh của giới bảo thủ là bảo vệ tài sản, ruộng đồng, đặc quyền đặc lợi của tầng lớp lãnh chúa hay địa chủ sống giàu sang sung túc trên các lãnh địa mà nay bị phe cấp tiến trung dụng để xây dựng đô thị kỹ nghệ.

Hoa Kỳ và các quốc gia Phương Tây “kỹ nghệ hóa” cũng từng chịu đau đớn, chua xót chứng kiến những cảnh huynh đệ tương tàn do phe cánh bảo thủ và cấp tiến kích động gây ra những cảnh tham nhũng và giành giật lẫn nhau như “Cò Đất” và “Dân Oan.” Đang khi nhiều nông dân tích cực tham gia và xây dựng kỹ nghệ như làm công nhân để có việc làm, có lương bổng, có nghề nghiệp, có cuộc sống an sinh mà giới bảo thủ

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

lãnh chúa trong đảng chính trị đã từng kết án Thời Đại Kỹ Nghệ này là “Cơ Sở Ma Quỷ.”

Kỹ nghệ đã làm bành trướng thị trường quốc gia, kéo theo chủ nghĩa quốc gia, và chiến tranh thống nhất quốc gia như đã xảy ra ở Anh, ở Pháp, ở Đức, ở Ý và nhiều nơi khác trên thế giới. Sức mạnh kỹ nghệ của Châu Âu lại cần thị trường nguyên liệu, nhiên liệu rẻ, do đó đã tạo ra chiến tranh và đem quân đi xâm chiếm các nước nghèo nàn chậm tiến để khai thác thuộc địa ở Châu Á, Châu Phi.

Nhưng kết quả những nhân tài của Thời Đại Kỹ Nghệ đã chiến thắng trong việc tranh giành quyền hành ở trong nước, cũng như đã chiến thắng trong những cuộc đấu tranh ở các nơi khác trên thế giới. Bởi vì quốc gia kỹ nghệ đã có nền kinh tế xã hội phức tạp hơn, cho nên họ cần sự liên lạc với các quốc gia khác qua hiệp ước quốc tế.

Do đó khối hiệp ước quốc tế gia tăng nhiều trong thời gian qua. Và rồi quốc gia kỹ nghệ tiến đến nền kỹ thuật cao nhờ sự liên lạc tối tân nhanh chóng. Một lần nữa, kỹ thuật cao lại làm mềm, làm mỏng, làm đứt biên giới quốc gia.

2. Kinh Tế Kỹ Nghệ

Kinh tế của thời đại kỹ nghệ là sản xuất các sản phẩm hàng loạt cho nên cần nhiều công nhân với mức lương giá rẻ, có tay nghề tương đối, sau khi thụ huấn vài khóa đào tạo ngắn hạn. Ở thời kỳ tiền kỹ nghệ, thì dự án và việc mở rộng thành thị cho các khu công nghệ xí nghiệp là trọng điểm, bởi thế ruộng đất trong vùng ngoại ô được trưng dụng, giá thành nâng cao nhằm xây dựng đô thị.

Người dân thì tập trung vào việc phát triển kinh tế quốc gia, trong khi quốc gia lại cần nguyên liệu sắt, thép, gỗ, hóa chất, xi măng, dầu khí... cho các nhà máy hoạt động. Sản phẩm làm ra lại cần thị trường tiêu thụ, cho nên chính quyền

phải mở những đường xá cầu cống, xa cảng, hải cảng, phi cảng để vận chuyển và lưu thông hàng hóa đi khắp nơi.

Nhìn vào hệ thống kỹ nghệ, phải xét đến ngành hàng hải trước tiên, vì từ khi con người biết phát minh ra Động Cơ Hơi Nước thì tàu thủy cũng được trang bị và xuất hiện. Động Cơ Hơi Nước cũng được dùng rộng rãi trong mọi hoạt động của hãng xưởng, công ty xí nghiệp, và trở thành động lực phát triển thời đại.

Trong giai đoạn Tiền Kỹ Nghệ phát triển, quốc gia cần nhiên liệu, nguyên liệu, vật liệu cho việc sản xuất và tiêu thụ hàng hóa. Do đó nhiều nước kỹ nghệ trang bị lực lượng chiến binh hùng hậu để mang quân đi đánh chiếm những lãnh thổ nước khác, làm thuộc địa, tìm thị trường và khai thác khoáng sản, tài nguyên.

3. Chính Trị Kỹ Nghệ

Tới thời hậu kỹ nghệ người ta lại chứng kiến một nền “chính trị hậu quốc gia.” Thời đại này thì khác biệt với nhu cầu của nông nghiệp là cần lãnh thổ, hay tài nguyên là nhu cầu của thời tiền kỹ nghệ, việc đi xâm chiếm các quốc gia làm thuộc địa thì không còn cần thiết trong thời hậu kỹ nghệ vì khả năng hoạt động cơ giới đã phát triển vượt bậc và làm thay đổi tư tưởng con người theo bảng giá trị thời đại.

Sức mạnh bắp thịt con người và sức vật cũng giảm dần trong việc sản xuất, đang khi hỏa lực vũ khí vật dụng do máy móc làm ra lại càng tăng thêm. Công nhân làm việc bằng chân tay cũng giảm số lượng nhưng lại đạt tiêu chuẩn.

Vì con người phát minh ra nhiều phương tiện di chuyển thông tin liên lạc nhanh chóng, sản phẩm dư thừa với giá cả rẻ hơn cho nên các quốc gia lại có những mối liên quan mới. Tương quan thế giới tạo ra nền chính trị hậu quốc gia và quyền lực quốc tế.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Mỗi ngành nghề, mỗi lãnh vực, mỗi phương diện đời sống xã hội phát triển tạo nên những hệ thống quốc gia quốc tế và quyền lực riêng, khiến cho quốc gia khó hoặc không kiểm soát nổi. Bởi thế quyền lực quốc gia được phân quyền và tản quyền cho nhiều ban, nhiều ngành, nhiều cấp trách nhiệm.

Nhân viên làm việc công khai tiếp xúc trực diện với dân chúng khách hàng nhằm cải tiến sản phẩm, khuyếch trương hãng xưởng, cạnh tranh với các công ty xí nghiệp khác. Trong khi có số nhân viên lại âm thầm làm việc nghiên cứu lại căn nôi yên lặng kín đáo giúp đầu óc suy tư sáng tạo.

Hai hình ảnh tương phản “chìm và nổi” đã phát sinh hình thức tổ chức và nguyên tắc thành lập ra đảng chính trị. Gồm có đảng cầm quyền và đảng đối lập, lãnh đạo có chủ tịch nổi và lãnh tụ chìm, trong hệ thống quyền lực quốc gia về mọi phương diện, kinh tế cũng như chính trị.

Dân chúng bình thường chỉ nhìn thấy quyền lực nổi, đang khi quyền lực chìm đã quyết định các vấn đề nội bộ sinh tồn của chế độ được nguy trang dưới nhiều hình thức, hiện hình hay tàng hình. Tổ chức dù lớn hay nhỏ đều có những vấn đề quyết định, và những nhân vật điều hành ở cấp quốc gia phải lập ra Nhóm Quyết Định nhằm giải quyết cho cả một khối lượng quyết định.

Xã hội càng rộng lớn, càng phức tạp thì quyết định lại càng nhiều và khó hơn, tạo ra khối phẩm và lượng quyết định. Ở thời tiền kỹ nghệ phân chia lao động còn thô sơ, thay đổi chậm chạp, nên số lượng quyết định để điều hòa xã hội tương đối có ít.

Vì có ít quyết định nên người khả năng trên trung bình, không đòi hỏi nhiều chuyên môn cũng có thể điều hành lãnh đạo và quyết định tất cả công việc của một công ty, một xí nghiệp, một quốc gia. Nhưng khi kỹ nghệ bành trướng thành

nhiều lãnh vực mang tầm vóc quốc gia quốc tế rộng lớn thì khối lượng quyết định tăng nhiều và đòi hỏi phân quyền, tản quyền xuống địa phương.

Nhiều khi có những quyết định vượt ra ngoài khả năng của người cầm quyền, cho nên buộc chính quyền phải tuyển chọn nhân tài làm cố vấn giải quyết, từ đó lại phát sinh quyền lực chuyên viên. Và khi chính quyền đáp ứng quyền lực chuyên viên, thì dân chủ là vấn đề đương nhiên không phải do chọn lựa, mà là tiến hóa.

4. Xã Hội Kỹ Nghệ

Xã hội kỹ nghệ đã tạo hệ thống sản xuất giầy chuyên, do đó hệ thống cơ giới xí nghiệp cũng là giầy chuyên và liên thuộc kỹ nghệ. Con người vào thời này bị ràng buộc bởi các tổ chức chính trị, càng văn minh thì lại càng bị ràng buộc trong các hệ thống chính trị nhiều hơn.

Bị ràng buộc trong các hệ thống cho nên mới đòi hỏi người lãnh đạo điều hành quản trị phải có đức tính liên thuộc, từ tầm nhìn cho tới cách giải quyết vấn đề đều có ảnh hưởng giầy chuyên với các bộ phận trong nhiều hệ thống tổ chức. Cách tìm công thức giải pháp và quyết định có ý thức trách nhiệm liên đới, được gọi là dân chủ.

Hệ thống toàn cầu đã được xây dựng bằng những đơn vị quốc gia quốc tế. Liên thuộc có nghĩa là quốc gia A hành động, thì sẽ ảnh hưởng tốt/ xấu cho quốc gia B, C, D.

Một quyết định ở Nhật Bản cũng gây ảnh hưởng tới Hoa Kỳ và nhiều quốc gia Đông Nam Á. Khi Hoa Kỳ xử dụng giầy thủy tinh để dẫn điện thì gây ảnh hưởng cho Chile và Zambia là hai nước sản xuất đồng. Việc bảo vệ môi sinh ở Brazil gây ảnh hưởng ngay đến giá gỗ trên thế giới.

5. Ý Niệm Tự Do

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Đa số dân Tây phương là nông nô của các lãnh chúa trong những lãnh địa vào thời thế kỷ 17. Người dân cho rằng họ không phải là cá nhân, mà là thành phần của cộng đồng lớn hoặc bé.

Lãnh chúa và trưởng tộc là những người có quyền sai khiến, dạy sao làm vậy, toàn dân không có bất cứ quyền hạn nào. Họ bị bắt buộc sinh sống trong lãnh địa, không được phép di chuyển, không được phép làm việc ngoài chỉ đạo, không được phép giữ tài sản tiền bạc hay vật dụng trao đổi, không được phép giáo huấn hay tư tưởng ngoài những lời truyền dạy của lãnh chúa trưởng tộc.

Nhưng khi kỹ nghệ phát triển có nhiều việc mới, ngành mới, nghề mới thì người dân không còn bị cột chặt vào ruộng đất để sinh sống như trước, không còn sự lãnh đạo của các chủ nhân ông, không còn cảnh tá điền bị đánh đập tra khảo vì thiếu nộp địa tô. Con người giờ đây đã biết chọn lựa nghề nghiệp và mưu kế sinh nhai.

Đó là tự do cá nhân đầu tiên của người nông nô và dẫn đến những tự do khác. Kết quả việc hành nghề thì có tiền, và nhờ tiền mọi người hưởng quyền tự do.

Tự do hành nghề dẫn đến tự do kinh doanh, tự do chính trị. Triết lý tự do chính trị và tự do kinh tế nhấn mạnh đến tự do cá nhân, bình đẳng, và cơ hội.

Trái lại, triết lý bảo thủ thì nhấn mạnh đến giai cấp, truyền thống, và quyền tư hữu. Tự do chính trị đã làm thay đổi xã hội nhanh hơn bảo thủ.

Ý nghĩa và trọng tâm của danh từ, hay chủ nghĩa tự do được thay đổi nhiều lần qua thời gian, nên khó mà có định nghĩa rõ ràng. Tự do ở thưở ban đầu, được hiểu là quyền chống lại lãnh chúa, nhà cầm quyền, vì nhà cầm quyền hạn chế tự do cá nhân.

Tự do cá nhân của chủ nghĩa tư bản là tự do lựa chọn tôn giáo, cách sống, người phối ngẫu, nghề nghiệp. Người tự do chọn cách ít tốn kém về mọi vấn đề ảnh hưởng tới cuộc sống.

Họ tiết kiệm tiền, sức lao động, trả giá dịch vụ, hàng hóa trên thị trường để được hưởng giá thị trường. Những việc trên tạo ra xã hội thị trường, kinh tế thị trường, và chính trị thị trường.

Những người tư bản đầu tiên đề cao tự do cá nhân, đề cao tự do kinh doanh và xã hội kinh doanh làm thay đổi bộ mặt xã hội. Xã hội lại cần có cấu trúc tổ chức chính trị điều hành quản trị.

Từ đó mà có những cuộc cải hóa long trời lở đất ở Anh Quốc vào năm 1688, ở Hoa Kỳ vào năm 1775, ở Pháp Quốc vào năm 1789 đã dẫn đến những thể chế tự do, quốc gia tự do, thế giới tự do như ngày nay.

Người tự do đầu tiên tin tưởng rằng cai trị ít là cai trị tốt nhất, cá nhân sẽ được thuận lợi hơn nếu được chính quyền cho phép theo đuổi quyền lợi riêng tư. Họ cũng tin tưởng rằng nền kinh tế sẽ tự điều chỉnh, tự vận hành, tự kiểm soát nếu được tự do điều động theo quy tắc kinh tế tự nhiên.

Bởi thế nền kinh tế tự do dẫn tới kết luận là chính quyền không cần thiết can thiệp hay chỉ đạo trong việc điều hành kinh tế quốc dân.

Tư tưởng tự do được kinh tế gia Adam Smith (1723-1790), người Anh hệ thống hóa và trình bày trong tác phẩm *The Wealth of Nations: Sự Thịnh Vượng của các Quốc Gia*, xuất bản vào năm 1776. Hệ thống này được gọi là chủ nghĩa tư bản hay tư do kinh doanh.

Quan niệm ban đầu của chủ nghĩa tư bản là sự phối hợp liên kết tự do kinh tế với tự do chính trị trong một quốc gia.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Khoảng giữa thế kỷ 20, nhiều người tự do nghĩ đến việc phải bớt tự do và hạn chế tự do về kinh tế.

Họ bị thuyết phục là hành động của chính quyền sẽ tạo điều kiện để cá nhân có thể phát triển tiềm năng và tôn trọng nhân quyền. Người dân bắt đầu ủng hộ những chương trình tạo an toàn kinh tế, an sinh xã hội, an dưỡng lao động, giảm bớt khổ đau cho mọi người như trợ cấp thất nghiệp, lương bổng tối thiểu, định tuổi hưu trí, bảo hiểm sức khỏe với nhiều biện pháp chống nghèo đói và bất công xã hội.

Người tự do cấp tiến vẫn giữ mối quan hệ với sự tự do kinh tế chính trị ban đầu, và cho rằng sự tự do cá nhân là quan trọng nhất và chính quyền phải hành động để tháo gỡ những chướng ngại giúp cho người dân được vui hưởng tự do đích thực. Về phương diện kinh tế và xã hội họ cũng thừa nhận tự do kinh doanh, nhưng kinh tế tư bản cần được cải tiến để trở thành kinh tế xã hội, chủ nghĩa xã hội.

Do đó chủ nghĩa xã hội của Âu Mỹ thì khác biệt với “xã hội chủ nghĩa” của khối quốc gia Cộng Sản mà chúng ta từng chứng kiến. Chính quyền “độc tài đảng trị” là một thứ quyền lực chính trị tuyệt đối quản lý mọi thành quả của xã hội, và có thể vơ vét tài sản quốc gia làm của riêng cho giai cấp lãnh đạo.

Bởi thế họ tạo ra bất công tham nhũng thối nát và bần cùng hóa nhân dân, vì họ đã lấy bất công đi chống bất công và tạo thêm bất công chồng chất. Đây là nguyên nhân và là điều kiện tiên quyết để “chống bất công xã hội” mà chúng ta cần tránh mắc phạm sai lầm này.

6. Kinh Tế Tư Bản

Theo nền kinh tế tư bản thì thương gia tự do buôn bán, khách hàng tự do mua sắm, công nhân tự do chọn việc, chọn nghề, chọn chủ, và thị trường được tự do không có sự can thiệp

của chính quyền. Nguyên tắc xây dựng thị trường tự do là để mặc tự nhiên – tự nhiên nảy sinh và tự nhiên phát triển.

Cho dù sản xuất có nhiều thay đổi, giá cả hàng hóa lên xuống bất thường, phẩm lượng làm ra tốt xấu, nhân công hãng xưởng nhiều ít. Nhưng nền kinh tế tư bản sẽ tự chỉnh như theo quan niệm của Adam Smith khởi xưởng, cũng như cuộc cải hóa kinh tế tư bản được diễn ra trong cuốn sách của ông.

Nền kinh tế tư bản đặt trên sự tự do cá nhân. Mỗi người được tự do chọn lựa phương cách thương mại, để thỏa mãn những nhu cầu hoặc ước vọng của riêng mình. Cá nhân được tự do đem tham vọng vào thương trường, cạnh tranh với tham vọng của cá nhân khác bằng những hàng hóa tốt rẻ đẹp, đáp ứng đúng nhu cầu thị hiếu của khách hàng, của thị trường, của xã hội.

Theo Adam Smith, tự do cạnh tranh là “bàn tay vô hình,” cơ giới an toàn và tự động giúp cho nền kinh tế điều chỉnh. Ngoài sự cạnh tranh giữa các thương gia với nhau, còn có sự cạnh tranh của thương gia khách hàng, hoặc thương gia công nhân.

Một trong những sáng tạo kỹ thuật mang lại hiệu quả cho nền kinh tế tư bản là hệ thống dây chuyền. Trong hệ thống dây chuyền thì sự phân chia công việc là yếu tố quan trọng.

Adam Smith quan sát và nhận định rằng, “Mười người với sự trợ giúp của dụng cụ và máy móc, có thể sản xuất được bốn mươi tám ngàn cây kim trong một ngày. Nhưng nếu làm việc riêng rẽ thì chắc chắn mười người không thể làm xong hai mươi cây kim, và cũng không thể làm xong một cây trong một ngày.”

Về ảnh hưởng tâm lý thì hệ thống dây chuyền làm cho con người cảm thấy như mình không còn là con người trọn vẹn. Vì lúc trước thì người thợ giày làm từng đôi giày, bây giờ thì

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

người ấy chỉ làm cái quai, hoặc cái đế mà lại thấy có nhiều giày.

Bởi thế người công nhân khó nhận định được giá trị của mình trong xã hội, và cảm thấy mình trở thành một mắt xích, hay một con ốc nhỏ trong một guồng máy khổng lồ. Hơn nữa, hệ thống dây chuyền thường là nơi người chủ có cơ hội bóc lột người làm công nhiều nhất.

Tốc độ của máy là then chốt của số lượng sản xuất, cho nên chủ nhân thường tăng tốc độ làm nhanh lên tới mức tối đa, trong khi tiền lương của thợ lại vẫn được trả theo từng giờ. Mồ hôi và sức sống của công nhân bị vắt ép cạn kiệt để thành lợi nhuận cho chủ nhân.

7. Kinh Tế Cộng Sản

7a. Tư Hữu Tuyệt Đối

Quyền tư hữu tuyệt đối của chủ nghĩa tư bản sinh ra mâu thuẫn đối kháng, quái thai cộng sản ra đời. Theo Karl Heinrich Marx (1818-1843) thì nhà nước quản lý các hãng xưởng kỹ nghệ hay nông nghiệp, rồi sản xuất và phân phối hàng hóa xuống thẳng tới tay người tiêu thụ, thì xã hội mới có thể tránh bất công.

Nhưng Marx quên một điểm là quyền chính trị tuyệt đối của chủ nghĩa cộng sản sinh ra tham nhũng, dân hèn nước nhược và bán cùng hóa xã hội. Marx cho rằng hệ thống thương mại tư bản, sản phẩm phải qua nhiều giai đoạn trung gian phi sản xuất, mỗi giai đoạn lại cộng thêm những phí tổn chuyên chở, kho chứa hàng, tiền nhân viên bảo quản hàng hóa, tiền lời, rồi mới đến tay người tiêu thụ.

Từ đó giá cả hàng hóa phải tăng cao và bất ổn, vì sản phẩm tập trung trong tay một số nhỏ tư nhân, gia đình, hay công ty độc quyền khai thác. Mặt khác vì làm lời bằng công sức lao

động, cho nên mâu thuẫn giữa chủ nhân và thợ thuyền, là nguồn gốc của trạng thái căng thẳng, dẫn đến hậu quả cuối cùng là hệ thống tư bản sụp đổ.

Kinh qua tư bản, nền kinh tế tự nó thiết lập những công xưởng với dụng cụ máy móc, đồng thời đào tạo lớp người chuyên viên cho một xã hội mới – chủ nghĩa xã hội phát sinh để thành lập nhà nước xã hội chủ nghĩa. Chủ nghĩa này bắt đầu bằng sự độc tài của giai cấp vô sản, là một nền kinh tế không giai cấp và không bóc lột.

Sau cùng là chủ nghĩa cộng sản nguyên vẹn – một thiên đàng kinh tế và chính trị của loài người. Một chiếc bánh vẽ rất tài tình.

7.b Lý Thuyết Marx Thất Bại

Nhưng lý thuyết Marx đã thất bại thảm hại. Vì rằng để giải quyết vấn đề bất quân bình đã chẳng phải là triệt tiêu các khâu trung gian, mà tạo thành mạng lưới thị trường giải quyết những vấn đề bất quân bình trong sản xuất và phân phối.

Nhiều công ty tư bản trên thế giới đã thấy ưu điểm của hệ thống mạng và áp dụng mở rộng thị trường, họ cũng dự tính cho nhu cầu tương lai theo đà biến chuyển chính trị và thể chế dân chủ của thế giới. Trong Tư Bản Luận, Marx tiên đoán về sự sụp đổ có thể xảy ra của nền kinh tế tư bản.

Vì kinh tế tự do trở thành một phương tiện cho các công ty tư bản có thể thẳng tay sát phạt nhau. Hậu quả của tự do cạnh tranh là mua đứt các công ty nhỏ, để trở thành công ty lớn độc quyền trong sản xuất và phân phối hàng hóa.

Một khi công ty lớn phá sản hoặc chuyển nhượng sự độc quyền thao túng, thì thị trường lên cơn sốt và làm cho giá cả sản phẩm tăng giảm tùy theo sự chạy đua lợi nhuận của giai

CƠN NGƯỜI THỜI ĐẠI

cấp chủ nhân. Khách hàng là nhân dân tiêu thụ thì không còn được hưởng tự do chọn lựa.

Bởi thế theo Marx, sự tự do cạnh tranh thị trường tạo ra công ty độc quyền, và độc quyền sẽ triệt tiêu quyền tự do lựa chọn của khách hàng, của công nhân. Kỹ thuật sản xuất phát triển, số lượng công ty trong ngành kỹ nghệ chỉ còn lại có một mà thôi, thì nhu cầu nhân công trong kỹ nghệ đó cũng giảm theo, và công ty giảm năng xuất để tăng giá cả hầu có thêm lợi tức.

Công ty độc quyền được tự do bóc lột sức lao động của người dân, vì dân cần có việc làm để sống. Hơn nữa công nhân lại cũng chính là khách hàng.

Số lượng sản xuất giảm dần trong khi dân số tăng thêm. Sự mua bán xuống dốc, và các công ty sẽ ngưng đầu tư.

Cũng theo Marx, ngưng đầu tư thì việc làm càng thêm hiếm hoi, và cứ xảy ra tình trạng như vậy liên tục thì nền kinh tế tư bản mãi lún sâu, cho tới lúc sụp đổ. Thật ra Marx cũng không phải vô lý.

Vì sự sụp đổ vĩ đại của nền kinh tế tư bản đã xảy ra vào thập niên 1930 như một cơn sóng thần đổ ập trên đầu nhân dân Hoa Kỳ cùng với bao nỗi kinh hoàng. Kinh tế Hoa Kỳ lúc đó một nửa giá trị tổng sản lượng đã biến mất.

Một phần tư dân số bị thất nghiệp và mất việc làm. Hơn một triệu gia đình bị tịch thu tài sản nhà cửa vì nợ nần, bởi không thể trả tiền nhà, tiền nợ ngân hàng hàng tháng. Chín triệu trương mục tiết kiệm tiêu tan, và nhiều nhà băng đóng cửa, khai phá sản và sụp tiệm.

Nếu như số lương bổng và lợi tức ước tính vào năm 1929 của Hoa Kỳ là 15 tỷ, thì đến năm 1932 chỉ còn 886 triệu. Người nghèo thì nghèo thêm.

Người giàu với những ngân khoản kếch xù không biết đầu tư nơi đâu và tiêu gì cho hết... cứ thế, đến nỗi chính quyền Liên Bang phải dùng ngân sách quốc gia đầu tư vào hệ thống thị trường. Nhằm tạo ra công ăn việc làm và thúc đẩy sức vận chuyển của nền kinh tế khôi phục.

Chính phủ Hoa Kỳ phải can thiệp vào nền kinh tế tự do vì sợ rằng dân chúng lúc đó bắt đầu nổi loạn. Không chính quyền nào có thể cai trị được một lũ ma đói.

Với Tư Bản Luận và chứng cứ khủng hoảng của nền kinh tế thời đại, thì ắt có người tin Marx vì họ không am tường về nền chính trị dân chủ và kinh tế tự do. Nhưng Marx sai lầm.

Nền kinh tế tư bản tuy có sụp đổ nhưng không dấy chết để dẫn đến chủ nghĩa cộng sản như ước mơ của Marx. Vì rằng xã hội Hoa Kỳ đã không có chế độ phong kiến nên không có giai cấp bóc lột, như Marx đã từng thấy ở truyền thống kinh tế Châu Âu.

Mặt khác, nền kinh tế Hoa Kỳ mạnh nhất thế giới là nhờ vào truyền thống chính trị dân chủ. Dân chủ có nghĩa là được tự do tư tưởng và tự do diễn đạt.

Khi người dân được tự do liên lạc, và hệ thống truyền thông nâng cao khả năng hiểu biết của người dân, thì người ta sẽ tự suy xét và tự quyết định những vấn đề có ảnh hưởng hay liên hưởng trực tiếp đến họ. Sự tự do tư tưởng và tự do diễn đạt đã tạo ra môi trường cho sức sống sáng tạo của toàn dân trên các bình diện văn hóa văn minh kỹ thuật.

Sức mạnh của xã hội Hoa Kỳ về bất cứ phương diện nào cũng đều là sức mạnh của truyền thông. Khi sự hiểu biết của toàn dân được nâng cao đến mức họ có ý thức được những điều mang lại lợi ích chung thì họ sẽ đồng thuận.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Nguyên tắc đồng thuận chính là một phương thức vận động sức mạnh dân tộc tối đa của một quốc gia. Nhất là trong thời đại văn minh khi con người đòi hỏi phải có sự tham gia tích cực vào công cuộc xây dựng và kiến thiết đất nước, nhưng chính họ phải có tự do quyết định, không bị ràng buộc hoặc lèo lái bởi những nguồn tin giả (fake news).

Mặc dù có khủng hoảng chính trị xảy ra chẳng nữa, thì đó cũng chỉ là nguyên do thiếu nhân cách lãnh đạo của tổng tư lệnh có hạn kỳ mà thôi. Đây là mấu chốt phát triển của nền kinh tế tư bản mà Marx phải thừa nhận rằng chính ông khó tin khó ngờ.

c. Phong Kiến Châu Âu

Marx chỉ nhìn kinh tế tư bản qua lăng kính của chế độ phong kiến Châu Âu. Chế độ kinh tế “võ trị” được thiết lập từ khi có sự chiến thắng của văn hóa du mục trên văn hóa nông nghiệp, họ vẫn duy trì kinh tế pháp lệnh và phát sinh giai cấp tư bản thống trị với đặc quyền đặc lợi, cũng theo giòng thời gian văn hóa chủ nô, người dân phải sống dưới quyền sinh sát của các lãnh chúa trong những lãnh địa trước khi đợt sóng kỹ nghệ tràn ngập bao phủ.

Cũng là lỗi tại Marx (*mea culpa... mea maxima culpa*) đã xem chủ nghĩa tư bản và văn hóa chủ nô Châu Âu là một, cho nên ông có sự sai lầm khi đưa ra nguyên lý mâu thuẫn nội tại và bởi thế các chế độ cộng sản được thành lập rập khuôn theo cấu trúc chủ – nô Tây phương.

Văn hóa chủ nô theo biểu tượng cấu trúc tổ chức kim tự tháp, tam giác, Pyramid hay văn hóa ba góc, trên là chủ nhân dưới là nô lệ, trên là vua trị dưới là dân hầu, trên là chủ tịch dưới là trâu cày trong các chế độ độc tài đảng trị ngày nay.

8. Xã Hội Kỹ Nghệ

Vì nhu cầu phát triển kinh tế, cho nên đô thị thành lập nhiều hãng xưởng, công ty xí nghiệp tạo ra công ăn việc làm phù hợp cho mọi người, mọi giới, mọi giai tầng trong xã hội. Hơn nữa, nhờ cơ chế an toàn của nền kỹ nghệ, cho nên đời sống gia đình cũng bắt đầu thu hẹp, gồm có cha mẹ và con cái, là vệ tinh hóa, không còn mang hình ảnh đại gia đình ông bà cha mẹ con cháu, họ hàng thân bằng quyến thuộc rộng lớn như trong làng xã của thời đại nông nghiệp ngày trước.

Tiểu gia đình kỹ nghệ thay đổi toàn diện cuộc sống từ tư tưởng cá nhân, gia đình, xã hội, luân lý đạo đức vốn có của chế độ gia tộc. Nền giáo dục và truyền thông đại chúng phổ biến rộng lớn khi có máy in ra đời, sách vở báo chí xuất bản dễ dàng, thuận tiện cho độc giả theo dõi tin tức hàng ngày.

Cho nên tư tưởng con người cũng từ đó thay đổi, cuộc sống thay đổi, hành xử thay đổi, văn chương thay đổi... văn xuôi tiểu luận trở nên thích hợp cho người đọc hơn là văn vần thuộc thời nông nghiệp. Từ khi phát minh ra máy in đã tạo thêm người in, nghề in, ngành in và phát hành sách báo, thông tin quảng bá.

Cũng từ khi có máy in, nền giáo dục kỹ nghệ được đại chúng hóa dễ dàng và mau chóng. Các hệ thống trong thời kỹ nghệ lại được phát triển nhanh chóng hơn thời phong kiến ngày trước, nhờ tư nhân được tự do hoạt động kinh tế, và nhờ nhân tài lãnh đạo điều hành xí nghiệp, công ty cho nên mọi phương diện đời sống con người đã thay đổi toàn diện.

Mỗi lãnh vực xã hội lại có triều chính riêng, vua riêng. Vua xe hơi, vua dầu hỏa, vua địa ốc... và tiểu thị tiểu bang đều có những tiểu vương có thực quyền, và ảnh hưởng tới đời sống xã hội... để phát sinh hệ thống chính trị xã hội hàng

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

ngang, chớ không còn hệ thống độc quyền hàng dọc như của thời nông nghiệp, trên bảo dưới nghe.

Ngôn ngữ văn chương kỹ nghệ cũng đương nhiên thay đổi, và trở thành hệ thống hóa, hay kỹ nghệ hóa. Ví dụ: kỹ nghệ giáo dục, kỹ nghệ thông tin, kỹ nghệ báo chí...

Biên giới tiểu thị/ tiểu bang nằm trong hệ thống liên thị/ liên bang giờ đây lại khác biệt với thời nông nghiệp, vì không còn là biên giới của hai tiểu thị hay quốc gia như trước, tuy cũng còn cột mốc, còn lẫn ranh địa lý của các tiểu thị/ tiểu bang, nhưng những lẫn ranh khác của đời sống con người trên đó. Ví dụ: an sinh xã hội, thuế vụ, tiền tệ, quốc phòng cũng xóa mờ hoặc mất hẳn.

So với công tác của triều đình ở thời nông nghiệp, thì chính phủ tiểu bang trong thời kỹ nghệ lại có sự cách biệt lớn lao trong các hệ thống quốc gia. Và tiểu thị/ tiểu bang có cơ cấu điều hành và lãnh đạo riêng, rồi từ đó đã tạo nên sự cạnh tranh giữa các tiểu thị/ tiểu bang với nhau để hình thành những điều kiện phát triển năng khiếu cho con người, và phát triển chính trị xã hội.

Các tỉnh của Gia Nã Đại thì tổ chức gần giống như tiểu bang của liên bang Hoa Kỳ. Riêng Úc Đại Lợi, các tiểu bang cạnh tranh nhau bằng cách công khai trong kỹ nghệ du lịch, quảng cáo, lập những cơ sở giải trí, thu hút du khách địa phương và quốc tế.

Mỗi tiểu bang lại có sắc thái, luật lệ riêng cho những vấn đề phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh địa lý, kỹ nghệ riêng. Điều này tạo nên sự cạnh tranh chính đáng và nhờ vậy xã hội phát triển.

Cũng như ở Hoa Kỳ hay Gia Nã Đại, các tiểu bang Úc Đại Lợi cũng ráo riết cạnh tranh trong kỹ nghệ giáo dục, đầu tư vào các đại học để đào tạo chuyên viên trong nước cũng như

ngoài nước, vì kỹ nghệ giáo dục đã mang lại cho quốc gia Úc hơn một tỷ Úc Kim mỗi năm.

Tiếp đến là liên thi/ liên bang, đơn vị chính trị của thời đại kỹ nghệ, do sự kết hợp của các tiểu thi/ tiểu bang. Quyền hành quốc gia được “tán” đến mỗi tiểu bang, để địa phương xử dụng sao cho thích nghi với hoàn cảnh riêng, mà không đi ngược lại nguyên tắc căn bản của liên bang.

Liên bang hay các quốc gia trong thời đại kỹ nghệ có nhiều hệ thống sản xuất ở cấp quốc gia. Mỗi hệ thống lại có những khách hàng là “công dân tiêu thụ.” Mỗi hệ thống cũng có “triều đình riêng” tạo ra quyền lực ở cấp quốc gia của một lãnh vực nào đó, mà không lãnh thổ.

Thời đại kỹ nghệ cũng chia những hoạt động ra thành ba cấp: Kỹ nghệ sơ cấp: gồm các lãnh vực sản xuất của thời nông nghiệp: nông, lâm, ngư được cơ giới hóa. Kỹ nghệ thứ cấp là ngành kỹ nghệ nặng: luyện thép, đúc nhôm, chế tạo xi măng, khai thác hóa chất từ dầu hỏa, sản xuất xe hơi, sản xuất máy móc gia dụng.

Kỹ nghệ đệ tam cấp: gồm các dịch vụ tài chánh, bảo hiểm, cung cấp nước, hơi đốt, điện, chuyên chở, hàng hải, hàng không, nguyên tử năng và không gian. Cũng trong thời đại kỹ nghệ, những cuộc cách mạng tự do đưa đến việc thành lập chính quyền dựa trên quy luật khế ước và theo nguyên tắc đồng thuận giữa giới cai trị và người dân.

Nhiều bản hiến pháp chi tiết hóa việc đồng thuận qua tuyên ngôn nhân quyền và đề cao các quyền cá nhân là tự do ngôn luận, báo chí, hội họp, và tín ngưỡng. Hiến pháp cũng đề cập việc bảo vệ các quyền trên, chống lại cơ quan cảnh sát và tòa án lạm dụng quyền hạn.

9. Hiến Pháp

Mục đích của hiến pháp là

- (1) bảo vệ đời sống tự do của mỗi cá nhân,
- (2) áp dụng nguyên tắc chia quyền, phân quyền, và tản quyền trong cộng đồng chính trị xã hội,
- (3) thiết lập một chính quyền hiến định.

Chính quyền hiến định là hạn chế quyền lực, ngăn ngừa thao túng của nhà cầm quyền mưu đồ tập trung quyền lực để trở thành độc tài tham nhũng, thối nát và gây bất công cho cộng đồng xã hội. Do đó mỗi chế độ chính trị cần có một khung tổ chức nhằm phân chia quyền hành, hệ thống định nghĩa, và một quy chế cộng đồng.

Những cuộc cách mạng Âu Mỹ đã đưa nhân loại tới thể chế chính trị dân chủ như ngày nay. Năm 1688 Vua James II của nước Anh bị đại chúng phản đối, đa số lãnh tụ Quốc Hội muốn mời William of Orange trở về điều hành đất nước.

Sau khi William từ Netherlands về nước, Vua James II phải rời bỏ ngai vàng chạy trốn sang nước Pháp. Đó là cuộc thay đổi chính trị về vang vì cuộc cải hóa diễn ra không đổ máu.

Vua William đăng quang và chấp nhận bản Tuyên Ngôn Dân Quyền vào năm 1689. Đây là một văn kiện chính trị đầu tiên công nhận quyền căn bản của người dân, những quyết định tăng thuế, hay tăng quân đội của Nhà Vua phải có sự phê chuẩn và chấp thuận của Quốc Hội.

Hiến pháp của nước Pháp được công bố sau cuộc cách mạng phá ngục Bastille năm 1789, giải tán chế độ quân chủ để thực hiện châm ngôn “Tự Do, Bình Đẳng và Huynh Đệ.” Bản Tuyên Ngôn Nhân Quyền do Lafayette soạn thảo, quy

định mọi người có quyền tự do, có quyền sở hữu tài sản, có quyền được an toàn về thân thể, có quyền chống áp bức bất công và đó là những quyền lợi tự nhiên của con người.

Công dân đều có các quyền tự do ngôn luận, tự do sáng tác và tự do xuất bản. Pháp Luật là tiêu biểu cho nguyên vọng chung, mọi người đều được bình đẳng trước Pháp Luật và được dân chúng đồng ý yểm trợ.

Nhưng những nhà lãnh đạo chính trị thờ đó đã thiếu óc sáng tạo để soạn thảo ra một chương trình hành động cụ thể, nhằm khởi xướng một tổ chức chính trị dân chủ thực sự và đúng nghĩa. Ngược lại, họ lại tái lập chế độ cũ, theo phương thức tổ chức chính trị cũ, đường lối vận hành cũ của hệ thống vua quan nhằm bảo vệ tư lợi cá nhân riêng rẽ.

Bản Hiến Pháp của Pháp Quốc tuy rằng được gọi là một khuôn mẫu, nhưng nhiều điều khoản đã không phù hợp cho người dân và phải thay đổi nhiều chữ. Chúng tôi những nhà lập hiến thời đó đã soạn thảo theo cảm tính cá nhân mang tính ước vọng lý tưởng, chớ chưa đáp ứng đúng nguyện vọng của toàn dân, cũng như hoàn cảnh thực tại Pháp Quốc thời bấy giờ.

Những nhà soạn thảo Hiến Pháp cũng chưa đủ tầm nhìn để thoát khỏi biên cương quốc gia, ngõ hầu có thể đem “Tự Do, Bình Đẳng, và Huynh Đệ” lên tầm kích vũ trụ nhân loại. Như chúng ta đem so sánh với bản văn Hiến Pháp Hoa Kỳ.

Hoa Kỳ am tường bài học cải hóa chính trị của những nước Anh và Pháp. Cho nên Hoa Kỳ tránh tái lập chế độ quân chủ để sáng lập một thể chế chính trị Dân Chủ, gọi là Tổng Thống Chế.

Hoa Kỳ đã quân bình quyền lực giữa Liên Bang với các Tiểu Bang, khai sáng kỷ nguyên Tam Quyền Phân Lập và mở ra trang sử Dân Chủ Pháp Trị cho nhân dân Hoa Kỳ và toàn thể nhân loại trong Thời Đại Kỹ Nghệ vừa được khai trương.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Hiến Pháp Hoa Kỳ đặt ra nguyên tắc Tản Quyền, áp dụng vào việc điều hành giữa trung ương và địa phương. Liên Bang (Nước) dành quyền tự chủ tự quyết cho các Tiểu Bang (Làng), và dành quyền tự do tự lập cho toàn dân.

Đã tản quyền, Hoa Kỳ lại còn có nguyên tắc Phân Quyền giữa chính phủ do Tổng Thống chịu trách nhiệm, và Quốc Hội là cơ quan lập pháp, là đại diện cho toàn dân. Cơ quan này có nhiều quyền hạn hơn bất cứ Quốc Hội của các nước nào khác trên thế giới này.

Đặc biệt Tổng Thống, là người do dân bầu và do cử tri đoàn chọn lựa. Nguyên tắc Kiểm Soát và Điều Hòa của Hiến Pháp Hoa Kỳ trở thành một nét đặc trưng trong lịch sử chính trị, vì đã phối hợp thành công trong nhiều việc trọng đại của quốc gia, thay vì những cơ quan công quyền lẫn áp chèn ép, tranh chấp lẫn nhau, như chúng ta thấy ở nhiều quốc gia khác, nhưng không xảy ra ở Hoa Kỳ.

Tóm lại Hiến Pháp Hoa Kỳ là luật của quốc gia hay Bộ Luật Mẹ. Hiến Pháp ấn định thể thức tổ chức chính quyền, ấn định các quyền và mang lại sự tự do cho người công dân.

Hiến Pháp cũng nêu rõ các mục đích của chính quyền, các phương cách và đường lối thực hiện để đạt đến mục đích do Hiến Pháp đề ra. Hiến Pháp được soạn thảo để thống nhất và thành lập một chính quyền quốc gia, từ thời chiến tranh vào năm 1775 đến 1783, Hoa Kỳ chiến đấu với Anh Quốc và dành lại độc lập từ đế quốc này.

Khởi đầu năm 1781 mười ba Tiểu Bang đề xướng chính quyền Liên Bang, dưới bộ luật gọi là Hiến Chương Liên Bang (The Articles of Confederation). Hiến Chương kết hợp hành pháp, lập pháp, tư pháp thành một cơ quan gọi là Quốc Hội.

Vị chủ tịch được chọn bởi ủy ban của các tiểu bang, và có quyền chủ tọa như tổng thống. Thực tế Hiến Chương thiếu

ngành hành pháp và hệ thống tòa án quốc gia, vì chỉ là đại diện cho 13 tiểu bang đầu tiên của Hoa Kỳ.

Chương Chương cho phép chính quyền Liên Bang có quyền tuyên chiến và điều hành công việc ngoại giao. Nhưng không cho phép Liên Bang thu thuế, quy định mậu dịch, thương mại trong nước và ngoài nước.

Nói khác đi Hiến Chương không cho phép Liên Bang điều khiển các sinh hoạt của cấp Tiểu Bang. Cho nên Liên Bang không có phương tiện, không có tài chính, không có quốc phòng, không có lực lượng để bảo vệ quốc gia.

Hơn nữa số Tiểu Bang lại tự phát hành tiền tệ, tạo ra những thay đổi mệnh giá của đồng tiền và làm hỗn loạn kinh tế quốc gia. Như vậy, Hiến Chương không thích hợp trong việc điều hành đất nước mà Hoa Kỳ cần phải có Hiến Pháp.

Năm 1787 Hội Nghị Quốc Gia tổ chức tại Philadelphia, Tiểu Bang Pennsylvania đề ra mục đích xét duyệt Hiến Chương. Nhưng kết quả Hội Nghị lại đưa ra một chương trình tổ chức chính quyền quy mô do Hiến Pháp đề xướng.

Hiến Pháp Hoa Kỳ được ký vào ngày 17 tháng 9 năm 1787, tác giả gồm nhiều nhân vật lỗi lạc như George Washington, Thomas Jefferson, James Madison, Alexander Hamilton, Benjamin Franklin... Trước khi Hiến Pháp trở thành luật thì cần sự phê chuẩn của 9 Tiểu Bang, và chỉ vài tháng sau bản văn được ký kết phê chuẩn đầy đủ.

Delaware là tiểu bang đầu tiên phê chuẩn vào ngày 7 tháng 12 năm 1787. New Hampshire là tiểu bang thứ chín làm cho Hiến Pháp trở thành hiệu lực vào ngày 21 tháng 6 năm 1788.

Có nhiều sự chống đối Hiến Pháp vì người ta cho rằng văn kiện này không bảo đảm đủ quyền lợi cá nhân, không bảo vệ tự do cho mỗi người, không ngăn ngừa bất công do chính

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

quyền có thể tạo ra... Bởi thế 10 Tu Chính Án Hiến Pháp hay còn gọi là Bản Tuyên Ngôn Nhân Quyền (Bill of Right) được đệ trình.

Bản Tuyên Ngôn Nhân Quyền trở thành luật vào ngày 15 tháng 12 năm 1791. Do các Tu Chính Án Hiến Pháp bảo đảm tự do ngôn luận, tự do tôn giáo, tự do báo chí, tự do hội họp ôn hòa của người công dân và quyền được xét xử bởi Bồi Thẩm Đoàn.

Hiến Pháp quy định Tổng Thống đắc cử bởi “Tuyển Cử Đoàn,” gồm một nhóm người được chọn lựa bởi các tiểu bang. Toàn dân ngày ấy bầu thành phần Hạ Viện đầu tiên như đang thi hành bầu cử ngày nay.

Nhưng các Nghị Sĩ được tuyển chọn bởi các nhà lập pháp Tiểu Bang, điều này tiếp diễn cho tới những năm 1900, thì tất cả lại do dân bầu cử như hiện nay. Tối Cao Pháp Viện có quyền sau cùng để giải thích Hiến Pháp.

Tòa án có thể hủy bỏ bất cứ đạo luật nào của Liên Bang, Tiểu Bang hay địa phương nếu có tranh chấp liên quan đến Hiến Pháp. Ba điều đầu tiên của Hiến Pháp là chia quyền thành ba ngành với quy định phân biệt rõ ràng:

- Ngành Lập Pháp làm luật và đại diện bởi Quốc Hội
- Ngành Hành Pháp thi hành luật, đại diện bởi Tổng Thống
- Ngành Tư Pháp giải thích luật, đại diện bởi Tối Cao Pháp Viện

Sự phân chia này được hiểu là phân quyền, mục đích là ngăn ngừa bất cứ ngành nào của chính quyền trở nên quá mạnh, để có thể trở thành độc tôn độc tài. Hiến Pháp Hoa Kỳ ấn định nguyên tắc “Kiểm Soát và Điều Hòa” (Check and Balance) để bảo đảm không có ngành nào ưu thế hơn, và ngăn

ngừa từng ngành vượt quyền hạn của mình, mà quên đi quyền hạn của ngành khác.

Quốc Hội có quyền làm luật, nhưng Tổng Thống có quyền phủ quyết các dự luật đó. Đó là Kiểm Soát và Điều Hòa.

Trong trường hợp “Check On A Check” Quốc Hội có thể vượt qua (Override) để phủ quyết quyền Tổng Thống bằng cách đạt 2/3 số phiếu thuận trong Quốc Hội. Và Tối Cao Pháp Viện có thể Kiểm (Check) Quốc Hội bằng cách vô hiệu hóa luật của Quốc Hội vừa thông qua, nếu vi hiến.

Đối với Nhân Dân Hoa Kỳ, câu mở đầu Hiến Pháp gồm có 4 điểm, thiết lập nền tảng cho truyền thống Chính Trị Hoa Kỳ.

– “Chúng tôi Nhân Dân Hiệp Chúng Quốc” (We the People of the United States.) Điểm chính yếu là người Mỹ tự xưng mình với tư cách một quốc gia thống nhất, không còn liên bang gồm nhiều tiểu bang hội nhập, và nhấn mạnh việc cần thiết tạo dựng, thống nhất một Dân Tộc Mới.

– “Với mục đích tạo sự liên kết toàn hảo” (In order to form a more perfect union.) Theo cách nói này thì sự cố gắng đầu tiên của người Mỹ là soạn thảo “Hiến Chương Liên Bang,” nhưng còn thiếu sót, không thích hợp, đồng thời nói lên việc soạn thảo Hiến Pháp này là điều cần thiết.

– “Lập công lý, bảo đảm yên vui gia đình, dự phòng sự chiến đấu chung, khuyến khích an sinh và bảo đảm hoàn toàn tự do cho chúng ta và con cháu chúng ta” (Established justice, insure domestic tranquility, provide for the common defense, promote the general welfare and secure the blessings of liberty to ourselves and our posterity.) Đây là những mục tiêu chính của sự thành hình Hiến Pháp và Chính Quyền của một quốc gia, và đoạn văn này còn nói lên sự cần thiết việc có chính quyền để mang lại trật tự và tự do cho quốc gia dân tộc.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

– “Soạn thảo và lập bản hiến pháp này cho Hiệp Chúng Quốc Châu Mỹ” (Do ordain and establish this contitution for the United States of America.) Với các mục đích trên và phương thức làm việc, người Mỹ bắt đầu thành lập chính phủ.

Hiến Pháp Hoa Kỳ được chấp nhận vào năm 1787 chưa đủ tíc số bảo đảm cá nhân, đã có nhiều tiểu bang từ chối và không thông qua bản văn kiện này, vì không có đạo luật đặc biệt về nhân quyền. Bởi thế Hiến Pháp Hoa Kỳ phải có Mười Tu Chính Án ra đời với tên là Đạo Luật Nhân Quyền.

Hiến Pháp khởi đầu chỉ gồm Lời Mở (Preamble) và 7 Điều (Articles).

Điều I: Ngành Lập Pháp (Legislative)

Đoạn 1: Quốc Hội (Congress)

Ngành lập pháp của Chính Quyền Liên Bang do Đoạn 1 của Hiến Pháp ấn định. Quốc Hội được chia thành Hạ Viện và Thượng Viện. Quốc Hội được chia theo hệ thống Lưỡng Đảng.

Khi một đảng chính trị có đa số trong Hạ Viện, đảng này kiểm soát tất cả ủy ban Hạ Viện. Phát Ngôn Viện/ Chủ Tịch (Speaker) Hạ Viện chủ tọa các phiên họp của Hạ Viện, và cũng là lãnh tụ đảng.

Đoạn 2: Hạ Viện – Viện dân biểu (House of Representa-tives)

Hạ Viện của Quốc Hội gồm những đại biểu của Quận (Districts), những Dân Biểu từ các quận bầu cử của 50 tiểu bang. Hạ Viện đại diện cho dân trên căn bản dân số tùy thuộc vào địa phương.

Nhưng tới năm 1929, Quốc Hội giới hạn tổng số đại biểu là 435 và không chú trọng tới tổng số dân nữa. Hạ Viện có quyền đề nghị các dự luật, chỉ có Hạ Viện mới có quyền khởi

tố các nhân vật cao cấp của chính quyền (Impeachment) và Thượng Viện xét xử những vụ khởi tố đó.

Đoạn 3: Thượng Viện – Viện Nghị Sĩ (Senate)

Thượng Viện của Quốc Hội gồm có hai Nghị Sĩ cho mỗi tiểu bang (2 x 50 = 100) nhiệm kỳ là 6 năm. Các tiểu bang có đại diện tại thượng viện bằng nhau, không tính dân số.

Phó Tổng Thống Hoa Kỳ là chủ tịch Thượng Viện, nhưng không được bỏ phiếu, chỉ trong trường hợp biểu quyết mà Thượng Viện đồng phiếu thì lúc đó lá phiếu của chủ tịch Thượng Viện là phiếu quyết định.

Điều II: Ngành Hành Pháp (Executive)

Hiến Pháp quy định thể thức bầu cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống, với những quyền hạn của hai chức vụ này. Tổng Thống Hoa Kỳ được bầu với nhiệm kỳ 4 năm bởi nhân dân của 50 tiểu bang qua Cử Tri Đoàn, giới hạn trong hai nhiệm kỳ, và là trưởng ngành Hành Pháp.

Thẩm quyền hiến định của Tổng Thống là:

- Tư lệnh quân đội
- Quyền bổ nhiệm
- Giảm án tử hình và ân xá
- Thi hành luật một cách trung thực

Tổng Thống được ủy quyền trong việc ký kết hiệp ước với sự chấp thuận của 2/3 nghị sĩ. Hiến Pháp coi chính sách ngoại giao của Tổng Thống là chính sách ngoại giao của quốc gia.

Điều III: Ngành Tư Pháp (Judicial)

Hiến Pháp Hoa Kỳ ấn định Tối Cao Pháp Viện lãnh đạo ngành Tư Pháp là tòa án tối cao của chính quyền, và quốc gia

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Hoa Kỳ. Ngành này đóng một vai trò quan trọng trong sinh hoạt chính trị là giải thích hiến pháp.

Để làm trọn vai trò đó, nhiệm vụ của Tòa Án trong việc phát triển của Hoa Kỳ rất lớn, đôi khi vượt qua tổng thống hay quốc hội. Tối Cao Pháp Viện là cơ quan cuối cùng giải thích hiến pháp, có quyền vô hiệu hóa, hành động của tổng thống hoặc luật của quốc hội, nếu vi hiến.

Điều IV: Sự Quan Hệ Giữa Các Tiểu Bang

Điều V: Giải Thích và Phương Thức Tu Chính Hiến Pháp

Thông thường thì tiến trình sửa đổi các điều khoản của Hiến Pháp là phản ảnh sự thay đổi của xã hội, qua sự tu chính hay giải thích Hiến Pháp. Nhưng những nhà lập hiến Hoa Kỳ, ngay từ khởi thủy đã nhận thấy sự cần thiết phải có một điều khoản dự phòng để bản Hiến Pháp được quyền tu chính, do đó họ đã đề ra:

Tu Chính Án Hiến Pháp Hoa Kỳ cần được sự chấp thuận của 2/3 Quốc Hội và 3/4 của các Tiểu Bang. Phương pháp tu chính án Hiến Pháp của Hoa Kỳ thì thường khó hơn là thông qua điều luật thông thường. Đàng khi quốc tế thì lại khác, ví dụ Điều 80 của Hiến Pháp nước Pháp ấn định tu chính hiến pháp chỉ do quốc hội biểu quyết.

Năm 1962 Tổng Thống De Gaulle đã làm ngưng khoản luật tu chính này. Ông tổ chức Trưng Cầu Dân Ý một tu chính án, ấn định cách bầu cử tổng thống bằng phổ thông đầu phiếu, thay vì bầu cử hạn chế như trước khiến cho dư luận chính giới xôn xao bàn tán một thời.

Cũng như Hoa Kỳ, Úc Đại Lợi đề xuất cách tu chính án hiến pháp là sau khi thông qua lưỡng viện quốc hội, tu chính án phải được trưng cầu dân ý, và phải được đa số trong 4 trên 6 tiểu bang nước Úc chấp thuận.

Điều VI: Chấp Nhận Các Khoản Nợ Và Hiệp Ước Đã Ký Trước Khi Có Hiến Pháp

Điều VII: Phê Chuẩn Hiến Pháp. Hiến Pháp cần sự phê chuẩn của 9 trên 13 tiểu bang để cho hiến pháp trở thành hiệu lực.

Tiếp đến là Bản Tuyên Ngôn Nhân Quyền. Trong 10 tu chính án của Đạo Luật Nhân Quyền chỉ có 8 điều tu chính án đầu tiên bảo đảm quyền tự do cá nhân.

Đạo luật này có hiệu lực vào ngày 15 tháng 12 năm 1791, là một ngày được lấy để mừng Ngày Nhân Quyền. Tám tu chính án trong Hiến Pháp Hoa Kỳ bao gồm những quyền căn bản và những quyền tự do cho mọi công dân.

Tự do tín ngưỡng, tự do ngôn luận, tự do hội họp, tự do cải chính (Rectify). Quyền mang vũ khí.

Cho quân nhân tạm trú (Housing Of Soldiers). Điều này là để chống lại chính quyền Anh quốc vào những năm 1700, khi bắt buộc dân Hoa Kỳ cho quân nhân tạm trú trong nhà.

Trong thời bình, cần phải có sự đồng ý của chủ nhà, Đoạn 3 – 5, quy định vấn đề riêng tư cá nhân (Personal Privacy) của người dân. Cơ quan công quyền khám xét tư gia thì phải có trát tòa (Search Warrant.)

Quyền của người dân trong những vụ án hình sự (Rights In Criminal Cases.) Quyền được xét xử một cách hợp pháp, công bình, vô tư và không thiên vị (Rights To A Fair Trial).

Quyền của người dân trong những vụ án hộ sự (Rights In Civil Lawsuits). Án định tiền thế chân (Bail), tiền phạt, hình phạt tương xứng với tội trạng.

Điều 9 và 10 nhấn mạnh đến những quyền không ghi trong hiến pháp là quyền dành cho người dân, và tiểu bang. Những

CƠN NGƯỜI THỜI ĐẠI

quyền không ghi trong hiến pháp có nghĩa là tâm luật, chứ không chỉ có văn luật, và không ghi không có nghĩa là không có mà cần có sự hiểu biết.

Hiến Pháp của các Tiểu Bang cũng chứa đựng Đạo Luật hay Tuyên Ngôn Nhân Quyền được chi tiết hóa và rõ ràng hơn Hiến Pháp của Liên Bang. Hiến Pháp ngày nay được coi là bản Hiến Pháp mẫu, nhưng cũng ít những quốc gia trên thế giới biết mang đến các quyền công dân cho người dân sở tại của họ, như những người Công Dân Hoa Kỳ đang được hưởng.

Hơn thế nữa, bản Hiến Pháp của Hoa Kỳ cho tới nay cũng được coi là khuôn mẫu của xã hội kỹ nghệ, và bắt đầu trở thành lỗi thời khi xã hội tiến sang thời đại mới, Thời Đại Văn Minh Tín Liệu (Information Age) từ khi Hoa Kỳ phát minh ra máy điện toán.

Vì liên thị tín liệu (Information & Internet), cho nên Hiến Pháp cũng cần thay thế hay cải tiến. Vì bộ mặt thế giới cũng đang thay đổi theo sự phát triển của dân số, khoa học kỹ thuật mới và vận tốc thời đại mới.

Phương tiện di chuyển phát triển cao tốc cũng đồng nghĩa với sự thu hẹp quả địa cầu về mọi phương diện tứ chính trị, quân sự, kinh tế và điều hành, và nhiều tổ chức mới ra đời để đáp ứng đúng nhu cầu thời đại, hiện đại.

10. Cạnh Tranh kỹ Nghệ

Thời đại ngày nay là giao thương, con người đã chuyển chiến tranh quân sự sang giai đoạn của cuộc sống mới, là cạnh tranh kinh tế. Sự cạnh tranh quốc gia là nước nào có sản phẩm tốt, nâng cao đời sống dân chúng, phát triển ngành giáo dục tốt, và đào tạo đội ngũ chuyên viên giỏi... nước nào chiến thắng kinh tế thì sẽ chiến thắng trong các đấu trường khác.

Chiều hướng suy tư của giới lãnh đạo quản trị là luôn luôn thay đổi tạo ra sản phẩm kỹ nghệ mới, tốt hơn và dẫn đưa tới thịnh vượng. Hàng tháng các công ty lớn đều phải thay đổi cách quảng cáo, quảng cáo sau là phải hay hơn, hấp dẫn hơn, có tính cách quốc tế, toàn cầu hơn.

Qua nhiều kết hợp hệ thống, Thời Đại Kỹ Nghệ tạo ra đa sản xuất, đa tiêu thụ, đa giáo dục, đa truyền thông... Những nối kết này lại tạo ra những cơ quan gọi là trường đại học, công ty, đảng chính trị... Những nước chưa từng có kinh nghiệm sống trong cơ chế tự do dân chủ thì cho rằng xã hội kỹ nghệ hỗn độn, mặc dù xã hội đó vẫn phát triển theo chiều hướng văn minh, bởi xã hội có nhiều hệ thống phức tạp của Thời Đại Kỹ Nghệ.

Người viết phải thành thực nhìn nhận rằng thời đại ngày nay đã quá muộn cho dân tộc Việt Nam chúng ta bước vào bình minh kỹ nghệ, nhưng giới lãnh đạo cầm quyền sở tại lại cản trở sức vươn vai của cả một dân tộc vì tư lợi cá nhân đảng phái riêng rẽ.

11. Đối Kháng Kỹ Nghệ Và Nông Nghiệp

Những thay đổi quan trọng trong xã hội đã xảy ra rất nhiều đụng độ giữa dân chúng kỹ nghệ và nông nghiệp. Các quốc gia kỹ nghệ hóa đã từng xót thương chứng kiến những va chạm đẫm máu giữa hai thành phần kỹ nghệ thương mại với khối lãnh chúa chủ đất ở Châu Âu, Nhật Bản, Trung Quốc...

Nhiều nông dân đi làm công nhân lãnh lương và lợi tức trong những xưởng nghiệp kỹ nghệ mà giới bảo thủ lãnh chúa đã kết án là “cơ sở ma quỷ, (Devil Base). Đặc biệt chế độ độc tài đảng trị cầm quyền và kỹ nghệ hóa đã sinh ra giai cấp mới mà bóc lột và thống trị nhau, gọi là “cò đất” và “dân oan.”

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Những chống đối của nông dân, đấu tranh biên giới, phong trào quốc gia... nổi lên giữa nông nghiệp và kỹ nghệ. Đó là tạo ra “bể quan tỏa cảng” của các nước nông nghiệp.

Ví dụ, Việt Nam đối đầu với các nước kỹ nghệ Phương Tây vào thế kỷ 18, đã bế quan tỏa cảng hay đóng cửa rút cầu bang giao, và hiện tượng này vẫn còn lặp lại ở bất cứ quốc gia nào muốn có kỹ nghệ hóa.

Bởi vì kỹ nghệ tự làm mòn biên cương lãnh thổ của mình, xâm nhập lãnh thổ nước khác... với các cuộc xâm nhập từ khoa học kỹ thuật, văn hóa, tôn giáo, kinh tế để làm mỏng, làm mờ hay xóa bỏ biên cương chính trị của nhiều quốc gia.

Kỹ nghệ bành trướng thị trường quốc gia, kéo theo chủ nghĩa quốc gia, và chiến tranh thống nhất quốc gia như đã từng xảy ra ở Đức, Ý và nhiều nơi khác trên thế giới. Sức mạnh kỹ nghệ của Châu Âu cần thị trường và nguyên liệu rẻ ở những nơi xa xôi, do đó sức mạnh kỹ nghệ tạo ra chiến tranh và xâm chiếm các nước ở trong thời đại bộ lạc, hay làng nước nông nghiệp của châu Á, châu Phi.

Nhưng những nhân tài của Thời Đại Kỹ Nghệ đã chiến thắng trong việc tranh đoạt quyền hành ở trong nước cũng như đã chiến thắng trong những cuộc tranh đấu chống tư bản ở các nơi khác trên thế giới.

Vì quốc gia kỹ nghệ có nền kinh tế và xã hội phức tạp hơn nên cần liên lạc với các nước bên ngoài nhiều hơn qua các hiệp ước quốc tế. Do đó khối lượng hiệp ước quốc tế gia tăng trong thời gian qua.

Quốc gia kỹ nghệ tiến đến nền kỹ thuật cao là nhờ sự liên lạc tối tân. Một lần nữa, kỹ thuật cao làm mềm làm mỏng biên giới quốc gia.

Trong nước phải chịu những cải cách kinh tế, bằng cách đập phá một số xí nghiệp cũ để tân tạo xã hội mới. Nhưng các cơ sở và máy móc cũ này lại trở thành “mới” với các nước chậm tiến như Việt Nam, vì cán bộ đã mua nhiều máy móc cũ để hưởng tư lợi và tham nhũng cá nhân.

12. Vận Tốc Thời Đại

Vận tốc thời đại kỹ nghệ đã tăng nhiều lần từ khởi đầu tới cuối thời đại, từ vận tốc cỡi ngựa, thuyền buồm, đến xe lửa, tàu thủy, phản lực cơ với vận tốc cả ngàn cây số giờ. Vận tốc tiến của một dân tộc của thời đại sau sẽ nhanh hơn thời đại trước tùy theo các hệ thống thông tin liên lạc.

Sự liên lạc càng nhanh thì giao thương quốc tế càng dễ dàng và đạt tầm vóc toàn cầu. Từ khi chiếc xe ra đời đã làm đời đã làm thay đổi bộ mặt xã hội.

Nhờ dụng cụ kim khí con người cắt thân cây thành vòng tròn, đẽo đục và tra trục vào giữa tâm vòng tròn hoặc nhiều vòng tròn quay trên một trục gỗ. Theo thời gian trục gỗ được bọc đồng, và chiếc xe do người hay vật kéo giúp cho con người phương tiện di chuyển, chuyên chở nhanh và làm tăng vận tốc thời đại.

Từ chiếc xe trâu xe bò của mấy ngàn năm trước sang xe lửa, xe vận tải, xe gia đình, xe đạp, xe đua, xe tăng, xe cày, xe biết bay... cũng như xuống đò đến xuống biết bay trên biển.

Từ thế hệ xe đầu tiên của con người làm toàn bằng gỗ. Thế hệ hai thì bánh xe bằng kim loại.

Thế hệ ba có gắn máy, tiêu thụ nhiên liệu, cần người lái trực tiếp. Thế hệ tư thì hỗn hợp máy chạy nhiên liệu và năng lượng mặt trời.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Thế hệ này không cần nhiên liệu, mà chạy bằng năng lượng mặt trời và không cần người lái, vì được hướng dẫn bằng điện tử. Mỗi thời đại có con đường riêng.

Thời săn hái con đường chỉ là những vết mòn do con người hay thú vật tạo thành. Đến khi có xe do sức vật kéo thì đường được mở rộng thêm cho xe đi chuyển.

Tiếp đến là đường lát gạch, trải sỏi đá, rồi đường tráng nhựa, xi măng cốt sắt, đường sắt, đường thủy, đường bay, đường phi tiễn. Các đô thị kỹ thuật cao có đường xe tự động, không cần người lái, và hành khách có thể ra lệnh bằng máy cho xe chở tới nhà của nơi chỉ định.

Thế hệ đường đầu tiên là đường mòn nối liền giữa các nhà để hình thành thôn xóm, đợt đường thứ hai là nối liền làng xã thành con đường cái quan. Tiếp đến thế hệ đường nhựa, đường xi măng cốt sắt, và tới giai đoạn kỹ nghệ đã phát sinh đường dịch vụ, đường gia cư, đường thành phố, đường tự do, đường vòng đai, đường một chiều, hai chiều.

Từ con đường đất xuyên qua lũy tre làng kết duyên trai gái tới con đường tình ái chuyên chở những bức thư tình... thì nay đã trở thành hệ thống đường mạng lưới điện toán.

Con đường truyền tin Marathon dài 40 cây số do chiến binh liên lạc chạy về bộ chỉ huy báo tin mừng, sau tiếng “chiến thắng” và bị chết vì kiệt sức, so việc loan tin trên hệ thống truyền thanh truyền hình xung quanh thế giới ngày nay là một cải tiến vĩ đại không ngừng.

Con đường cứu nước Trung Nữ Vương đánh đuổi quân xâm lăng Mã Viện, hay con đường thỉnh kinh của Tam Tạng, hoặc con đường bách đạo/truyền đạo của thánh Paul... so với những đường điện tử, đường ánh sáng, đường vô hình chuyển quân, chuyển kinh thư hay khối lượng tiền tệ khổng lồ là một bước tiến vượt mức tưởng tượng của nhiều người.

Con đường cản binh Trường Nhà Hồ, chặn đường tiến quân đối phương của Hồ Quý Ly, so với đường bay vệ tinh quân sự kiểm soát ngày đêm bay quanh trái đất là một sự thay đổi bất ngờ và khủng khiếp của thời đại ngày nay.

Người ta có thể theo dõi trên hệ thống truyền thanh truyền hình để biết tin tức chiến tranh, tuy không được đầy đủ vì có những nơi mà thông tin viên không được vào, nhưng người ta cũng biết nhanh chóng hơn là tin tức của nhà cầm quyền nơi ấy đưa ra.

Vận tốc của thời đại càng nhanh bao nhiêu, thì nguy cơ chiến tranh bùng nổ và sự tàn phá của chiến trận trong thời đại sau bộc phát nhanh theo vận tốc cực kỳ nguy hiểm hơn với thời đại trước. Và có thể ảnh hưởng giãy chuyễn toàn thể thế giới, nếu phe tuyên chiến hay lâm chiến có những đồng minh ủng hộ khắp thế giới.

Trong lúc Đợt Sóng Thứ Hai vẫn còn đang tiếp diễn trên các quốc gia nghèo nàn chậm tiến, thì đợt sóng khác quan trọng hơn lại đã bắt đầu. Đợt sóng mới khởi nguồn từ đầu thập niên sau Thế Chiến II, và là Đợt Sóng Thứ Ba đang lan tràn trên địa cầu, làm thay đổi toàn diện cuộc sống con người.

Nếu như Đợt Sóng Thứ Hai bắt đầu tại Hoa Kỳ vào khoảng năm 1650, thì Đợt Sóng Thứ Ba cũng đã chuyển đổi thời đại tại Hoa Kỳ vào năm 1955. Ở thập niên này, lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại: giới công nhân dịch vụ văn phòng có nhiều hơn công nhân lao động chân tay.

Chúng ta thấy xuất hiện máy điện toán, máy bay phản lực thương mại, thuốc kiểm soát sinh sản, và những phát minh kỹ thuật khác. Ngày nay tại những quốc gia kỹ thuật cao, thì sự va chạm giữa hai đợt sóng nói trên đã làm cho nền kinh tế của đợt sóng thứ hai đông đặc và tàn lụi dần.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI



Tác giả viếng thăm vương triều của một bộ lạc
trong thời săn hái

CHƯƠNG VIII



BẦU CỬ TỔNG THỐNG

(PRESIDENTIAL ELECTION)

Cuộc bầu tổng thống Hoa Kỳ được tổ chức vào năm 1789, và người đắc cử đầu tiên là George Washington. Sau 3 năm thì chính quyền thời đó xét lại và dùng niên biểu bầu cử tổng thống vào những năm chẵn theo nhiệm kỳ 4 năm như 1792, 1796, 1800... và năm 2020 như ngày nay. Cứ 4 năm, Hoa Kỳ lại chuẩn bị bầu cử vào năm cuối của nhiệm kỳ tổng thống do các tiểu bang ấn định.

Ứng viên lưỡng đảng có cơ hội mới để tranh tài vào làm chủ Nhà Trắng (White House) theo kiểu “cá chép vượt vũ môn hóa rồng,” như chuyện dụ ngôn cổ tích Việt Nam. Nhưng đặc biệt năm nay Hoa Kỳ đối diện với tai họa dịch Cô Vi, đại khủng hoảng và phong trào biểu tình phản đối phân biệt chủng tộc, cho nên hình thức bầu cử tổng thống cũng có nhiều thay đổi.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Việc tranh cử tổng thống Hoa Kỳ rất phức tạp, không thống nhất, chi tiêu tốn kém, cổ động truyền thông rầm rộ và làm cho mọi người phải nao nức hăng hái tham gia bầu cử. Cuộc bầu cử sơ bộ (Primary Election) từ đầu năm cho tới khi kết thúc cuộc tổng tuyển cử (Presidential Election) vào tháng 11 cuối năm và càng ngày càng rắc rối và trở thành khó hiểu, kỳ lạ với những cuộc bầu cử tổng thống của các quốc gia trên thế giới.

Bầu cử tổng thống có 2 giai đoạn, bầu cử sơ bộ và cuộc tổng tuyển cử.

a. Bầu Cử Sơ Bộ

Cuộc bầu cử bắt đầu vào tháng 1 của năm cuối nhiệm kỳ, rồi vận động tranh cử liên tục kéo dài trong nhiều tháng. Để được gọi là đại diện cho một chính đảng, Dân Chủ hay Cộng Hòa, ứng viên phải trải qua những cuộc tranh luận sôi nổi, thể hiện chính sách của đảng, và phải thuyết phục được hơn nửa số phiếu đại biểu (Delegates) của chính đảng chấp thuận và đề cử.

Muốn có được số phiếu đại biểu đó, ứng viên phải thắng cử qua các cuộc bầu sơ bộ từ tiểu bang mình cho tới những tiểu bang khác ở ngày siêu thứ ba (Super Tuesday) của tháng hai, hoặc tháng ba trong kỳ đại hội đảng. Mỗi đảng lại có số đại biểu khác nhau, và thay đổi số lượng đại biểu theo từng tiểu bang.

– Đảng Dân Chủ có tổng cộng là 3979 đại biểu (Delegates), trong đó có 771 siêu đại biểu (Super Delegates). Siêu đại biểu là thuật ngữ chỉ dùng cho đảng Dân Chủ, là những đảng viên đã đắc cử trong những chức vụ dân cử như dân biểu Quốc Hội, thượng nghị sĩ, các thống đốc tiểu bang, cựu tổng thống, cựu phó tổng thống, các giới chức quan trọng trong đảng là những đại biểu không cam kết (Unpledged Delegates).

Số còn lại 3208 là những đại biểu cam kết (Pledged Delegates). Ứng viên muốn được đảng đề cử phải giành được hơn 50% tức là 1990 đại biểu thì trở thành người đại diện cho đảng trong kỳ bỏ phiếu của đại hội.

Nhưng vì có nhiều ứng cử viên và không có ai đạt được số lượng 1990 phiếu đại biểu, thì cuộc bỏ phiếu lần thứ hai của 3979 đại biểu và thêm vào danh sách với 771 siêu đại biểu (super delegates) những đại biểu không cam kết tham dự đại hội đảng.

Ứng viên giờ đây muốn được đảng đề cử thì phải đạt số phiếu 2376 đại biểu trở lên.

– Đảng Cộng Hòa có tổng cộng là 2380 đại biểu, gồm có 1719 đại biểu cam kết và 661 đại biểu không cam kết là những giới chức quan trọng trong đảng.

Do đó muốn được đại diện cho đảng Cộng Hòa, ứng viên phải đạt được con số tối thiểu là 1191 đại biểu cam kết, tức là những thành viên công khai ủng hộ cho ứng cử viên tổng thống, và được xem đó như một lời cam kết.

Còn đại biểu không cam kết thì có thể bỏ phiếu cho bất cứ ứng cử viên nào mình ưa thích và chọn lựa. Tuy nhiên, trong quá trình bầu cử sơ bộ, thành phần cam kết và không cam kết thay đổi theo diễn tiến tranh cử.

Tiến trình chọn lựa đại biểu của mỗi đảng phụ thuộc vào luật riêng của từng tiểu bang.

– Bầu cử sơ bộ có 2 cách thức đầu phiếu: bỏ phiếu kín (Primary) và bỏ phiếu công khai (Caucus).

Bỏ phiếu kín là phổ thông đầu phiếu. Vào ngày bỏ phiếu do đảng ấn định, các cử tri thành viên đi vào phòng phiếu kín, bỏ phiếu cho người ứng viên nào mà mình tuyển chọn.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Bỏ phiếu công khai là sự tập hợp từng nhóm nhỏ tại các địa điểm khác nhau để bàn thảo về sự đề cử của đảng. Việc hội thảo tranh luận diễn ra công khai dưới hình thức một cuộc nói chuyện trực tiếp.

Sau đó những thành viên tham dự sẽ biểu quyết ủng hộ cho ứng cử viên nào mà mình tuyển chọn trong đảng. Việc chọn lựa bỏ phiếu kín hay công khai trong những tiểu bang lại tùy theo lương đảng quyết định.

Ví dụ, ở tiểu bang Nebraska đảng Dân Chủ chọn cách đầu phiếu công khai (Caucus), đảng khi đảng Cộng Hòa lại chọn cách bỏ phiếu kín (Primary). Tiểu bang California thì lưỡng đảng cùng theo lối đầu phiếu kín. Tiểu bang Iowa lưỡng đảng đều chọn lối đầu phiếu công khai.

Nhìn chung, theo thể thức dân chủ thì lối đầu phiếu kín mang ý nghĩa dân chủ hơn bỏ phiếu công khai. Vì hình thức bầu cử công khai thường tạo ra khó khăn tuyển lựa cho người đi bầu, ví dụ trường hợp nhiều thành viên không rõ giờ bầu cử, địa điểm bầu cử, cùng nhóm người họp mặt được gọi là caucus.

Và muốn “bỏ phiếu công khai”, người bỏ phiếu phải có được một số thời gian cần thiết để tham dự các cuộc họp mặt của nhóm. Vì sự bất tiện này nên số người tham gia “bỏ phiếu công khai” ngày càng ít.

Tuy nhiên, việc “bỏ phiếu công khai” vẫn còn tồn tại vì có nhiều lý do khác nhau, đặc biệt những người tham dự “bỏ phiếu công khai” là những người có sự hiểu biết về chính trị cao và muốn đưa ý kiến của mình để tạo ảnh hưởng đến các ứng cử viên.

b. Cách thức tính đại biểu trong kỳ bầu cử sơ bộ:

Có hai cách tính số đại biểu cho các ứng viên:

– Cách thứ nhất là tính theo “tỷ lệ” (Proportional Representation). Số đại biểu được phân chia theo tỷ lệ số phiếu của ứng viên đạt được. Thí dụ sau khi kiểm phiếu, ứng viên A có 60% thì nhận được 60% số đại biểu của tiểu bang đang tranh cử, ứng viên B có 20% sẽ nhận được 20% số đại biểu, ứng viên C có 15% đương nhiên được 15% số đại biểu.

– Cách thứ hai gọi “Thắng Lấy Hết” (Winner-Take-All) hay nói nôm na dễ hiểu là “được ăn cả, ngã về không.” Đây là nét đặc biệt nhất của Hoa Kỳ, trên thế giới hầu như không có quốc gia nào theo cách này.

Thí dụ tại tiểu bang đang tranh cử, ứng viên A có số phiếu bầu là 50.1%, ứng viên B có 49.9%, như vậy ứng viên A thắng và sẽ nhận tất cả 100% số đại biểu của tiểu bang, còn ứng viên B vì thua nên không có đại biểu. Trong bầu cử sơ bộ, Đảng Dân Chủ chọn theo cách thứ nhất “Chia Theo Tỷ Lệ”, còn đảng Cộng Hòa chọn theo cách thứ hai “Thắng Lấy Hết”.

Theo cách chọn lựa của mỗi đảng, chúng ta nhận thấy các ứng cử viên trong đảng Dân Chủ dù một ứng cử viên thua liên tục tại các tiểu bang nhưng với sự chia số đại biểu theo tỷ lệ, kết quả là ứng viên đang thua này vẫn có thể bám sát với ứng viên thắng cuộc, tạo cho cuộc tranh cử sơ bộ trong đảng nhiều gay go và cuối cùng người được đảng chọn lựa phải tỏ ra có khả năng vượt trội hơn các ứng viên khác.

Nhưng bất lợi là thời gian tranh cử sơ bộ kéo dài, nhất là khi có 2 hay nhiều ứng viên có số phiếu tương đương nhau và không có ứng viên nào đạt được số phiếu quá bán cần thiết; khi trường hợp này xảy ra, lá phiếu của những “siêu đại biểu” (Super Delegates) quyết định người ứng viên đại diện đảng.

Ngược lại đảng Cộng Hòa theo cách thứ hai (Thắng Lấy Hết), vì không muốn cuộc tranh cử sơ bộ kéo dài và muốn xác

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

định người thắng cử càng sớm càng tốt, dành thời giờ còn lại chuẩn bị cho cuộc tranh cử tổng thống sau đó.

Nhưng đây cũng là điều bất lợi cho đảng Cộng Hòa, vì chấm dứt quá sớm, trong khi đảng Dân Chủ vẫn còn tiếp tục thảo luận và vận động tranh cử, như vậy các cơ quan truyền thông, báo chí... tiếp tục nói đến đảng Dân Chủ (một hình thức quảng cáo không tốn tiền), còn đảng Cộng Hòa đã hoàn tất bầu cử sơ bộ, hầu như bị quên lãng không còn được nhắc nhở đến.

Vì thế, lâu lâu người ứng viên đã được đề cử của đảng Cộng Hòa phải tìm cách chỉ trích các ứng viên đảng Dân Chủ với mục đích duy nhất là được nhắc nhở trên các báo chí, truyền thanh truyền hình, cơ quan truyền thông ngôn luận.

Thêm một chi tiết đặc biệt của kỳ bầu cử sơ bộ, khởi đầu cuộc chạy đua thường có rất nhiều ứng viên, nhưng qua các cuộc bầu cử tại vài tiểu bang, một số ứng viên, mặc dù đã có một số phiếu “đại biểu”, nhưng không có hy vọng thắng nên thường rút lui nửa chừng.

Trường hợp này, các ứng viên bỏ cuộc có thể dùng số phiếu “đại biểu” của mình chuyển sang một ứng viên còn lại. Tranh cử sơ bộ bắt đầu từ đầu năm và thường kết thúc vào mùa hè với đại hội đảng (National Convention) để chính thức giới thiệu người đại diện đảng ứng cử chức vụ Tổng Thống trong kỳ tổng tuyển cử sắp tới.

Trong đại hội đảng, người ứng viên tổng thống được đảng đề cử sẽ chọn một người với chức vụ phó tổng thống để cùng tranh cử chung một liên danh.

c. Tổng Tuyển Cử Bầu Tổng Thống (Presidential Election)

Cuộc tổng tuyển cử xảy ra vào tháng 11, và áp dụng theo thể thức “cử tri đoàn” (Electoral College) được thành lập do

sự kết hợp của những “cử tri đại biểu” (Electors). Người dân tuy rằng đi bầu tổng thống, nhưng thực sự chỉ bầu “cử tri đại biểu”.

Toàn quốc Hoa Kỳ có tất cả 538 cử tri đại biểu, được phân chia như sau:

– Mỗi địa hạt dân biểu liên bang (Representative) có 1 cử tri đại biểu. Có 435 địa hạt dân biểu liên bang nên có tất cả 435 cử tri đại biểu. Số dân biểu mỗi tiểu bang tùy theo vào số lượng dân của tiểu bang, nhưng mỗi tiểu bang phải có tối thiểu 1 dân biểu.

Tiểu bang California có nhiều nhất 53 dân biểu, các tiểu bang nhỏ, dân ít như Alaska, Delaware, Montana, South Dakota, North Dakota, Vermont, Wyoming chỉ có 1 dân biểu.

– Mỗi địa hạt thượng nghị sĩ liên bang (Senator) có 1 cử tri đại biểu. Hoa Kỳ có 50 tiểu bang, mỗi tiểu bang (không phân biệt lớn hay nhỏ) có 2 cử tri đại biểu, do đó tổng cộng có 100 cử tri đại biểu.

– Khu vực Washington D.C. có 3 cử tri đại biểu.

Trong cuộc tổng tuyển cử Tổng thống, cách thức bầu cử và chọn cử tri đại biểu khác với bầu cử sơ bộ. Trong bầu cử sơ bộ với mục đích chọn ứng viên đại diện đảng tranh chức vụ tổng thống, do đó muốn được bỏ phiếu phải là đảng viên của đảng và chỉ được chọn ứng viên đại diện đảng (Closed Primary).

Nhưng vì bị chi phối bởi luật của từng tiểu bang, có vài tiểu bang đồng ý cho những người không thuộc đảng phái chính trị (Independents) có thể bỏ phiếu cho một ứng viên bất cứ đảng nào thì được gọi là Semi-Closed Primary. Nhưng cũng có tiểu bang chấp nhận những lá phiếu của người đi bầu từ đảng chính trị khác được gọi là Open Primary.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Lễ nhậm chức tổng thống đắc cử được tổ chức vào ngày 20 tháng 1, và ứng viên thất cử thì về nhà đuổi gà cho vợ, đợi chờ 4 năm sau với ước mơ “cá chép vượt vũ môn hóa rồng” vào làm chủ nhân của Tòa Bạch Ốc

14. Đảng Phái Chính Trị

Xét quan niệm tổ chức của Đông phương, chúng ta thấy triều đình hay đảng chính trị thường dựa trên nền tảng vì nghĩa, tỵ nghĩa, kết nghĩa. Thành viên tìm đến với nhau, ngồi lại với nhau, cùng nhau làm việc dân việc nước; tức là việc nghĩa, việc công, việc chung.

Và những con người vì nghĩa vì dân vì nước mà dấn thân hoạt động cũng được gọi là nghĩa sĩ, nghĩa quân, nghĩa binh. Tổ chức đặt căn cứ trên động lực tinh thần, một lòng làm việc chung để phục vụ cho quê hương dân tộc, hoặc gây phúc lập đức, sống theo Đạo Sống Việt và “bước đi vào lòng muôn dân!”

Mục đích của việc kết tỵ trong tổ chức là để đền ơn đáp nghĩa, hay làm ơn làm nghĩa cho nhau. Hình thức tổ chức của Đông phương rất gần gũi và thích hợp với nhân tình, nhân bản, nhân quyền.

Nhưng hoạt động lại thường nặng phần chủ quan, lòng lẻo, nhẹ phần công tác, và nảy sinh ra tệ trạng xã hội. Mặt khác, tổ chức khó khai thác và ứng dụng triệt để những điều kiện thành công khách quan!

Đó là điểm yếu trong công việc tổ chức của người Đông phương, và thường dẫn đến thất bại của đảng chính trị từng hoạt động tại Việt Nam. Ngược lại, theo quan niệm Tây phương, nền tảng tổ chức là “hợp tác” để cùng nhau làm việc.

Nhưng mục tiêu của tổ chức là “hữu hiệu,” làm sao cho hoàn thành công tác, và mục đích của tổ chức là “hưởng lợi.”

Mọi người có lợi, và càng hưởng lợi nhiều thì càng tốt. Cái lợi thành động lực đã khiến con người tích cực tham gia và làm việc trong tổ chức.

Do chủ trương “hợp tác sao cho hữu hiệu để hưởng lợi” đã phát sinh ra hình thức tổ chức mà ngày nay chúng ta gọi là “dân chủ.” Hình thức này dựa trên nguyên tắc “đa số thắng thiểu số,” và phương thức “bầu cử có nhiệm kỳ.”

Kết quả đã mang lại thành công trong việc sử dụng tài lực, nhân lực và vật lực trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Tuy nhiên, vì hạn hẹp vào “lợi” cho nên tổ chức chỉ thích ứng trên phương diện “có lợi” mà thôi.

Vì chủ đích hưởng lợi, nên đảng phái cầm quyền thường rơi vào tệ trạng với nguy cơ man trá, thủ đoạn để thành công. Chủ trương “đa số thắng thiểu số” của Tây phương thì “mạnh được yếu thua,” “ai thắng thì có công lý,” và trở thành “hình thức hợp pháp” đã giúp cho nhóm người mạnh đàn áp kẻ yếu, người có quyền lực thì bóc lột kẻ thế cô, và pháp lý trở thành dụng cụ của bất công.

Dấu chỉ rõ ràng nhất của bất công xã hội là sự hiện diện của “nhóm đặc quyền” trong đảng chính trị cầm quyền, tức những người được hưởng quyền lợi vượt quá nhiệm vụ của họ. Bất cứ ở đâu, bất cứ chế độ nào, dầu với nhiệm vụ gì, dầu dưới danh xưng gì, hễ có nhóm đặc quyền là có bất công.

Đặc quyền càng nhiều, càng lâu dài, nhóm hưởng đặc quyền càng đông thì bất công lại càng khủng khiếp. Và nhìn lịch sử cận đại Việt Nam, chúng ta có thể nói nước mình đã chưa có đảng chính trị với lớp người cán bộ hoạt động toàn thời và đúng nghĩa, để tạo ra truyền thống lãnh đạo tổ chức – tức phần tinh anh của con người được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác và phát triển qua các thời đại.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Theo lịch sử nhân loại sống chung, bao triệu năm khi chưa có ngôn ngữ, hay chữ viết thì đã có tổ chức và lãnh đạo. Đối với các ngành nghề, văn chương chữ nghĩa, khoa học kỹ thuật... con người có thể truyền thụ, giáo huấn và hấp thụ nhanh chóng.

Nhưng tổ chức và lãnh đạo lại là phần tinh anh của con người, là di truyền và chỉ được giáo dục qua huyết thống, di huấn hay linh huấn tức kinh nghiệm của thế hệ cha anh truyền lại cho con cháu mà thôi.

Dân các nước chậm tiến, chẳng những chậm tiến về khoa học kỹ thuật mà còn chậm tiến nguy hại hơn, là thiếu truyền thống lãnh đạo và tổ chức để xây dựng và phát triển đất nước – đang khi nhiều quốc gia nhược tiểu, lạc hậu và chậm tiến lại ít quan tâm tới truyền thống lãnh đạo và tổ chức, mà có chăng chỉ thành lập ra tổ chức “đảng đại chúng” với “nhóm đặc quyền” như của đảng Cộng Sản Việt Nam đang là một thí dụ điển hình, chớ thật sự nó không phải là đảng chính trị với lớp người làm việc nước mà chúng ta thường thấy ở các nước văn minh Mỹ Âu.

Trong sách “Chính Đảng và Chính Trị Hoa Kỳ – Parties and Politics in America” (1960) Clinton Rossiter nhận định rằng chính trị đã cứu vãn nền kinh tế Hoa Kỳ trong cuộc đại khủng hoảng vào năm 1930: “Tổ chức cuối cùng đã bẻ gãy được chính sách nô lệ và chủ nghĩa địa phương ở Hoa Kỳ là chính đảng. Người Hoa Kỳ đã nhận của đảng chính trị những giúp đỡ đầu tiên về tự do, công bằng và tình huynh đệ, cũng như với phương thức thích hợp nhất, các đảng chính trị đã và đang biến cải những hy vọng và thất vọng vô hình, thành những đề nghị có thể hiểu được, có thể bàn cãi được được, để được dân chúng chấp nhận và trở thành hiện thực,” (tr. 100) (1*).

Những điều này chứng tỏ tầm mức quan trọng của đảng chính trị trong Thời Đại Kỹ Nghệ (Industrial Revolution) của nhân loại, cũng như đối với hiện tình của dân tộc Việt Nam ngày nay. Trong nội bộ đảng chính trị cũng có hai cánh tả hữu, đối lập và xây dựng để thành viên bất đồng ý kiến nhập sang cánh khác mà sinh hoạt, không có chuyện bỏ đảng vì thiếu lối thoát.

Đảng đối lập đóng một vai trò trong việc ngăn cản sự quá đà hoặc chuyên chế của đảng cầm quyền, là đại biểu cho những ý kiến khác biệt, và là động cơ thúc đẩy đảng cầm quyền cố gắng sửa sai. Tuy nhiên trong thực tế, đối lập cũng luôn tìm cách soi mói và chỉ trích đảng cầm quyền để mong kiếm phiếu, nhưng chính vì thế mà hoạt động xã hội được thăng tiến.

Hơn nữa, đảng đối lập mà không có thực lực chính trị tương xứng với đảng cầm quyền thì giấc mộng tham chính chẳng bao giờ thành công.

A. Chính Đảng Thế Giới

Đọc cuốn “Dân chủ và Giáo dục: Giới thiệu các Triết học Giáo dục – Democracy and Education: An Introduction to the Philosophy of Education” triết gia Hoa Kỳ John Dewey (1859-1952) nhận xét về đảng chính trị: “Mỗi cá nhân chỉ tìm thấy được sự an toàn và được bảo vệ, mà đây là tiền đề cho sự tự do, khi họ tập hợp lại với nhau. Và rồi những tập hợp này, để bảo toàn sự hữu hiệu của chúng, giới hạn trở lại tự do của các cá nhân trong đó...”

Bây giờ, chúng ta có một hình thức tổ chức giáp xác với những cá thể yếu đuối bên trong và chiếc vỏ cứng bên ngoài.” Và ông định nghĩa, “Một đảng chính trị tân thời là tập hợp của những người có triết lý, lý tưởng, mục tiêu, hay ý nguyện tương đồng.” (2*)

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Người ta cho rằng, đảng chính trị cũng giống như ban âm nhạc hay hội tấu cầu... Tuy nhiên đảng có tham vọng lớn hơn, đó là lập chính quyền và giành lấy chính quyền.

Chỉ khi nào đảng có được chính quyền trong tay, thì lúc đó đảng mới thực hiện được mục tiêu, lý tưởng của mình... Hoặc tối thiểu đảng cũng phải giành được số ghế trong Quốc Hội thì mới phát huy được khả năng hiện thực của đảng.

Căn cứ theo kết quả hoạt động, và tùy thuộc tham vọng của đảng. Người ta có định nghĩa đảng đó theo như cơ cấu, danh xưng, lý thuyết hay chủ trương hoạt động.

B. Khuynh Hướng Chính Trị

Trong chính đảng, cho dù có cùng mục tiêu, lý tưởng, quyền lợi... nhưng khuynh hướng đảng viên cũng có nhiều khác biệt. Từ dị biệt đảng phân ra nhiều cánh, từ cực tả đến cực hữu, như Cánh Cực Tả (Radical), Cánh Trung Tả (Liberal), Cánh Trung Hữu (Conservative), Cánh Cực Hữu (Reactionary).

Và giữa các cánh tả hữu, lại còn nhiều khuynh hướng cực đoan hơn như trung lập, trung tả, trung hữu.

a. Cánh Cực Tả

- Muốn có những thay đổi cực đoan.
- Có khuynh hướng sử dụng bạo lực và phương thức bất hợp pháp để đạt được mục đích.
- Luôn chống đối và theo cách phê bình khắc nghiệt đối với trật tự xã hội đương thời.
- Không bị ràng buộc bởi truyền thống nào.

b. Cánh Trung Tả

- Ủng hộ những thay đổi lớn nếu thay đổi này được thực hiện bằng phương thức hợp pháp.
- Muốn có đổi mới hơn là cứ giữ nguyên sự việc đang diễn biến.
- Có khuynh hướng đi tìm sự tự do một cách tối đa.
- Chấp nhận có mức độ xáo trộn trật tự xã hội để đổi lấy sự tự do cá nhân.
- Nhấn mạnh đến sự xứng đáng làm người.
- Thành viên trong cánh trung tả thường lạc quan và tin tưởng vào bản chất tự nhiên của con người.

c. Cánh Trung Hữu

- Ủng hộ những thay đổi vừa phải, chậm từ từ.
- Quan tâm đến sự bảo toàn trật tự căn bản trong xã hội.
- Cho tới những thay đổi chỉ nên có tính cách hoán đổi, chớ không hủy bỏ hoàn toàn cái cũ.
- Rất yêu nước, tuân hành mệnh lệnh của thượng cấp, chấp hành trật tự và luật pháp.
- Nhìn nhận con người là chưa hoàn hảo và cần sự giám thị.

d. Cánh Cực Hữu

- Những thành viên thuộc cánh cực hữu thường chống đối những thay đổi chính sách xã hội một cách cực đoan mù quáng.
- Bảo vệ những địa vị xã hội.
- Sẵn sàng dùng phương thức bất hợp pháp để đạt mục tiêu.

C. Sinh Hoạt Chính Đảng

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Các đảng chính trị luôn phải đấu tranh trong những cuộc tranh cử, bầu cử để có thể nắm được chính quyền và giữ chính quyền. Những quốc gia như Hoa Kỳ, Gia Nã Đại, Úc Đại Lợi – các đảng chính trị tổ chức và sinh hoạt theo ba cấp, từ cấp quốc gia, cấp tiểu bang hay tỉnh, và cấp địa phương (quận).

Song hành với tổ chức hành chính quốc gia, đảng chính trị cũng tổ chức và sinh hoạt ở khu vực bầu cử. Đảng chính trị là nhu cầu quan trọng và cần thiết cho chính thể dân chủ.

Trong thể chế chính trị dân chủ đảng chính trị là Đại Biểu Dân Chủ, công dân chọn người đại diện cho mình từ đảng chính trị vào chính quyền để làm luật và thực thi luật. Và công dân chọn người đại diện cho mình từ đảng chính trị vào các ghế trong chính quyền để tranh luận, mổ xẻ các vấn đề quốc gia một cách công khai, ích quốc lợi dân.

Bởi thế đảng chính trị hoạt động với những công tác định sẵn:

- Chọn ứng cử viên vào điều hành văn phòng công quyền.
- Phụ giúp tổ chức guồng máy chính quyền.
- Làm đối lập với đảng cầm quyền.
- Gây quỹ để vận động tranh cử cho những cuộc bầu cử sắp tới.
- Đảng luôn thông báo đến cử tri của mình về những chương trình hoạt động, những khó khăn mà chính phủ đang gặp phải, cũng như đưa ra tranh luận để tìm ra phương thức giải quyết

D. Hệ Thống Chính Đảng

Đảng chính trị thường xử dụng cơ quan ngôn luận báo chí, truyền thanh truyền hình làm phương tiện thông tin phổ biến chương trình hoạt động của đảng. Sở dĩ phải rộng đường dư luận vì đảng cầm quyền còn hy vọng tái đắc cử, hoặc đảng đối

lập khai thác và phê bình yếu điểm của chính quyền, tạo ra điểm thắng cho đảng mình trong kỳ tranh cử sắp tới.

Thông thường chính đảng đơn giản hóa các vấn đề phức tạp của quốc gia, nhằm làm sao cho cử tri dễ dàng chọn lựa. Muốn đắc cử, ứng viên đưa ra điểm nóng mà đa số cử tri chú ý, đồng thời cũng là yếu điểm mà đảng cầm quyền lơ đãng và ít giải quyết.

a. Độc Đảng

Các lãnh tụ độc tài rất hoan hỉ và ưa thích phương thức cai trị độc đảng, họ chấp nhận ma giáo “muôn năm trường thọ, nhất thống giang hồ.” (Tiểu thuyết kiếm hiệp của Kim Dung). Đảng độc quyền về mọi mặt chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa, giáo dục, xã hội.

Tuy cũng tổ chức bầu cử rầm rộ, nhưng mục đích gây phân chấn nội bộ và đề cao đảng viên với đại chúng... đã bao lãnh tụ giải thích chương trình hoạt động của đảng dài tràng giang đại hải và hứa hẹn đủ thứ, nhưng toàn dân đã mỗi mòn chờ trông.

Như tại Việt Nam hiện nay, xin hỏi phổ thông đầu phiếu là gì, khi sinh hoạt chính trị bị cướp khỏi tầm tay người dân, chỉ còn hoạt động một chiều: đảng cử dân bầu?

Dân tộc ta được hưởng gì, khi phổ thông đầu phiếu biến thành phương tiện tranh đoạt dành đặc quyền cho cán bộ có chủ trương thủ đoạn, mạnh được yếu thua?

Dân tộc ta chọn lựa được gì, khi mà khu vực bầu phiếu phân chia theo tiêu chuẩn lợi ích cho đảng cầm quyền?

Dân tộc ta bầu người đại diện cho mình. Nhưng xin hỏi, đại đa số cử tri đã không biết mục tiêu thực sự của các ứng cử viên; lại nữa, dân biểu tranh đấu cho nguyện vọng người dân

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

địa phương nhưng lại không được quyền phát biểu trái với đường lối chủ trương của đảng cầm quyền.

Và rồi dân biểu thay mặt dân, nhưng sau ngày đắc cử họ không còn thuộc thành phần đại chúng hay dân tộc, mà lại gia nhập vào nhóm đặc quyền hưởng nhiều đặc lợi suốt đời.

Đang khi còn tranh đấu, còn vận động thì họ quảng cáo rầm rộ với nhiều chương trình tân tiến, vì dân vì nước... Nhưng lấy gì bảo đảm cho rằng họ thực thi?

Nhìn lại những ngày bầu cử trong lịch sử, lá phiếu cũng được vận động qua đặc ân tạm bợ và lời hứa hẹn mị dân, mị cán bộ.... Dân tộc ta sẽ thực sự được gì?

Ngoài ra chế độ dân chủ như ở Mỹ Tây Cơ cũng là hình thức độc đảng, đảng Cách Mạng (Partido Revolucionario) chẳng thua kém gì đảng độc tài Cộng Sản.

Đảng này kiểm soát chính quyền từ năm 1920 và thắng tất cả các ghế ở cấp tiểu bang hay thành phố lớn. Đảng khi các đảng phái nhỏ không thể cạnh tranh nổi với đảng cầm quyền.

Hậu quả của nạn độc tài chính trị đã dẫn tới cảnh dân đói nước nghèo! Độc đảng dẫn đến quyền lực tuyệt đối, là nguyên nhân tạo ra tai họa cho dân tộc.

Đó cũng là điều chúng ta cần tránh, đừng để vương mắc sai lầm tái diễn.

b. Đa Đảng

Các quốc gia như Pháp, Ý, Nhật Bản, Tích Lan... đa đảng. Những nước này thường có bốn năm đảng chính trị mạnh, và nhiều đảng nhỏ. Mỗi đảng lại có một chính sách riêng về kinh tế xã hội.

Một hai đảng “tả khuynh” thì chủ trương Tự Do, Cấp Tiến. Một hai đảng “trung dung” có chủ trương Dung Hòa, Trung Lập. Một hai đảng “hữu khuynh” lại chủ trương Bảo Thủ.

Quốc gia đa đảng thì khó có một đảng nào thắng bầu cử để giữ chính quyền, cho nên phải có hai đảng liên minh thành lập nội các. Khi hai đảng không đồng ý với chính sách hay chương trình hoạt động chung, thì liên minh tan rã và thường kéo theo sự sụp đổ chính quyền.

Nhìn chung, hệ thống đa đảng thường làm cho chính quyền yếu hơn hệ thống lưỡng đảng.

c. Lưỡng Đảng

Hệ thống lưỡng đảng đã thành hình ở những quốc gia dùng Anh ngữ, dù rằng có nhiều đảng nhỏ nhưng chỉ quy tụ nơi hai đảng chính. Anh Quốc có đảng Bảo Thủ (Conservative) và Lao Động (Labor).

Hoa Kỳ có đảng Cộng Hòa (Republican) và Dân Chủ (Democratic). Gia Nã Đại có đảng Bảo Thủ Tiến Bộ (Progressive Conservative) và Tự Do (Liberal) (3*).

Úc Đại Lợi có những đảng chính trị nhỏ nhưng một trong hai đảng lớn giữ chính quyền. Thông thường, dân chúng vùng kỹ nghệ bỏ phiếu cho đảng Tự Do, vùng nông nghiệp thì bỏ phiếu cho đảng Bảo Thủ.

Mặc dù trong nước có hai đảng nhưng mỗi đảng lại kiểm soát một vùng, và cử tri thường bỏ phiếu cho ứng cử viên của đảng mình.

E. Chính Đảng Hoa Kỳ

Năm 1787 các nhà lãnh đạo chính trị Hoa Kỳ về họp tại Philadelphia soạn thảo Hiến Pháp, tuy không đề cập đến đảng chính trị, nhưng George Washington chủ tọa Hội Nghị Lập

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Hiến thống nhất 13 tiểu bang, và có nhiều lãnh tụ đảng phái chống đối xảy ra.

Dù có bất đồng chính kiến, nhưng vì quyền lợi kinh tế, chính trị, xã hội của người Hoa Kỳ đã buộc mọi người phải ngồi lại để thành lập tổ chức chính trị.

Một nhóm người gọi là Nhóm Liên Bang (Federalists) ủng hộ chính phủ Liên Bang mạnh. Những người chống đối được gọi là Nhóm Chống Liên Bang. Đây là hai tổ chức chính trị đã hình thành trước khi Washington trở thành tổng thống vào năm 1789.

Sau đó hai nhóm này phát triển thành hai đảng chính trị đầu tiên của Hoa Kỳ là Đảng Liên Bang (Federalist Party) và Đảng Dân Chủ Cộng Hòa (Democratic Republican Party).

Đảng Liên Bang lãnh đạo bởi Alexander Hamilton muốn có chính quyền trung ương mạnh. Đảng Dân Chủ Cộng Hòa lãnh đạo bởi Thomas Jefferson ủng hộ chính quyền trung ương yếu.

Sau cuộc Bầu Cử Tổng Thống năm 1816, lưỡng đảng không giữ được sự thống nhất, một trong những nhóm của đảng Dân Chủ Cộng Hòa do Andrew Jackson lãnh đạo, tới khoảng năm 1830, nhóm này tách ra gọi là người Dân Chủ.

a. Đảng Dân Chủ

Đảng Dân Chủ là đảng kỳ cựu nhất hoạt động tại Hoa Kỳ. Có sử gia cho rằng Đảng Dân Chủ bắt đầu vào những năm 1790 với Thomas Jefferson, nhưng đa số lại quả quyết nguồn gốc của Đảng Dân Chủ bắt đầu sau chiến dịch vận động tranh cử tổng thống năm 1824, và Andrew Jackson thắng cử vào năm 1828.

Từ năm 1828 đến 1860, Đảng Dân Chủ thắng tất cả các cuộc tranh cử tổng thống, mặc dù trong đảng có những bất

đồng về các vấn đề như nô lệ, thuế khóa... và gặp nhiều khó khăn về nội bộ.

Tới năm 1832 thì có nhiều nhóm chống đối lại Tổng Thống Jackson và thành lập Đảng Tự Do (Whig Party), nhưng Đảng Tự Do không thống nhất và phát triển đủ mạnh để dân chúng Hoa Kỳ ủng hộ.

Cho tới thập niên 1850 Đảng Dân Chủ chia rẽ vì một số người chống đối, hoặc ủng hộ sự kéo dài chế độ nô lệ. Năm 1860 đảng này đề cử người tranh cử tổng thống, nhưng không thắng được ứng cử viên của Đảng Cộng Hòa Abraham Lincoln, và vì thế mà Hoa Kỳ lâm cảnh nội chiến vào năm 1861 đến năm 1865.

Từ 1860 đến 1932, Đảng Cộng Hòa đổ lỗi cho Đảng Dân Chủ gây ra cuộc nội chiến Civil War. Ngược lại, Đảng Dân Chủ đổ lỗi cho Đảng Cộng Hòa gây ra cuộc đại khủng hoảng kinh tế vào năm 1930.

Tóm lại, Đảng Dân Chủ giữ ghế tổng thống từ năm 1933 cho tới 1953 và kiểm soát luôn Luỹng Viện Quốc Hội.

b. Đảng Cộng Hòa

Đảng Cộng Hòa khởi đầu bằng những loạt biểu tình chống Nô Lệ tại miền Trung Tây Hoa Kỳ vào năm 1854. Vào thời kỳ này Đảng Tự Do tan rã, và nhiều đảng viên Tự Do cũng như Dân Chủ ở miền Bắc Hoa Kỳ chống đối sự kéo dài chế độ Nô Lệ.

Đảng Cộng Hòa là đại diện cho quan điểm này nên đã kết nạp đảng viên một cách nhanh chóng. Ứng cử viên tổng thống của Đảng Cộng Hòa đầu tiên ra tranh cử là John C. Fremont dù bị thất cử nhưng đã chiếm được 11 Tiểu Bang Miền Bắc.

Và từ năm 1860 khi Abraham Lincoln đắc cử cho đến 1928, Đảng Cộng Hòa thắng 14 trên 18 cuộc tranh cử tổng

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

thống. Chính sách của đảng đáp ứng nhiều nhóm gồm nông gia, kỹ nghệ và thương gia.

Vụ bê bối tiền bạc của Tổng Thống Ulysses S. Grant vào năm 1879, và trước đó, nền kinh tế bấp bênh đã gần làm hỏng cuộc vận động tranh cử năm 1876.

Năm 1912 Tổng Thống William Howard Taft là lãnh tụ đã gây chia rẽ Đảng Cộng Hòa. Nhóm Cộng Hòa Tiến Bộ chọn Theodore Roosevelt làm Tổng Thống từ 1901 đến 1909.

Tiếp đến là cuộc tranh cử, và nhóm Bảo Thủ Cộng Hòa lại chọn Ông William Howard Taft tái tranh cử tại đại hội đảng tổ chức vào năm 1912. Ông Theodore Roosevelt phải ly khai với Đảng Cộng Hòa để thành lập Đảng Cấp Tiến (Progressive Party).

Sự chia rẽ trong nội bộ đã làm cho Đảng Cộng Hòa thất cử. Trong Đệ Nhị Thế Chiến (1939-45) Đảng Cộng Hòa lại chứng tỏ cho dân chúng Hoa Kỳ thấy được dấu hiệu phục hồi sinh lực của đảng.

Năm 1946, đảng thắng cử ở Luỹng Viện Quốc Hội lần đầu tiên kể từ năm 1928. Cho tới năm 1952 Dwight D. Eisenhower đắc cử tổng thống và mang lại chiến thắng vẻ vang cho Đảng Cộng Hòa sau 24 năm mất ghế.

Năm 1956 Tổng Thống Eisenhower tái đắc cử nhưng ông chỉ chiếm được đa số ở Quốc Hội có hai năm đầu trong tám năm làm tổng thống của ông.

c. Các Chính Đảng Khác

Tại Hoa Kỳ cũng có nhiều đảng chính trị khác như Tự Do Cộng Hòa (Liberal Republicans, 1872), Cấp Tiến (Progressives, 1912), Kim Dân Chủ (Gold Democrats, 1896), Xã Hội (Socialists, 1901), Công Xã (Socialists Workers,

1938)... Nhưng các đảng này chưa bao giờ thắng cử tổng thống.

Những khi tư tưởng của các đảng nhỏ này vừa đề ra và được đại chúng ủng hộ. Ngay lập tức cả hai đảng lớn Dân Chủ và Cộng Hòa đều thay đổi đường lối nhằm đáp ứng kịp thời để đáp lại lòng dân.

Nhiều tiểu bang Hoa Kỳ ủng hộ mạnh cho một đảng, và đảng này kiểm soát Tiểu Bang. Từ cuộc Nội Chiến đến năm 1960 đảng Dân Chủ kiểm soát các Tiểu Bang Miền Nam, Cộng Hòa kiểm soát các Tiểu Bang Miền Trung Tây.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Câu Chuyện Thời Đại:



Vấn đề trọng đại của người Việt Nam chúng ta hôm nay là chúng ta cần một đội ngũ người chính trị gia mới và thấy chính trị là sứ mạng cao cả mà giúp họ dẫn thân, giúp họ đầu tư cho hợp thời đại.

Khi thế giới đã vượt qua thời đại kỹ nghệ để tiến vào thời đại tin liệu, mà các lãnh tụ còn cương quyết theo khuôn đúc tổ chức của thời đại nông nghiệp thì đất nước và dân tộc này nghèo đói lạc hậu là chuyện đương nhiên.

Vậy muốn thành công trong việc tổ chức và lãnh đạo chính trị thì chủ trương và đường hướng phải được phát triển đúng thời đại.

Dân Tộc Việt Nam cần một tổ chức chính trị hợp thời đại để phát triển và tiến bộ ngang hàng với các quốc gia văn minh trên thế giới.

CHƯƠNG IX



CHÍNH ĐẢNG ÚC ĐẠI LỢI
&
CHÍNH ĐẢNG VIỆT NAM

A. Chính Đảng Úc Đại Lợi

Nếu chúng ta chấp nhận định nghĩa của triết gia John Dewey, “Một đảng chính trị tân thời là tập hợp của những người có triết lý, lý tưởng, mục tiêu, hay ý nguyện tương đồng,” thì Úc Đại Lợi từ năm 1972 đến 1976, chỉ trong 4 năm hoạt động đã có trên 60 đảng chính trị.

Và như thế, nhìn lại số tổ chức đảng phái của người Việt Nam sau năm 1975 tới nay, quốc nội cũng như hải ngoại còn quá ít nếu so sánh với số đảng phái của người Úc Đại Lợi.

Nhưng trên thực tế, những đảng chính trị có khả năng đưa đảng viên vào lập pháp chỉ gồm có Đảng Lao Động (Labor Party), Đảng Tự Do (Liberal Party), Đảng Quốc Gia (National Party), Đảng Dân Chủ (Democrats)...

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Và theo nhiều nhà phân tích, thì Úc Đại Lợi không phải thuộc hệ thống đa đảng mà là “lưỡng đảng,” bao gồm **khối** lưỡng đảng (Labor vs non-labor) và khối tứ đảng (Labor, Liberal, National, Democrats).

G1. Đảng Lao Động (The Australian Labor Party, ALP)

a. Nguồn Gốc

Đảng Lao Động là đảng lâu đời nhất của Úc Đại Lợi. Vào thập niên 1890 nhiều cuộc khủng hoảng xảy ra, nhân công ở New South Wales và Queensland đã đình công dưới sự điều động của Liên Đoàn Công Nhân (Labor Leagues).

Và các cuộc đấu tranh này đạt được nhiều thành quả hơn những cuộc đấu tranh chỉ mang tính cách Nghiệp Đoàn (Union) như tại Victoria và South Australia.

Dân chúng Úc Đại Lợi cho rằng hình thức tổ chức Liên Đoàn Công Nhân đã gần gũi với thợ thuyền và có kỷ luật của một đảng phái rõ ràng hơn. Và những cuộc đình công trong công nghiệp đã chẳng mang lại những cải cách theo ý muốn của đại đa số người dân lao động.

Biện pháp duy nhất để tạo ra những cải cách là phải thay đổi các điều luật thông qua Quốc Hội. Vì thế New South Wales và Queensland đã hình thành Đảng Lao Động để tranh cử vào thập niên 1890, và sau đó khi Liên Bang được thành lập thì Đảng Lao Động của cấp liên bang cũng được ra đời.

b. Chủ Trương

Nguyên Tắc Căn Bản của Đảng Lao Động bao gồm 3 điều:

- Thành viên trong quốc hội phải tuân theo đường lối của đảng.

- Caucus, tức là buổi họp các thành viên của đảng nằm trong quốc hội, sẽ có quyết định ảnh hưởng đến tất cả các đảng viên trong quốc hội.

- Vai trò của Đảng Lao Động là liên tục tìm kiếm sự cải cách và bình đẳng trong xã hội.

Đảng Lao Động đã trải qua 3 cuộc biến động lớn:

- Cuộc biến động đầu tiên vào năm 1916, khi chủ trương tổng hợp đảng viên được Caucus tán thành, nhưng hầu hết thành viên trong Đảng Lao Động không tán thành. Kết quả dẫn đưa đến việc thủ tướng, thủ hiến và các vị lãnh tụ đảng trong Caucus phải mất chức.

- Năm 1939 có sự bất đồng ý kiến trong đảng Lao Động về việc đối phó với cuộc khủng hoảng kinh tế.

- Cho tới năm 1955, Đảng Lao Động bị tách ra làm hai vì bất đồng chính kiến trên khuynh hướng phải chấp nhận Cộng Sản hay không.

Không riêng gì Việt Nam, mà cả thế giới đã có kinh nghiệm sòng, thừa nhận và kết luận rằng Chế Độ Cộng Sản là không tương, là huyền hoặc và lỗi thời.

c. Cơ Cấu Tổ Chức

Đảng Lao Động chia làm 3 cấp cấu trúc: chi bộ nghiệp đoàn được thừa nhận, tiểu bang, và liên bang.

Các chi bộ được thành lập trên căn bản địa lý với nhiệm vụ vận động bầu cử và gây quỹ. Đảng viên địa phương có quyền tuyển chọn các đại diện tranh cử vào các chức vụ dân cử nếu người đó hội đủ hai điều kiện: có chân trong một chi bộ, và đã gia nhập chi bộ trên 6 tháng.

Các nghiệp đoàn đóng đảng phí cho Ban Thường Vụ Tiểu Bang (State Executive) và cử người đại diện vào các đại hội

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

đảng cấp tiểu bang. Tại Queensland, nghiệp đoàn có quyền cử đại biểu trực tiếp với ban thường vụ, nhưng ở các tiểu bang khác thì nghiệp đoàn phải thông qua cuộc tuyển chọn đại biểu ở vùng bầu cử (Electorate).

Ban thường vụ tiểu bang gồm có chủ tịch, các phó chủ tịch, thư ký, phụ tá thư ký, thủ quỹ, tổng ủy viên, các phối trí viên tiểu bang, ủy viên truyền thông và chủ tọa của các công ty.

Ngoài ra tại đại hội đảng tiểu bang, người ta còn bầu ra thành viên ủy ban hành chính, ban tranh tụng, cử tri đoàn trung ương, đại biểu đại hội quốc gia và ban thường vụ cấp liên bang. Đại hội thường niên cấp tiểu bang quyết định đường lối, tổ chức và bầu ra ban thường vụ cho năm tới.

Ở cấp liên bang số đại biểu của các tiểu bang đều bằng nhau. Ban thường vụ liên bang nhóm họp 2 hoặc 3 lần trong năm, gồm có 2 đại biểu của mỗi tiểu bang. Đại hội đảng cấp liên bang nhóm họp mỗi năm 2 lần và mỗi tiểu bang có 6 đại biểu.

Tất cả các quyết định tối hậu đều do ban thường vụ đảng cấp liên bang quyết định thông qua một đại hội đảng. Ban thường vụ có nhiệm vụ giữ liên lạc mật thiết với các đảng viên trong quốc hội.

d. Trung Tâm Quyền Lực

- Caucus, gồm các đảng viên có chân trong quốc hội, có quyền quyết định chiến thuật tổng quát và bầu ra hội đồng nội các. Caucus bầu ra lãnh tụ đảng và lãnh tụ có quyền đặt ra các bộ trong nội các.

- Đại hội và ban thường vụ đề ra chủ trương chung và xác định ứng viên tranh cử.

- Các chi bộ địa phương và nghiệp đoàn tuyển chọn ứng viên tranh cử và vận động cử tri ủng hộ cho các ứng viên này. Nghiệp đoàn ở Úc Đại Lợi được hiểu là các công đoàn lao động, thương mại, tài chính xin gia nhập đảng và được đảng thừa nhận (Affiliated Unions).

e. Mỗi Quan Hệ Đảng

- Nguyên thủy, do bất tín nhiệm các chính trị gia vào thời thập niên 1890, đảng đưa người vào chính quyền, rồi xảy ra nhiều vụ cán bộ đảng xé lẻ vào năm 1894... Thành viên buộc phải tuyên thệ và tuân theo quyết định chung.

Năm 1916 xảy ra vụ lật đổ đảng khi Caucus chung quyết “động viên,” là quyết định đi ngược lại nguyện vọng của đảng và nghiệp đoàn. Nhưng cho tới nay chính quyền Lao Động luôn luôn tuân theo đường lối của Đảng.

g. Tài Chính Tranh Cử

Ở Sydney là nơi mà Đảng Lao Động thường giành được chính quyền thì giai đoạn tranh cử trong nội bộ đảng có khi quan trọng hơn cả giai đoạn bầu cử phổ thông.

- Ứng cử viên phải là đảng viên của chi bộ liên hệ đến cuộc tranh cử, hay là thành viên của một nghiệp đoàn đã được thừa nhận hơn 3 năm liên tiếp, ngoại trừ trường hợp có sự can thiệp đặc biệt của ủy ban hành chính. Cuộc bầu cử chia làm hai phần:

- 50% giá trị tùy thuộc vào cử tri đoàn trung ương. Đoàn gồm có 42 phiếu ở Queensland, 1 phiếu của chủ tịch đảng tiểu bang, 1 phiếu của người lãnh đạo cấp chính quyền mà ứng viên muốn tranh cử vào, vì người này phải thuộc là người Queensland, 24 phiếu từ đại biểu nghiệp đoàn, và 16 phiếu từ đại biểu được chọn từ đại hội đảng tiểu bang.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

- 50% còn lại sẽ là quyết định của đảng viên các chi bộ trong vùng liên hệ.

h. Chi Bộ (Branch)

Cứ có 7 đảng viên sinh hoạt trong một vùng bầu cử thì chính thức thành lập ra một chi bộ đảng mới.

- Đảng viên. Công dân phải hội đủ các điều kiện: trên 15 tuổi; nộp đơn gia nhập đảng; đóng đảng phí [\$52.00, \$37.00 hay là \$13.00...] tùy theo mức thu nhập của mỗi cá nhân, và không được có chân trong đảng Phát Xít và Cộng Sản.

Để có quyền bầu cử nội bộ, đảng viên phải ghi danh vào một chi bộ, làm thành viên của chi bộ trên 6 tháng thì mới có quyền.

i. Các Nhánh của Đảng

- Thanh Niên Lao Động Úc Đại Lợi (Australian Young Labor – AYL) đảng viên từ 15 đến 26 tuổi.

- Hội Phụ Nữ Lao Động (Labor Women’s Organisation – LWO) dành cho nữ đảng viên.

G2. Đảng Tự Do (Liberal Party)

Đảng Tự Do là đảng trẻ trung nhất trong hàng ngũ chính đảng của Úc Đại Lợi, nhưng lại là đảng có nhiều quyền lực và kế tục truyền thống chính trị lâu đời trong dân chúng của quốc gia này.

a. Nguồn Gốc

Cơn khủng hoảng Caucus của Đảng Lao Động xảy ra vào năm 1931 đã làm cho đảng này tan rã, và phân chia thành ra ba nhóm. Một trong số nhóm ấy do Joseph Aloysius Lyons lãnh đạo sát nhập vào Nhóm Người Quốc Gia (Nationalists) và thành lập ra đảng mới có danh xưng Úc Đại Lợi Thống Nhất (United Australia Party).

Và trong cuộc tranh cử phổ thông đầu phiếu đầu tiên năm đó, Đảng Úc Đại Lợi Thống Nhất thắng cử vẻ vang. Nhưng sau thời gian cầm quyền, đảng này càng ngày lại càng bị yếu thế bởi cấu trúc lỏng lẻo, không đáp ứng kịp nhu cầu nhân tâm và tình hình thực tế.

Mặc dầu đảng mang danh nghĩa đại diện ở cấp liên bang, nhưng tại nhiều tiểu bang đảng này lại không có đại diện. Thứ rồi ở một số tiểu bang, đảng viên lại hoạt động không mang danh nghĩa Đảng Úc Đại Lợi Thống Nhất mà tuyên xưng thuộc về Nhóm Người Quốc Gia.

Tới tháng 8 năm 1944 trong cuộc trưng cầu dân ý về việc chính quyền liên bang có thẩm quyền trên các mặt kinh tế và xã hội hay không... Robert Gordon Menzies nhân dịp tấn công Đảng Úc Đại Lợi Thống Nhất, đứng lên kêu gọi thành lập Đảng Tự Do (Liberal Party).

Menzies lập luận rằng theo cuộc trưng cầu dân ý đã chứng minh đất nước Úc Đại Lợi phát triển là theo đường hướng với nếp sống tự do. Hơn nữa, người dân hoàn toàn tin tưởng vào chính quyền Tự Do Dân Chủ đương thời, mà họ không chấp nhận chủ trương Xã Hội Chủ Nghĩa.

Menzies quả quyết rằng hệ thống Tự Do Dân Chủ đưa dân nước Úc Đại Lợi tiến tới phồn thịnh trong tương lai, và vào năm 1945 ông chính thức thành lập Đảng Tự Do. Ông kêu gọi các thành phần trong Đảng Úc Đại Lợi Thống Nhất, và những ai muốn có khuynh hướng sống tự do dân chủ thì hãy gia nhập Đảng Tự Do.

Trong thời gian thành lập này Đảng Nhân Dân Queensland (Queensland's People Party) sát nhập vào Đảng Tự Do tạo ra thế kết hợp đầu tiên. Nhưng lại giữ nguyên cơ chế tự trị của tiểu bang, và điều này trở thành nguyên tắc chủ yếu trong sinh hoạt của Đảng Tự Do.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Đảng Tự Do biết uyển chuyển khi phải đương đầu với những vấn đề chính trị phức tạp, và tranh thủ nhân tâm. Tự Do nhấn mạnh đến tự do cá nhân, khuyến khích cá nhân tìm lối sống riêng sao cho phù hợp với sự tự do của mình mà mình mong muốn.

Thành thử Đảng Tự Do đã đề ra chính sách ủng hộ các công ty tư nhân, và đảng coi lợi ích của các công ty tư nhân này là phần thưởng cố gắng, hay nỗ lực cá nhân mà ra, mà có.

b. Chủ Trương

Đảng Tự Do vốn chủ trương chống lại Xã Hội Chủ Nghĩa, không đồng ý với Đảng Lao Động về quyền kiểm soát rộng rãi của chính quyền Lao Động trong việc phát triển cuộc sống và công ăn việc làm của người dân. Tự Do cương quyết không xử dụng ngân sách quốc gia cho các vấn đề y tế hay an sinh xã hội.

Ví dụ, Tự Do xóa bỏ Medibank, một hình thức bảo hiểm y tế của chính phủ rất cồng kềnh và tốn kém nhiều ngân sách quốc gia do chính quyền Lao Động thành lập. Đảng khi Đảng Tự Do lại khuyến khích dân chúng mua bảo hiểm tư.

c. Cơ Cấu Tổ Chức

Mạng lưới tổ chức của Đảng Tự Do, nhìn chung cũng tương tự như Đảng Xã Hội, cũng có những chi bộ địa phương làm hạ tầng cơ sở, và đảng bộ trong mỗi tiểu bang. Tuy nhiên, điểm khác biệt giữa Đảng Tự Do và Đảng Lao Động là quyền lực của đảng viên trong Quốc Hội.

Các thành viên Tự Do có quyền tự quyết những vấn đề về chuyên biệt mà nhiều khi có quyết định đi ngược lại chung quyết của Đảng Tự Do đề ra. Nhưng trong những trường hợp nếu có, thì Đảng Tự Do cũng đành miễn cưỡng mà chịu chấp nhận, chớ không phê bác.

Ngay trong Quốc Hội, Caucus của Tự Do là những người nằm trong Quốc Hội, nhưng nhiệm vụ của những đảng viên này chỉ bầu ra lãnh tụ, rồi sau đó lãnh tụ này tự ý chỉ định nội các, chứ không do đảng chỉ định.

Tự Do với phương châm là “đảng lãnh đạo tự nhiên.” Điều này có nghĩa là đảng không có đoàn thể chính thức ủng hộ cho đảng như những nghiệp đoàn trong Đảng Lao Động.

Và Đảng Tự Do có sự ủng hộ ngầm của các giới thương gia doanh nhân.

G3. Đảng Nông Thôn Quốc Gia (The National Country Party)

Nông Thôn Quốc Gia là đảng phát triển trong thời Đệ Nhất Thế Chiến, được sự ủng hộ của các tổ chức nông gia, vì họ cần có tiếng nói trong Quốc Hội để bênh vực cho quyền lợi của người nông thôn.

Năm 1923 Đảng Nông Thôn Quốc Gia trở thành đồng minh với Đảng Quốc Gia (The Nationalist Party). Đó là giai đoạn khởi thủy nền tảng liên đảng được tạo ra để chống lại Đảng Lao Động (Anti-Labor) ở cấp Tiểu Bang và Liên Bang.

Nông Thôn Quốc Gia chú trọng đến những quyết định liên quan tới đời sống kỹ nghệ ở vùng nông thôn. Tuy nhiên, đảng này lại chiếm được nhiều ghế hơn là mức độ mà giới truyền thông vẫn thường suy đoán, vì họ chỉ dựa trên thống kê.

Thế mạnh của Đảng Nông Thôn Quốc Gia là đảng đứng trên quan điểm và lập trường “đoàn kết - thẳng thắn.” Tuy nhiên từ ngày thành lập tới nay, Nông Thôn Quốc Gia phải đương đầu với hai vấn đề lớn.

Thứ nhất, sau Đệ Nhất Thế Chiến, dân số Úc Đại Lợi tăng trưởng gấp ba lần, phần lớn lại bỏ nông thôn vốn có đời sống

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

lam lũ mà tụ tập về chốn phồn hoa đô hội sẵn có công ăn việc làm; từ đó, tỷ lệ phiếu của vùng nông thôn đã bị giảm sút.

Thứ hai, Đảng Tự Do – một đối thủ đồng minh của liên đảng đang dần dà tiến vào giành ghế với Đảng Nông Thôn Quốc Gia trong vùng nông thôn với khuynh hướng tự do.

G4. Các Đảng Phái Khác

Các đảng nhỏ khác thường đấu tranh cho một vấn đề tương đối nhỏ hẹp. Do đó, mỗi khi có vấn đề không còn tồn tại thì các đảng nhỏ này phải vất vả để duy trì sự tồn vong của họ.

Thứ đến họ cũng không có những nguồn tài trợ dồi dào như chính đảng lớn, và họ không có đại diện trong Quốc Hội thì cũng ít được giới truyền thông báo chí nhắc tới.

G5. Đảng Dân Chủ Lao Động (The Democratic Labor Party)

Đảng Dân Chủ Lao Động là mảnh vụn vỡ ra từ Đảng Lao Động năm 1955, khi họ bất đồng chính kiến với người Cộng Sản. Sự kiện Dân Chủ Lao Động tách rời ra cũng làm ảnh hưởng đến Đảng Tự Do trong việc thay đổi bầu cử, đẩy mạnh phong trào chống Đảng Cộng sản trong vùng Châu Á.

Vào thời kỳ đầu năm 1970, Tự Do đạt đến cực điểm trong chính trị, chiếm 5 ghế trong thượng viện liên bang. Nhưng tới năm 1974 Tự Do lại bị thất bại vì không còn giữ được ghế nào rồi dẫn tới việc ngưng hoạt động của đảng vào năm 1978.

G6. Đảng Người Úc Dân Chủ (The Australian Demo-crats)

Donal Leslie Chipp, cựu thành viên của Đảng Tự Do, đứng ra thành lập Đảng Người Úc Dân Chủ vào năm 1977. Đường lối của đảng là trung dung giữa hai phe Lao Động và Tự Do.

Chỉ trong 9 tháng đầu hoạt động đảng đã thu nhận được 120 thành viên, chiếm được 2 ghế Nghị Sĩ. Tuy nhiên tới nay đảng này cũng gặp nhiều khó khăn về tài chính.

H. Nhiệm Vụ Chính Đảng

Ở nước độc đảng như Cộng Sản hay Hồi Giáo... đảng viên ứng cử được chọn vào ghế trong chính quyền để giữ các chức vị quan trọng hầu nhằm bảo vệ quyền lợi của chế độ độc tài đảng trị. Đương nhiên bầu cử của họ là phải thắng với tỷ lệ 100%, hoặc 90%... vì đảng cử dân bầu và không có đối thủ cạnh tranh.

Nhưng ở nước có lưỡng đảng hay đa đảng, mỗi đảng tranh cử tại nhiều địa phương với nhiều chức vụ khác nhau. Cử tri sẽ chọn ứng cử viên tranh cử, và người có nhiều phiếu thì đắc cử.

Vào thời mới lập quốc ở Hoa Kỳ, các lãnh tụ chọn người vào ghế chính quyền bằng những phiên họp của các ủy viên gọi là Caucus. Nhưng hình thức này trở thành không phù hợp lòng dân, vì có nhiều ứng cử viên của các đảng phái khác bị thất lợi trong cuộc xây dựng và phát triển công quyền.

Hơn nữa, một người hay một nhóm nhỏ cũng có thể kiểm soát Caucus để đạt đến mục đích cá nhân. Vì thế từ năm 1840 tới nay thể thức đại hội chọn ứng cử viên đã trở thành phổ quát.

Theo thể thức này, đảng viên sẽ chọn ứng viên đại diện cho mình qua kỳ đại hội. Nhưng rồi lãnh tụ đảng và guồng máy đảng đã kiểm soát được đại hội.

Nhiều đại biểu bầu phiếu lại thực hiện theo chỉ thị, hoặc được mua chuộc. Đại hội tới nay vẫn còn tổ chức tại một số tiểu bang Hoa Kỳ để chọn ứng viên cấp tiểu bang, cấp địa phương, hoặc thảo luận những công tác nội bộ.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Hai đảng chính trị quan trọng là Dân Chủ và Cộng Hòa tổ chức những đại hội toàn đảng mỗi bốn năm một lần, để chọn ứng viên tổng thống và phó tổng thống. Bắt đầu những thập niên 1900 nhiều tiểu bang đã thay thế đại hội đảng bằng phiếu sơ cấp để chọn ứng cử viên, cũng như muốn tránh sự kiểm soát của đảng vào các ứng cử viên.

Bởi thế các tiểu bang ở Hoa Kỳ ngày nay tổ chức công khai hay nội bộ bầu cử sơ cấp. Trong cuộc bầu cử công khai, mỗi cử tri nhận phiếu ứng cử viên của các đảng.

Tại thùng phiếu, cử tri chọn phiếu của ứng cử viên mà mình đã tuyên. Và trong cuộc bầu cử nội bộ, cử tri thường chỉ chọn phiếu ứng cử viên của đảng mình.

H1. Tập quyền - tản quyền

Những nước có hệ thống tập quyền như Anh, Pháp, Ý... thì chính phủ trung ương nắm giữ nhiều quyền hành kể cả quyền kiểm soát các địa phương. Nhưng những nước có hệ hống liên bang như Hoa Kỳ, Gia Nã Đại, Úc Đại Lợi... thì quyền hành được phân ra giữa trung ương, và tiểu bang, hay tỉnh bang.

Những nước có thể chế trung ương tập quyền, các đảng chính trị tập trung để được quyền kiểm soát, tổ chức chính quyền trung ương, và các chính đảng cũng tổ chức và hoạt động theo cấp độ này. Và những nước có thể chế chính trị tản quyền, thì các chính đảng cũng phải hoạt động và tổ chức sao cho phù hợp với thể chế như tổng thống hay đại nghị.

H2. Thể Chế Tổng Thống

Hiến Pháp Hoa Kỳ ấn định sự phân quyền giữa hành pháp, lập pháp, và tư pháp. Tổng thống không phải là đại biểu quốc hội, và cũng không phải là người của nội các, mà tổng thống được chọn qua cuộc phổ thông đầu phiếu.

Trong Quốc Hội, thượng viện với các Thượng Nghị Sĩ là tiếng nói của người dân, và Hạ Viện với các Dân Biểu là tiếng nói của chính quyền.

H3. Thể Chế Đại Nghị

Thể chế dân chủ đại nghị như Anh Quốc thì người lãnh đạo là thủ tướng. Thủ tướng phải là đại biểu quốc hội và thường là lãnh tụ của đảng có đa số ghế tại hạ viện.

Thủ tướng chọn thành phần nội các là những lãnh tụ các cấp của đảng có đa số ghế tại quốc hội. Anh Quốc là nước mà thủ tướng và chính phủ là những người có cả quyền lập pháp và hành pháp.

Họ là nhân viên của lập pháp và chịu trách nhiệm việc thi hành luật. Nếu chương trình của thủ tướng không được quốc hội chấp thuận thì đảng đối lập yêu cầu tổ chức tuyển cử.

Và dân bỏ phiếu lưu giữ chính phủ, hoặc là cho phép đảng đối lập có cơ hội thành lập tân chính phủ.

Mỗi đảng ở thượng viện và hạ viện đều chọn lãnh tụ tại mỗi viện (floor leader) và phụ tá (whip). Lãnh tụ đảng tại mỗi viện hướng dẫn đảng viên trong việc thảo luận và đề nghị dự luật.

Người phụ tá giúp cho lãnh tụ biết ý kiến của đảng viên tron các vấn đề.

H4. Đối Lập

Những nước dân chủ thì đảng hoặc những đảng thất cử có nhiệm vụ phê bình các chương trình, các kế hoạch của đảng cầm quyền. Ở Pháp, Ý, và những nước có nhiều đảng, thì các đảng đối lập có nhiều quan điểm chính trị khác biệt nhau, từ quân chủ cho chí cộng sản.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Nước lưỡng đảng thì đảng đối lập được thống nhất. Nhưng Quốc Hội Hoa Kỳ cũng ít khi xảy ra như thế, vì một số thành viên đảng lại ủng hộ chương trình của chính phủ dù trái với chủ trương đường lối của lãnh tụ đảng họ.

H5. Gây quỹ

Chiến dịch vận động gây quỹ tranh cử rất quan trọng đối với các nước dân chủ. Chiến dịch rất tốn kém nhưng các đảng phải chi tiêu để được đắc cử.

Chính đảng của Hoa Kỳ phải chi tiêu cho chiến dịch tranh cử tất nhiên nhiều hơn ở các quốc gia khác, một phần vì chiến dịch dài, và tốn kém hàng triệu Mỹ kim cho cuộc vận động tranh cử thượng nghị sĩ, và nhiều triệu cho cuộc vận động tranh cử tổng thống.

Ghi Chú

- Chính đảng Gia Nã Đại:
- Canada's New Democratic Party/ Nouveau Parti démocratique du Canada, NDP/NPD
- Liberal Party of Canada/Parti Libéral du Canada, LPC/PLC
- Conservative Party of Canada/ Parti conservateur du Canada
- Bloc Québécois, BQ
- Animal Alliance Environment Voters Party of Canada, AAEV
- Canadian Action Party/Parti Action Canadienne, CAP/PAC
- Christian Heritage Party of Canada/Parti de l'Héritage Chrétien du Canada, CHP/ PHC
- Communist Party of Canada/ Parti communiste du Canada, CPP/PCC
- Communist Party of Canada (Marxist-Leninist)/ Parti communiste du Canada (marxiste-léniniste), CPP(M-L)/PCC(M-L)
- First Peoples National Party of Canada, FPNP
- Freedom Party of Canada/ Parti de la Liberté du Canada, FP/PL
- Green Party of Canada/ Parti vert du Canada, GPC/PVC
- Grey Party of Canada
- Libertarian Party/ Parti Libertarien
- Marijuana Party/ Parti Marijuana, MJ/PMJ

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

- Parti Populaire des Putes, PPP
- Progressive Canadian Party/ Parti Progressiste-Canadien, PC Party/Parti PC
- Rhinoceros Party of Canada
- Western Block Party, WBP
- Western Canada Concept, WCC

Tuy nhiên, hai trong 4 đảng lớn là đảng Tự do (Liberal Party of Canada) và đảng Bảo thủ (Conservative Party of Canada) thường nắm chính quyền liên bang. Tại quốc hội Canada hiện nay có dân biểu của hai đảng vừa kể và của các đảng Tân Dân chủ (Canada's New Democratic Party), Khối Québécois (Bloc Québécois, BQ) và 1 dân biểu độc lập.

Tại mười Tỉnh Bang (Province) và ba Lãnh Địa (Territory), chính phủ cũng thường do đảng lớn nắm quyền British Columbia, Ontario, Quebec: đảng Tự do; Alberta, New Brunswick, Nova Scotia, New Foundland, Prince Edward Island: đảng Bảo thủ; Manitoba, Saskatchewan: đảng Tân Dân

B. Chính Đảng Việt Nam

Qua phần trình bày đại cương đảng chính trị của những quốc gia Hoa Kỳ, Gia Nã Đại, Úc Đại Lợi, Anh Quốc... chúng ta thấy rằng, chính đảng được nhiều đoàn thể và hiệp hội kết hợp để tạo thành tụ lực và làm nên sức sống của tổ chức đảng (Party Organization) trên tiến trình đấu tranh chính trị.

Các đoàn thể hiệp hội tuy có mục tiêu chính trị, nhưng khả năng hoạt động của mỗi tổ chức lớn, nhỏ lại khác biệt. Các tổ chức này có thể ủng hộ một chính sách, hay ảnh hưởng bởi đường hướng hoạt động của một chính đảng nhưng lại hoạt động đơn thuần về một phương diện xã hội, tôn giáo, văn hóa, giáo dục hoặc kinh tế.

Và cũng từ đó chính sách của một chính đảng đề ra để thực hiện công cuộc tổ chức chính là con người. Việc kiểm soát con người và kiểm soát công tác trở thành mấu chốt quyết định thành công hay thất bại trong hoạt động của một chính đảng.

Vì thế, việc giải quyết đúng đắn về một hệ thống tổ chức chính trị, tức là chúng ta giải đáp thông suốt những vấn đề của con người kiến thức trong Thời Đại Tín Liệu này với những câu hỏi:

- Phải làm gì?
- Có bao nhiêu việc?
- Cần biết cái gì?
- Tuân theo qui định gì?
- Trục thuộc ai?

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

- Có trách nhiệm và quyền hạn đến đâu?
- Liên hệ với người và đại phận khác như thế nào?
- Do ai bỏ nhiệm, hay bãi miễn?

Ngày xưa, khi nhóm người bất bình với chính quyền thì họ tập hợp nhau lại để mưu tính việc tuyển quân mộ lính mà khởi nghĩa, mà thực thi lý tưởng, nguyện vọng của mình.

Nhưng ngày nay, để tránh chiến tranh, người thanh niên muốn thực hiện lý tưởng phục vụ quốc gia dân tộc thì cần tham gia hay thành lập chính đảng, từ đó tìm cách đại diện cho dân, ứng cử vào quốc hội, và đấu tranh nghị trường.

Ngày trước chính trị gia xuất thân là những trí thức đào tạo trong triều đình, tu viện, hay môn phái võ thuật. Thế nhưng qua tiến trình phát triển xã hội, người trí thức thời nay được đào tạo trong trường đại học của ngành giáo dục trở thành những chuyên viên, và những người này họp nhau thành hội thành đảng.

Bởi vì những lời kêu gọi hay đòi hỏi nhân quyền, tự do ngôn luận, tự do báo chí hay tự do tín ngưỡng... đều vô hiệu khi không có Lương Đảng trong một thể chế tự do chính trị.

Và chỉ khi chúng ta có đảng thứ hai đủ mạnh, có khả năng tranh đấu chính trị với đảng cầm quyền thì lúc đó người dân mới thực sự có tự do dân chủ và nhân quyền.

Xây dựng một chính đảng, trước hết chúng ta cần đề cập đến việc thành lập và phát triển đơn vị tổ chức địa phương nơi mình đang cư ngụ, thường gọi Quận Bộ (District) vì là nơi liên quan mật thiết chính đảng với đại chúng, nghe ý dân và đáp ứng nguyện vọng của dân.

Quận bộ là cơ quan lãnh đạo đảng bộ để hướng dẫn dân chúng sinh hoạt chính trị, thành lập những Hội Đoàn và Câu Lạc Bộ để thu hút thanh niên nam nữ vào hoạt động chính trị.

Quận bộ cũng là trường huấn luyện và đào tạo cán bộ đảng viên, thông thường các nhân tài của đảng sản sinh từ quận bộ rồi trưởng thành trong công tác lãnh đạo và quản trị tổ chức.

Cán bộ đảng viên là người tự nguyện nhận lãnh và hoàn thành công tác tổ chức tại quận bộ sao cho phù hợp trình độ nhận thức, khả năng chuyên môn, và sở trường của chính mình. Cán bộ đảng viên là người:

- Biết điều mình nói, muốn nói, và việc mình làm trong tổ chức một cách rõ ràng mạch lạc.

- Hiểu điều mình trình bày một cách sâu sắc, và tin tưởng vững vàng vào sự nghiên cứu (Research), sự hiểu biết của chính mình.

- Thực hiện điều hiểu biết nói trên.

- Sống thực với điều hiểu biết của mình, chứ không lý thuyết suông.

- Ứng dụng điều hiểu biết của mình vào cuộc sống bản thân và xã hội.

Ia. Đảng Chính Trị Việt

Nhìn lại đảng phái chính trị của người Việt Nam phải thừa nhận rằng dân tộc ta chưa có một đảng chính trị đúng nghĩa để “sinh hoạt tự do dân chủ.”

Trước hết vì thiếu triết lý dân tộc, thiếu nguyên lý tổng hợp, thiếu tôn chỉ hay hệ thống tư tưởng chỉ đạo một cách “sống động hiện thực.” Nên không có thành công.

Hơn nữa, tôn chỉ hay chủ thuyết lại cần phải giải thích rộng rãi... cho nên đã tự gò bó, mâu thuẫn quyền lợi, kình chống

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

lẫn nhau trong nội bộ đảng. Và từ đó các chính đảng đã không theo kịp trào lưu tiến hóa chung của nhân loại.

Ib. Trong Quá Khứ:

Chiến tranh Việt Nam bắt đầu từ tiếng súng xâm lăng của quân đội Pháp tại cửa biển Đà Nẵng vào năm 1847, và tại Cần Giờ vào năm 1858. Vì xâm chiếm thuộc địa và tìm thị trường tiêu thụ của nước kỹ nghệ phương Tây, đã làm cho triều đình và dân chúng Việt Nam vùng dậy để tổ chức phong trào chống Pháp.

Lịch sử Việt Nam từ thập niên 1868, khi sáu tỉnh Nam Phần thất thủ và Kinh lược Phan Thanh Giản tử tiết, khiến cho hùng khí của sĩ phu và dân chúng miền Nam bùng lên. Các danh tướng Trương Công Định, Nguyễn Trung Trực... đã khởi nghĩa với nhiều mặt trận lẫy lừng chống Pháp, nhưng thế giặc quá mạnh, và nhiều quân dân Việt anh dũng hy sinh.

Sau khi chiếm xong sáu tỉnh miền Nam, Pháp lại bắt đầu tấn công Bắc Phần. Thành Hà Nội đã hai lần thất thủ, Nguyễn Tri Phương và Hoàng Diệu không chịu đầu hàng và tử tiết.

Tới đầu năm 1874 thì hịch Văn Thân của phong trào sĩ phu Việt Nam chống Pháp chính thức công bố rộng lớn khắp nước.

Năm 1884 khi triều đình Huế buộc ký hiệp ước với Pháp, Bắc Kỳ và Trung Kỳ trở thành hai xứ bảo hộ, nhưng Tôn Thất Thuyết là trụ cột triều đình cương quyết không đầu hàng.

Đêm rạng ngày 22 tháng 5 năm 1885 khởi binh đánh Pháp ở Huế, nhưng kinh thành bị thất thủ Tôn Thất Thuyết phò vua Hàm Nghi chạy ra Cam Lộ.

Ngay sau đó Chiêu Cần Vương truyền ra thì toàn dân đã nhiệt liệt đồng tình hưởng ứng, và nhiều tổ chức vũ trang đánh Pháp nổi lên khắp nơi. Hầu hết đều có sĩ phu đứng ra tổ chức

cho Phong Trào Cần Vương mang tinh thần trung quân ái quốc.

Vào đầu thế kỷ 20 những luồng tư tưởng cách mạng hoặc danh xưng cách mạng của thế giới du nhập vào Trung Quốc, rồi từ đó mà lan qua Việt Nam.

Bởi thế chúng ta thấy các tổ chức chống Pháp thường có danh xưng “cách mạng,” hoặc trong câu thơ “... Để tôi cách mạng đến thành công” của Hồ Chí Minh... thì cách mạng như một cái mode của thời đại, nếu không đặt vào danh xưng, thì cũng phải có “cách mạng” trong cương lĩnh.

Từ các đảng phái chính trị “cách mạng” các người tổ chức lại đặt nặng vấn đề “chủ thuyết và chủ nghĩa.” Có lẽ ở vào thời điểm này, thì chủ thuyết Mác – Lê đã lan tràn rộng khắp vì nhằm lúc xảy ra cuộc khủng hoảng kinh tế của thế giới, và người Cộng Sản có cơ hội tuyên truyền.

Cùng thời với chủ thuyết và tổ chức Cộng Sản, các nhà lập thuyết/ lập đảng của Việt Nam cũng đặt những nền tảng tư tưởng và chủ thuyết cho tổ chức “cách mạng” của mình.

Ví dụ: Lý Đông A với thuyết Duy Dân, Trương Tử Anh với thuyết Dân Tộc Sinh Tồn, một số đảng khác lại áp dụng thuyết Tam Dân Chủ Nghĩa của Tôn Dật Tiên người Trung Hoa, và Giáo chủ Huỳnh Phú Sổ sáng lập tôn giáo Hòa Hảo thì ứng dụng thuyết Tứ Ân Hiếu Nghĩa của Phật Thầy Tây An... và còn nhiều tổ chức với nhiều chủ thuyết khác biệt nhau.

Nhưng có một điểm cần chú ý, đó là Chính Thuyết Tiên Rồng, một nền triết lý thâm thúy và siêu việt của Tổ Tiên dòng giống Tiên Rồng, linh huân ngàn đời dân tộc ta thì lại không có mấy ai biết tới, không có ai làm cuộc cải hóa dân tộc đúng nghĩa để tạo cho Việt Nam nước thịnh dân an... vì từ ngày giặc chiếm nước tới nay chỉ toàn thấy các học giả truyền dẫn

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

thuyết duy vật duy lợi, duy tâm duy linh làm tha hóa con người và xã hội Việt Nam. Đầu óc trí tuệ đặt ở đâu vậy?

Chúng ta biết rằng sau Đệ Nhất Thế Chiến (1914 – 1918) phong trào chống đế quốc ở các nước thuộc địa hay bán thuộc địa đã nổi lên. Tư bản chủ nghĩa từ năm 1922 đến 1929 cũng phát triển vững ổn, dù rằng có cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới năm 1930, nhưng không đánh đổ được hệ thống tư bản, ở chính quốc cũng như thuộc địa, các tổ chức chính trị còn non kém và chưa đủ sức phản kháng với thế lực thống trị lớn mạnh nhiều lần.

Hậu quả của xã hội thời ấy là thành phần tiểu tư sản và tư sản ra đời, về kinh tế thì họ rủ nhau lập công ty, nghiệp đoàn công nông thương cục... để cạnh tranh với thực dân Pháp; về chính trị thì họ thành lập các hội đoàn, tổ chức chính trị và đi tới thành lập đảng phái sau này.

Xét về phương diện tổ chức, chúng ta thừa nhận rằng các phong trào chống Pháp của người Việt vào đầu thế kỷ 20 chỉ có tính ái quốc, đang khi cơ cấu tổ chức lỏng lẻo chưa hoàn chỉnh vì thiếu kỹ thuật, thiếu huấn luyện, thiếu tài liệu.

Các chính đảng thời đó cũng mở rộng ra toàn quốc nhưng tổ chức và cán bộ chỉ hiện diện ở nơi thành thị, trong khi thôn quê thì vắng bóng. Hầu hết các tổ chức có tính tự phát chứ không có chính trị chuyên môn, không điều hành, không chuyên gia, không lãnh đạo chung.

Người dân tham gia đấu tranh cũng chỉ vì lòng nhiệt tình nhiệt huyết chứ không rõ đường hướng chính sách là gì, làm gì. Trong giờ phút định đoạt vận mệnh thịnh/ suy của dân nước thì mọi người lại chỉ biết say sưa với “lý tưởng cách mạng” của Tây phương, đang khi cơ cấu tổ chức làng/ nước có thể so sánh tương tự như cơ cấu tổ chức tiểu bang/ liên bang... vậy mà phá bỏ, không ai xây dựng!

Hơn nữa lại thiếu một hệ thống tư tưởng sống động và hiện thực, chỉ đạo và định hướng trong công cuộc cứu nước của dân tộc Việt Nam. Bởi thế các phong trào đã thiếu tổ chức, thiếu cán bộ, chính sách thì mọi sự chỉ là vọng động và thất bại.

Vào khoảng năm 1924 – 1926 Nam Kỳ xuất hiện hai tổ chức đảng chính trị, dù phôi thai nhưng đáng kể là các Đảng Lập Hiến, Đảng Thanh Niên trước khi có Việt Nam Quốc Dân Đảng, và Đông Dương Cộng Sản Đảng, như người viết trình bày phần trên.

Ic. Đảng Lập Hiến

Đảng Lập Hiến có thành viên gồm trí thức, kỹ nghệ, thương gia... một số đảng viên lại có quốc tịch Pháp và có chức vụ trong Hội Đồng Thuộc Địa, Phòng Thương Mại, Phòng Canh Nông... nhưng đảng này lại chưa có hệ thống tổ chức quy củ và thuộc quyền lãnh đạo là Bùi Quang Chiêu.

Lúc đầu đảng cũng tạo được nhiều uy tín trong dân, nhưng sau khi thỏa hiệp với Pháp qua chủ trương “Pháp Việt Đề Huê” thì đảng này đã bị mất uy tín trong dân và đi vào lãng quên khi bị Đảng Thanh Niên tố cáo Đảng Lập Hiến là công cụ của thực dân xâm lược.

Id. Đảng Thanh Niên

Đảng Thanh Niên gồm thành phần tiểu tư sản và tư sản ở Nam Kỳ, một số thanh niên trí thức hấp thụ những tư tưởng học thuật mới, căm hờn chính sách bóc lột của thực dân nên họ vùng dậy.

Họ tham gia phong trào đòi quyền tự do dân chủ với một khí thế mới, và lập Đảng Thanh Niên tại khách sạn Nam Kỳ vào tháng 3 năm 1926, gồm có Vương Quang Như,...

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Nguyễn Trọng Hy, Lê Thế Vĩnh... ngoài chủ trương chống Pháp, đảng còn chống bọn đồng lõa là Đảng Lập Hiến.

Ngày 24 tháng 3 năm 1926 Đảng Thanh Niên vừa cổ võ đồng bào đi đón Bùi Quang Chiêu vừa vận động chính trị ở Pháp về, thì chỉ vài ngày sau đảng này lại công kích tố cáo Đảng Lập Hiến là trở cờ trong vai trò “Vạn tuế Pháp Việt đề huề.”

Đồng thời Đảng Thanh Niên còn phát hành cuốn sách với nội dung để lộ mặt nạ bọn chính khách đầu cơ, bắt cá hai tay, vừa đi với dân lại vừa đi với giặc.

Ngày giỗ đầu của Phan Chu Trinh tự Tây Hồ vào năm 1927, thì lưỡng đảng: Đảng Thanh Niên và Đảng Lập Hiến lại tổ chức lễ giỗ riêng rẽ rồi đá kích lẫn nhau.

Thời gian sau, Đảng Thanh Niên lại rơi vào tình trạng như Đảng Lập Hiến vì không chủ nghĩa, không chương trình, không đường lối... mà chỉ mang tính cách bao thầu biến cố lịch sử để thúc đẩy lòng yêu nước mà chống Pháp.

Ngoài ra có số thành viên đã lợi dụng đảng để trục lợi và đảng đánh mất uy tín với dân. Sau cùng có số đảng viên Thanh Niên bị tố cáo về tội “lập hội kín âm mưu lật đổ chính phủ và phá rối trị an,” và bị nhà cầm quyền bắt giam, tổ chức tan rã.

Năm 1939, Đệ Nhị Thế Chiến bùng nổ, Pháp thua Đức, và Đông Dương bị Nhật chiếm đóng.

Ie. Việt Nam Quốc Dân Đảng

Việt Nam Quốc Dân Đảng đã bị tan vỡ từ năm 1931, nhưng nay được tái lập do những nhân vật từ Trung Hoa trở về như Nguyễn Hải Thần có tổ chức riêng là Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội, Nguyễn Tường Tam có đảng riêng là Đại Việt Dân Chính, và do Vũ Hồng Khanh cầm quyền.

Sau đó các đảng trên lại sát nhập vào Việt Nam Quốc Dân Đảng, và bầu Nguyễn Hải Thần làm lãnh tụ. Trong thời gian này, Việt Nam Quốc Dân Đảng cũng hoạt động mạnh mẽ, và có mặt ở Trung Kỳ và Nam Kỳ, nhưng vì giao thông cách trở nên chỉ hoạt động mạnh ở Bắc Kỳ mà thôi.

K. Trong Hiện Tại:

Đảng chính trị mà chúng ta mong muốn sớm có hôm nay, thì đảng đó không nên đóng khung trong một tôn chỉ hay chủ thuyết, mà cần ứng dụng bằng những chính sách chính trị thực tế, và tránh nạn giáo điều. Vận hành theo cấu trúc Tổ Chức Chính Trị Thông Minh (The Smart Political ORG).

Muốn được như thế, chúng ta kết hợp sao cho hài hòa giữa hai hệ thống tư tưởng của dân tộc và nhân loại, rút tủa tinh hoa văn hóa được gọi là Chính Thuyết Tiên Rồng đưa vào quốc sách chính trị thì Việt Nam mới có cơ may thành công.

Chúng ta biết rằng, trong thể chế chính trị Tự Do Dân Chủ phải có hai đơn vị bình đẳng trong một cơ cấu sinh hoạt, cầm quyền và đối lập.

Từ đó, chúng ta có quyền chọn lựa những ứng cử viên đại diện cho mình vào chính quyền để hoạt động xây dựng, kiến thiết quốc gia. Và những ai muốn “gánh vác sơn hà,” thì họ mới có cơ hội để tự do thực hiện những điều kiện như sau:

1. Chọn đảng chính trị để gia nhập.
2. Chọn đơn vị địa phương thích hợp để cho mình sinh hoạt.
3. Đệ đơn xin ứng cử.
4. Tiến thân trong đảng và tiến lên trong những đơn vị bầu cử từ địa phương tới những cấp lớn hơn, hay trung ương.
5. Đắc cử thành lãnh tụ khối dân cử của đảng.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

6. Và vận động tranh cử để đảng có đa số phiếu trong quốc hội, rồi từ đó mà có chính quyền và giữ chính quyền.

Động lực thúc đẩy các người thanh niên hăng hái gia nhập đảng chính trị là do khả năng. Vì khi thanh niên có khả năng chính trị thì họ mới chu toàn được nhiệm vụ, và khi có nhiệm vụ thì ắt sinh ra quyền lợi.

Quyền lợi chính trị lại là phương tiện để giúp người thanh niên đó thực hiện lý tưởng, hoài bão giúp dân cứu nước mà mình hằng tâm mưu cầu. Phải có phương pháp tổ chức thực tiễn theo đà phát triển của xã hội như phân công phân nhiệm... thì đảng chính trị mới gặt hái được thành quả và xã hội mới tránh được nạn công thần.

Bằng ngược lại, đảng độc tài trong các nước chậm tiến thì thường đặt tình cảm làm động lực thúc đẩy cho tổ chức... rồi mới xét tính đến quyền lợi, lý tưởng, và khả năng của thành viên.

Bởi thế, quyền lực thường bị rơi vào tay những kẻ bất tài vô đức, mặc tình thao túng chính trị... làm bằng hoại xã hội, đưa dân nước lâm cảnh nghèo đói bần cùng.

Ngày nay, dân tộc ta muốn tồn tại, muốn sống còn thì Chính Sách Dựng Đảng là điều kiện tiên quyết. Vì chỉ có đảng chính trị mới là cơ cấu tổ chức chặt chẽ trong công cuộc dựng nước, dựng người.

Đảng chính trị phải có đủ quyền lực đối lập, tức là phải là tổ chức của dân và do dân. Đảng phải có cán bộ nòng cốt hoạt động trong dân, tổ chức dân và lãnh đạo dân; bằng không thì chỉ là “đảng cuội,” và hao tiền tốn của bằng việc làm vô tích sự.

Đảng chính trị cũng không thể bỗng nhiên mà có, và lại càng không thể có do ngoại nhân tạo ra mà thành. Nói khác đi

đảng chính trị chỉ có khi có những người cuu mang tâm huyết của Tổ Tiên Việt để thực thi đại cuộc Cải Hóa và Xây Dựng Xã Hội Tiên Rồng.

Đảng chính trị đặt căn cứ trên nền tảng triết thuyết dân tộc. Từ cơ sở tư tưởng đó, chúng ta phát huy và xác định phương hướng, mục đích, mục tiêu, và nhiệm vụ hoạt động trong từng thời kỳ bao gồm từ việc tổ chức kín, tổ chức bán công khai, hoặc tổ chức công khai.

Về mặt công tác hoạt động, đảng chính trị phân công phân nhiệm một cách cụ thể, rõ ràng cho từng thành viên, sao cho công tác vừa song hành với chương trình hợp đồng, đồng bộ của tổ chức, và lại vừa phù hợp với khả năng nhiệm vụ của mỗi người.

Đảng chính trị không phải là tổng hợp tài năng cá nhân, mà là một tập thể sinh hoạt có tổ chức, có hệ thống, có nguyên tắc, có quy luật phát triển riêng của hệ tư tưởng chỉ đạo và định hướng – theo Hệ Tiên Rồng và tổ chức Hoa Tiên Rồng.

Sức mạnh của đảng không phải cấp số cộng mà là cấp số nhân, và tình cảm tập thể cũng là cấp số nhân. Sức mạnh cũng như tình cảm tập thể thường đưa những người cán bộ đảng viên hoạt động trở thành danh tiếng.

Giải quyết đúng đắn hệ thống tổ chức, tức là chúng ta giải quyết vấn đề cán bộ, và xin nhớ rằng, đảng chỉ vững mạnh nếu có lãnh đạo thừa kế.

Tóm lại, đảng chính trị phải tùy thuộc thực tế hiện hữu mà chúng ta tổ chức sao cho linh động, biến hóa toàn vẹn và hữu hiệu

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI



Vái 4 cây nhang (hương) tượng trưng cho Thân Trí Tâm Tuệ, khác biệt với 3 cây nhang Thiên Địa Nhân của Tàu

CHƯƠNG X



**KHÁC BIỆT LỮƠNG ĐẢNG
HOA KỲ**

(DIFFERENCE BETWEEN
REPUBLICAN AND DEMOCRATIC)

Vào thế kỷ 18, Đảng Dân Chủ Cộng Hòa (Democratic Republican Party) được gọi tắt là Cộng Hòa (Republican) hoạt động ở Hoa Kỳ do Thomas Jefferson và James Madison thành lập, nhằm chống lại chủ trương và chính sách của Đảng Liên Bang (Federalist Party) lãnh đạo bởi Alexander Hamilton hoạt động mạnh về kinh tế, xã hội, ngoại giao.

Chủ trương của Đảng Dân Chủ Cộng Hòa (Democratic Republican Party) là bãi bỏ chế độ nô lệ, đưa yêu sách đòi hỏi nhân quyền, dân quyền và ủng hộ quyền tự chủ của các tiểu bang, chống lại hệ thống ngân hàng quốc gia và những thế lực giàu có trong Đảng Liên Bang (Federalist Party) thời bấy giờ. Khởi thủy sinh hoạt của đảng còn lỏng lẻo, chưa đi vào nề nếp, nhưng tới năm 1800, Thomas Jefferson đắc cử và giữ được quyền lực tổng thống, từ đó Đảng Dân Chủ Cộng Hòa phát triển thành một hệ thống chính quy hoạt động trong các tiểu bang.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

A. Đảng Dân Chủ (Democratic Party)

Sau chiến tranh Hoa Kỳ và Anh Quốc vào năm 1812 thì Đảng Liên Bang tan rã. Tới thời Tổng Thống John Quincy Adams (1824) lại có quyết định bỏ chữ Cộng Hòa mà dùng chữ Dân Chủ trong danh xưng của Đảng Dân Chủ Cộng Hòa.

Đảng Tự Do (Whig Party)

Thời gian này bên cạnh hoạt động Dân Chủ còn có Đảng Tự Do (Whig Party) của người Anh cũ, tuy ít người biết đến nhưng đảng chuyên về thương mại.

Năm 1840 Tổng Thống Tự Do William H Harrison nhậm chức, nhưng qua đời một năm sau. Đảng Tự Do cũng chấm dứt khi Phó Tổng Thống Không Đảng John Tyler (1841) lên thay.

Tới năm 1844 Tổng Thống Dân Chủ James K Polk lại đắc cử và hoạt động song hành, đối lập với Đảng Tự Do cho tới thời kỳ Nội Chiến (Civil War, 1861-1865) Đảng Dân Chủ bắt đầu tan rã vì chia rẽ trong việc phân bổ quyền lợi.

Ngay từ thời Tổng Thống Dân Chủ Franklin Pierce (1852) người Dân Chủ đã bất mãn với đảng mình khi đảng ủng hộ Hai Đạo Luật Fugitive Slave Law, đòi hỏi những phần tử nô lệ đã tẩu tán phải trở về chủ cũ, và Kansas – Nebraska Act là thành lập thêm hai vùng Kansas và Nebraska, cho phép những cư dân nơi này có quyền quyết định qua đầu phiếu là, nên duy trì hay bãi bỏ chế độ nô lệ.

B. Đảng Cộng Hòa (Republican Party)

Hành động my dân và chủ trương duy trì chế độ nô lệ ở các tiểu bang miền Nam của đảng đã khiến cho những người Dân Chủ chống lại chế độ nô lệ, phải ly khai bỏ đảng hợp cùng những người trong Đảng Tự Do mà thành lập Đảng Cộng Hòa (Republican Party). Vào năm 1860 Tổng Thống Cộng Hòa

Abraham Lincoln đắc cử, nhưng lại qua đời đang khi tại chức và Phó Tổng Thống Dân Chủ Andrew Johnson (1865) thay thế.

Sau đó Đảng Cộng Hòa lại thịnh hành và cầm quyền qua bốn đời tổng thống với nhiệm kỳ bốn năm. Theo hành trình lịch sử chính trị, Đảng Dân Chủ Cộng Hòa hoạt động từ năm 1800, nhưng Đảng Dân Chủ chính thức sinh hoạt độc lập vào năm 1828, thời Tổng Thống Andrew Jackson.

Hai mươi sáu năm sau Đảng Cộng Hoà mới xuất hiện vào năm 1854, hoạt động giúp cho Abraham Lincoln đắc cử tổng thống vào năm 1960. Vì trung thành với chủ trương ban đầu của đảng mẹ là Dân Chủ Cộng Hòa, cho nên Đảng Cộng Hoà tự xưng là Đảng Kỳ Cựu (Grand Old Party, G.O.P.)

Dù sinh sau đẻ muộn nhưng Đảng Cộng Hoà tính đến nay đã đắc cử 19 tổng thống. Đang khi Đảng Dân Chủ chỉ có 15 vị.

Nhìn chung Đảng Dân Chủ Cộng Hòa ngay tự thừa ban đầu đã không song sinh, không ruột thịt, không cá biệt mà chỉ là một tập hợp, một thực thể, một con người mang ý tưởng như người một nhà. Bởi thế theo dòng thời gian hoạt động đã nảy sinh biến chứng, dị biệt, bất đồng vì các thành viên tuy sống trong một tổ chức, nhưng không cùng quan điểm, không cùng chính kiến, không cùng đối thoại.

Người ta đã xử dụng hình thức đối thoại thành *đối thoại với nhau* trong những lần bầu cử tổng thống. Hậu quả đi đến là gia đình chính trị này phải ly dị, phải chia tay, phải chia gia tài làm Hai Đảng Dân Chủ và Cộng Hòa, mỗi bên nhận lấy một phần và trở thành Luồng Đảng, đường ai nấy đi, việc ai nấy làm, và ai muốn phò đảng nào thì theo.

Nói tóm lại Đảng Cộng Hoà (Republican Party) có huy hiệu (Logo) Con Voi và Ba Ngôi Sao (Elephan and 3 Stars)

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

trước đây có nơi dùng huy hiệu là Chim Đại Bàng (Eagle) với biệt danh là Đảng Kỳ Cựu (Grand Old Party, G.O.P.)

Đảng Dân Chủ (Democratic Party) ngày trước có huy hiệu Gà Trống (Rooster) nhưng nay là Con Lừa (Donkey). Tuy nhiên chúng ta chưa bao giờ thấy Đảng Dân Chủ công bố huy hiệu Con Lừa, nhưng lại dùng biểu tượng Con Lừa một cách công khai.

Ngoài ra Hoa Kỳ còn có những Đảng Độc Lập (Independent Party), Đảng Tự Do (Libertarian Party), Đảng Xanh (Green Party), Đảng Xã Hội (Socialist Party), v.v... Nhưng hai đảng lớn Dân Chủ và Cộng Hoà thường có đủ lực tranh cử và thay phiên nhau ngồi vị tổng thống để cầm quyền.

C. Khác biệt giữa Cộng Hoà và Dân Chủ

Hai đảng có những nền tảng tổ chức khác biệt – Đảng Cộng Hoà gồm có những thành phần Bảo Thủ (Conservative) – Đảng Dân Chủ là đất dụng võ cho những người có chủ trương phóng khoáng về mặt xã hội, Cấp Tiên (Liberal).

* Đảng Cộng Hoà quan tâm đến Con Người – Đảng Dân Chủ phục vụ cho Xã Hội.

* Đảng Cộng Hoà chú trọng sự sống con người, dù trong thời kỳ thai nhi nên đã chủ trương cấm phá thai, Phò Sinh (Pro-Life) – Đảng Dân Chủ không khuyến khích phá thai hay giết người, mà chỉ đề ra quan niệm là tự do chọn lựa tùy thuộc vào quyền quyết định của mỗi cá nhân, Phò Môn (Pro-Choice), ai muốn giữ hay phá thai là thuộc quyền quyết định của người ấy, với ý thức trách nhiệm của họ.

* Về đồng tính luyến ái thì Đảng Cộng Hoà chống triệt để – Đảng Dân Chủ thì tùy theo sở thích và quyết định của mỗi cá nhân để cho họ tự do chọn lựa.

Những vấn đề trên đã được tranh cãi hằng trăm năm qua, chớ không phải là chuyện thời sự bây giờ. Nhưng nhìn chung, quan điểm này của Đảng Cộng Hoà đã phù hợp với giáo luật của tôn giáo, gần gũi với phong tục của người Việt Nam lớn tuổi, và thân quen với văn hóa của nhiều quốc gia Châu Á, Châu Phi.

* Đảng Cộng Hoà muốn có một chính phủ trung ương gọn nhẹ, thay vì thành lập ra cơ quan chính quyền rộng lớn không kèn để lo cho dân. Đảng ủng hộ việc thành lập những tổ chức Bất Vụ Lợi (Non-Profit) với hy vọng những tổ chức ấy sẽ giúp cho người nghèo có hiệu quả hơn là cơ quan công quyền – Đảng Dân Chủ lại có chủ trương thành lập những cơ quan chính phủ lớn mạnh để đủ sức điều hành quản trị mà chăm sóc tất cả lãnh vực đời sống nhân dân Hoa Kỳ.

* Đảng Cộng Hoà chủ trương thị trường súng đạn tự do, và ai muốn mua sắm vũ khí đạn dược cũng được, ngoại trừ thành phần tội phạm, Phò Súng (Pro-Gun). Hội Súng Đạn NRA (National Rifle Association) gồm có nhiều thành viên thuộc Đảng Cộng Hoà với thế lực và giàu có, tài phiệt – Đảng Dân Chủ muốn hạn chế và kiểm soát việc lưu hành, sử dụng súng đạn trong cộng đồng xã hội. Nhưng tới ngày nay cho dù Tổng Thống Dân Chủ Barack Obama tận tình tranh luận và đưa ra nhiều bằng chứng để yêu cầu ra luật kiểm soát súng đạn, nhưng vẫn không được Đảng Cộng Hoà đồng ý thông qua.

* Đảng Cộng Hoà muốn dành ngân sách tối đa cho quốc phòng, như chương trình xây rào dây biên giới Hoa Kỳ và Mề Tây Cơ của Tổng Thống Donald Trump – Đảng Dân Chủ lại muốn dùng tiền ấy cho những mục đích an sinh xã hội.

* Đảng Cộng Hoà thiên về giải pháp quân sự trong xung đột quốc gia quốc tế – Đảng Dân Chủ lại chủ trương giải quyết

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

xung đột bằng đường lối ngoại giao trước khi phải sử dụng quân đội.

* Đảng Cộng Hoà chống chương trình y tế công cộng và ủng hộ sự Lựa Chọn Cá Nhân (Pro-Choice) dựa vào chế độ bảo hiểm y tế của công ty tư nhân của các hãng xưởng, nhà máy, xí nghiệp – Đảng Dân Chủ lại cho rằng bảo hiểm y tế không phải là một Đặc Ân (Privilege) mà là một thứ quyền lợi phải được bảo đảm (Right) cho nên chính phủ phải có trách nhiệm quan tâm.

Lưỡng Đảng khi ra tranh cử Tổng Thống Hoa Kỳ đều hứa hẹn không biết bao lần, nhưng thực tế là sau khi đắc cử từ xưa tới nay vẫn có hàng triệu người Mỹ không có bảo hiểm y tế hay sức khỏe. Ví dụ: Hai Ứng Viên Tổng Thống kỳ trước, Cộng Hòa John McCain hứa rằng nếu ông đắc cử thì mỗi công dân sẽ nhận lãnh 2,500 Mỹ Kim, và mỗi gia đình được 5,000 Mỹ Kim trích ra từ nguồn tiền mà ông gọi là Tax Credits để tự mua bảo hiểm ở các công ty tư nhân.

Đang khi Ứng Viên Dân Chủ Barrack Obama lại phát biểu, những ai đã có bảo hiểm dưới bất cứ dạng thức nào thì vẫn giữ nguyên trạng thái đó. Còn những người chưa có bảo hiểm y tế sẽ được chính phủ Liên Bang lo liệu, nếu bệnh tật sẽ có “Luật bảo vệ bệnh nhân và Chăm sóc y tế giá phải chăng” (Patient Protection and Affordable Care Act), Chính phủ muốn nâng cao sức khỏe của người dân Mỹ bằng cách tạo điều kiện cho nhiều người hiện không có bảo hiểm sức khỏe có thể mua được một bảo hiểm tối thiểu cho bản thân và gia đình, cũng như tăng mức quyền lợi hiện người có bảo hiểm đang được hưởng, đó là chương trình bảo hiểm sức khỏe. Bộ luật này được tổng thống Barack Obama ký ngày 23 tháng 03 năm 2010, và người ta thường gọi là ObamaCare.

* Về giáo dục Đảng Cộng Hoà chủ trương tư nhân hoá, không ủng hộ hệ thống trường công lập, và đã từng lên án hệ

thống này cũng như tổ chức công đoàn (Union) của ngành giáo chức. Thậm chí trước đây nhiều người Cộng Hoà đã chống đối sự hình thành Bộ Giáo Dục Hoa Kỳ (The United States Department of Education) khi bộ này được thành lập vào năm 1979.

Đang khi Đảng Dân Chủ đặt vấn đề tự do lựa chọn (Pro-Choice) về phá thai và đồng tính luyến ái, thì Đảng Cộng Hoà lại tự do lựa chọn (Pro-Choice) về vấn đề giáo dục, với chủ trương cấp tín phiếu (Vouchers) cho học sinh, sinh viên để giúp họ có thể chọn theo học bất cứ trường tư nào mà họ muốn.

* Đảng Cộng Hoà có truyền thống giảm thuế cho nhà giàu tư bản tỷ phú nhằm khuyến khích mở công ty hãng xưởng để tạo ra nhiều việc làm cho công nhân, đồng thời đảng kêu gọi dân chúng mạnh dạn chi tiêu, mua sắm và cho rằng sự tiêu dùng của người dân sẽ thúc đẩy nền kinh tế phát triển tốt hơn là sự chi tiêu của chính phủ.

Đảng Dân Chủ thì làm ngược lại, chủ trương tăng thuế những người giàu có, tư bản tỷ phú, bớt thuế cho giới lao động trung lưu, tăng cao giá lương giờ lao động của công nhân viên chức, tăng phúc lợi an sinh xã hội cho giới người nghèo. Đảng tin tưởng rằng chính phủ phải đóng vai trò quan trọng trong việc giảm thiểu sự nghèo đói và bất công xã hội.

Theo đúng chủ trương của đảng mình, ví dụ Tổng Thống Cộng Hoà Donald Trump cũng thực hiện chính sách của Tổng Thống Bush, chủ trương giảm thuế cho tất cả người tư bản triệu phú hay tỷ phú.

Kỳ trước Tổng Thống Dân Chủ Barack Obama tuyên bố không tăng thuế cho bất cứ người nào có thu nhập hàng năm 250,000 Mỹ Kim trở xuống, và tăng thuế những ai có thu nhập trên số ấy vì cần đánh thuế vào người giàu có, những triệu phú hay tỷ phú.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

* Song song với sự giảm thuế, Đảng Cộng Hoà chống sự tăng lương cho công nhân viên chức, vì như thế sẽ ảnh hưởng đến việc làm ăn của các ngành nghề. Nếu tăng lương, chủ nhân của những ngành nghề này sẽ sa thải công nhân, giảm các dịch vụ cung cấp, ảnh hưởng xấu đến sinh hoạt kinh tế.

Chính sách Đảng Dân Chủ thì ngược lại, thay vì giảm thuế và giữ mức lương cố định, đảng chủ trương tăng lương để giúp đỡ giới lao động nghèo, và khi giới này có thu nhập khá, nhờ tăng lương thì cũng sẵn sàng chi tiêu mua sắm để thúc đẩy kinh tế phát triển vươn mạnh.

* Phần lớn Đảng Cộng Hoà tin rằng sinh hoạt con người không ảnh hưởng lớn đến bầu khí quyển trái đất. Nhưng nếu có hiện tượng gọi là toàn cầu bị nóng lên (Global Warming) thì đó là chuyện tự nhiên không phải do con người làm ra. Đảng cho rằng, nếu áp đặt những điều luật khắt khe để bảo vệ môi trường thì sẽ ảnh hưởng xấu đến sinh hoạt kinh tế.

Ngược lại Đảng Dân Chủ tin rằng ngoài thiên nhiên, chính sự sinh hoạt bừa bãi của con người đã làm cho trái đất nóng dần, bầu khí quyển trở nên ô nhiễm, tạo môi trường cho dịch bệnh Virus phát sinh. Công trình nghiên cứu của cựu Phó Tổng Thống Dân Chủ Al Gore đã chứng minh điều này và đoạt giải Nobel.

Vì thế quan điểm môi sinh của Đảng Cộng Hoà cũng dần dà thay đổi trước những công trình nghiên cứu khoa học và sức ép của quốc gia quốc tế. Ví dụ, vào năm 2008 Chính phủ Bush đã chấp nhận và giảm lượng khí thải nhà kính trước sự thay đổi khí hậu của quả địa cầu.

Nhưng Tổng Thống Cộng Hoà Donald Trump lại rút tên khỏi Hiệp Định Paris (2015) với chính sách “Nước Mỹ Trước Tiên” vì gây tổn hại cho Hoa Kỳ và không giúp cho các quốc gia gây ô nhiễm làm giàu.

* Đảng Dân Chủ mang tiếng là thủ phạm của các chương trình Trợ Cấp An Sinh Xã Hội (Welfare). Nhưng vào năm 1996, dưới thời Tổng Thống Bill Clinton (1993-2001) đã thực hiện việc Cải Tổ Trợ Cấp (Welfare Reform) đòi hỏi những người nhận trợ cấp phải có việc làm bán thời gian mới được hưởng chương trình này. Chương Trình Cải Tổ này của Đảng Dân Chủ cũng được Đảng Cộng Hoà ủng hộ mạnh mẽ.

* Đảng Cộng Hoà chủ trương một nền kinh tế gọi là Kinh Tế Học Laissez- Faire (Laissez-Faire Economics), chính sách kinh tế để mặc cho tư nhân vận hành, chính phủ không nên đóng một vai trò uốn nắn nào cả. Đảng Dân Chủ thì ngược lại với chủ trương chính phủ phải để mắt vào tất cả mọi sinh hoạt của quốc gia, kể cả kinh tế.

Nhưng vụ Khủng Hoảng Kinh Tế Hoa Kỳ đã làm Tổng Thống Cộng Hoà George W. Bush (2000) phải tạm quên truyền thống của Đảng Cộng Hoà mà hành động như người Đảng Dân Chủ là can thiệp mạnh mẽ vào kinh tế, kêu gọi Quốc Hội chuẩn thuận ngân sách 700 tỷ để cứu nguy các hệ thống ngân hàng, và thị trường chứng khoán sắp sụp đổ.

Tổng Thống Bush đã bị đa số các Dân Biểu và Thượng Nghị Sĩ Cộng Hoà chống đối và kết án ông là người đầu hàng Đảng Dân Chủ. Nhờ sự ủng hộ đông đủ của phía Đảng Dân Chủ nên dự luật của Tổng Thống Cộng Hoà này can thiệp vào kinh tế đã được thông qua.

* Từ khi thành lập Đảng Cộng Hoà đi tiên phong trong cuộc giải phóng chế độ nô lệ, nên đã thu hút đa số người da đen. Nhưng hiện nay người ta lại cho rằng Đảng Cộng Hoà là tổ chức của người da trắng, của những người có thể lực già u có, tỷ phú cho nên đảng không còn nhiều người da đen ủng hộ.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

* Đảng Dân Chủ lập trường lúc đầu cũng chao đảo, khi thì ủng hộ chủ trương giải phóng nô nê, khi thì lại muốn duy trì hai đạo luật “Phò Nô” Fugitive Slave Law và Kansas-Nebraska Act. Nhưng tới nay lại được coi là đảng của những người thiểu số, được đa số người dân da đen và các nhóm dân thiểu số ủng hộ.

Theo tài liệu Thư Viện, thì đa số người Việt thế hệ già thường bầu cho Đảng Cộng Hoà, ngược lại thế hệ trẻ Việt Nam có khuynh hướng ủng hộ Đảng Dân Chủ. Các sắc dân Á Đông như Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ, Đại Hàn cũng phần lớn bầu cho Đảng Dân Chủ.

* Dư luận đồn đoán rằng về khả năng quốc phòng thì Đảng Cộng Hoà có ưu thế hơn Dân Chủ, nhưng Đảng Dân Chủ lại điều hành về kinh tế tốt hơn Cộng Hoà. Nhìn lại lịch sử, những cuộc Khủng Hoảng Kinh Tế đều rơi vào thời kỳ Tổng Thống Cộng Hoà.

a. Cuộc Đại Khủng Hoảng I (Great Depression)

Cuộc Đại Khủng Hoảng I (Great Depression) vào năm 1929 dưới thời Tổng Thống Cộng Hoà Herbert Clark Hoover, từ thị trường chứng khoán Phố Wall, khủng hoảng lan rộng ra tất cả các lĩnh vực khác, và trở thành cuộc khủng hoảng toàn diện kinh tế, chính trị, xã hội khiến cho hàng triệu người thất nghiệp, hàng triệu người bị mất nhà cửa, hàng triệu người chết đói không có của ăn trong khi hãng sản xuất thực phẩm thừa thãi phải mang đi đổ xuống biển nhằm quân bình cán cân thương mại.

Mọi thứ tệ hại chỉ thay đổi khi Tổng Thống Dân Chủ Franklin Delano Roosevelt đắc cử vào năm 1932, can thiệp và khởi động chương trình trợ cấp thất nghiệp cho người dân, ổn định thị trường bằng cách hạn chế sản xuất vì cung nhiều hơn cầu, khuyến khích phát triển chương trình an sinh xã hội.

Thực là chuyện hy hữu và có một không hai trong lịch sử chính trị Hoa Kỳ, Đảng Dân Chủ đã cải tổ các hoạt động của cơ quan chính quyền, chấn hưng được nền kinh tế từ thời hậu kỹ nghệ tới nay.

Đảng Dân Chủ cũng đạt được một kỳ công là thiết lập chương trình Phúc Lợi Xã Hội (Welfare and Social Security) giúp đỡ cho người nghèo, giải quyết vấn đề bất công xã hội, mà cho tới ngày hôm nay sau bao chục năm trường mà nhiều người dân nghèo vẫn còn hưởng trợ cấp này.

b. Cuộc Đại Khủng Hoảng II

Suy trầm kinh tế (Economic Recession) toàn cầu 2007-2008 là Cuộc Đại Khủng Hoảng II lại xảy ra dưới thời Tổng Thống Cộng Hòa George W. Bush (2001-2009), tình hình cũng tương tự thời Thế Chiến II. Bên cạnh chiến sự khó khăn tại Iraq và A Phú Hãn, tình trạng kinh tế Hoa Kỳ cũng trên bờ vực thẳm, đổ vỡ hàng loạt hệ thống ngân hàng, đối tín dụng, sụt giá chứng khoán và mất giá tiền tệ quy mô lớn khiến cho hãng xưởng xí nghiệp phải đóng cửa, đa số người dân thiệt hại.

Cuộc khủng hoảng từ Hoa Kỳ lan rộng ra khắp nơi trên thế giới, dẫn tới đổ vỡ tài chính, suy thoái kinh tế, suy giảm tốc độ tăng trưởng của nhiều nước trên thế giới.

Tổng Thống Dân Chủ Barack Obama (2009-2017) trong nhiệm kỳ đầu với sáng kiến kích thích nền kinh tế dẫn đến việc ban hành Đạo Luật Phục Hồi và Tái Đầu Tư (2009), Đạo Luật Giảm Thuế và Tạo Việc Làm (2010) để có thể đối phó với suy thoái trong giai đoạn 2007-2009 của Cộng Hòa. Tiếp đến Dân Chủ ban hành các Đạo Luật Chăm Sóc và Bảo Vệ Bệnh Nhân Hợp Túc Tiền, Bảo Vệ Người Tiêu Dùng, và bãi bỏ Đạo Luật Don't Ask, Don't Tell Repeal Act (2010).

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Sự bùng phát nạn dịch Ebola Virus ở Châu Phi, thì ngày 16 tháng 9 năm 2014 Tổng Thống Dân Chủ cảnh báo về dịch bệnh không chỉ đe dọa đến an ninh khu vực, mà còn là mối đe dọa tiềm ẩn đối với an ninh thế giới. Vì nếu các nước sụp đổ, kinh tế nổ bùng thì toàn dân hoảng loạn và ảnh hưởng trầm trọng tới Hoa Kỳ.

Hoa Kỳ đã cấp tốc gọi 3000 quân nhân phòng chống Ebola Virus đến vùng Tây Phi, và kêu gọi cả thế giới hành động nhanh chóng để cứu giúp cho hàng trăm ngàn người bị lây nhiễm. Hoa Kỳ sẵn sàng đóng vai trò trọng yếu trong việc đối phó với dịch bệnh đang lây lan rất nhanh, với tỷ lệ tử vong rất cao.

Hoa Kỳ đã thiết lập một trung tâm chỉ huy ở Monrovia thủ đô Liberia, một trong ba quốc gia bị Ebola Virus hoành hành. Hoa Kỳ đã lập một cầu không vận để vận chuyển thiết bị và nhân viên y tế một cách nhanh chóng đến Châu Phi.

Hoa Kỳ đã xây dựng những trung tâm điều trị mới, những bệnh viện dã chiến, và lập một trung tâm huấn luyện đào tạo y khoa mỗi tuần 500 nhân viên cho các nước bị nạn dịch. Theo thống kê của Tổ Chức Y Tế Thế Giới (WHO), Ebola Virus vừa lây lan đã khiến cho hơn 2.400 người thiệt mạng, trong tổng số gần 5,000 ca nhiễm.

Theo dự báo thì có tới 20,000 người bị lây nhiễm trong một thời gian rất ngắn, nhưng nhờ sự can thiệp nhiệt tâm nhiệt tình của Hoa Kỳ đã kịp thời chặn đứng cơn đại dịch và giải cứu nhân loại.

Theo BBC: Vào năm 2019 Bộ Y tế và Nhân Sự Vụ dưới quyền Tổng Thống Cộng Hòa Donald Trump đã tiến hành một cuộc diễn tập đại dịch Bệnh Truyền Nhiễm Đỏ, trong đó Hoa Kỳ giả định là có một đại dịch cúm xuất phát từ Trung Quốc và lây lan ra khắp Thế Giới.

c. Cuộc Đại Khủng Hoảng III

Nhưng Đại Khủng Hoảng III vẫn tái diễn bao gồm khủng hoảng y tế, khủng hoảng kinh tế, khủng hoảng tài chính khi chỉ số thị trường chứng khoán suy thoái do tác động của Đại Dịch Corona Virus 19 trên toàn thế giới, toàn bộ các quốc gia, toàn thể nhân loại. Đang khi thế giới thì trong tình trạng mâu thuẫn và đối nghịch gia tăng giữa các cường quốc, giữa chủ nghĩa dân túy và toàn cầu... khiến cho nạn dịch bùng phát, truyền thông dối trá (Fake News) đang được cổ vũ và có tổ chức bài bản ở nhiều cơ quan tài liệu sách báo... nhằm chống Tổng Thống Dân Chủ Joe Biden.

Theo báo cáo Ủy Ban Điều Tra Đại Dịch của Hạ Viện Hoa Kỳ: Tổng Thống Cộng Hòa Donald Trump đã cố tình làm suy yếu phản ứng Corona Virus - 19 của quốc gia vì các mục đích chính trị, bằng cách làm suy yếu hướng dẫn xét nghiệm và ủng hộ “khả năng miễn dịch cộng đồng” trên diện rộng.

Ví dụ: Chính quyền Trump tổ chức một sự kiện bàn tròn tại Tòa Bạch Ốc vào tháng 8 năm 2020 với một số người ủng hộ hàng đầu về miễn dịch cộng đồng được tổ chức bởi Scott Atlas, một bác sĩ quang tuyến và trở thành cố vấn đặc biệt cho Trump.

Báo cáo cũng cho thấy Tòa Bạch Ốc của Trump đã cố tình “làm giảm” hướng dẫn sức khỏe cộng đồng của Trung Tâm Kiểm Soát và Phòng Ngừa Dịch Bệnh cho các cộng đồng tín ngưỡng, chẳng hạn như loại bỏ đeo khẩu trang hay chống chích ngừa.

Những kẻ nổi loạn xông vào Tòa nhà Quốc hội Hoa Kỳ vào ngày 6 tháng 1 năm 2021, đã thành công – ít nhất là tạm thời – trong việc trì hoãn việc xác nhận chiến thắng của Joe Biden. Trước đó vào đầu tháng 12 năm 2020, một nhà lập pháp Cộng Hòa đã tham dự một cuộc họp tại văn phòng cố vấn của

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Tòa Bạch Ốc, nơi các luật sư cho tổng thống khuyên họ rằng hãy làm kế hoạch đưa ra nhóm đại cử tri thay thế, và tuyên bố Donald Trump là người chiến thắng “hợp pháp.”

Ông Trump là người say mê quyền lực bảo thủ của nhóm Cộng Hòa nhằm bảo vệ tài sản, quyền chức chế độ và thời đại kỹ nghệ, và chống lại đợt sóng thứ ba (the third wave) là tín liệu (information) của nhóm người Cấp Tiến. Bởi thế ông đã sản sinh danh từ Tin Giả (Fake News) và làm cuộc đảo chánh vào ngày 6 tháng 1 năm 2021 để giữ lại Tư Bản độc quyền!

Tất cả đang tạo cho Trung Quốc một cơ hội thuận lợi để chi phối tiến trình toàn cầu hóa, xâm lược giống như Cô Vi nhằm thực hiện chính sách mượn đất đã có từ thời Hán Vũ Đế. Nhưng cũng may mắn cho chúng là Hoa Kỳ đang đứng đầu về Người Máy (Robot), Máy Bay không người Lái (Unmanned Aircraft)... của Thời Đại Tín Liệu (Information Age) đã phát huy nền tảng kiến thức từ thời Tổng Thống Barack Obama, mà Tổng Thống Joseph Biden là người đang tiếp nối và phát huy sáng kiến này.

CHƯƠNG XI



THỜI ĐẠI TÍN LIỆU

(INFORMATION AGE)

Nhiều học giả ở thế kỷ 20 tiên đoán rằng, Đợt Sóng Văn Minh Tín Liệu sẽ chiến thắng Thời Đại Kỹ Nghệ một cách vẻ vang. Nếu như công nhân, đất đai, nguyên liệu, vật liệu, tài liệu là yếu tố sản xuất của Thời Đại Kỹ Nghệ, thì Kiến Thức (Knowledge) bao gồm dữ kiện (Data), tin tức (Information), thông toàn (Wisdom) về hình ảnh, biểu tượng, văn hóa, lý thuyết, khả năng trải qua giáo dục học đường và kinh nghiệm sống là yếu tố sản xuất của Thời Đại Tín Liệu.

Thế kỷ 21 là thế kỷ của kiến thức, của đầu óc, của tri thức, của trí tuệ thời đại, cho nên nhu cầu cộng đồng chính trị xã hội thời đại cũng cần có Con Người Thông Toàn (Wisdom) hay Con Người Tín Liệu. Sự thay đổi toàn diện hay Đổi Mới (Change – We can believe in) theo quan niệm của Tổng Thống Hoa Kỳ Barack Obama, hoặc theo phương châm người xưa, “Ngày đổi mới, mỗi ngày đổi mới, tiếp tục đổi mới (Cải nhật tân, nhật tân tân, hựu nhật tân.” Thế Kỷ Tuệ Linh (Century Of Wisdom).

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Đổi Mới các lãnh vực tổ chức đời sống con người từ cá nhân cho tới gia đình, và cộng đồng cộng đoàn chính trị xã hội. Đổi mới chế độ Dân Chủ (Democracy) của Thời Đại Kỹ Nghệ thành ra chế độ Tân Dân Chủ (New Democracy) như người viết đã trình bày trong Thời Đại Tín Liệu này.

Mặc dù Đợt Sóng Thứ Hai vẫn còn “kỹ nghệ hóa” trên nhiều quốc gia nghèo đói, lạc hậu, chậm tiến ở Châu Á, Châu Phi, và nhiều nơi khác vì dân nước của họ chưa được hưởng bình minh kỹ nghệ. Thì Đợt Sóng Thứ Ba (The Third Wave) cũng đã khơi nguồn tại Hoa Kỳ, từ khi con người phát minh ra máy Điện Toán (Computer) và Liên Thị Tín Liệu (Information).

Nếu như Máy Hơi Nước đã mở ra Thời Đại Kỹ Nghệ, thì Máy Điện Toán khai trương một kỷ nguyên mới cho loài người, một nền văn minh liên thị tín liệu, một Thời Đại Tín Liệu (Information Age), một Kỷ Nguyên Tuệ Linh (Wisdom Age) của nhân loại và thế giới mới, vũ trụ mới, con người mới.

Nếu như Đợt Sóng Kỹ Nghệ bắt đầu thực hành tại Hoa Kỳ vào khoảng năm 1750, thì Đợt Sóng Thứ Ba lại khởi sự chuyển đổi Thời Đại Kỹ Nghệ tiến sang thời đại mới, Thời Đại Tín Liệu từ năm 1953 khi Hoa Kỳ phát minh ra Máy Điện Toán. Vào thập niên này, lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại ghi nhận là giới công nhân lao động trí óc, nhiều hơn công nhân lao động chân tay như trên đất nước này.

Biểu tượng của thời đại là Máy Điện Toán, máy này đã làm cho tiền bạc chuyển ngân nhanh như tốc độ ánh sáng. Đây cũng là điều mà các nhà kinh tế học thuở trước khó lường về vận tốc thời đại để chuyển ngân nhanh như chớp được xảy ra.

Thứ đến là các cấu trúc tổ chức chính trị, kinh tế, quân sự, ngoại giao, giáo dục, xã hội... cải hóa và mang chiều hướng lưỡng hệ hay đa nguyên. Tức là có tính bình đẳng, bình quyền,

bình nhiệm để thiết lập thể chế chính trị mới Tân Dân Chủ (New Democracy) nhằm giúp cho con người thực hiện tư cách làm người hơn, toàn vẹn hơn, hạnh phúc hơn, đúng nghĩa hơn.

Luận bàn chuyện Thời Đại Tín Liệu (Information Age), trước hết chúng ta có nhận diện hay có định nghĩa về con người đúng thực theo nhu cầu Kiến Thức (Knowledge) đòi hỏi của một nền kinh tế mới, đời sống mới, kỷ nguyên mới, thời đại mới.

- Trước hết chúng ta phải thừa nhận rằng điều kiện của Tự Do là Tự Chủ

– Điều kiện của Tự Chủ là Tự Quyết, là quyền được tự mình quyết định

– Điều kiện của Tự Quyết là Khả Năng Nhận Định hay Ý Thức Trách Nhiệm mà dân chúng Hoa Kỳ đã thực hành quyền làm người này từ xưa nay.

(1) **Quyền Tự Do Cá Nhân** (Personal Freedom) được xem là tiêu chuẩn đầu hạng của Con Người Tín Liệu hay con người kiến thức trong thời đại mới. Quyền tự do cá nhân đã được Hoa Kỳ cổ súy, tôn trọng và được ghi trong Hiến Pháp từ khi khởi sự Thời Đại Kỹ Nghệ.

Quyền tự do cá nhân đã tạo cho người dân biết suy nghĩ, biết nhận xét, biết so sánh và biết quyết định về những tư tưởng, sự vật, sự kiện mà mình được mang ra so sánh và chọn lựa để mình được làm chủ lấy chính mình. Người ta hành động theo nguyên tắc tự do lựa chọn (Pro-Choice/ Freedom to choose), không bị ai lôi kéo, không bị ai sai khiến, không bị ai ép buộc, chỉ đạo, động viên, tẩy não, học tập cải tạo hay tuyên truyền một chiều hoặc độc tài.

(2) **Quyền Tự Chủ** (Free) thể hiện qua sự tự do lựa chọn (Pro-Choice), Hoa Kỳ tự quyết về hành động của chính mình, tức

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

là người ta có quyền lựa chọn một trong hai (tư tưởng, sự kiện, sự vật) sẵn có, mà không bị ai ép buộc, không bị ai hạn chế, không bị lệ thuộc bởi tác động bên trong hay bên ngoài.

Hoa Kỳ có những lối sống riêng biệt, khác biệt từ cách thức sinh hoạt cho tới thói quen hành xử hàng ngày, thì Tự Do Cá Nhân là quyền bất khả xâm phạm, luôn luôn được bảo vệ và người ta sẵn sàng phản kháng hay tranh đấu.

Từ quyền tự do cá nhân được thể hiện phổ quát, dẫn tới những quyền tự do trong sinh hoạt cộng đồng xã hội có tầm kích rộng lớn và được suy tôn, như tự do phát biểu, tự do diển đạt tư tưởng, tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do truyền thông. Tất cả đã trở thành điều kiện quan trọng và là nhu cầu thiết yếu trong đời sống chính trị xã hội Hoa Kỳ.

(3) **Quyền Độc Lập** (Independence) cũng là một nét đặc trưng của người Hoa Kỳ. “Độc lập tự lực” là tự mình hành động, tự động mà không ỉ lại, không nương tựa, không nhờ vả, không lệ thuộc, không ua dua theo bất cứ ai hay đảng phái, phe nhóm nào.

Hoa Kỳ thể hiện tinh thần độc lập, tự lập, tự túc, tự cường trong nguyên lý “Tự Do Cá Nhân,” và mong đợi người khác cũng hành xử như họ, để được xem là bình đẳng với nhau. Nếu con người không có tinh thần độc lập, không tự hào về quyền tự lực cánh sinh của mình thì tự biến thành người nô lệ tân thời, hay sinh vật kinh tế phục vụ hoặc hầu hạ Tư Bản Đầu Cơ (Speculator Capitalism).

(4) **Quyền Bình Đẳng** (Equality) là điều kiện tối thượng của Nhân Quyền được xác quyết trong Tuyên Ngôn Độc Lập Hoa Kỳ, “mọi người sinh ra đều bình đẳng.” Bình đẳng để thăng tiến, để thành công, để đạt được hạnh phúc làm người.

Bình đẳng trong luật pháp, bình đẳng trong hãng xưởng, bình đẳng trong học đường, bình đẳng trong xã hội, sắc tộc,

giới tính. Muốn có bình đẳng, bình quyền, bình nhiệm thì chúng ta cần thực hành những quyền nói trên.

Bình đẳng có nghĩa là thượng tôn luật pháp, bình đẳng pháp trị, và khác biệt với đồng đẳng, vô nhân tính, cá mè một lứa.

Tóm lại, quyền tự do cá nhân đã tạo ra mẫu người có khả năng nhận định (Identify) và ý thức trách nhiệm (Responsibility). Hoa Kỳ sống ngay thẳng, cởi mở, thành thật, giữ kỷ luật, đúng giờ và luôn tìm tòi, học hỏi, sáng tạo.

Nhân dân Hoa Kỳ sống không bảo thủ, cố chấp, khuôn định và nhìn về cuộc sống tương lai với tinh thần lạc quan, tự tin tự hào. Lịch sử chính trị Hoa Kỳ từ ngày lập quốc tới nay trải qua bao nhiêu thử thách, lúc thăng lúc trầm, lúc thịnh lúc suy, nhưng nền phát triển tự do dân chủ của quốc gia đã làm cho dân chúng luôn tin tưởng về một tương lai tươi sáng, tốt đẹp hơn.

Tự lực và tự tin vào cá nhân để hướng về tương lai với niềm tự hào của dân tộc chó người ta không mê tín, số phận hay định mệnh.

Nhìn chung nhân dân Hoa Kỳ đã mang nhiều nét tương đồng của Con Người Tiên Rồng bao gồm các phần Thân Trí Tâm Tuệ được định nghĩa một cách đúng thực trong Chính Thuyết Tiên Rồng của Tổ Tiên, và hy vọng xã hội Hoa Kỳ sẽ thực thi Xã Hội mang Đồng Bào Tính trong một tương lai gần.

Người viết cũng mong quý bạn đọc nơi đây có thể nhận xét để trang bị cho mình nguyên lý “Tự Do Cá Nhân” của Hoa Kỳ chó không phải “Vị Kỳ Cá Nhân” của những kẻ độc tài đảng trị.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

A. Công Bằng Xã Hội

Sự bình đẳng của Hoa Kỳ đã không mặc nhiên mà có, mà hưởng, mà phải trải qua bao cuộc tranh đấu chống bất công xã hội và phân biệt chủng tộc bằng máu, nước mắt và sinh mạng với những cuộc biểu tình xưa nay, để đòi hỏi nhà cầm quyền bảo đảm quyền tự do cá nhân cho nhân dân nước họ, qua luật pháp bảo chúng.

Chính quyền của bất cứ quốc gia nào cũng có nhóm người Đặc Quyền Đặc Lợi (Privilege) hưởng thành quả công sức lao động của dân nước mà không trực tiếp tham gia sản xuất giá trị khả dụng, để gây ra bất công và kỳ thị.

Nhóm đặc quyền hay Tư Bản Đầu Cơ (Speculator Capitalism) hoạt động mua bán các công cụ tài chính như ngoại tệ, cổ phiếu, trái phiếu... “hoạt động săn hái” kiếm tiền. Tư bản đầu cơ là sự tích lũy của quá trình hình thành tỷ lệ lãi chung của hệ thống tư bản, và giá trị giao dịch của hoạt động đầu cơ tích trữ này là rất lớn.

Mặt khác, tư bản đầu cơ không tồn tại độc lập với Tư Bản Kinh Doanh Sản Xuất (Entrepreneurial Capitalism) mà chúng đứng trên vai trên cổ của tư bản sản xuất, chúng giám sát hoạch định và điều khiển tư bản sản xuất để chiếm phần đặc lợi.

Theo nhiều nhà nghiên cứu kinh tế xã hội ghi nhận rằng, chỉ tính riêng lượng tiền được luân chuyển qua thị trường tài chính cũng lên tới khoảng 25 nghìn tỷ Mỹ kim mỗi ngày. Hoa Kỳ hiện có khoảng 10 phần trăm số người giàu có đang nắm giữ tổng sản lượng quốc gia, và là nhóm đặc quyền gây bất công xã hội vì hưởng lợi vượt quá nhiệm vụ của họ.

Hàng ngày giới đặc quyền có thể kiếm hàng triệu Mỹ kim, đang khi 90 phần trăm giới công nhân lao động Hoa Kỳ nghèo khổ, lãnh đồng lương rẻ mạt và chịu sưu cao thuế nặng. Ngược

lại Đảng Cộng Hòa lại có chủ trương miễn thuế hay giảm thuế cho các tư bản tỷ phú này.

Không giống các tư bản tài chính khác, tư bản đầu cơ không tạo ra giá trị thặng dư mà chỉ phân bổ lại giá trị thặng dư đó. Tư bản đầu cơ không tái đầu tư để thuê thêm nhân công, không mở rộng sản xuất, không mua nguyên vật liệu hay công nghệ mới.

Thay vào đó, lượng tư bản này được dùng vào các hoạt động đầu cơ, trong đó các nhà Đầu Tư Đánh Cược (Stake – Stakeholder Capitalism) với những biến động trong giá cả của thị trường chứng khoán với các công cụ tài chính.

Tóm lại, tư bản kinh doanh và sản xuất là điều cần được phát huy, phát hành và phát triển mạnh, đẩy lùi hoạt động đầu cơ tiền tệ, chứng khoán, bất động sản nhằm mục đích ưu tiên cho sản xuất tạo của cải cho xã hội mới và thực hành công cuộc cải hóa con người.

B. Kinh Tế Tín Liệu

Nếu như công nhân, đất đai, nguyên liệu, vật liệu, tài liệu là yếu tố sản xuất của Thời Đại Kỹ Nghệ, thì Kiến Thức (Knowledge) bao gồm Dữ Kiện (Data), Tin Tức (Information), Thông Toàn (Wisdom) về hình ảnh, biểu tượng, văn hóa, lý thuyết, khả năng trải qua giáo dục học đường và kinh nghiệm sống là yếu tố sản xuất của thời đại tín liệu.

Thế kỷ 21 là thế kỷ của kiến thức, của tri thức, của trí tuệ thời đại, cho nên nhu cầu chính trị xã hội cũng cần có con người thông toàn (Wisdom). Kinh tế tín liệu đặt nền tảng ở các Thị Xã Kỹ Thuật Cao (HITECH City).

Kỹ thuật của thời đại mới làm giảm hạ giá thành của các sản phẩm. Dịch vụ và sản phẩm càng ngày càng giá rẻ, tiện lợi, nhanh chóng nhờ có kỹ thuật cao, thông minh diện tử.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Ví dụ ở thập niên trước chiếc máy in Lasser bán ra thị trường với số tiền giá cao, mắc gấp đôi gấp ba lần giá máy in ngày nay... vì nhờ kỹ thuật tân kỳ đã làm cho máy móc chạy nhanh hơn, tiêu chuẩn hơn, chất lượng và số lượng nhiều hơn.

Vì kỹ thuật càng ngày càng được tinh vi, nhỏ gọn, rẻ tiền cho nên sản phẩm lại được thông dụng và phổ biến nhanh, địa phương hóa nền kinh tế khắp nơi. Chính điều này đã tác dụng và làm thay đổi cán cân thăng bằng của các nền kinh tế quốc gia, các khối chính trị quốc tế.

Kiến thức là điều cần thiết cho việc sản xuất và tạo ra thịnh vượng cho xã hội. Kiến thức làm giảm sức lao động, bớt đi máy móc, tiết kiệm năng lượng, nguyên liệu, thời giờ, tiền bạc... và đặc biệt không cần kho chứa hàng hóa, không cần công nhân bảo quản.

Ví dụ chiếc máy tiện được điện toán hóa, cho nên máy có độ chính xác rất cao, rất nhanh, bớt hao hụt vật liệu thép nhôm và còn giảm giờ làm việc của công nhân. Nhờ kỹ thuật thông minh kiểm soát nhiệt độ nên máy tiện thời nay cũng giảm điện, giảm khí, giảm nước... giảm nhiều nhiên liệu tiêu dùng.

Tiếp đến như năng lượng mặt trời, sức gió, sức nước... cũng góp phần quan trọng trong kỹ nghệ tiêu dùng. Với mức độ sản xuất trong thời đại tin liệu sẽ nhanh, nhiều, đẹp, nhiều kiểu... và được thay đổi liên tục nhờ vào máy điện toán cho phép.

Do đó nhà máy chế tạo xe hơi có thể sản xuất ra rất nhiều kiểu xe mới lạ để đáp ứng thị hiếu của khách hàng, mà hãng xưởng. Không phải phí tổn nhiều trong việc đúc khuôn in ấn như ở Thời Đại Kỹ Nghệ.

Thời Đại Tin Liệu là thời mua bán tin tức, sáng kiến, quản trị, văn hóa, kỹ thuật tân tiến, nhu liệu điện toán, giáo dục, huấn luyện, y khoa, tài chánh và các dịch vụ của thế giới. Bởi

thể những công nhân trí óc hay lao động chân tay, muốn có việc làm trong thời đại mới này họ đòi hỏi phải có kiến thức, nhưng cũng nhờ kỹ thuật tân tiến sẽ giúp cho việc giáo dục mở rộng để có thể đào tạo ra hàng tỷ chuyên viên.

Giá trị của các hãng điện tử, điện ảnh, máy móc gia dụng, xe hơi... lệ thuộc vào sáng kiến, kiến thức cao, sự hiểu biết trong đầu của nhân viên, các dữ kiện của ngân hàng, bằng sáng chế mà các công ty có thể kiểm soát được, chứ không chỉ lệ thuộc vào xe vận tải, hệ thống giầy chuyền với những tài sản vật chất khác như Thời Đại Kỹ Nghệ. Số vốn kiến thức sẽ tăng trưởng dần nhưng khó mấy ai nhìn thấy hay nhận biết.

Tóm lại các khám phá về khoa học, kỹ thuật của thời gian trước ắt trở thành lỗi thời với hiện tại. Hệ thống giáo dục cũng phải đổi mới để phù hợp với hiện cảnh và đáp ứng nhu cầu thời đại.

Các cơ cấu tổ chức kinh doanh, xã hội, chính trị, quân sự, ngoại giao cũng được nghiên cứu phát triển và canh tân cải tiến theo kịp thời đại văn minh tín liệu.

C. Kiến Thức

Kiến thức là sự hiểu biết thấu đáo một hay nhiều vấn đề. Từ công ty cho tới cường quốc đều thu thập kiến thức trong mọi lãnh vực: truyền thông, văn hóa, nghiên cứu và phát triển bằng nhiều nguồn tài nguyên rộng lớn với những phương tiện tối tân. Phương cách để thu thập tin tức có giá trị là qua hệ thống điệp viên, tình báo, phản tình báo.

Chiến lược kiến thức của quá khứ, hiện tại, và tương lai là tìm cách chuyển các nhân tài/ thiên tài của nước người thành ra của nước mình. Vì nhân tài/ thiên tài là người thông minh, là kho tàng kiến thức, do đó các sinh viên/ học sinh ưu tú khắp nơi đều được cấp học bổng, cấp thông hành du học.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Ngay từ ngàn xưa, vấn đề nhân tài và mỹ nữ đã trở thành mối quan tâm đối với triều đình đế quốc, và trong nhiều giai thoại, nhân tài hay mỹ nữ đã làm thay đổi cuộc diện chính trường hay chiến trường của quốc gia. Đê thâm nạp và chiếm hữu nhân tài của các nước lân bang, thì đế quốc thời đại nông nghiệp “chiêu hiền đãi sĩ” hoặc tìm bắt nhân tài qua hình thức ngoại giao triều cống.

Triều cống là dâng nạp phẩm vật hoặc người tài cho nước thống trị. Thời kỳ ngàn năm đô hộ ngày xưa Việt Nam phải triều cống Trung Quốc theo ưu tiên thuộc lòng: “Thứ nhất nhân tài, thứ nhì mỹ nữ, thứ ba tiền vàng.” Thời nay chính sách thâm nạp nhân tài để phục vụ “thiên triều” vẫn còn áp dụng qua những chương trình “săn người” như viện trợ, học bổng, di dân, tuyển mộ chuyên viên nghiên cứu, du học sinh.

Tiếp đến quân sự hay dân sự, cũng đều sử dụng chiến thuật “Tát càn thông minh” bằng cách một là hủy diệt nhà thông thái của đối phương, hai là thâm nạp các nhà bác học. Và một trong những bí quyết của siêu cường ngày nay, là “ăn trộm thông minh” của các nước chậm tiến.

Trong Đệ Nhị Thế Chiến khi quân đồng minh chiếm Berlin, các nước đua nhau tìm bắt các nhà thông thái của Đức nhằm ngăn ngừa Đức Quốc Xã sáng chế những vũ khí tối tân, bom nguyên tử, bom sinh học... và Hoa Kỳ đã thành công hơn đồng minh trong công tác này để mang số nhà bác học về Hiệp Chúng Quốc.

Chiến lược “tát nước bắt cá” các nhà thông thái trong Đệ Nhị Thế Chiến cũng xảy ra nhiều chuyện rùng rợn đã khiến cho Đức Quốc Xã phải giết đi nhiều nhà khoa học Châu Âu vì họ không đồng ý phục vụ cho tham vọng chiến tranh của quốc trưởng Adolf Hitler.

Ngày nay, chiến lược kiến thức vẫn không tận cùng. Lưỡi kiếm chiến lược kiến thức được mài sắc bén hai bên, một bên thì dùng chém đứt sức tấn công của quân địch, và bên kia lại chặt đứt những cánh tay nuôi dưỡng nó.

Hoa Kỳ đã trở thành một nơi tốt nhất nuôi dưỡng nhân tài/ thiên tài trên thế giới. Các nhân tài/ thiên tài của các ngành, các lãnh vực ở khắp nơi trên thế giới đổ xô về Hoa Kỳ để học hỏi, nghiên cứu, tiên thân vì rằng quốc gia của họ không đủ phương tiện cung ứng trong việc nghiên cứu, và giúp họ phát triển tài năng.

Ngoài ra, mức lương bổng và nếp sống cao đã thu hút rất nhiều nhà thông thái của thế giới vào Hoa Kỳ để làm việc cho siêu cường nguyên tử.

Cũng trong Đệ Nhị Thế Chiến, kỹ thuật quân sự ở Hoa Kỳ đã tiến bằng vận tốc ánh sáng qua cuộc nghiên cứu và thí nghiệm nguyên tử thành công. Hai quả bom nguyên tử thả xuống Nhật Bản trước đây, nó chỉ là mặt trái của một cuộc nghiên cứu, đang khi việc xử dụng nguyên tử vào kỹ thuật hòa bình đã thúc đẩy nền kinh tế vượt tiến quá nhanh. Từ đó mà ngành tin liệu phát triển và ảnh hưởng ngược lại với lãnh vực quân sự.

Ví dụ nhà bác học Von Braun, người phát minh hỏa tiễn V1, V2 của Đức. Hỏa tiễn thì đã có tự ngàn xưa dưới dạng pháo thăng thiên của Trung Hoa. Khi những chiến lược gia Đức Quốc Xã cần vũ khí mới để thống trị thế giới, Von Braun được bổ nhiệm giám đốc trung tâm sản xuất hỏa tiễn. Hỏa tiễn V1 ra đời bằng nhiên liệu đặc biệt và đạt vận tốc 600 cây số/giờ. Nạn nhân Châu Âu đã từng kinh hoàng với tiếng rú từ thần gầm thét xé tan bầu trời u ám của hỏa tiễn V1, trước khi chạm mục tiêu và tàn phá muôn loài.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Chiếc V1 chỉ là bước đầu của Von Braun, đã không phải là mục đích nhắm tới, như lời ông nói trong một buổi thuyết trình về hỏa tiễn. Ông cho biết, hỏa tiễn sẽ mở cửa cho Con Người bước vào không gian vô tận, và từ đó Con Người sẽ cảm nhận sự u tối của chính mình đối với không gian.

Hỏa tiễn V2 ra đời và đốt bằng nhiên liệu lỏng, có vận tốc nhanh hơn vận tốc âm thanh, nên khi hỏa tiễn mang bom nổ tan tành thì lúc đó nạn nhân mới biết mình chết, và đã gây ra kinh hoàng cho thế giới. Những nhà chiến lược Đức Quốc Xã cũng tiếc rằng chế tạo ra V2 hơi trễ, và nếu chế được bom nguyên tử thì quốc trưởng Adolf Hitler đã không ngần ngại cho gắn bom vào hỏa tiễn V2 nhằm tàn sát các quốc gia láng giềng và làm bá chủ địa cầu.

Sau này Von Braun cũng làm giám đốc trung tâm hỏa tiễn Hoa Kỳ, và các khoa học gia đã tuyên dương ông là người mở đầu kỷ nguyên thám hiểm không gian. Là một giám đốc, ông thành công trong nhiệm được sự hợp tác tích cực của các nhân viên.

Dù là một nhà bác học, nhưng ông ngay thẳng liêm chính, công bằng, không lạm dụng quyền hạn chèn ép nhân viên dưới quyền, và biết áp dụng quyền lợi như lên chức, lên lương, tặng thưởng để khuyến khích, thúc đẩy nhân viên tích cực hợp tác làm việc chung. Von Braun thành công trong vai trò lãnh đạo của mình.

D. Nghiên Cứu Phát Triển

Các quốc gia vẫn minh chi tiêu những ngân khoản khổng lồ trong việc “Nghiên Cứu và Phát Triển. Công việc nghiên cứu (Research) của các công ty, hay của quốc gia được nâng lên ưu tiên hàng đầu vì có nghiên cứu tìm tòi học hỏi thì mới khám phá, mới phát minh để phát triển (Development) nên

kinh tế quốc gia. Do đó có nhiều Think Tank trong các trường đại học để nghiên cứu các mặt của đời sống con người.

Hoa Kỳ chi tiêu những ngân khoản lớn cho việc nghiên cứu. Những trung tâm nghiên cứu này lại được trang bị những máy móc, dụng cụ tối tân bậc nhất thế giới. Chính đặc điểm này đã thu hút nhân tài trên thế giới, vì rằng các nơi khác không đủ phương tiện để nghiên cứu giúp cho người tài thi thố tài năng.

Ngoài ra, chương trình “săn đầu người,” Hoa Kỳ trợ cấp học bổng cho những sinh viên/ học sinh ưu tú đại học/ trung học, và những ai tỏ lộ khả năng xuất chúng ở bất cứ lãnh vực nào trong xã hội cũng được du học/ tu nghiệp ở Hoa Kỳ, tạo cho nước này thành nơi quy tụ nhân tài/ thiên tài của cả thế giới.

E. Địa Lý Chính Trị

Theo lý thuyết địa lý chính trị vào thế kỷ 19, Châu Âu đã trở thành một trung tâm quyền lực của thế giới. Các nước Châu Âu được coi như là quần đảo quyền lực (thuyền: chính quyền), và các nước chậm tiến trên Thế Giới được xem như đại dương (nước: dân). Và từ đó các chiến lược gia nhận định rằng “Ai cai trị Châu Âu thì cai trị Thế Giới.” Nhưng rồi chiến lược quân sự đã phải thay đổi và tùy thuộc mục tiêu, vũ khí trang bị của thời đại:

- Khi tàu thủy thả khói trên biển cả, người ta nhận định: “Ai kiểm soát đại dương thì kiểm soát toàn cầu.”

- Khi máy bay bắt đầu lượn trên bầu trời, người ta lại nói: “Ai kiểm soát bầu trời thì kiểm soát toàn cầu.”

- Khi vệ tinh và trạm không gian xuất hiện, người ta dần tới kết luận: “Ai kiểm soát không gian thì kiểm soát thế giới.”

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Vào thế kỷ 20 Châu Âu đã mất quyền lực nắm giữ trung tâm chính trị thế giới, và biến thiên với những trung tâm quyền lực khác là Hoa Kỳ – Liên Xô – Nhật Bản hoạt động trong chiến tranh lạnh (Cold War). Nhưng sau khi Liên Xô sụp đổ thì thế giới nhìn nhận chỉ còn Hoa Kỳ là siêu cường, chẳng những là siêu cường trong nhiều thập niên qua mà còn giữ được địa vị này trong nhiều thập niên tới, “Hoa Kỳ là trung tâm quyền lực thế giới,” và khai sáng Thời Đại Tín Liệu.

Hoa Kỳ phát triển kỹ thuật nguyên tử, điện toán và đồng Mỹ kim đã ngự trị trên nền tài chánh thế giới. Và để đương đầu với tiền Mỹ, các nước Âu Châu cố gắng cùng cố Khối Châu Âu và phát hành đồng Euro nhằm mục đích làm thăng bằng cán cân quyền lực với Hoa Kỳ.

Theo thuyết thăng bằng vũ trụ, một hòn bi lớn lên thì những hòn khác sẽ tự động kết lại để làm thăng bằng. Khi một nước trở thành siêu cường thì các nước khác sẽ thành lập liên minh đương đầu với siêu cường đó, và làm cho siêu cường đó quay đúng quỹ đạo. Lý thuyết này cũng đặt trên những ý tưởng: không một ai muốn chiến tranh, chính quyền không thích mạo hiểm, mọi thành phần có thể thương thuyết trong hòa bình, và nhân loại có một hệ thống chính trị hợp lý.

Những cuộc nghiên cứu về hệ thống địa cầu và mặt trăng của Hoa Kỳ, hay những nước tân tiến khác... đã phát sinh “chiến lược quân sự không gian: Strategic Defense Initiative,” khi Tổng Thống Hoa Kỳ Ronald Reagan đề ra chương trình chiến tranh giữa các vì sao (Star War). Vấn đề quân sự thế giới lại bị lệ thuộc vào các vệ tinh bay xung quanh địa cầu. Từ đó câu nói “Ai kiểm soát trạm không gian thì cũng kiểm soát các vệ tinh,” đã trở thành chân lý.

Trạm không gian được thiết lập tại các điểm mà sức hút cân bằng giữa mặt trăng và trái đất. Những căn cứ này có thể ở lại một thời gian lâu mà không cần tiếp tế nhiên liệu. Chương

trình thiết lập trạm không gian của Hoa Kỳ và Nga đã được tiến hành, trạm này có diện tích rộng như một sân banh.

G. Hòa Bình

Hòa bình là ước vọng của nhân loại, khác với chiến tranh là khía cạnh tàn ác của con người. Mỗi thời đại con người cũng tạo ra một loại chống chiến tranh, cần giới hạn chiến tranh để mang lại hòa bình. Mỗi thời đại cũng tùy theo vũ khí, tổ chức quân đội để có những loại chiến tranh và hình thức hòa bình thích nghi với thời đại.

Năm 1864, nhiều quốc gia đồng ý để bác sĩ và nữ cứu thương trung lập trong việc chăm sóc thương bệnh binh không phân biệt quốc tịch, không phân biệt bạn thù. Phong trào này ảnh hưởng bởi cuốn hồi ký của thương gia Henry Dunant có tên “A Memory of Solferino” xuất bản năm 1862 [*3].

Tiếp đến năm 1868, nhiều quốc gia đồng ý không chấp nhận một số đạn đầu nổ. Thời Đại Kỹ Nghệ những tổ chức chống chiến tranh miệt mài tranh đấu, chống lại những kỹ nghệ quân sự sản xuất vũ khí.

Nhưng Thời Đại Tiền Tin Liệu kỹ nghệ sản xuất vũ khí đã hoá chuyên dân sự, thì sao? Nhiều xí nghiệp dân sự sản xuất sản phẩm dân sự mà có thể áp dụng cho quân sự, thì sao? Cần biện pháp nào kiểm soát?

Từ khi các quốc gia trên thế giới ký kết hòa ước đồng ý loại bỏ một số vũ khí hóa học và vi trùng, và ấn định những tiêu chuẩn dành cho tù hàng binh, ngăn ngừa diệt chủng và vũ khí nguyên tử... Người ta coi đó là những bước tiến dẫn đến hòa bình.

Nhưng hiện tình lại thường xảy ra, mỗi khi các nhà thương thuyết vừa im hơi là tiếng súng lại bắt đầu nổ vang. Thế giới thêm nhiều biện pháp như trừng phạt kinh tế, cô lập ngoại

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

giao... nhưng chiến tranh vẫn luôn xảy ra, và không bao giờ ngừng.

Thế rồi các hiệp ước hạn chế vũ khí nguyên tử, cấm thí nghiệm nguyên tử... là dấu hiệu hòa bình, nhưng các vũ khí đó thuộc về Thời Đại Kỹ Nghệ. Đang khi nền văn minh tín liệu cần cải tiến hành tinh chúng ta đang sống, ai hy vọng nền văn minh này sẽ mang lại hòa bình mà không có kế hoạch ngăn ngừa chiến tranh thì thật là ngây thơ, vì “Lưỡi Kiếm lúc nào cũng sắc bén hơn Lưỡi Cà.”

Lưỡi kiếm tín liệu chắc chắn sắc bén hơn, nhanh chóng hơn, hữu hiệu hơn bất cứ chiến tranh nào ngày trước. Nếu con người không đặt lại vấn đề hòa bình của ngày nay, thì các dụng cụ máy móc kinh doanh có thể biến thành vũ khí trong thoáng chốc. Bởi các dịch vụ, phương tiện kinh tế, thương mại của thời nay cũng có thể sử dụng cho chiến tranh.

H. Chiến Tranh

Ha. Đạo Quân Kỹ Nghệ

Chiến Binh trong Thời Đại Kỹ Nghệ đòi hỏi kiến thức kỹ thuật, vì vũ khí tối tân như chiến đấu cơ, chiến xa hay chiến hạm. Kinh tế thời này sản xuất giấy chuyên thì chiến tranh cũng giấy chuyên.

Đệ Nhị Thế Chiến không phải con người chỉ sản xuất vũ khí giấy chuyên, mà đã đưa quân binh ra trận chiến giấy chuyên, giết người giấy chuyên một cách khủng khiếp, gồm 15 triệu binh sĩ và gần gấp đôi số thường dân.

Adolf Hitler đã sử dụng lò hơi ngạt để giết người hàng loạt như những giấy chuyên công nhân trong các hãng xưởng. Kinh tế ra sao thì chiến tranh cũng như thế.

Hb. Đạo Quân Tín Liệu

Nhìn chung nền kinh tế thông minh đòi hỏi công nhân lao động thông minh. Lao động chân tay giảm dần, và số lớn công nhân chân tay bị số nhỏ công nhân thông minh và Người Máy (Robot) thay thế.

Điều này cũng phát triển song song trong quân đội, vì vũ khí thông minh cũng đòi hỏi quân nhân thông minh. Những đội quân kém trí thức đã có thể chiến đấu một cách anh dũng, mặt đối mặt của Thời Đại Săn Hái, Thời Đại Nông Nghiệp, Thời Đại Kỹ Nghệ, nhưng trở thành vô dụng trong Thời Đại Tín Liệu như những nông dân đối với thời nay.

Hệ thống chiến cụ ngày nay thường dùng biệt ngữ “Căn Bản (Basic)” để chỉ máy bay, hỏa tiễn, tàu thủy, chiến xa hay xe vận tải. Những chiến cụ Căn Bản rẻ tiền, nhưng nhờ kỹ thuật tân kỳ, các nước nghèo có thể biến thành vũ khí thông minh.

Trái Bom Ngụ (Dumb Bom) của Thời Đại Kỹ Nghệ có thể biến thành Bom Tinh Khôn (Smart Bom) nếu được gắn thêm bộ Vũ Khí Tấn Công Trực Tiếp (Joint Direct Attack Munition – JDAM) của hãng Boeing sản xuất để trang bị một tích hợp hệ thống dẫn đường quán tính 3 trục (INS), kết hợp với một hệ thống định vị toàn cầu (GPS) và có thể ném từ 6 đến 15 dặm ở bất kỳ góc độ bay cao nào, mà không đòi hỏi phi công phải hạ thấp phản lực cơ để tìm mục tiêu như trong thời Chiến Tranh Việt Nam, cho nên Phi Công Thần Báo chúng tôi ném bom rất an toàn, không sợ hỏa tiễn SAM 7 của Vi-Xi từ dưới đất bắn lên.

JDAM không phải là một vũ khí độc lập, mà là một gói hướng dẫn có thể chuyển đổi bom trọng lực không điều khiển vào đạn dẫn đường chính xác. Các thành phần chính của hệ thống bao gồm một phần đuôi với các bề mặt kiểm soát khí

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

động học, một cơ thể bộ đường ván, và một kết hợp hệ thống dẫn đường quán tính IMS và GPS đơn vị kiểm soát hướng dẫn.

Do đó đạo quân sử dụng các vũ khí này phải là chuyên viên kiến thức.

Hc. Chiến Tranh Tín Liệu

Chiến tranh và hòa bình của các thời đại trước có thể được tạo dựng do kinh tế hoặc sức mạnh. Nhưng Thời Đại Tín Liệu không phải chỉ có mớ vũ khí và dụng cụ thời trước, mà hòa bình và chiến tranh của bình minh thế kỷ 21 được áp dụng bằng những vũ khí vô hình và vũ khí kiến thức.

Các trung tâm kinh tế của thế kỷ 21 cũng là trung tâm quyền lực quân sự của Thời Đại Tín Liệu. Chiến trường của ngày mai là chiến trường toàn cầu, như vậy Hội Đồng An Ninh Quân Sự quốc gia cần được đổi tên thành Hội Đồng An Ninh Kinh Tế.

Chiến tranh Thời Đại Tín Liệu một phần hoặc toàn phần phải được kỹ thuật hóa để đạt hiệu năng. Hình thức chiến tranh đòi hỏi tăng cường kỹ thuật cao, chính xác, và từng bước một vượt qua sự giới hạn của hình thức chiến tranh cũ.

Hình thức này cần Máy Dò (Sensor), Trạm Liên Lạc Không Gian (Space Communication Station), Vũ Khí Giết Người (Murder Weapons), Vũ Khí Không Giết Người (Weapons Don't Kill) và Người Máy (Robot).

I. Vũ Khí

Mỗi thời đại con người phát minh, sản xuất ra các loại dụng cụ. Nhiều dụng cụ được sử dụng trong việc tranh đấu, và được cải tiến để trở thành vũ khí. Nhờ vũ khí con người phát minh ra các loại đấu tranh, được gọi là chiến tranh.

Chiến tranh là sự đấu tranh sống còn giữa hai nhóm người, hai bộ lạc, hai dòng họ, hai quốc gia hay hai liên minh, tùy theo mức độ của cuộc đấu tranh. Bom nguyên tử thả xuống thành phố Hiroshima và Nagasaki đạt mức tàn phá không lồ.

Hiện nay các nước nghèo còn cố gắng sản xuất vũ khí thời đại kỹ nghệ. Các cuộc chiến tại Đông Âu và Phi Châu trong thập niên cuối cùng của thế kỷ này còn sử dụng vũ khí của thời đại săn hái, nông nghiệp lẫn kỹ nghệ.

Vũ khí nguyên tử không còn là bí mật quốc gia, mà các nhóm khủng bố, giáo phái cực đoan, công ty hay tổ chức không phải quốc gia có thể mua lậu hoặc sản xuất vì kỹ thuật sản xuất nguyên tử trong tầm tay của các tổ chức trên.

Trong thời đại kỹ nghệ chỉ có chính quyền trung ương nắm quyền sử dụng quân đội. Ngày nay nhiều chính quyền địa phương vùng lên thành lập quân đội như trường hợp Liên Xô hoặc Trung Quốc đang có những tướng quân, lãnh chúa vùng lên đòi chủ quyền.

Những tên trùm ma túy cũng có thể lập quân đội riêng. Những giáo phái cuồng tín có thể mua sắm khí giới, như vụ Waco ở Hoa Kỳ một tân giáo phái mua sắm vũ khí riêng, và một tân giáo phái khác ở Nhật Bản chế chất độc Sarin, là vũ khí hóa học.

Nguyên tử không còn là phát minh để chống lại nông dân, mà là một phát minh quan trọng vào giai đoạn cuối thời đại kỹ nghệ, và trở thành vũ khí cũng như phương tiện sản xuất quan trọng nhất của thời đại kỹ nghệ. Vì vũ khí nguyên tử có khả năng là nổ tung quả địa cầu nên nhân loại phải đi đến việc phá hủy các vũ khí nguyên tử và cấm thí nghiệm nguyên tử.

Thời đại kỹ nghệ điệp viên quân sự chú ý đến những máy móc, dụng cụ, nhà máy sản xuất vũ khí của đối phương, vì đó là nguồn tạo ra vũ khí mới. Ngày nay dụng cụ sản xuất vũ khí

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

là chương trình điện toán của các nhà sản xuất chương trình này. Sự an toàn của các chương trình điện toán quân sự là những vấn đề tối nghiêm trọng.

K. VŨ KHÍ TÍN LIỆU

Vũ khí ngày nay có mục đích tàn phá ít, tức ngược lại với mục đích của thời đại trước. Vũ khí tín liệu có mục đích gây thương tích và làm chết thật ít người cũng như tàn phá ít vật dụng, nhưng thật nhanh và chính xác.

K1. Tên Khủng Bó Máy

Một số tổ chức cực đoan, hay những người bất bình thường hiện nay thường dùng khủng bó để nổi loạn. Sự khủng bó sẽ phức tạp, kết quả rung rợn, và tàn ác hơn nếu nhóm khủng bó sử dụng kỹ thuật người máy.

Robot hiện nay có thể điều khiển từ xa bởi chuyên viên tháo gỡ ngòi nổ, bom, mìn. Thế hệ người máy mới có thể chống lại lệnh của người điều khiển, và người điều khiển có thể bị người máy tấn công ngược lại.

Người máy không có lương tâm, luân lý, không sợ chết, và trở nên vũ khí lý tưởng cho khủng bó. Nếu người máy được sản xuất để tấn công thì khủng bó trở nên kkinh hoàng, và từ đó cũng có những chương trình chống lại người máy.

K2. Con Kiến Điện Tử

Một cái máy tí hon dài vài ly, tức một cái máy nhỏ bằng con kiến đã được chế tạo và được gọi là vi cơ. Nếu bạn có thể điều khiển cái máy nhỏ bằng con kiến thì bạn sẽ làm được rất nhiều việc.

Bạn có thể cho cái máy bò vào trong các cơ quan bí mật quốc gia, trong mạch máu, có nghĩa là máy có thể đi đến bất

cứ nơi nào. Năng lượng cung cấp cho máy là chuyển tiếng động thành năng lượng từ một cái Micro tí tẹo.

Không cần nhiều tưởng tượng, chúng ta cũng có thể hình dung sự tàn phá của bầy kiến máy khi chúng được lệnh phá Radar, phi cơ hay hệ thống điện toán. Vi cơ này như tiềm thủy đình có thể bơi lội trong hệ thống tuần hoàn của con người, và có thể giải phẫu các mô của cơ thể.

Các nhóm chuyên viên về vi máy tiên đoán, trong vài thập niên nữa, các vi cơ này có thể sinh sản, có nghĩa là chúng có thể tự sản xuất ra những đứa con, hay chị em cũng như chúng. Các vi cơ chỉ bằng mũi kim và có thể dùng làm bãi mìn để cung cấp tin tức, và có thể chôn sẵn bất cứ nơi nào mà không gây thiệt hại sinh mạng như các bãi mìn hiện nay.

Vi cơ trên khó mà phát hiện, nhưng trong tương lai dài thì đối phương cũng có thể viết ra những chương trình bảo các vi cơ ngưng sinh sản, ngưng hoạt động như khi con người phát minh ra chiếc máy đầu tiên. Rồi lại có sáng chế mới khác khác chế phát minh cũ, rồi lại phát minh kế tiếp.

K3. Vũ Khí Chủng Tộc

Sự tranh đấu chủng tộc đã đến lúc nguy cấp vì một loại vũ khí đặc biệt về Nhiễm Sắc Thể, nếu con người không tạo ra được phong trào hòa bình để ngăn cản việc sản xuất vũ khí này.

Người ta có thể sản xuất hóa chất chỉ tác hại cho một loại người có màu da ấn định, mà không tác hại đối với người có màu da khác. Nếu hóa chất này được nhóm kỳ thị chủng tộc cực đoan bỏ vào hệ thống cung cấp nước uống của một nước thì có thể tiêu diệt cả một sắc tộc hay một dân tộc.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

K4. Vũ Khí Môi Sinh

Tiêu thổ kháng chiến, vườn không nhà trống là những chiến thuật đã từng áp dụng tại Việt Nam. Đạo quân La Mã khi xưa đã rưới muối trên các cánh đồng Carthage của Hy Lạp. Rồi Saddam Hussein đã đốt các giếng dầu ở Kuwait. Và kỹ thuật ngày nay có thể làm động đất hay núi lửa phun nham thạch bằng cách tạo nên làn sóng điện tử, hay làm cho sâu bọ tàn phá mùa màng, hoặc dùng tia Laser cắt thủng bầu khí Ozone trên đất địch.

K5. Bức Màn Vô Hình

Vũ khí không giết người đáng ca ngợi là bức màn vô hình. Sau đây là một thí dụ điển hình. Những tên quá khích mang bảng hiệu “Giết Bọn Mỹ” tấn công vào một tòa Đại Sứ Hoa Kỳ ở Phi Châu. Cả ngàn người kéo đến tòa đại sứ, bỗng nhiên những lãnh tụ đi đầu ngã lăn ra đất và bị ói mửa.

Và cả trăm người bị xây xẩm. Không một ai có thể tiến đến gần bức tường tòa đại sứ, và số người nôn mửa tăng lên, khiến cho đám đông phải giải tán và nhiều người tin rằng đấng Allah đã trừng phạt họ.

Tường tòa đại sứ không bị ai đụng chạm đến, và không một ai bị bắt làm con tin, vì tòa nhà được bảo vệ bằng hệ thống làn sóng ngắn. Làn sóng này làm cho con người say sóng, nôn mửa và tiêu chảy. Ngay nay cũng có một số xe đã gắn máy phát sóng trước xe để xe không thể tông vật gì phía trước. Loại vũ khí này còn xử dụng để ngăn chặn các cuộc biểu tình mà không gây đổ máu.

K6. Thuốc Ngủ Và Súng Laser

Một toán đặc công cầm bình thuốc ngủ đặc chế, chất này thấm thấu qua da người. Họ xử dụng bình xịt để bắt những tên

đầu nậu ma túy ở Nam Mỹ, thay vì dùng súng để bắn như trước.

Một đạo quân tấn công vào trung tâm ma túy bằng súng Laser, tia sáng này không gây tiếng nổ, nhưng làm mờ mắt đối phương, nếu tăng cường độ thì có thể gây trọng thương hay tử trận. Loại vũ khí này đã được quảng cáo rộng rãi và Liên Xô đã dùng loại này để chống du kích quân Afghanistan.

K7. Vũ Khí Tron Trượt Và Dán Cứng

Muốn chuyển động thì bánh xe hơi, phi cơ, xe lửa phải bám mặt đường. Để ngăn chặn tạm thời việc sử dụng các phương tiện này, người ta xịt chất nhờn đặc biệt vào đoạn đường quan trọng thì các máy móc có trang bị bánh xe ngưng hoạt động.

Ngược với trên, người ta có thể dùng keo đặc biệt để dán dính cơ giới, vũ khí, dụng cụ ngăn trở trong một thời gian.

K8. Dân Sự Hóa Chiến Tranh

Nhiều mục đích, dụng cụ, máy móc sử dụng trong quân sự và kinh tế giống nhau. Thông thường chúng ta định nghĩa vũ khí là một sản phẩm đặc biệt dùng để giết người, tù súng đạn đến đầu đạn nguyên tử. Nhưng xe vận tải chở lương thực cũng có thể chở súng đạn.

Ngày nay người ta có thể điều hành một nhà máy vừa sản xuất sản phẩm thương mại đồng thời sản xuất vũ khí. Hãng chế tạo máy bay Boeing vừa sản xuất phi cơ dân sự thương mại 767 lại vừa sản xuất phi cơ quân sự KC-46 Tanker phục vụ cho quốc phòng.

Dân sự hóa chiến tranh không có nghĩa là chuyển kiếm sang cày, mà là các kỹ nghệ dân sự càng ngày càng sản xuất được những sản phẩm chiến tranh hoặc dùng được cho cả dân sự lẫn quân sự. Việc dân sự hóa này càng làm cho lưỡi cày trở

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

thành lưới gươm dễ hơn các thời đại trước, và mối đe dọa trầm trọng nền an ninh thế giới.

K9. Biến Cải Vũ Khí Ngu

Các nước Ả Rập đặc biệt là Saddam Hussein có thể dùng loại hỏa tiễn cũ, nhưng xác được nâng cao. Và nước nghèo cũng có thể mua những vũ khí cũ nhưng dùng chính xác với giá rẻ mạt, vì các nước tân tiến không còn tích trữ các loại vũ khí lỗi thời.

Tóm lại người ta có thể gắn các hệ thống hướng dẫn thương mại vào vũ khí cũ thì có thể biến nó thành vũ khí hiện đại.

K10. Nguy Hiểm

Một số đầu đạn nguyên tử của Liên Bang Xô Viết tồn trữ trên các xe bánh sắt, hiện nay Nga thiếu chuyên viên và ngân sách để tồn trữ một cách bí mật qua sự buôn bán ngầm, chợ đen.

K11. Những Vụ Giết Người Bí Mật

Những vụ ăn trộm chương trình điện toán, bộ phận điện tử xảy ra thường xuyên. Không phải ăn cắp để xử dụng chương trình đó, mà ăn cắp để làm chậm lại giòng kiến thức đang tuôn vào các công ty với mục đích thương mại.

Ngoài ra để ngăn chặn các quốc gia hiếu chiến, hoặc các tổ chức khủng bố quốc tế chế tạo vũ khí nguyên tử, người ta phát giác ra những cái xác không hồn của những cố vấn Tây Phương sản xuất những súng không lồ hay bom nguyên tử cho khối Ả Rập. Những vụ ám sát này xảy ra trên thế giới, và mọi người đều biết là không bao giờ tìm ra thủ phạm.

Để tồn tại chúng ta phải có chiến lược chống chiến tranh. Chúng ta cần nhìn xa cảnh giác, ủng hộ các tổ chức chống

chiến tranh hầu mang lại nền hòa bình thế giới. Việc làm này đã không dễ, vì theo Tôn Tử dạy rằng, “Đánh trăm trận trăm thắng chưa phải là người tài. Người tài là người ngăn ngừa không để chiến tranh xảy ra.”

Vũ khí tín liệu thay đổi hình dạng... vũ khí không giết người, hay vũ khí giết người một cách khủng khiếp. Những vũ khí này có thể sản xuất ngay trong xí nghiệp dân sự, mà không cần thiết bị quân sự như trước đây. Những vũ khí bán ra lại được “in vào” bộ phận thông minh để giới hạn việc sử dụng trong trường hợp bị rơi tay địch. Nhà sản xuất có thể “cấy chip” tự hủy vào máy bay, hay vào dàn phóng hỏa tiễn, xe tăng, hỏa tiễn, tàu thủy... khi lọt vào tay địch, thì họ có thể ra lệnh tự hủy chiến cụ ấy.

Vệ tinh không gian có thể phát giác ra những vũ khí chiến cụ đang hoạt động ở đâu, mục đích gì... để có thể ngăn chặn, hoặc phá hủy kịp thời. Với trình độ khoa học hiện nay, đối phương không thể tháo gỡ “bộ phận tự hủy,” vì khi đụng tới, đương nhiên nó tự phá hủy vũ khí, hay chiến cụ tịch thu được. Đây cũng là hình thức giải quyết chiến tranh để có hòa bình.

Tuy nhiên, vấn đề chiến tranh và chống chiến tranh thời nay lại lệ thuộc vào không gian, với những đồn binh đang đóng ngoài hành tinh trái đất. Việc làm này không đơn thuần về ngân khoản tài chánh mà là sinh mạng con người.

Tổng kết chúng ta muốn thành công trong chính trị cứu nước, thì công tác và khả năng lãnh đạo phải được phát triển đúng thời đại, và dân tộc Việt Nam đang cần một tổ chức chính trị hợp thời đại.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI



Hình tác giả đang thuyết trình về chủ đề Chiến Tranh Việt Nam qua đề tài “A View Of The Vietnam War” trong Ngày Lễ cấp Quốc Gia do hãng Boeing Defense trực thuộc Bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ tổ chức tại Saint Louis, Missouri năm 2019 Hoa Kỳ.

CHƯƠNG XII



CHÍNH THUYẾT TIÊN RỒNG
TRONG
THỜI ĐẠI TÍN LIỆU
VIỆT NAM

(THE TIEN RONG THEORY IN THE INFORMATION
AGE OF VIETNAM)

Từ ngàn xưa sách sử Trung Quốc đã ghi nhận rằng các chiến công ở Giao Chỉ (Việt Nam) là của lão tướng thời danh Mã Viện, được Hoàng Đế Quang Vũ triều đại Đông Hán tấn phong Phục Ba Tướng Quân, và đem quân xâm chiếm nước ta. Theo Mã Viện Truyện thì Đại Lão Tướng Phục Ba dẫn hơn hai vạn kỵ binh và hai ngàn chiến thuyền tiến đánh Việt Nam.

Sau chiến thắng Mã Viện cho dựng một cột đồng với lời thề độc “Đồng trụ chiết Giao Chỉ diệt” – (cọc đồng này mà đổ thì toàn dân Việt Nam bị diệt vong). Bởi thế có truyền khẩu trong đại chúng là ai đi ngang qua phải cầm đá ném vào trụ đồng, vì sợ cột đổ thì lương dân bị tiêu diệt.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Nhưng đã hơn hai ngàn năm qua, “Câu chuyện đồng trụ và lời thề Mã Viện” có giá trị gì? Công dụng gì? Hệ quả của dân nước ra sao?

Chắc chắn phải có nguyên nhân gì quan trọng, để khiến cho đại lão tướng thời danh Trung Quốc phải thốt ra lời trù yểm tới sự sinh tồn của cả một dân tộc, một đất nước, một giống dòng. Chắc chắn chính ông đã phát giác ra cái tinh thần chiến đấu vì Đồng Bào của Chính Thuyết Tiên Rồng, cái tinh hoa tư tưởng giúp dân cứu nước của Tổ Tiên, và cái tinh túy đạo sống làm người trong xã hội Việt Nam hùng mạnh bền vững tự đồng trụ, đồng bào, đồng thuận cho nên ông mới nói ra lời nguyên ấy.

Việt Nam trong suốt hai ngàn năm đã trải qua bao triều đại, trải qua bao thế hệ, trải qua bao biến cố khiến cho bao sử gia Đại Hán và văn nhân thi sĩ Giao Chỉ xưa nay, dù vô tình hay cố ý xử dụng cách chép sử bất lương, nhằm thực hành Lời Thề Mã Viện bằng những luận điệu tuyên truyền, xuyên tạc, vu khống nhằm đánh phá Chính Thuyết Tiên Rồng và mong đập đổ trụ đồng. Bởi thế, chúng ta cần tìm hiểu và xác tín Chính Thuyết Tiên Rồng của Tổ Tiên là trụ đồng nâng đỡ bảo bọc đất nước Việt Nam và dòng giống Con Cháu Tiên Rồng.

Ngay tự ngàn xưa Dân Tộc Việt Nam được gọi là dòng giống Tiên Rồng, để căn cứ vào nguồn gốc mà chúng ta cảm nhận rằng mình khác biệt hay trội vượt hơn các sắc dân khác. Trong suốt lịch sử dòng giống Con Cháu Tiên Rồng đã thành nền tảng tâm linh sâu vững nhất trong tư tưởng, trong huyết quản, và thể hiện ra trong đời sống của mọi người dân Việt, qua danh xưng “Đồng Bào” là anh em ruột thịt từ Một Bọc Trăm Con của Mẹ Tiên Cha Rồng, tức là một mà trăm và trăm mà một, mình vì mọi người và mọi người vì mỗi người.

Đang khi Đại Chúng Việt hãnh diện và phát huy Sinh Thức Tiên Rồng của Tổ Tiên thành Đạo Sống Việt với quan

niệm Phúc Đức, thì lớp người được cho là có địa vị, có ăn học, có nghiên cứu sách vở Hán học đã soạn thảo ra những tài liệu nói giáo cho giặc, phỉ báng Tổ Tiên, đánh phá truyền thuyết dân tộc một cách mù quáng.

Lớp người trí thức lại tỏ ra lúng túng trong việc giải thích về nguồn gốc, về văn hóa, về truyền tích trong Chính Thuyết Tiên Rồng. Họ thường dùng những điển tích, những câu văn, những lời sáo ngữ trong Hán học, làm khuôn vàng thước ngọc áp dụng vào Xã Hội Việt Nam, đồng thời họ cũng lấy những tệ đoan xã hội Trung Quốc mà gán ghép, phỉ báng, phê phán cộng đồng xã hội ta và viết thành những bài phiếm luận nhằm chê bai văn hóa Việt.

Quả là những kẻ “phận mỏng cánh chuồn” hoặc cái nhìn “duy vật biện chứng” mà bàn chuyện “nghìn năm dân tộc,” xin hỏi việc làm phản dân hại nước của họ, có xứng danh con cháu Tiên Rồng chăng? Có xứng đáng thân phận con người chăng? Chắc hẳn họ đã nói giáo cho giặc?

b. Truyện Hồng Bàng

Tài liệu hiện nay là Truyện Hồng Bàng trong sách Lĩnh Nam Chích Quái của nhà văn Trần Thế Pháp, viết vào khoảng năm 1370 – 1400, giải thích nguồn gốc dân tộc Việt Nam nhằm làm lung lạc tinh thần dân tộc. Mặt khác, cũng có thể đã có những sách vở soạn thảo về lịch sử dân Việt một cách đúng đắn, nhưng đã bị Trung Quốc cướp phá trong những trận xâm lăng.

Trước hết, Truyện Hồng Bàng đã để lộ âm mưu đồng hóa dân tộc nhằm “phò Trung,” tin Tàu, phục Tàu, bái Tàu làm thầy. Tác giả cố ý gán ghép truyền thuyết Con Cháu Tiên Rồng của dân tộc Việt Nam – (Tiên và Rồng là hai biểu tượng linh thiêng của Tộc Việt, tượng trưng cho Ông Bà Khởi Tổ/ Tộc Tổ) – kể thêm lai lịch gốc gác và làm sai lạc truyền thuyết

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

theo kiểu nói thêm một hoặc bớt một của ngành tình báo/ phản gián, với mưu đồ đem nguồn gốc Tộc Việt gắn vào Tộc Hoa mà đánh gãy cọc đồng và thi hành Lời Thề Mã Viện!

Truyện Hồng Bàng đề cao người đẹp họ Âu (Âu Cơ) thành tên bà tổ Tộc Việt. Theo khảo cổ học, vào thế kỷ thứ ba trước công nguyên, khoảng 2300 năm thì sắc dân Âu Việt tràn vào vùng đất Lạc Việt mà thành lập ra nước Âu Lạc. Bởi thế câu chuyện này ghép chữ bằng cách cho hai họ Lạc Việt và Âu Việt thành ra tên của hai vợ chồng Lạc Long Quân và Âu Cơ đặt làm tổ của Trăm Việt (Bách Việt).

Từ câu chuyện của dân tộc theo cha truyền con nối, thì Truyện Hồng Bàng của Trần Thế Pháp cũng ghi lại địa giới rộng lớn của Tộc Việt, nhưng lại cho đó là thuộc quyền cai trị của vua Hán đã có từ bao ngàn năm trước. Truyện gán ghép nguồn gốc người Hoa cho thành ra tổ của người Việt, tác giả còn đánh lộn vùng đất ngàn năm mà người Việt sinh trưởng thành đất của người Hoa. Tác giả này cô ý hành nghề “cò đất” ăn theo nhóm lợi ích của tư bản đồ, nhằm bán nước cho quan thù Trung Quốc.

Tác giả Trần Thế Pháp mô tả rằng Sùng Lãm gốc Hoa, nhưng là người gian manh háo sắc vô lương tâm, dùng thủ đoạn chiếm đoạt vợ của người anh chú bác ruột của mình, rồi khi hấn có gia đình lại bỏ bê trách nhiệm nuôi nấng chăm sóc vợ con. Mặt khác, Âu Cơ cũng thế, tuy là dân Hoa, nhưng lẳng lơàn mất nết và trốn chồng theo trai.

Trần Thế Pháp dùng hình ảnh hai vị khởi tổ của Tộc Việt bài bác để trở thành người khiếm khuyết đạo đức nhằm tạo ra những thế hệ chỉ biết sống vô ơn bạc nghĩa với Tổ Tiên, lấy vật chất để đo lường giá trị con người mà quên tình đồng bào ruột thịt, quên quê hương dân tộc, quên Chính Thuyết Tiên Rồng.

Toàn thể dân Việt lại chỉ nhận biết mình thuộc dòng dõi người Hoa, muốn theo mẹ Âu Cơ đi về Bắc quốc. Nhưng về không được nên mới ở lại nước Nam. Đang khi vua nước Nam lại đã nhầm tâm mà bỏ nước về thủy phủ, phó mặc cho mẹ con nàng Âu chia nhau cai trị dân Nam.

Truyện Hồng Bàng ản mưu đồ xâm lược và đồng hóa nguồn gốc của dân tộc Việt Nam, nhằm thực hiện câu thần chú “Giao Chi Diệt” của Mã Viện, thì tác giả đã xuyên tạc truyền thuyết Tộc Việt, đánh cướp Đất Việt mà còn nặng lời nhục mạ Dân Việt.

Đây chính là nhát búa tạ bổ vào đầu chúng ta, mỗi khi đọc Truyện Hồng Bàng, thế mà sách sử Hà Nội ngày nay vẫn chưa nhận ra, vẫn tán tụng “kỳ tài” Trần Thế Pháp và câu chuyện nhầm tán tụng và cổ vũ cho lời thề Đồng Trụ Chiết chẳng?

Bởi thế, chúng ta cần tìm hiểu tường tận, đích xác, đúng thực về nguồn gốc dân tộc của mình, và những sự kiện liên quan giữa dân Việt với sắc dân khác, đặc biệt với người Tộc Hoa, nhằm loại bỏ âm mưu “đồng trụ chiết Giao Chi diệt” đã có từ ngày Mã Viện tới nay.

Nhất là chúng ta lại bị người Việt Nam như Trần Thế Pháp đã dùng bút chép sử nói giáo cho giặc đâm trúng tim Đồng Bào của mọi người chúng ta, có nỗi đau thương nào hơn?

Khởi truyện là Vua Đế Minh, cháu ba đời của Viêm Đế, đi thăm dân vùng Ngũ Lĩnh, lấy Vụ Tiên sinh ra Lộc Tục được Đế Minh cho làm vua vùng đất đông giáp Nam Hải, tây đến Ba Thục, bắc đến Hồ Động Đình, nam đến nước Hồ Tôn Tinh.

Lộc Tục lấy con vua Động Đình là Long Nữ, sinh ra Sùng Lãm. Sùng Lãm thay cha làm vua, lấy hiệu là Lạc Long Quân. Sùng Lãm cướp vợ yêu của Đế Lai tên là Âu Cơ, nhưng tác giả thời sau, như Học Giả Trần Trọng Kim sửa đổi Âu Cơ con Đế Lai, thay vì là vợ của Đế Lai.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Âu Cơ sinh cái bọc chứa 100 trứng, nở ra trăm con trai. Sùng Lãm đi vắng, Âu Cơ dẫn bầy con về Bắc quốc, nhưng về không được, đành trở lại. Sùng Lãm liền chia con làm hai, 50 đứa theo Sùng Lãm xuống thủy phủ, 50 đứa theo Âu Cơ ở lại trên đất để cai trị dân... Một trăm đứa con trai đó là những vị tổ đầu tiên của Trăm Việt.

Cũng theo Truyện Hồng Bàng thì Sùng Lãm và Âu Cơ sinh ra 100 đứa con trai trở thành thủy tổ của sắc dân Trăm Việt trong đó có dân tộc Việt Nam. Bà nội của Sùng Lãm có tên là Vụ Tiên sinh sống ở vùng núi Ngũ Lĩnh.

Mẹ của Sùng Lãm tên là Long Nữ (nàng họ Long) là con của vua Động Đình dưới thủy phủ. Ông tổ, ông nội, ông cha của Sùng Lãm đều là người thuộc giống dòng Tộc Hoa, và Sùng Lãm lên ngôi lấy hiệu là Lạc Long Quân.

Âu Cơ (nàng họ Âu) cũng là người Tộc Hán, vợ của Đế Lai, cho nên Âu Cơ muốn dẫn trăm con về Bắc Quốc mà không thành. Trong số 100 con trai lại được chia đôi: 50 theo Sùng Lãm về ở thủy phủ, 50 theo Âu Cơ ở lại nước Nam và chia nước mà cai trị.

Dưới sự cai trị của người thuộc dòng dõi Tộc Hoa đó, đại chúng Việt chỉ là đám dân đen nghèo khổ, ngoan ngoãn phục vụ thiên triều Trung Quốc và bị vua quan “Phò Hoa” hành hạ, áp bức, bóc lột.

Địa phận vùng đất của Tộc Việt là vùng phía nam sông Dương Tử và nam Ngũ Lĩnh. Vùng đất này thuộc quyền của vua Tộc Hoa, nhưng sau chia lại cho Lộc Tục nên mới trở thành miền đất của Tộc Việt.

Truyện Hồng Bàng ghi lại nhiều chi tiết của truyền thuyết Con Cháu Tiên Rồng đang lưu truyền phổ quát trong toàn thể người dân Việt từ bao ngàn năm trước, nhưng mô tả thêm lại

lich của các nhân vật theo óc suy luận thuần túy “duy vật biện chứng” để trở thành phiếm luận!

Từ ngàn xưa, dân tộc ta xưng mình là Con Cháu Tiên Rồng, thì Truyện Hồng Bàng cũng phải xác nhận điều này, nhưng tác giả chế tạo thêm ra bà nội và mẹ của Sùng Lãm. Bà nội của Sùng Lãm cũng có tên với chữ tiên, là Vụ Tiên, và mẹ của Sùng Lãm có họ là Long – Long Nữ (rồng theo giọng Tộc Hoa phát âm ra long).

Từ ngàn xưa, dân tộc ta tin rằng mình phát xuất ở vùng Ngũ Lĩnh thuộc Hồ Động Đình. Truyện Hồng Bàng cũng đã xác nhận là quê hương của Vụ Tiên và của Long Nữ. Và từ ngàn xưa, dân tộc ta tuyên xưng là họ Lạc (Mẹ Tiên) thì Truyện Hồng Bàng giải thích là phát xuất do tên hiệu của Lạc Long Quân (Cha Rồng), để đem chế độ mẫu hệ của Tộc Việt trở thành phụ hệ của Tộc Hoa.

Cũng theo Truyện Hồng Bàng thì chồng của Âu Cơ là Đế Lai, “Nhớ đến chuyện ông nội là Đế Minh nam tuần gặp tiên nữ,” nên Đế Lai cũng đi theo và như vậy Âu Cơ đã không thể là tiên.

Từ ngàn xưa, dân ta quan niệm biểu tượng Rồng là Cha, ở dưới nước, thiên biến vạn hóa, và Tiên là Mẹ, ở trên đất dưỡng nuôi bảo bọc. Truyện Hồng Bàng cũng làm nổi bật những đặc tính này nơi Lạc Long Quân và Âu Cơ.

Biểu tượng 50 con theo Mẹ, 50 con theo Cha là truyền thuyết Việt. Tuy nhiên, Truyện Hồng Bàng lại cho rằng 50 đứa theo cha về luôn thủy phủ, giao quyền cai trị dân Việt trong tay 50 đứa theo bà mẹ người Hoa.

Như vậy thì làm sao vẫn còn đủ 100 để làm tổ cho Trăm Việt?

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Câu Cha Rồng dặn: “Khi cần thì gọi, ta về ngay” cũng là xác định nền tảng của truyền thuyết Việt. Truyện Hồng Bàng lặp lại ba lần trong ba trường hợp khác nhau. Truyện Hồng Bàng xác định địa vực của Bách Việt là toàn thể vùng Nam Dương Tử và Nam Ngũ Lĩnh. Dầu trái với tham vọng quyền lực của người Hoa, Truyện Hồng Bàng cũng phải ghi lại tí mĩ biên cương của Tộc Việt, và như thế, chắc chắn, đây là sự kiện hiển nhiên đương thời.

Truyền thuyết mọi người dân đều có cùng nguồn gốc Tiên Rồng, đều từ Một Bọc Trăm Con, là của dân ta. Dầu trong suốt bài, Truyện Hồng Bàng chỉ quanh quẩn với dòng họ một triều vua, thì câu cuối lại phải liên kết Bọc Mẹ Trăm Con với Bách Việt: “Bách Nam là thủy tổ của Bách Việt vậy.” Như thế Truyện Hồng Bàng mặc nhiên xác nhận là đã có hai tộc dân Việt và Hoa khác nhau, với hai nền văn hóa khác nhau, và đã sinh sống trên hai vùng đất khác nhau.

Xét về phương diện lãnh thổ, Truyện Hồng Bàng xác nhận truyền thuyết Tộc Việt phát xuất từ vùng Hồ Động Đình, sau đó phát triển trên một vùng rộng lớn, bao gồm từ Nam Dương Tử xuống tới Bắc Trung Phần Việt Nam ngày nay. Với việc đồng hóa nguồn gốc Bách Việt thành con cháu của Lạc Long Quân, Truyện Hồng Bàng đã phải xác nhận ảnh hưởng lớn mạnh của Lạc Việt thời ấy.

Tham khảo sách sử trong Thư Viện, chúng ta nhận ra rằng mấy ngàn năm trước khi tiếp xúc với Tộc Hoa, chẳng những xã hội Tộc Việt đã phát triển ổn định và thịnh vượng về dân số, mà còn mở rộng vùng địa bàn sinh sống, đặc biệt dân ta đã có nếp sống xã hội nông nghiệp và ngư nghiệp hiện đại. Chớ nào cần phải có Truyện Hồng Bàng dẫn giải nguồn gốc, hay quan lại Trung Quốc trong Truyện Sĩ Nhiếp sang đô hộ và dạy dỗ dân ta cách thức làm nông nghiệp hay bắt ốc mò cua?

Xã hội Việt đã tiến triển và trôi vượt về Nếp Sống Việt và Văn Hóa Việt, được ghi nhận và lưu truyền qua kỹ thuật tinh xảo về đồ đồng. Cả đến thời nay đỉnh đồng và trống đồng của Việt Nam vẫn là những tuyệt tác vô song! Bởi thế giờ chúng ta có dịp ôn lại dĩ vãng của dân tộc mình và tâm tình với Thánh Vương Quốc Tổ và Hồn Thiêng Sông Núi trải qua bao ngàn năm văn hiến.

Từ Chính Thuyết Tiên Rồng của Tộc Việt, Truyện Hồng Bàng đã có nhiều điểm thù dật khác biệt, nhằm xuyên tạc truyền thuyết và lịch sử của dân tộc ta. Theo truyền khẩu phổ quát trong toàn dân, thì Tộc Việt do Bọc Mẹ Trăm Con, có Mẹ là Tiên có Cha là Rồng.

Truyện Hồng Bàng lại chép rằng, cha là Sùng Lãm mẹ là Âu Cơ. Bên dòng họ nội của nhân vật Sùng Lãm là người Hoa, và phía Âu Cơ cũng thuộc Tộc Hoa. Và 100 đứa con trai, chỉ có bà nội mang họ Long – Long Nữ – đang khi bà bà cố nội có tên Tiên (Vụ Tiên). Như vậy thì không đúng với truyền thuyết Mẹ Tiên Cha Rồng.

Bởi vì biết dân Việt chú trọng phía họ mẹ (mẫu hệ), thì Truyện Hồng Bàng thù dật rằng, bà nội và bà cố nội có tên Tiên, rồi để tạo ra chính mẹ Âu Cơ lại là người Hoa. Truyện Hồng Bàng lại chú trọng phía họ cha (phụ hệ), gom cả Tiên lẫn Rồng vào một dòng máu, vào một biệt hiệu là Lạc Long Quân; đang khi mẹ Âu Cơ lại không dính dáng gì với truyền thuyết Tiên Rồng.

Theo truyền thuyết của dân tộc ta, thì toàn thể mọi người trong nước là đồng bào, là anh em ruột thịt với nhau – đồng là cùng, bào là bọc – cùng do Một Bọc Trăm Con, Cha Rồng Mẹ Tiên sinh ra. Truyện Hồng Bàng lại có một trăm đứa con của Sùng Lãm đã thuộc về dòng dõi mấy đời cha ông người Hoa tiếp nối nhau làm vua, và chia nước mà cai trị. Đây chính là biểu trưng của nhóm đặc quyền như trong chế độ tư bản hay

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

như tư bản đồ thời nay, chớ đâu phải là “tinh thần đồng bào” ghi trong Chánh Thuyết của dân tộc Việt Nam?

Truyện Hồng Bàng cho dù có kết thúc bằng câu “Bách Nam là thủy tổ của Bách Việt,” thì câu chuyện này ghi nhận rằng quanh Sùng Lãm đã có dân chúng của Tộc Việt sống đông đúc và xây dựng thành một quốc gia độc lập và rộng lớn. Như thế, thì làm sao 100 đứa con của Sùng Lãm, lại có thể là thủy tổ của những người đang sống trước họ, hoặc đang sống dưới quyền cai trị của họ. Cũng theo chính tác giả thì đã có 50 con theo Sùng Lãm về ở dưới thủy phủ, và chỉ còn 50 đứa ở lại trên mặt đất. Vậy làm sao còn đủ 100 con để gọi là tổ cho Trăm Việt?

Từ khởi thủy cho tới thời điểm hai ngàn năm cách nay, xã hội Việt thiên về mẫu hệ, con cháu dòng họ đều lấy bên họ mẹ làm chính. Không ai có thể chối cãi sự kiện dân Việt Thời Hùng sống trong chế độ mẫu hệ, cũng như cuộc sống xã hội nằm trong ảnh hưởng của mẫu quyền.

Trong sách “Hậu Hán Thư” của Trung Quốc cũng ghi lại nhiều đặc điểm mẫu hệ sâu đậm trong xã hội Việt vào thời đầu dương lịch. Gần 250 năm sau Thời Hùng, năm 39 sau Công Nguyên, trong số các vị anh hùng lật đổ ách đô hộ, có nhiều Nữ Tướng và đội nữ binh. Ví dụ điển hình Hai Bà Trưng rồi tới năm 544 thời Triệu Nữ Vương, và phải 300 năm sau dân ta mới ghi nhận có phái nam làm thủ lãnh đầu tiên, là Lý Nam Đế.

Trái lại, Truyện Hồng Bàng kể dòng họ của cha là chính. Tất cả dòng bên nội được ghi chép tỉ mỉ, với cả tên riêng, tên hiệu từng người. Đang khi đó, Truyện Hồng Bàng không hề đề cập đến ông bà ngoại, dòng họ bên ngoại, cũng không có tên riêng của mẹ.

Theo mẫu hệ thì gái là chính, nhưng Truyện Hồng Bàng chú trọng phía con trai, từ Đế Minh tới Lộc Tục, rồi Sùng Lãm, và 100 con trai. Vậy Truyện Hồng Bàng thuộc ảnh hưởng của văn hóa “phụ hệ” của Trung Quốc, và đi ngược với truyền thống “mẫu hệ” của dân tộc Việt Nam.

Về phần quốc hiệu, dân ta xưng là Lạc Việt. Ví dụ: vua, quan, dân, ruộng đều ghi là Lạc vương, Lạc hầu, Lạc tướng, Lạc dân, Lạc điền. Vì vậy, theo quan niệm mẫu hệ thì Lạc phải là biểu hiệu của Bà Tổ. Họ Lạc nhắc nhớ hình ảnh của Tiên, của chim Lạc trên Trống Đồng Ngọc Lũ. Bởi thế, đúng đắn nhất chúng ta có thể gọi Hai Vị Khởi Tổ với danh xưng Lạc Cơ và Long Quân – cơ là văn, quân là võ, hay đơn giản hơn là Mẹ Tiên Cha Rồng.

Nhưng trong Truyện Hồng Bàng lại ghi họ Lạc thành một phần trong biệt hiệu của người cha Sùng Lãm là Lạc Long Quân. Sau khi đã lấy chữ Lạc gắn thành hiệu của cha, tác giả lại cho dân Lạc Việt một họ mẹ mới, họ Âu, nhằm thuộc về họ người Hoa thuần chủng, Âu Cơ!

Chẳng những đã xuyên tạc nguồn gốc, Truyện Hồng Bàng lại còn xuyên tạc về vùng Đất Tổ, dân Lạc Việt xác quyết mình là tộc dân của miền Hồ Động Đình và Ngũ Lĩnh, thì tác giả cho đó là quê hương của Vụ Tiên và Long Nữ. Nhưng ngoài bà cố nội Vụ Tiên, và bà nội Long Nữ có liên hệ tới truyền thuyết, thì tất cả dòng họ nội ngoại của 100 đứa con trai đều là người Hoa.

Vậy mà theo chủ trương phụ hệ của người Hoa, thì thân thế và xuất xứ của người nữ đã chẳng những không còn quan trọng, mà cũng chẳng còn có giá trị xác định nào. Bởi vì, Truyện Hồng Bàng đã chỉ chú trọng tới nguồn gốc Hoa, và chủ trương phụ hệ của người Hoa. Sự hoán chuyển của Trần Thế Pháp rất thâm độc, vì không chấp nhận mang họ mẹ thì

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

dân Việt sẽ lần lượt bớt chú tâm tới “yếu tố mẹ” mà xa lìa nguồn gốc.

Thứ đến, vì chữ Lạc đã mang âm hưởng thiêng liêng ngàn năm, cho nên, dầu nay thành hiệu của cha, thì dân Việt cũng thấy còn quen thuộc, và từ đó, dần dà là chấp nhận phụ hệ. Truyện Hồng Bàng đã thực hành lời thề Mã Viện một cách thành công êm ái phi thường: “Đồng bào mật - Giao Chỉ diệt.”

Đất Tổ của Tộc Việt là vùng phát xuất ra dân Việt, và cũng là vùng dân Việt sinh sống trong suốt mấy ngàn năm. Do đó, chính Vùng Đất Tổ là một cái nôi góp phần quan trọng trong việc xuất hiện và phát triển một hệ thống tư tưởng chỉ đạo sống động và hiện thực được gọi là Chính Thuyết Tiên Rồng, một sinh thức, một đồng thuận, một tổ chức chính trị đồng bào và là đồng trụ của dân tộc Việt Nam.

Theo khảo cổ học, Tộc Việt phát khởi từ vùng Hồ Động Đình ở trung lưu sông Dương Tử. Ngày nay vùng đất này thuộc tỉnh Hồ Nam của Trung Quốc. Địa bàn khởi thủy của Tộc Hoa là vùng Hoàng Hà. Khi người Tộc Hoa lan dần xuống miền Nam, gặp Tộc Việt, thì Tộc Việt đã phát triển mạnh và đã có một nền văn hóa cao.

Sở dĩ ngày nay có nhiều lầm lẫn về liên hệ giữa Việt và Hoa, vì chẳng những có sự pha trộn giữa hai tộc dân, mà còn vì phần lớn vùng đất trước kia thuộc Tộc Việt, nay là lãnh thổ của Trung Quốc. Lưu vực sông Dương Tử là đất khai nguyên của Tộc Việt, và sau đó dân Lạc Việt phát triển rộng ra Lĩnh Nam. Dân Việt đã sinh sống tại đây suốt mấy ngàn năm trước khi người Hoa được biết tới.

Vậy mà Truyện Hồng Bàng lại cho rằng, đó là lãnh thổ của Tộc Hoa; rồi vì Đế Minh trao tặng nên mới trở thành nơi cư ngụ của Bách Việt.

Từ ngàn xưa, đối với người Hoa, dân Việt đã là một tộc dân hoàn toàn khác biệt, và có hai nền văn hóa cũng hoàn toàn khác biệt nhau. Để phản kháng sự xâm lấn của người Hoa, thì dân Việt tất nhiên đã biết cách tổ chức vững mạnh về mọi phương diện từ chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa, xã hội, giáo dục, tín ngưỡng.

Vì sống dọc theo bờ Biển Nam nên dân Việt chủ tể về ngành hàng hải và ngư nghiệp. Với ưu thế địa dư và sự trỗi vượt của dân Việt trên vùng nước ven biển, với kết hợp núi non hiểm trở bao quanh đã tăng phần bảo vệ cho tiểu quốc Việt sống tự cường tự lập và thoát khỏi sự thống trị cường quyền của Trung Quốc.

C. Tộc Việt Khác Tộc Hoa

Ngay tự ngàn xưa, đối với người Hoa, luôn luôn gọi dân Việt là “Nam man,” trong nhóm người man, ri, mọi, rợ. Tiếng “Nam man” là chỉ sắc dân không thuộc Tộc Hoa ở phía Nam, đặc biệt từ Nam sông Dương Tử, vùng được gọi là Giang Nam, Lĩnh Nam (Việt Nam). Sử Trung Quốc cũng luôn coi đó là sự kiện hiển nhiên. Các thái thú và thứ sử người Hoa thống trị, bao giờ cũng coi dân “Nam man” là ngoại tộc, không phải người Hoa.

Trong suốt mấy ngàn năm qua, đối với người Hoa, đất Giang Nam và Lĩnh Nam đều là đất của Việt. Và ngay cả thời nay, vùng Nam Trung Quốc vẫn còn được gọi là vùng Bách Việt. Hai tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây cũng vẫn còn được gọi là Việt Đông và Việt Tây, gọi chung là Lương Việt.

Các sắc dân ở vùng phía nam sông Dương Tử, vẫn còn có tên chỉ nguồn gốc là nhánh Tộc Việt. Người dân tỉnh Giang Tây hiện nay là dân Đông Việt. Người tỉnh Chiết Giang là dân U Việt. Người tỉnh Phúc Kiến là dân Mân Việt. Người vùng Lương Việt được gọi là dân Nam Việt... Ngay cả thời nay,

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

người dân trong vùng Trăm Việt vẫn tự xưng là Việt Nhân, chứ không phải là Hoa nhân.

Trăm Việt dùng chỉ tập hợp các sắc dân Việt phần lớn cư ngụ tại miền nam sông Dương Tử, mà người Hoa gặp gỡ trên đường bành trướng từ Hoa Bắc xuống Hoa Nam. Lãnh thổ của Trăm Việt, bắc giáp Hồ Nam, nam giáp Chiêm Thành, tây giáp Tứ Xuyên, đông giáp Biển Nam Hải (Biển Đông của Trung Quốc). Ví dụ: Ai Nam Quan, thuộc Nam khác thuộc Bắc (Trung Quốc).

Vào thời Xuân Thu Chiến Quốc, khoảng thế kỷ thứ ba trước Công Nguyên, ghi nhận có các nước Hồ Việt ở Hồ Nam, U Việt ở Chiết Giang, Mân Việt ở Phúc Kiến, Đông Việt ở Giang Tây, Nam Việt ở Quảng Đông, Âu Việt ở Quý Châu và Quảng Tây, Điền Việt ở Vân Nam, Chiêm Việt ở đảo Hải Nam, và Lạc Việt ở bắc Việt Nam. Các quốc gia này nằm kế tiếp nhau, từ miền nam sông Dương Tử qua lưu vực sông Hồng, rồi xuống tận bình nguyên sông Mã. Đó là chưa kể những nhóm người Việt sống rải rác miền tây nam Trung Quốc, và chưa tổ chức thành quốc gia mà người Hoa gọi là dân Bách Bộc.

Khi nhà Tần thống nhất miền bắc Trung Quốc và những lãnh thổ của miền nam sông Dương Tử, các tiểu quốc Trăm Việt lần lượt bị xâm chiếm, và chỉ có Mân Việt, Đông Việt, Nam Việt bao gồm Nam Việt, Âu Việt, và Lạc Việt còn là những quốc gia tự trị.

Tới thế kỷ thứ nhất Công Nguyên, các nước Việt này cũng bị nhà Hán thôn tính, mặc dầu các nhóm Trăm Việt vẫn còn sống rải rác ở khắp miền nam Trung Quốc. Và trải qua hai ngàn năm lịch sử, phần lớn vùng Đất Tổ của Trăm Việt đã bị sát nhập vào bản đồ Trung Quốc, và nền văn hóa văn minh Trăm Việt, Chính Thuyết Tiên Rồng cũng bị phần nào đồng hóa vào Tộc Hoa “Đông Trạ Chiết” là vậy.

Theo công trình nghiên cứu khảo cổ và nhân chủng học cho thấy người Trăm Việt đã vượt sông Dương Tử rất lâu, trước khi có nền văn minh Trung Hoa thành hình.

Thời Xuân Thu Chiến Quốc, người Trăm Việt đã sống rải rác trong các vùng Hoa Bắc, tức là nước Sở ở Hồ Bắc ngày nay. Nước Tề ở Sơn Đông hay nước Tấn ở Sơn Tây, Hà Bắc cũng là của Tộc Việt.

Vào thế kỷ thứ 5 trước Công Nguyên, vùng Chiết Giang là Giang Tô có nước Việt và Việt Vương Câu Tiễn. Triều đình Việt ngày ấy có người đẹp Tây Thi, cười khuynh nước nghiêng thành, mà thời trung học của chúng ta ít nhiều mộng tưởng, lưu luyến và đem ép hoa vào trong tim.

Vào năm 917 sau Công Nguyên, quốc gia ở vùng Phúc Kiến, tự xưng là Đại Việt rồi sau này mới đổi tên là Nam Hán theo Tộc Hoa.

d. Tộc Tổ Tiên Rồng

Nhìn chung, Hai Vị Khởi Tổ của Tộc Việt, chính là hai người mà con cháu của các Ngài, theo thời gian và phát triển thành giống dân Việt ngày nay. Các Ngài đã sống vào thời khuyết sử, không ai có thể xác định Hai Ngài mang tên họ gì, hoặc sinh hoạt đời sống ra sao. Tuy nhiên, với thời gian theo dòng đời Văn Hóa Việt được thành hình, rồi với sự trỗi vượt các nền văn hóa khác qua những nhận định xác đáng, đúng thực về Con Người và diễn đạt qua biểu tượng Tiên Rồng song hiệp.

Với đà phát triển, với tình kính quý, với lòng biết ơn sâu xa về Hai Vị Khởi Tổ từ mấy ngàn năm trước, Tổ Tiên chúng ta đã tôn Hai Ngài thành biểu tượng linh thiêng, Tiên và Rồng.

Dân Việt từ đó, đã âu yếm gọi Hai Ngài là Mẹ Tiên Cha Rồng, và hãnh diện tự xưng mình là con cháu Việt hoặc là Con

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Cháu Tiên Rồng. Giờ đây Hồn Thiêng của Hai Ngài vẫn linh hiển, và với sứ mạng Trời cho, đã sinh ra cả một giống dân đông đúc siêu việt, là Tổ trên hết các Tổ của Tộc Việt, là Nguồn sinh mọi Thần Thánh Anh Linh Việt, địa vị Hai Ngài thật là cao trọng và uy thế khôn tả, đáng để mọi người chúng ta ngày nay tôn vinh và khấn cầu. Xin hỏi có ai thương con cái hơn cha mẹ?

Tóm lại, Lời Thề Mã Viện đã được tác giả dùng ngòi bút chép sử thêu dệt và làm lung lạc tinh thần trách nhiệm Giúp Dân Cứu Nước của bao lớp thanh niên thời đại, nhằm thực hiện âm mưu đồng hóa, hợp thức hóa cho các đặc khu kinh tế hóa Trung Quốc, thực thi chính sách mượn đất đã có từ thời Hán Vũ Đế.

Ngày nay Lời Thề Mã Viện cũng được những chính quyền Trung Quốc khai triển và thực hành tiếp nối “chính sách mượn đất” bằng phương châm “Nhất đai nhất lộ” (Sáng kiến một vành đai một con đường, Belt and Road Initiative).

Bởi thế, chúng ta cần tìm hiểu, học hỏi về Chính Thuyết Tiên Rồng trong tinh thần của người con cháu Việt hiếu thảo, biết ơn và khâm phục Tổ Tiên, mà còn đặt trọn niềm tin tự hào về quá khứ, hăng say xây dựng trong hiện tại, và hiên ngang bước vào đại cuộc Giúp Dân Cứu Nước để tổ chức, để thực thi sứ mạng và để mở ra một trang sử huy hoàng cho Dân Nước Việt Nam phú cường thịnh vượng.

“Con không chê cha mẹ khó... chúng ta sẽ cùng nhau xây dựng và kiến thiết một đất nước Việt Nam tuyệt đẹp, tuyệt trần và siêu việt, vì chúng ta có đủ điều kiện hoàn cảnh phương tiện mới, ý thức trách nhiệm của những con người mới trong cuộc Dựng Lại Kỳ Đài Bách Việt.

Ngày nay mà không cứu được nước, thề không xứng làm người. Đó là Lời Thề Việt Nam để đáp lại Lời Thề Mã Viện.



Gia đình tác giả vào thăm hang thạch động pha lê
ở Riviera Maya, Mexico

KINH VIỆT

Việt Bào – Phạm Văn Bản

(Nhạc mở.)

... ..) Là người đồng giống Lạc Long, Đồng Bào
luôn nhớ thuộc lòng chín Kinh : Tiên Rồng thứ nhất xác
minh Song Hiệp Hoàn Chính trọn tinh ai ơi ! Thứ hai Trâu
Cau điển lễ Thần Thương nguyên lý tạo đời sống chung. Thứ
ba dẫn đến trung hưng, Chử Đồng : Bình Đẳng Tội Cùng là
đây. Tiết Liêu thứ bốn dựng xây An Dân Thịnh Nước xum
vây ấm no. An Tiêm kinh tiếp chăm lo Việc Làng Dân
Chủ đạo phò con dân Vọng Phu thứ sáu góp phần, Chồng
nào vợ nấy nước cần tăng gia. Trương Chi thứ bảy chính
là Căn Nguyên Hạnh Phúc tình ta sáng ngời. Mỵ Châu thứ
tám truyền lời làm Kinh Giữ Nước góp đời sĩ phu. Kết,
Kinh Phù Đổng diệt thù, Dấn thân Cứu Nước cho dù nguy
nạn. Chín Kinh tóm lại chứa chan Tiên Rồng văn hoá bao
ngàn năm qua.

3. Đại Cương Chính Thuyết



[1] Là người dòng giống Tiên Rồng
Đồng Bào ta nhớ thuộc lòng chín kinh
Tiên Rồng thứ nhất xác minh
Song Hiệp Hoàn Chính trọn tình ai ơi

[5] Thứ hai Trầu Cau diễn lời
Thân Thương nguyên lý làm đời sống chung
Thứ ba hướng tới trùng phùng
Chữ Đồng, Bình Đẳng Tột Cùng là đây
Tiết Liêu thứ bốn dựng xây

[10] An Dân Thịnh Nước xum vầy ấm no
An Tiêm truyền tích chăm lo
Việc Làng Dân Chủ – đạo phò con dân
Vọng Phu thứ sáu góp phần
Chồng nào Vợ nấy chuyên cần tăng gia

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

[15] Trương Chi thứ bảy ấy là
Căn nguyên hạnh phúc – tình ta sáng ngời
Mỵ Châu thứ tám truyền lời
Giúp dân Giữ Nước góp đời sĩ phu
Kết câu Phù Đổng diệt thù

[20] Dấn thân Cứu Nước cho dù gian nan
Chính Thuyết dân Việt chứa chan
Tiên Rồng văn hóa bao ngàn năm qua

(Huân Ca Việt Đức của Phạm Văn Bản sáng tác trên giong Sông Cửu Long, Thái Lan vào năm 1982)

Hình Tiên Rồng ghi khắc trên
Trống Đồng Ngọc Lũ và Thạp Đồng Đào Thịnh

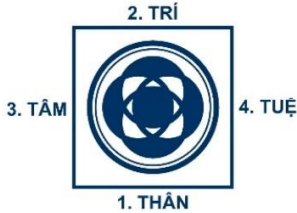


仙
TIÊN



龍
RỒNG

1. Huấn Ca Tiên Rồng



Hoa Tiên Rồng

CON NGƯỜI TIÊN RỒNG bao gồm:

Thân Lực sinh động

Trí năng tinh biến

Tâm tình thông hiệp

Tuệ linh vĩnh cửu

* * * *

Khai nguyên minh triết nước ta
Tiên Rồng phối hiệp – xây gia dựng đình

[25] Từ đây thấm đượm ân tình

Trăm con chung bọc – mẹ sinh một lần

Trọn tình trọn nghĩa ái ân

Mẹ cha xác quyết đôi phần như sau

Con người – hai nửa khác nhau

[30] Năm mươi theo mẹ lên mau núi rừng

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Nửa phần còn lại reo mừng
Theo cha xuống biển tung bùng hoan ca
Cha Rồng còn nhắn nhủ là
“Khi cần thì gọi – Có Ta về liền!”
[35] Tiên Rồng phát triển thường xuyên
Cháu con Tộc Việt khắp miền núi sông

Tuyệt thay Chính Thuyết Tiên Rồng
Ông Bà xây dựng cộng đồng an vui
Căn nguyên Nhận Diện Con Người
[40] Tiên Rồng Song Hiệp – tạo đời toàn năng
Cha Rồng – biểu tượng nói rằng
Lực thân sinh động – Trí năng biến hòa
Và Tiên hiện hữu trong ta
Làm nên người thật ấy là nhân sinh
[45] Mẹ Tiên – biểu tượng chứng minh
Tâm tình thông hiệp – Tuệ linh vĩnh tồn
Con Người – nền tảng lập ngôn
Trí-Thân-Tâm-Tuệ trường tồn là đây

Tiếp theo công cuộc dựng xây
[50] Cộng đồng Xã Hội xum vầy như sau

Hiệp hai hoàn chỉnh nhiệm màu
Trăm Con Một Bọc cùng nhau giúp đời
Trăm người trăm việc ai ơi
Căn cơ gia tộc tuyệt vời là đây
[55] Chẳng như tà thuyết phương Tây
Duy tâm, duy lợi... chất đầy bất công
Phân ngôi định cấp cộng đồng
Đặt ra thống trị: chủ ông – tớ đây
Của tài vợ vét hàng ngày
[60] Bắt dân đóng góp kéo cày như trâu
Cấp trên cứ mãi làm giàu
Lừa khinh cấp dưới tóm râu lợi quyền
Nào là đảng trị chính chuyên
Tự do – cũng bọn tuyên truyền hại dân
[65] Con người đau khổ muôn phần
Biến thành con thú – ta cần xóa tan
Thay bằng xã hội thịnh an
Tiên Rồng – hồi phục dung nhan con người

Quân bình tỷ lệ: năm mươi
[70] Số con theo mẹ bằng người theo cha
Tương đồng tuyệt đối ấy là
Song hiệp hoàn chỉnh – làm đà phát huy

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Nguyên sinh vạn vật gấm suy
Phê bình tiến hóa – cứu nguy loài người
[75] Kỹ nguyên cải hóa sáng ngời
Tiên Rồng Mở Hội – tiếng cười hoan ca
Núi – sông giao hữu hài hòa
Siêu linh – vật chất thăng hoa muôn đời
Lý – tình minh định tuyệt vời
[80] Thân thương – bình đẳng bao thời khắc ghi
Nước – nhà lúc thịnh lúc suy
Hợp tan – tan hợp diệu kỳ ngàn thu

Mỗi người: sống nét đặc thù
Trong nền Phúc Đức luyện tu hàng ngày
[85] Tinh thần – thể chất tỏ bày
Hiền hòa – dũng cảm hăng say giúp đời
Lo ăn mặc – cũng thanh thoi
Cá nhân – tập thể xin mời lo toan
Sống nhân – lẫn trí kiện toàn
[90] Hợp tình – hữu lý hiền ngoan Tiên Rồng
Gia đình: thuận vợ thuận chồng
Thương yêu kính trọng – hòa đồng việc chung
Sống tình lẫn nghĩa – ung dung
Vô nam dụng nữ – cũng cùng như nhau

[95] Vợ chồng, con cháu trước sau
Việc làng việc nước – hãy mau trau dồi
Gái trai – hiếu thảo xứng đôi
Kính thờ Quốc Tổ – nhớ nơi Tiên Rồng

Cộng đồng: trên dưới, nhưng không
[100] Lam quyền thống trị: chủ ông – tớ đầy
Thời nào mà chẳng nghèo – giàu
Chung giàn cuộc sống bí – bầu chẳng phân
Tước thiên mà có tước nhân
Lý – tình đạo sống mười phân vẹn mười
[105] Gia đình – gia tộc, loài người
Từ làng đến xã vui cười đoàn viên

An dân chính trị gắn liền
Vua – quan vì nhiệm khắp miền ấm no
Đức – tài lãnh đạo chăm lo
[110] Chẳng vì chức vị tự do lộng hành

Nào đâu quân chủ chính chuyên
Thực ra dân chủ khắp miền lân bang
Phép vua thua với lệ làng
Chứng minh cuộc sống nhịp nhàng vì dân

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

[115] Chấn dân mà lại ân cần
Đáp ứng nguyện vọng toàn dân tỏ bày
Mưu cơ – đạo lý thẳng ngay
Quang minh chính đại – ra tay cứu đời
Sống theo văn hóa sáng ngời
[120] Vói người khuất mặt – vói đời nhân sinh

Xét về kinh tế xứ mình
Thực thi bình sản dân tình an khang
Không thừa không thiếu rõ ràng
Kiệm cần liêm chính – lại càng thanh thoi
[125] Tác vàng tác đất ai ơi
Mặc bền ăn chắc là lời huấn lĩnh
Trắng thanh gạo trắng hữu tình
Tạo ra của cải là vì thân thương
Con người gắn bó quê hương
[130] Quốc phòng quân sự khắp phương thuận hòa
Xã làng – tổ chức nước ta
Vừa làm kinh tế – vừa là chiến khu
Giữ làng giữ nước – bao thu
Toàn dân là lính diệt thù lập công
[135] Có văn lẫn võ – hòa đồng
Giữ nhà giữ nước vợ chồng dân binh

Hồi cô du kích chung tình
Bên anh diện địa – có mình có ta
Vừa lo giết giặc – mà là
[140] Cứu người lương thiện – Tình Ca Đồng Bào

Tiên Rồng – Đạo sống tự hào
Thờ Trời mà cũng đề cao Thờ Người
Tại tâm – thể hiện vui tươi
Lễ nghi – chứng tỏ con người thiện tâm
[145] Trên dương sống mãi như âm
Tùng người – toàn thể đồng tâm giúp đời
Bao điều tôn giáo tuyệt vời
Thế nhưng chỉ nhận những lời thích nghi
Gia Tiên – Quốc Tổ khắc ghi
[150] Tình chân thiện mỹ – không gì sánh hơn
Ngày nay nhân loại gặp cơn
Khiêm khuyết hạnh phúc – oán hờn kiếp sinh
Gây ra bao cảnh bất bình
Đấu tranh giai cấp – đoạn tình anh em
[155] Xin mời thế giới đến xem
Con đường nhân bản sẽ đem hiệp đồng
Đó là Chính Thuyết Tiên Rồng
Giúp cho nhân loại – chờ trông cứu người

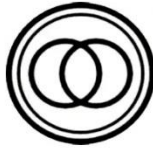
CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Trăm Con Một Bọc tuyệt vời
[160] Công bình bác ái sáng ngời là đây
Từ bi hỷ xả chứa đầy
Ta vâng Thánh Ý – đi xây Con Người



Phạm Văn Bản khóa 73-04 Trung Tâm Huấn Luyện Phi Công
Phần Lực Sheppard AFB, Texas

2. Huấn Ca Trầu Cau



Hoa Song Hiệp

Thứ hai: diễn tả tình người

Ông Bà dẫn chúng cuộc đời Trầu Cau

[165] Sinh đôi – hai đứa giống nhau

Trăm con một bọc – cơm rau cạnh kê

Có nàng chớm tuổi cặp kê

Luống mong mình có tóc thề sánh vai

Nàng nhìn tư cách cả hai

[170] Kính trên nhường dưới – đức tài ngang nhau

Giúp nàng suy tính trước sau

Trao duyên gởi phận – lựa vào người anh

Chuyện tình đậm nét xuân xanh

Vợ chồng hiệp nhất – anh em một nhà

[175] Ngày kia trông cuộc hóa gà

Gặp em – nàng những nghĩ là “hôn phu”

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Phận em đành quyết chu du
Dẫu rằng xa cách – cũng vì thương anh
Hành trình biển nhớ đoạn đành
[180] Sóng thiêng thác gởi – hóa thành đá vôi

Nhưng anh lòng luống bồi hồi
Nhớ em – chàng kiếm chốn đời xa xăm
Khóc thương – tượng đá đang nằm
Người anh cũng chết biển nhằm cay cau

[185] Thương chồng – nàng mãi âu sầu
Đến nơi chồng chết – hóa trầu giây leo

Từ đây lễ tết, cưới cheo
Ăn trầu – tập tục giàu nghèo như nhau

Gẫm suy bài học Trầu Cau
[190] Giống như hai đũa – nhắc nhau Tiên Rồng

Bởi chung Bọc Mẹ hòa đồng
Thân Thương – nguyên lý sống lồng trong kính
Để cùng Bình Đẳng phân minh
Chứa chan nhân nghĩa – dân tình nước ta

[195] Trăm Con Một Bọc – sinh ra
Đồng Bào – cùng bọc mẹ cha sinh thành

Chu toàn trách nhiệm làm anh
Sánh duyên thiếu nữ – đặt thành tương quan
Đến khi xảy chuyện bất an
[200] Tình Người – giải quyết hoà chan sáng ngời

Chẳng như thiên hạ – xử đời
Vợ chồng khi cưới – sống rời anh em
Tổ Tiên ta lại những xem
Cuộc đời xung khắc lẫn kèm yêu thương
[205] Cả ba – cùng chọn một đường
Đồng sinh đồng tử – tình thương vẹn toàn
Dương âm – hằng sống bình an
Trầu Câu âu yếm che tàn Đá Vôi

Vị cay thom ngát hương môi
[210] Hoà nhau thành máu – Chết rồi vẫn thương
Tích truyền nhân loại tỏ tường
Thương nhau trọn kiếp – nhẫn nhường khắc ghi
Sẵn sàng phải chết – xá chi
Dẫu rằng có chết – cũng vì thân thương

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

[215] Sống trong xã hội bình thường
Trầu Cau – nền tảng là đường dựng xây
Gia đình gia tộc – xum vầy
Họ hàng làng nước – sống đầy thương yêu
Tương quan xét đến các chiều
[220] Từ làng đến nước – một điều thân thương
Sáng soi chân lý ngàn phương
Trầu Cau – lời dạy thành chương dẫn đầu

Toàn dân – thực sống chung tàu
Thân Thương Bình Đảng – mưu cầu phát huy
[225] Nước nhà – lâm cảnh phân ly
Hiến thân bảo vệ – chẳng tỳ cú ai
Tiên Rồng văn hóa thoát thai
Ông bà, chú bác – nói dài kỷ cương
Anh em, con cháu – tỏ tường
[230] Diễn tình cốt nhục Thân Thương Tột Cùng

Hôm nay tà thuyết nói chung
Phân chia giai cấp – sao cùng yêu thương?
Bởi chung nền tảng khinh thường
Gây bao tàn sát – nhiễu nhượng hận thù

[235] Nhân quyền, cải tiến, nhà tù
Bất công chồng chất – mặc dù đấu tranh

Ta xem sự thể rành rành
I – you, nị – ngộ... tị ganh hàng ngày
Đồng đảng – là chữ giải bày
[240] Phân ngôi định cấp – tở thầy là đây

Ta nhìn văn hóa phương Tây
Độc tài đa đảng – chứa đầy bất công
Nhưng theo Chính Thuyết Tiên Rồng
Trầu Cau – căn cội Cộng Đồng Thân Thương

[245] Tình Người – ta hãy am tường
Tâm Tục nơi Mẹ – yêu thương dẫn đầu
Triển khai truyền thuyết nhắc câu
Cả hai diễn tả nhiệm màu “chữ Song”
Trầu Cau liên kết Chữ Đồng
[250] Hình thành “chữ Hiệp” – Tiên Rồng là đây
Căn nguyên Song Hiệp giải bày
Trăm Con Một Bọc – đi xây cuộc đời
Thân Thương Bình Đẳng – sáng ngời
Chứng minh Sử Việt – ngàn đời đã qua

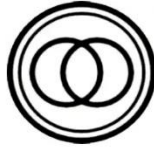
CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

[255] Tới nay bốn phận chúng ta
Giúp Dân Cứu Nước – phục hồi quê hương
Tái sinh xã hội kỷ cương
Đề cao nguyên lý Thân Thương Tột Cùng



Biểu Tượng Tiên Rồng trong Lễ Hôn Nhân Việt Nam

3. Huấn Ca Chữ Đồng



Thứ ba: truyền thuyết Sóng Chung

[260] Tổ Tiên thuật chuyện Tiên Dung – Chữ Đồng

Sóng trong xã hội Tiên Rồng

Căn nguyên Bình Đẳng – hòa đồng việc chung

Có nàng Công Chúa Tiên Dung

Trăng tròn lẻ bóng – dạo cùng khắp nơi

[265] Như tiên tung cánh giữa trời

Luống mong tìm đến một nơi an bình

Kể ra cho rõ sự tình

Chữ Đồng vất vưởng mỗi mình ven song

Thương thay kiếp sống Cha Rồng

[270] Áo cơm không đủ – chất chồng cô đơn

Sớm khuya lòng luống mong ơn

Tiên Rồng Song Hiệp thoát cơn đọa đày

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Đợi chờ cũng đến một ngày
Ước sao nên một – kiếp này thành thơ

[275] Sáng nay công chúa ghé nơi
Vây màn tắm gội – đất trời thặng hoa
Hiện thân – mình ngọc tay ngà
Nào ngờ – dưới cát vốn là ẩn nhân
Nước trong – cuốn sạch bụi trần

[280] Trôi theo lớp cát – hiện thân Chử Đồng
Cao xanh đã thất chi hồng

Thấp cao hiệp nhất – vợ chồng nên duyên
Mẹ Tiên – vội xuất bạc tiền

Xây làng dựng phố – khắp miền ấm no
[285] Con dân – ra sức chăm lo

Dựng nên cuộc sống tự do thanh bình

Cha Rồng cũng góp phần mình

Phép tiên đã luyện – tận tình dạy dân

Tạo ra sung túc muôn phần

[290] Cộng đồng phát triển – đang cần bình an

Đòi người lăm chuyện liên can

Những gì thịnh vượng – vua quan lo sầu

Tiên Rồng – biến hóa nhiệm màu
Dân làng – mọi sự tóm thâu Về Trời
[295] Căn nguyên Nền Tảng tuyệt vời
Làm Con Người Thật là lời khuyên chung
Đề cao Bình Đẳng Tột Cùng
Tỏ Tiên điển tả nội dung Tiên Rồng

Tích xưa – thiên hạ thối phồng
[300] Công nương hoàng tử - mới đồng sánh đôi
Thứ dân – cũng loại hoa khôi
Môn đăng hộ đối – tranh ngôi sang giàu
Tạo ra giai cấp khác nhau
Ăn trên ngồi tróc “bí – bầu” đấu tranh
[305] Bất công xã hội rành rành
Chủ nô chế độ – đoạn đành anh em

Tiên Rồng triết thuyết lại đem
Cảnh vàng lá ngọc – dân đen hợp hòa
Tiên Dung trẻ đẹp như hoa
[310] Giàu sang quyền thế – vậy mà yêu dân
Chữ Đồng không khó che than
Nghèo nàn mặt rệp – hưởng phần cưới tiên

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Nàng Tiên lưu lạc khắp miền
Chính mình nhận thức – và tiên lên bờ
[315] Chàng Rồng nào dám hững hờ
Ẩn mình dưới cát – đợi chờ cơ duyên
Thấp cao – ván đã đóng thuyền
Sinh Con Trăm Đứa – hưởng quyền quốc gia
Như dân – trong nước một nhà
[320] Lấy chi tài của – khiến ta chia lìa
Tiên Rồng văn hóa sáng tía
Đừng cho ngoại vật ngăn chia cuộc đời
Nơi đây Chỉ Thấy Con Người
Toàn dân hạnh phúc – tiếng cười đoàn viên
[325] Thực thi Bình Đẳng như Tiên
Ta noi gương Mẹ – dùng tiền nuôi dân
Gương Cha – cũng được góp phần
Tài năng biến hóa – chuyên cần dạy khuyên
Giúp dân Sống Thực căn nguyên
[330] Phát huy toàn diện – vang truyền gần xa
Cháu con noi đức mẹ cha
Tài năng của cải chỉ là hổ tương

Chớ dùng tài của đo lường
Phân ngôi định cấp – thân thương xa lia

[335] Mà gieo tai họa đằm đìa
Ăn trên ngồi tróc – phân chia giàu nghèo
Gây ra cuộc sống cheo leo
Khinh khi cốt nhục – rắc gieo tương tàn

Tiên Rồng – xã hội thịnh an
[340] Mọi người cùng hưởng – sẻ san gia tài
Chẳng dành hạnh phúc riêng ai
Về Trời – dẫn tới tương lai thanh bình
Từ người tới vật hữu sinh
Hoàn toàn được hưởng trong tình Thân Thương
[345] Tuy rằng cũng có ít phùng
Tham quyền lạm chức nhiều nhường dân lành
Để răn những kẻ lộng hành
Toàn dân khinh bỉ – Sử xanh chê cười

Chẳng như văn hóa xứ người
[350] Chủ nô – cô võ coi người như trâu
Cấp cao sẵn thế làm giàu
Đạp lên đồng loại – tóm râu lợi quyền

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Và nền Đạo Việt lại khuyên
Góp chung Phúc Đức – lưu truyền nghìn thu
[355] Sống theo nguyên lý đặc thù
Tốt Cùng Bình Đẳng – chân tu Con Người



Biểu Tượng Tiên Rồng

A. BỘ BA NỀN TẢNG

Bài thơ trên mô tả những nét đặc trưng và tiềm tàng trong chín câu chuyện truyền miệng đang kể cho nhau nghe những Biểu Tượng Tiên Rồng từ đời người này qua đời người khác, trải qua bao ngàn năm từ ngày Dựng Nước Việt Nam tới nay. Truyền tích đang lưu hành trong lòng Dân Tộc này được gọi là Chính Thuyết Tiên Rồng.

Chính thuyết Tiên Rồng thì khác biệt với “Chủ thuyết Mác – Lê và tư tưởng Hồ Chí Minh vĩ đại” đang ra sức tuyên truyền, đầu độc tư tưởng và làm tha hóa Con Người Việt Nam trên chính quê hương đất nước mà Đảng Cộng Sản chủ trương. Vì thiếu Quan Niệm Sống Phúc Đức của Quốc Tổ và Hồn Thiêng Sông Núi linh huân, cho nên khi Hồ Chí Minh và Đảng Cộng Sản Việt Nam chiếm được chính quyền đã không thể làm cho Dân An Thịnh Nước.

Thực tế vì thiếu Sức Mạnh Hồn Việt, cho nên chế độ này đã tạo ra nghiệp chướng, với bao hành động phản dân hại nước, chém giết, tù đày và hủy hoại nhân tài Việt Nam, nhằm duy trì độc đảng cầm quyền trong gần thế kỷ nay.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Hậu quả nhãn tiền là Đảng Cộng Sản dẫn đưa dân nước vào tròng nô lệ kinh tế do tập đoàn Trung Cộng chủ trương Vành Đai Con Đường, với các chính sách do thiên triều soạn thảo, để đem ra cho Việt Nam thi hành.

Từ những việc đấu tranh giai cấp, đấu tố và chém giết trong công cuộc cải tạo ruộng đất Miền Bắc vào thập niên 1953, cho tới cướp phá tài sản, tù đầy cải tạo người dân Miền Nam sau năm 1975, rồi nhượng đất bán biển nhượng đảo nhằm thực thi sách lược đô hộ của quan thầy nhằm trở lại thời kỳ ngàn năm Bắc Thuộc như đã từng xảy ra trong lịch sử.

Bởi thế sự chọn lựa tư tưởng sai lầm và thiếu Sức Mạnh Hòn Việt trong công cuộc tổ chức giải cứu Dân Nước, là điều kiện tiên quyết mà mọi người chúng ta cần quan tâm lưu ý. Trong khi Chính Thuyết Tiên Rồng là tinh hoa nền tảng của Văn Hóa Việt, được Tổ Tiên trang trọng đúc kết thành Biểu Tượng Tiên Rồng, lưu truyền trong lòng Dân Tộc trải qua bao ngàn đời của Lịch Sử Việt.

Bổn phận và trách nhiệm của những người Con Cháu Dân Tộc như chúng ta ngày nay, là tìm hiểu học hỏi để nhận biết ý nghĩa trọng đại của Biểu Tượng Tiên Rồng mà Tổ Tiên muôn nhắc gởi, và chắc chắn đang ẩn chứa bao điều cao siêu hiện thực trong đó.

Điều khiêm khuyết lịch sử là xưa nay, chúng ta đã không có chữ viết, mà phải dùng Hán Tự hay chế độ khoa cử luôn dùng sách vở, văn chương, điển tịch của Trung Quốc mà diễn giải. Vì giặc không muốn chúng ta nhớ đến Cội Nguồn Dân Tộc, mà tất cả chỉ học hỏi, hiểu biết về những danh nhân khoa bảng Trung Quốc.

Từ bài thơ Thần “Nam Quốc Sơn Hà” của Lý Thường Kiệt, Bạch Đằng Giang Phú của Trương Hán Siêu, cho đến Truyện Kiều của Nguyễn Du, Chính Phụ Ngâm Khúc của Đặng Trần

Côn, Cung Óan Ngâm Khúc của Nguyễn Gia Thiều... có tác phẩm nào mà không viết bằng Hán Ngữ? Hoặc không dùng điển tích, tài liệu văn học truyền thông Trung Quốc mà trù phú lên văn hóa và đời sống của người dân Việt Nam?

Từ ngày Dựng Nước Dân Tộc Việt Nam được gọi là dòng giống Tiên Rồng, Con Cháu Tiên Rồng và căn cứ vào nguồn gốc mà cảm thấy mình khác biệt hay trội vượt hơn các dân tộc khác, chẳng hạn khác biệt với người Hoa.

Và trong suốt giòng lịch sử, Chính Thuyết Tiên Rồng trở thành nền tảng tâm linh sâu vững nhất trong tư tưởng, trong huyết quản, trong đời sống của mọi người Việt chúng ta, qua danh xưng “Đồng Bào” và là anh em ruột thịt từ “Bọc Mẹ Trăm Con” của Mẹ Tiên Cha Rồng.

Nhưng đang khi Đại Chúng Việt hãnh diện và phát huy Sinh Thức Hệ Tiên Rồng của Tổ Tiên, thì những lớp người trí thức được gọi là có ăn có học, có nghiên cứu tài liệu chữ Nho, đọc sách Thánh Hiền, của Khổng sân Trình lại tỏ ra lúng túng trong việc giải thích về nguồn gốc/ về truyền thuyết của dân tộc mình?

Tại sao nhiều người còn ngổ nghịch, phủ nhận, và mặt sát truyền thuyết của ta không tiếc lời?

Phải chăng đã tới thời điểm “Đồng Trụ Chiết, Giao Chi Diệt” nếu như chúng ta không ý thức?

Chính Thuyết Tiên Rồng khác biệt với cái gọi là Tứ Thư Ngũ Kinh, Cửa Khổng Sân Trình, hay chữ Hán Nho trong kinh sách của người Trung Quốc. Điển hình, Kinh Dịch khai triển theo khái niệm Âm Dương, hay Tam Tài Thiên – Địa – Nhân (Thiên Hoàng, Địa Hoàng, Nhân Hoàng) là những ý niệm trừu tượng và là thành quả của óc suy luận thuần túy về Vật Chất vô tri vô giác.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Chính Thuyết Tiên Rồng của Tô Tiên lại đặt căn cứ trên Biểu Tượng Tiên Rồng về Con Người – đó là kết tinh của nhận thức hiện thực làm nền tảng cho con người, là mọi người và mỗi Người đều được tạo thành do Mẹ Tiên Cha Rồng phối hiệp.

Tất cả cùng được sinh ra một lần, một lúc trong Một Bọc Trăm Con mà chúng ta tự xưng mình là đồng bào – đồng có nghĩa là cùng, bào là cái bọc, tức là anh em ruột thịt trong cả nước – nhà.

Theo giòng thời gian và theo đà xác tín quý trọng của toàn dân, chữ Tiên Rồng trở thành biểu hiệu cho Hai Vị Tộc Tổ, khai sinh ra dòng giống dân Việt vào khởi đầu lịch sử nhân loại. Bởi thế mà ngày nay mọi người Việt Nam chúng ta hãnh diện và xưng mình là Con Cháu Tiên Rồng.

Chính Thuyết Tiên Rồng cũng không xuất phát từ chủ nghĩa, chủ thuyết, triết thuyết hay một nền tảng học thuyết của tôn giáo nào, mà được Tô Tiên nhận diện đúng thực Con Người và Cộng Đồng Xã Hội, qua sinh hoạt và tâm tư bộc lộ cũng như thể hiện nếp sống văn minh văn hóa trong một xã hội anh em, Xã Hội Đồng Bào, xã hội của con người và làm người đích thực.

Điểm khác biệt trong Lịch Sử Việt là Tô Tiên truyền khẩu, truyền miệng, truyền cho nhau ghi nhớ Biểu Tượng Tiên Rồng rờng rã hàng bao nhiêu đời con cháu, từ đời này qua đời khác, làm nổi bật đặc tính sinh hoạt sống động hiện thực trong nếp sống của toàn thể Dân Tộc Việt, được gọi là Văn Hóa Việt.

Chớ không phải hệ thống văn từ như đã ghi trong Lĩnh Nam Chích Quái của nhà văn Trần Thế Pháp, mới xuất hiện vào đời Nhà Trần và được ghi nhận là tác giả viết theo văn hóa thời cuộc nhằm mang tư tưởng phò thiên triều phương Bắc.

Bởi thế theo cách lưu truyền của Tổ Tiên, thì văn từ hay tư tưởng đã thường bị bóp méo, hiểu lệch lạc ý nghĩa tùy theo chế độ hiện hành, hoặc theo thời gian mà sửa đổi nội dung ngôn từ, đang khi biểu tượng thì mang tải ý nghĩa trước sau vẫn thế.

Chính Thuyết Tiên Rồng ngày nay được anh em trong tổ chức Hoa Tiên Rồng phục hưng và khai sáng nhằm mục đích Giúp Dân Cứu Nước.

Chúng ta trao chìa khóa cánh cửa tâm tư cho nhau, để cùng nhau mở rộng cửa kho tàng Văn Hóa Việt, cùng nhau bước vào mà tìm lại những báu vật là Gia Tài Tổ Tiên để lại cho những ai xưng mình là Con Cháu Tiên Rồng.

Chính thuyết chẳng những trung thực, mà còn thích hợp, thích nghi với hiện cảnh sống cho mọi người, mọi lứa tuổi, không phân biệt giới tính hay thời đại văn minh nhân loại.

Vì chính thuyết luôn mở rộng cửa đón nhận tất cả những giá trị, tinh hoa tư tưởng trong đời sống nhân sinh, khai triển nếp sống con người, là Đạo Sống Việt trong Xã Hội Đồng Bào, xã hội thân thương bình đẳng, xã hội anh em từ một Bọc Mẹ Trăm Con của truyền thuyết Tiên Rồng.

Chín truyện tích được lưu truyền trong Toàn Dân Việt từ đời này qua đời khác lại cư mang những đặc điểm làm nổi bật biểu tượng Tiên Rồng, tức là có hai nhóm đặc tính Tiên Rồng được nhận diện nơi Con Người và Cuộc Sống, kể đến là phần cốt truyện lại nhắc tới thời đại của các Vua Hùng Dựng Nước.

Dù rằng trong chín câu truyện ấy ẩn chứa nhiều tình tiết dị biệt ly kỳ, nhưng vẫn được Ông Bà lưu truyền nguyên vẹn tinh rờng cho chúng ta tới thời nay. Và bổn phận trách nhiệm của chúng ta là tìm hiểu, khám phá kho tàng Văn Hóa Việt để tìm lại những báu vật gia tài Dân Nước, bởi thế mà có

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Hoa Tiên Rồng ra đời nhằm Giúp Dân Cứu Nước, tổ chức tương quan lực lượng và đấu tranh chính trị với các loại giặc nước.

Mỗi truyền tích của Chính Thuyết Tiên Rồng lại được nhắc nhở bằng những biểu hiệu tôn quý trong các dịp Lễ Tết của Dân Tộc Việt Nam.

Tất cả đã kết tinh quan niệm sống của dân tộc, và liên hợp chặt chẽ với nhau, tạo thành một hệ thống chỉ đạo mạch lạc, sống động và hiện thực, làm nền tảng căn bản cho toàn thể Văn Hóa Việt – tổng hợp và hệ thống hóa này được gọi là Hệ Tiên Rồng, tức là chúng ta có cái nhìn vào thực tế cuộc sống Con Người, đặt căn cứ trên cuộc sống một cách trọn vẹn, và không ra khỏi hay xa lìa cuộc sống con người.

Do đó Hệ Tiên Rồng còn được gọi là Sinh Thức Hệ, tức là Chính Thuyết Tiên Rồng. Hệ thống biểu tượng Tiên Rồng này không phải do một người, hay nhóm người phát minh sáng chế ra, mà là cả một nền văn hóa đã và đang sống trong lòng Dân Tộc, dù ý thức có khác biệt ít nhiều, tùy người, nhưng Văn Hóa Việt được phát hiện là một hệ thống toàn bích, đang chỉ đạo cho toàn thể cuộc sống Xã Hội Con Người.

Việc tìm hiểu, khảo cứu, áp dụng, ứng dụng để sống thích nghi với hiện cảnh là cả một tiến trình dài như bao ngàn năm trường tồn của Tộc Việt – khác biệt với Tộc Hoa – vẫn luôn tiếp diễn, cao siêu và hiện thực, là đặc điểm của Con Cháu Việt.

Có thể nói mỗi chữ, mỗi câu, mỗi mệnh đề của Chính Thuyết Tiên Rồng ngày nay đang biên khảo, thì cũng đang trông chờ cả một thiên khảo cứu về lịch sử văn hóa của Dân Tộc Việt.

Bởi thế cho nên, đây cũng là phân mà mọi người trong chúng ta cần tìm hiểu, học hỏi, thảo luận và đừng quên sự đóng

góp thêm những khám phá mới của bạn, của chính bạn vào kho tàng Văn Hóa Chính Trị cao siêu hiện thực và tuyệt vời của Tổ Tiên.

Điểm đặc biệt Tổ Tiên để lại, là một hệ thống biểu tượng chớ không phải hệ thống ngôn từ hay tư tưởng, vì rằng ngôn từ, tư tưởng thường bị tuyên truyền lệch lạc bóp méo nội dung hay ý nghĩa bởi mưu đồ danh lợi của nhà cầm quyền, chế độ hay thời gian.

Nhưng ngược lại, biểu tượng thì trước sau vẫn thế, vẫn còn nguyên vẹn tinh ròng dù cho trải qua ngàn đời con cháu, và cứ tùy thuộc thời đại mà chúng ta dùng ngôn từ thích hợp mà diễn tả biểu tượng, như trong Thời Đại Tin Liệu (The Information Age) của nhân loại hôm nay.

Trong mỗi bài chính thuyết của dân tộc, là ghi chép lại những điểm chính yếu, cuu mang bài học của Tổ Tiên. Dĩ nhiên, với thời gian cùng với sự phù trợ của Đức Quốc Tổ và Hòn Thiêng Sông Núi, chúng ta sẽ có bản văn hoàn hảo, đúng thực và trọn vẹn, vì do đón nhận sự đóng góp ý kiến của nhiều người, của toàn dân.

Diễn giải chính thuyết, là phần có tham vọng của người viết là đào sâu, tìm hiểu hệ thống biểu tượng tới tận ý nghĩa, và cố gắng đạt đến điểm tột cùng của suy tư thâm sâu nhất có thể có.

Do đó phần diễn giải, đôi khi trở thành khó hiểu cho một số người đọc, tuy nhiên bạn đọc có thể căn cứ vào lịch sử, vào đời sống dân nước mà rút ra những thí dụ cụ thể, những gương sống thực của các vị Minh Quân, Văn Thánh Võ Thần mà cùng giúp cho nhau học hỏi, thông toàn bài học của Tổ Tiên.

Sau phần diễn giải là phần Tìm hiểu chính thuyết. Tiên Ròng được gọi là bài học Nền Tảng đầu tiên, vì trong đó chúng

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

ta có nhận diện, có định nghĩa về Con Người và Xã Hội một cách hoàn chỉnh, toàn diện và đúng thực.

Phần bài này được coi là đúc kết những nét đặc thù của Văn Hóa Việt, khai thác hết những nét đặc thù đó chúng ta có hệ thống tư tưởng chỉ đạo sống động và hiện thực, gọi là Hệ Tiên Rồng, qua nguyên lý Tiên Rồng Song Hiệp để áp dụng vào cơ cấu tổ chức xã hội con người, như biểu tượng Bọc Mẹ Trăm Con.



Biểu Tượng Tiên Rồng

1. Tiên Rồng

Tiên Rồng là bài học nền tảng căn bản của Tổ Tiên, vì đề ra nguyên lý sinh hóa của vạn vật, đặc biệt căn cứ trên con người, tức nguyên lý Tiên Rồng Song Hiệp Hoàn Chính.

Với bài học Tiên Rồng, chúng ta có được định nghĩa về con người hoàn chỉnh toàn diện, đúng thực: Thân – Trí – Tâm – Tuệ (Thân xác sinh động, Trí năng tinh biến, Tâm tình thông hiệp, Tuệ linh vĩnh cửu) của con người do Mẹ Tiên Cha Rồng song hiệp.

Và từ nguyên lý mà chúng ta khai triển thành nguyên tắc áp dụng vào việc tổ chức như Cánh Kinh Thương, Cánh Thanh Niên, Cánh Xã Hội và Cánh Chính Trị của một Hoa Tiên Rồng.

Đặc biệt, Con Người Tiên Rồng, chúng ta khác biệt với những Con Người của nền văn hóa duy vật, duy lợi, duy tâm, duy linh đang làm tha hóa con người, và con người biến thành sinh vật kinh tế, con thú tiến bộ, động vật lao động trong hăng xướng, và chi phối bởi cơ quan truyền thông rộ ràng hàng ngày.

Văn hóa và tổ chức ba góc theo hình Kim Tự Tháp trước mắt, chúng ta nhận ra đó là tổ chức chủ nô, trên là chủ nhân – dưới là nô lệ, trên là đảng trị – dưới là bị trị, cho dù cổ súy Chân – Thiện – Mỹ mà thiếu Tình thì chỉ là con người khiếm khuyết hạnh phúc.

Đang khi trong Truyền Thuyết Việt, Tổ Tiên lại nhận diện Con Người Tiên Rồng một cách đúng thực, và cộng đồng xã hội là Đồng Bào, là anh em từ Một Bọc Trăm Con của Mẹ

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Tiên Cha Rồng, tức là biểu trưng cho một xã hội bình đẳng tốt cùng và thân thương tốt cùng.

Tiên Rồng đưa ra ý niệm về các đặc tính cá biệt của Tiên, của Rồng, và mẹ Tiên cha Rồng đã phối hiệp toàn nhất tương đồng. Bởi thế Tiên và Rồng là kết tinh toàn vẹn cho mọi tương quan sinh hoạt của con người, tương quan anh em nhằm thể hiện Con Người Tiên Rồng.

Biểu tượng Một Bọc Trăm Con của Chính Thuyết Tiên Rồng đã khẳng định Đặc Tính Xã Hội bẩm sinh và ngay cùng một lúc có trăm con người, cũng do kinh nghiệm của cuộc sống gia đình, với mẹ với cha, với anh chị em qua hình ảnh của tổ chức trăm người trăm việc – mỗi người mỗi việc, chớ không bao đồng công tác hay dẫm chân lên nhau.

Trong cuộc sống, con người nhận ra mình không thể sống đơn độc, mà ngay từ lúc bắt đầu sự sống, con người cần có mẹ có cha, có sự chăm sóc bảo bọc của tình thân ruột thịt anh chị em. Vì nếu sống đơn độc, con người không thể phát triển toàn vẹn về cuộc sống xứng đáng là người và làm Người.

Do kinh nghiệm từ đó con người nhận ra mình vừa là một hiệp thể cá biệt toàn vẹn, mà cũng vừa là một thành phần cộng đồng xã hội anh em, và vừa cùng chung một nguồn sống Mẹ Tiên Cha Rồng.

Cũng do kinh nghiệm của cuộc sống trong tình thân với cha mẹ anh chị em, con người nhận ra mình cũng có cùng một nguồn gốc, cùng một sức sống, và cùng chia sẻ cuộc sống với nhau, trong nhau và cho nhau. Con người rút tía kinh nghiệm cuộc sống từ bản thân, quay quần trong gia đình, tuy thế cuộc sống cũng không đóng khung trong tập thể hạn hẹp, mà đã mở rộng với nhiều con người khác nữa.

Vì vậy hai truyền tích Chử Đồng và Trầu Cau đã ghi nhận kinh nghiệm do cuộc sống đông người, tức xã hội anh em, Xã Hội Đồng Bào.

Tình Ca Đồng Bào

Thôn ấp tôi ...

Miền phì nhiêu Cái Sắn

Giòng An Giang êm ả chở phù sa

Bao nhánh kênh đan nhịp sống chan hòa

Tươi xanh mát đồng lúa khoai muôn dặm

Hàng dừa xanh thăm thẳm

Đã bao năm ...

Rũ bóng che đường

Tiếng hò khoan vọng lại thật thân thương

Ru tôi lớn với mỡ màu từ đất

À ơi! Con tôi hãy ngủ cho ngoan

Cha con giữ nước nuôi đàn con khôn

Song thân tôi ... Tiên Rồng

Hai biểu tượng - siêu linh vật chất

Bọc trăm con tình huynh đệ vuông tròn

Chú bác tôi người xây dựng nước non

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

*Nêu truyền thống đầy kiên cường bất khuất
Đã bao phen quê hương tôi tạm mất
Bởi xâm lăng giặc phương Bắc phương Tây
Bao nông dân áo vải vai gầy
Bình tâm chết dựng Hồn Thiêng Sông Núi!
Thế giờ đây ... tôi đang buồn tui
Nơi xừ người ôn lại tháng năm xưa
Nhớ ngày nao cũng một buổi chiều mưa
Mẹ âu yếm dẫn tôi đến lớp
Thoạt chào thầy mà lòng mình đã khớp
Khóc đòi về chơi với bạn Tý, Cu
Nghe thầy khuyên không biết chữ như mù
Từ thừa ấy tôi đánh vần “Đồng Bào Nước Việt”
Thê lớn khôn nguyện giúp dân cứu nước
Tôi bước lê phố phường xuôi ngược
Ôm tui hờn của người dân mất nước
Mất lệ nhòa với bao kỷ niệm trước
Đòi phi công một thuở chiếm trời mây... Á ơi!
“Phúc đức mong góp cho đầy
Tiên Rồng Mở Hội – xum vầy ấm no.”*

2. Trầu Cau

Bài học Trầu Cau chia sẻ trực tiếp với bài học Tiên Rồng, là rút tía hình ảnh từ Bọc Mẹ Trăm Con ra hai anh em sinh đôi, giống nhau như đúc, thương nhau rất mực và chưa hề lia nhau để ứng dụng vào đời sống con người, bằng Nếp Sống Tiên: Thân Thương

Tột Cùng của Con Người. Bài học Trầu Cau đã đặt nền tảng tương quan giữa người với người. Nghĩa là “thương nhau trọn tình, sẵn sàng chết vì thương, mà dầu có chết cũng vẫn còn thương.” Tương quan anh em và tương quan vợ chồng trong một tổ chức.

Vì là nền tảng tương quan giữa người và người, nên cũng là nền tảng cho Xã Hội Con Người, được tổ chức từ gia đình, gia tộc cho tới cấp dân tộc hay cấp nhân loại theo nguyên lý Thân Thương Tột Cùng.

Từ lời linh huấn của Tổ Tiên quá thâm thúy diệu vời đó, cho nên chúng ta đã nhìn nhận xã hội Việt trong đó có bao tấm gương sáng ngời: nào là lòng mẹ bao la như biển Thái Bình, thiếu phụ Nam Xương, Anh phải sống, nuôi chồng trong tù cải tạo của cộng sản, và thành tín với vợ, chung thủy đợi chờ ngày đoàn tụ, dù tới chết cho gia đình hay chết cho quê hương thì cũng vẫn còn thương: “Tình nhà tình nước chết chưa hết tình!”

Cũng do kinh nghiệm cuộc sống thân thương của gia đình, con người nhận ra tình cảm giữa người với người, được xuất phát từ việc chúng ta nhìn nhận nhau là Anh Em, Giống nhau như đúc, và từ tâm thức ấy mà Quyết chẳng lia nhau.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Tình yêu thương ruột thịt đó lại nhận thêm nhiều kinh nghiệm khi gia đình có thêm những người xa lạ, như người Anh trong truyền thuyết Trầu Cau cưới vợ, và cùng sống chung với người Em dưới một mái ấm gia đình.

Với cuộc sống đầy biến chuyển và trắc trở hiện nay, con người nhận ra rằng, tình thân thương chỉ tồn tại khi ta sẵn sàng đánh đổi cả cuộc sống mình cho những người mình mến thương, Sẵn sàng chết cho nhau, chết vì người thương.

Và rồi dù yêu thương nhau khăng khít, dù vượt thắng mọi trở ngại để bảo vệ tình thân thương, con người cũng trải qua kinh nghiệm qua sự chết, qua việc người thân vĩnh viễn chia lìa bởi đi tìm nhau mà chết, hóa thành trầu thành cau hoặc thành đá vôi.

Nhưng cũng do chính kinh nghiệm thăng hoa thành đá, trầu hay cau đó, do lòng thương nhớ không nguôi, con người lại cảm nhận là sự chết chẳng những không chấm dứt hoặc ngăn cản, mà trái lại, còn giúp chúng ta thể hiện trọn vẹn tình Thân Thương Tột Cùng, Mãi mãi có nhau, và khi đó không còn bất cứ gì có thể ngăn cản chúng ta kết hợp với nhau trong yêu thương, trong bảo bọc, trong tình nghĩa đồng bào.

3. Chử Đồng

Nếu như bài học Trầu Cau trong Chính Thuyết Tiên Rồng, rút tía từ “Bọc Mẹ Trăm Con” ra hai anh em, hai con người để áp dụng nguyên lý “Thân Thương Tột Cùng” của Nếp Sống Tiên, thì để dạy bài học “Bình Đẳng Tột Cùng” và làm sáng tỏ Nếp Sống Rồng, Tổ Tiên lấy lại hình ảnh Tiên Rồng trong cặp Tiên Dung – Chử Đồng.

Công Chúa Tiên Dung là người đẹp, giàu, sang được mọi người yêu thương kính trọng, quyền thế cao cả tột cùng trong xã hội – Chúng ta thường nói sướng như tiên, theo chữ nhỏ, chữ nhân ghép với chữ sơn thành chữ tiên, tiên là người ở núi, núi của, vật chất.

Cô Gái Việt tuổi trăng tròn thì chỉ có người thương mến qua dung nhan xinh đẹp, tính tình hiền hòa, ăn nói mặn mà có duyên. Bởi Vua Cha còn có người không ưa, nhưng Công Chúa thì lại được cả triều thần quý trọng, khiến bao trai thanh gái lịch thâm mơ kết bạn với nàng!

Giờ đây Công Chúa Tiên Dung quả là tiên giáng trần, viếng thánh địa nơi chàng rồng Chử Đồng đói khổ, lang thang bên bờ sông bãi sù để kiếm ăn. Chàng nghèo đến nỗi chỉ có cái khó (cái quần đùi), mà vì hiếu thảo với cha nên Chử Đồng phải cõng ra để liệm cho cha lúc người lìa trần.

Rồi sau đó chàng phải đành sống với cảnh tông ngòng (không mặc quần) không khổ! Nghèo tới cỡ đó là cùng! – Chử Đồng quả thực đang biểu hiện cho phần tinh thần, linh thiêng. Tiên Dung là biểu hiện của phần của cái, vật chất... và khi

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Tiên Rồng song hiệp! Hai thành phần linh thiêng và vật chất trong con người chúng ta đều được thăng hoa!

Tổ Tiên muốn dạy chúng ta điều gì vậy? Vâng, muốn sống với nhau, trước tiên chúng ta phải Thấy Nhau bằng con người thật, con người tinh tuyền, con người không bị lụy là gấm vóc vàng bạc, vật chất tài của che phủ...

Quan niệm này đã khác biệt với những con người của xã hội đương đại vì họ lấy vật chất mà đo lường giá trị con người, chớ họ không nhìn nhận, không thấy nhau bằng con người thật như lời Tổ dạy.

Mặt khác, chàng là rồng thì ẩn mình trong lòng đất (thủy phủ) để chờ đợi cho tới khi công chúa Tiên Dung vây màn tắm gội... Nàng từ trời xuống, chàng từ đáy sông lên... Nàng giàu sang tuyệt thế, chàng tẻ hơn khổ rách áo ôm!

Xin hỏi, có ai hơn công chúa và ai thua chàng không khổ... thế mà nên duyên, mà song hiệp, mà hoàn chỉnh... thì thử hỏi, xã hội này còn kẽ hở nào để mà phân cách, mà phân ngôi định cấp, phân chia giai cấp hay đấu tranh giai cấp?

Chính nhờ sự Song Hiệp Tiên Rồng đó, con người mới được hạnh phúc. Tiên Dung Chử Đồng đã giúp dân. Họ có cả một chương trình phát triển xã hội: giáo hóa dân chúng (dạy dân phép tiên), phát triển kinh tế (lập phố xá), ngoại thương (ra biển đi buôn), phát triển giao dịch, lưu thông (gây thần rút đất)... và rồi khi họ Về Trời, dân chúng cũng được về theo, nghĩa là tất cả cũng được thành tiên... đẹp như tiên, sướng như tiên, hạnh phúc cực lạc!

Nhìn lại cuộc sống càng kéo dài và càng có đông người, thì con người càng thêm kinh nghiệm về những khác biệt trong tài năng, trong sức lực, cũng như trong may rủi, bất toàn của cuộc đời... như kinh nghiệm của Tiên Dung và của Chử Đồng. Do đó, do kinh nghiệm đối xử với nhau, và do tâm tình muốn

bảo đảm cuộc sống tốt đẹp cho hết mọi người, con người nhận ra rằng mỗi người phải Nhận thực chính mình.

Khi đã biết rõ thân phận Con Người của mình, mỗi người lại phải nhìn nhận và sống với những con người khác như những con người tinh vẹn, không để bất cứ ngoại vật nào làm sai lệch hình ảnh đích thực của con người. Chỉ thấy con người.

Cũng do kinh nghiệm san sẻ trong tình thân, con người nhận ra cách xử dụng thích đáng tài năng và của cải. Tài và của chỉ là những phương tiện để giúp nhau cùng phát triển, Tài của giúp người, để tất cả Mọi người cùng hưởng hạnh phúc và thăng tiến, không trừ ai.

Những kinh nghiệm sống đó, Tổ Tiên đã gói ghém tuyệt vời trong truyền thuyết Chử Đồng.

Nhắc tới đây, chắc chắn có nhiều bạn đọc hiểu nhiều về chi tiết Văn Hóa Việt hơn cả người viết... còn bao điều muốn nói nữa, nhưng mà làm sao mà nói hết được.

Vì mỗi con cháu Việt – Con cháu của Tổ Tiên dòng giống Tiên Rồng siêu việt như các bạn đọc – với tâm hồn Việt, với máu huyết Việt luân lưu trong chính con người của bạn, đó là cả một kho tàng Văn Hóa Việt tiềm ẩn trong bạn, xin bạn hãy tự khai thác Gia Tài Tổ Tiên trong bạn?

Sau ba truyền thuyết làm Nền Tảng cho con người và cuộc sống con người trong xã hội, Tổ Tiên dạy chúng ta về một cơ cấu quan trọng nhất, đã chi phối mạnh mẽ tới đời sống con người, đó là Nước, là quốc gia, là chính quyền trong Bộ Bốn Sống Thực.



Phạm Văn Bản được Chính Quyền Washington tặng thưởng Huân Chương Danh Dự Quilt Of Valor tại Công Viên Chiến Sĩ Quốc Gia của Thành Phố Lynnwood, Washington.

4. Huấn Ca Tiết Liêu



HOA TIÊN RỒNG

Thứ tư: Tình Nước sáng tươi
Tiết Liêu – bài học Con Người An Dân
Làng giàu nước đẹp phải cần
[340] Mẫu người tài đức giúp dân thái hòa
Vua Hùng – thánh chỉ ban ra
Cúng dâng lễ vật thì là truyền ngôi
Và rồi khắp chốn xa xôi
Đã bao hoàng tử nổi trôi đi tìm
[345] Tiết Liêu vốn tính lặng im
Suốt ngày quanh quần chằng tìm đâu xa
Một hôm chàng gặp Cụ Già
Dạy làm kiêu bánh đạm đà hương say

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Bánh chưng cùng với bánh dày
[350] Ché từ lúa gạo – thường ngày nuôi dân
Rồi chàng luyện tập chuyên cần
Dâng lên của lễ – xứng phần làm vua
Từ đây lễ tết đầu mùa
Dày Chưng – là bánh tiến đưa bàn thờ
[355] Có ai đã mấy khi ngờ
Việc vua việc nước – cần nhờ sứ nhân
Nước ngoài – văn hóa chỉ cần
Mẫu người cai trị thông phần dựng binh
Giết người cướp của mặc tình
[360] Miễn tranh vương giả – điển hình sử xanh
Nhưng nền Đạo Việt tinh anh
Phải tìm lễ vật – mới dành ngôi vua
Khởi công bài học thi đua
Nhờ ơn Tộc Tổ – làm vua phải cần
[365] Mang ra giáo hóa toàn dân
Tri ân thủ nghĩa – góp phần dựng xây
Non sông trăm họ xum vầy
Cùng nhau ăn quả – nhớ cây người trồng
Vẫn theo tiêu chuẩn nghĩa công
[370] Ông bà nhắc chuyện Tiên Rồng với câu

Long Quân Thánh Tổ – nhiệm mầu
Khi cần thì gọi – nơi đâu cũng về!
 Bao phen linh ứng lời thề
Tổ là Hòn Nước – cận kề với dân
[375] Đã bao hoàng tử vong thân
Đua nhau vọng ngoại – tảo tần phương xa
 Quên luôn báu vật quê nhà
An Dân Thịnh Nước – mới là xứng ngôi
 Cần chi những của xa xôi
[380] Gây ra mâu thuẫn – vua tôi trị vì
 Nhưng đây truyền thuyết lại ghi
Tài tìm lễ vật – những gì An Dân
 Tiết Liêu vận dụng toàn phần
Tâm Tuệ – tìm vật giúp dân hưởng nhờ
[385] Thức ăn từ gạo đơn sơ
Thêm tài cải tiến – nào ngờ thơm ngon
 Làm theo hình thể vuông tròn
Bảo Bình – hàm ý sống còn trong tên
 Tuyệt thay chiếc bánh chung rền
[390] Lá xanh gạo trắng – nói lên thanh bình
 Ta nhìn tấm bánh xinh xinh
 Bên trong gói ghém bao tình quân dân

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Muối tiêu đường đậu thịt nhân
Ngọt bùi cay đắng – chia phần sẻ san
[395] Dựng nên cảnh sống thịnh an
Mọi người cùng hưởng – chứa chan công bằng
Cũng trong buổi hội hoa đăng
Bánh Dày nhuộm nhuộm – xin rằng chớ quên
Thời suy – loạn lạc nổi lên
[400] Cứu nguy xã tắc – đạ tên không sòn
Sứ Nhân nặng nợ công ơn
Trước là Sóng Thực – biết nhọn biết mình
Hai là Hồn Nước quang vinh
Cầu xin Tộc Tổ thương tình giúp cho
[405] Ba là Lột Xác nguyên do
Giã từ cái cũ – ta lo sửa trì
Dân Thân – điều chót nhớ ghi
Anh em cộng tác – xá gì gian lao
Là con cháu Việt tự hào
[410] Thực thi truyền thống đề cao Tiên Rồng
Tiết Liêu gương sáng khởi công
Sống theo Hồn Nước – hoà đồng toàn dân
Quyết tâm lột xác dân thân
Dân an nước thịnh – tỏ phần tài năng

[415] Truyền thuyết Tô đã dạy rằng
Phải luôn cải tiến – phát tăng nhu cầu
Đưa ra quốc sách khởi đầu
Cộng theo cơ chế – nghèo giàu thích nghi

Cố công tìm kiếm những gì
[420] Giúp dân sống thực – chớ vì quyền uy
Làm vua – tuân giữ nội quy
Thực hành Lời Tô – cứu nguy dân lành
Lợi dân ích nước – hoàn thành
Cộng đồng hạnh phúc – sáng danh Tiên Rồng

[425] Trong bài Dựng Nước Chữ Đồng
Phúc thay! Toàn thể thương công Về Trời
Cố Làng – Cố Nước xây đời
Tiết Liêu hướng dẫn những lời An Dân
Căn cơ Việc Nước tạo phần
[430] Quê hương thịnh vượng toàn dân huy hoàng
Hiệp theo thực thể rõ ràng
Việc Làng – phát triển nơi chàng An Tiêm
Biểu trưng đưa hấu uy nghiêm
Biển vùng sỏi đá thành niềm ước mong
[435] Tô Tiên muốn nói chữ Song
Tiên Rồng Song Hiệp – như trong từng bài

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Tiết Liêu – Ròng lại trở tài
Làm phần biến hóa – giúp Ngài gặp Tiên
Lời khuyên của Tổ gắn liền
[440] Trường Tôn – nền tảng nơi Tiên đây rồi

Hai phần hoàn chỉnh – truyền ngôi
Tạo ra hiệp nhất một đôi song toàn
Đạo Làm Vua – Đạo Làm Quan
Sống Tiên – Việc Nước hòa chan hai đàng
[445] Sống Ròng – nền tảng Việc Làng
Nước Làng Song Hiệp – vẻ vang giống dòng
Tiết Liêu – gói ghém bên trong
Công ơn Thánh Tổ – ghi lòng cháu con
Tình người tình nước – sắt son
[450] Thực thi nguyện vọng sống còn nước dân
Chung Dày – biểu tượng minh phân
Thanh bình – loạn lạc, điều cần giải nguy
Giúp dân sống thực gấm suy
Mẫu Người Lãnh Đạo ẩn quy trong bài
[455] Nơi đây nói đến chữ tài
Cái tài thịnh nước – cùng tài an dân

5. Huấn Ca An Tiêm



HOA TIÊN RÔNG

Thứ năm: chú trọng “Trí Thân”
Việc Làng Phát Triển trong phần An Tiêm
Con dân bày tỏ nỗi niềm
[460] Về nền dân chủ trang nghiêm nước nhà
Lời đồn sự nghiệp dèm pha
Người vua Hùng phạt chính là con nuôi
An Tiêm vừa chớm đôi mươi
Phải đày ra đảo vắng người hoang vu
[465] Dầu chàng gắng sức công phu
Khai hoang khẩn đất đền bù ơn vua
Nhưng rồi cuộc sống vẫn thua

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Càng thêm đói rách – ruộng chua nước phèn
Lang thang chốn lạ chưa quen
[470] Mọi mong hạnh phúc bao năm đi tìm
Sáng nay gặp gỡ cánh chim
Làm rơi hạt giống im lìm mọc lên
Thành giây dưa hấu mang tên
Vỏ xanh ruột đỏ dòn mềm thơm ngon
[475] Chàng Tiêm ghi dấu dưa tròn
Thả trôi xuống biển – mỗi mòn trông tin
Lượm dưa – dân kéo đến xin
Dựng thành làng xã – giữ gìn quê hương
Miền hoang phát triển phi thường
[480] Toàn dân trừ phú kỹ cương thuận hòa
An Tiêm thay mặt làng ta
Chọn dăm trái hấu làm quà dâng vua
Từ đây lễ tết đầu mùa
Trái dưa Cúng Tổ – tiến đưa lên bàn
[485] Truyền tích Sống Thực chứa chan
Việc Làng Dân Chủ – tương quan Tiên Rồng
Sống trong thể chế hiệp đồng
Nước làng mình định việc công rõ ràng
Thân thương bình đẳng trong làng
[490] Thuận trên hòa dưới nhịp nhàng kỹ cương

Nói lên chủ nghĩa tỏ tường
Căn cơ gia tộc là đường dựng xây
Họ hàng lối xóm xum vầy
Sẻ san đùm bọc sống đầy tình thương
[495] Đồng bào ra sức tự cường
Đắp nền dân chủ địa phương vững bền
Lễ nghi trống rỗng chiêng rền
Tay cày tay súng tạo nên thanh bình
Lúa vàng nặng hạt ân tình
[500] Tre xanh che chở có mình có ta
Đó đây vang vọng ê, a...
Trầm hương đình miếu chan hòa khí thiêng
Rồng An Tiêm – vốn tính siêng
Trở tài vùng vẫy lán giềng – đảo hoang
[505] Cố công khai phá dựng làng
Đào kinh dẫn thủy mở mang gieo trồng
Cũng như hình ảnh Chử Đồng
Bờ sông bên nước giúp Rồng gặp Tiên
Thoát cơn hoạn nạn triều miên
[510] Trút bao thống khổ ưu phiền bơ vơ

Cơ trời nào mấy ai ngờ
An Tiêm – Chim Lạc tình cờ gặp nhau

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Dầu như gió thoảng qua mau
Tiên Rồng Song Hiệp – đổi màu xanh tươi
[515] Để mang hạnh phúc cho người
Lợi dân ích nước tiếng cười hân hoan
Phân minh cấp độ lo toan
Nước – Làng hai việc chu toàn khác nhau
Dấn thân – Việc Nước truyền rao
[520] Nặng phần Tâm – Tuệ quy vào Tiết Liêu
Nêu cao truyền thống là điều
Sức Dân Hồn Nước – theo chiều lòng dân
Quốc gia vững mạnh phải cần
Tài năng sáng tạo góp phần canh tân
[525] Việc Làng – cấp độ dấn thân
Nặng về Thân – Trí như phần An Tiêm
Thế theo đại chúng ngưỡng chiêm
Của – Tài thực tế là niềm ước mong
Thông điệp nêu rõ chữ Song
[530] Tiên nào Rồng nấy – thong dong bao thời
Nói lên Hoàn Chính tuyệt vời
Khác nền xã hội ngược đời hiện nay
Chủ trương cai trị phơi bày
Đấu thầu dân chủ – hằng ngày rêu rao

[535] My dân – chính sách đề cao
Phổ thông đầu phiếu – nhưng nào vì dân?
Trọng tâm tham chính chỉ cần
Cậy tài ý của bất dân phục tòng
Vẽ rào pháp chế làm vòng

[540] Quản cai trực chỉ từng lòng nhân dân
Tiên Rồng thể chế tuyệt trần
Nước Làng quyền bính định phân rõ ràng
Tạo thành hệ thống dọc – ngang
Chính quyền căn cứ theo làng mà thôi

[545] Thuế sưu, lính tráng, tài bồi
Phân chia, cắt bỏ... trong nôi bảo bình
Quan niệm Phúc Đức chứng minh
Tận tâm vì nước – tỏ tình cháu con
An Tiêm có trái cây ngon

Dâng vua biểu nước làm tròn việc chung

[550] Chàng Rồng đại diện dân vùng
Nói lên liên hệ nước cùng làng đây

Thực hành bài học xum vầy
Quê hương dân tộc tràn đầy tự do
Cái làng là chốn ấm no

[555] Do dân tự lập – tự lo việc làng

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Mở ra nếp sống huy hoàng
Toàn dân cùng hưởng thiên đàng Việt Nam



6. Huấn Ca Vọng Phu



HOA TIÊN RỒNG

Đơn sơ hát khúc tình lòng
Diễn phần Trường Cửu như trong đề tài
[560] Bồng con ru điệu Nam Ai
Trông chồng – thương mãi thương hoài ngàn năm
Quê nhà – em vốn lo chăm
Quản chi bao chốn xa xăm tảo tần
Nuôi con – phụng dưỡng song thân
[565] Ruộng vườn canh tác – mộ phần sửa sang
Việc nhà cho chí việc quan
Chiều chiều đứng ngóng tin chàng phương xa
Eo xèo chì bắc rầy rà
Vững chân bàn thạch – nàng là Vọng Phu

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

[570] Hóa thành núi đá ngàn thu
Trông ra cửa biển mịt mù lửa binh
Vào thời đất nước chiến chinh
Bao chàng trai Việt đáp tình non sông
Giã nhà thực hiện nghĩa công

[575] Tỏ phần “biến hóa” của Rồng là đây
Gia đình – nền tảng dựng xây
Việc chung làm trọng niềm tây phải nhường
Quê hương lâm cảnh tai ương
Giúp chồng – ra tuyến tiền phương diệt thù

[580] Hậu phương – em tiếp quân nhu
Ấm con mong đón chiến khu khải hoàn
Nước nhà – phận sự song toàn
Chồng nào vợ nấy – lo toan đắp bồi
Và nền văn hóa thăng ngôi

[585] Chức năng nam nữ – hiệp đôi Tiên Rồng
Gia đình thể hiện việc công
Tình nhà tình nước – vợ chồng cùng xây
Khác nền văn hóa phương Tây
Phong trào giải phóng đã gây sai lầm

[590] Con người – tan nát lương tâm
Cộng đồng cực hóa – dương âm một chiều

Ngụy danh – chính sách thủ tiêu
Chức năng làm mẹ – tạo điều nguy cơ
 Khiến người con gái bơ vơ
[595] Hóa thân đực rựa – hững hờ quyền sinh
 Phá tan hạnh phúc gia đình
 Biến thành loài thú dục tình mà thôi
 Trầu Cau – nền tảng lứa đôi
Thương nhau trọn kiếp – chết rồi vẫn thương
 [600] Như em – gia đạo kính nhường
Hóa thành Người Đá – thặng hương chan hòa
 Vọng Phu – trọn đạo nước nhà
 Biến lên Núi Đá – thặng hoa trọn đời
 Tổ Tiên nhấn nhủ những lời
[605] Chức năng cha mẹ – góp đời Đứa Con
 Chẳng như cảnh vợ chồng son
Đứa Con – biểu tượng Sóng Còn Nước Dân
 Nói lên diễm phúc tuyệt trần
 Góp cho xã hội – sứ nhân Con Người
 [610] Kia trông thiếu phụ đôi mươi
Thương chồng – thương với tiếng cười trẻ thơ
 Đảm đang kết chỉ se tơ
 Tháng năm sừng sững nằng chờ chinh phu

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Đăm chiêu đứPng ngóng chiến khu
[615] Mong chàng hăng hái diệt thù cứu nguy
Việc chung – chồng xướng vợ tùy
Tiên Rồng Song Hiệp – hội quy Đồng Bào
Anh thời việc nước đề cao
Giúp em – thể hiện phần nào làm dân
[620] Em ơi – đang gánh góp phần
Giúp anh – làm trọn nghĩa ân với nhà
Nước non – phận sự đôi ta
Cùng nhau gánh vác sơn hà Việt Nam
Nghĩa công – chồng vợ cùng làm
[625] Rồng sống nhờ nước – như Vàm Cỏ Long
Trở tài vùng vẫy khắp giòng
Tổ phần biến hóa – mà hồng gập Tiên
Non cao Hòn Vọng Phú Yên
Bồng con – nàng đợi đoàn viên cùng chàng

[630] Nước non – cơ nghiệp của nàng
Chàng đi vì nước – vì nàng mà đi
Cho nên lý tưởng thực thi
Tiên Rồng Nền Tảng chẳng vì lợi danh
Chẳng như xã hội hiện hành
[635] Tham gia chiến đấu chỉ tanh mùi tiền

Tạo ra cảnh sống đảo điên
Nhìn nhau giá trị đồng tiền mà thôi
Tích truyền – hướng dẫn khúc nôi
Chồng nào vợ nấy – xứng đôi Tiên Rồng

Cách Thức Vái Nhang (Hương)

Phần đông người Việt mình xưa nay thường dùng ba cây nhang (hương) theo thuyết Tam Tài Thiên – Địa – Nhân là Thiên Hoàng, Địa Hoàng và Nhân Hoàng của Trung Quốc mỗi khi dâng cúng và ra Lễ Tô Tiên.

Nhưng tới nay mọi người chúng ta nên thay đổi để dùng bốn cây nhang (hương) tượng trưng cho chính con người của chúng ta bao gồm bốn phần Thân – Trí – Tâm -Tuệ có nghĩa là Thân Lực Sinh Động – Trí Năng Tinh Biến của Cha Rồng, và Tâm Tình Thông Hiệp – Tuệ Linh Vĩnh Cửu của Mẹ Tiên. Khi Tiên Rồng Song Hiệp tức là Con Người Tiên Rồng gồm có Thân – Trí – Tâm – Tuệ theo Chính Thuyết Tiên Rồng mà Tổ Tiên truyền dẫn.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI



Biểu Tượng Tiên Rồng trong Lễ Vu Quy Việt Nam

7. Huấn Ca Trương Chi



HOA TIÊN RÔNG

[640] Vang lên sóng nước Cửu Long
Tiếng tiêu sầu nhớ nỗi lòng Trương Chi
Nhặt khoan theo tuổi xuân thì
Rộn ràng chèo chống cũng vì tình nhân
Lênh đênh trôi nổi xa gần

[645] Thuyền rồng lẻ bóng thoáng phần gặp tiên
Cũng ngay trong phút giao duyên
My Nương – say đắm triền miên thán ngày
Mơ chàng trai đẹp làng này
Mộng chàng nghệ sĩ tỏ bày tâm tư

[650] Sánh duyên với bậc tiêu thư
Trai tài gái sắc – đẹp như tình hồng

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Sớm mai – chớm buổi lập đông
Thiên hương – gặp mặt chàng rồng Trương Chi
Ngõ ngang – duyên phận so bì
[655] Gặp chàng tàn phé – nằng thì dửng dưng!
Chàng Trương, trái lại thắm mừng
Say mê người đẹp – ngỡ chừng tơ duyên
Thế rồi nhưng nhớ triền miên
Khiến chàng chết gục trong niềm yêu thương
[660] Trái tim – chén ngọc chàng Trương
Đưa đò thổi sáo – hiện trường tình ca
Ước mong xum họp một nhà
Nước non xa cách – tình ta chia lìa
Thương chàng nghệ sĩ canh khuya
[665] Mỹ Nương nhỏ lệ - sao kìa chén tan
Âm dương – xa cách muôn ngàn
Khi tình song hiệp – hòa chan Tiên Rồng
Tổ Tiên diễm đạt tình hồng
Tích truyền hướng dẫn cộng đồng yêu thương
[670] Trái tim – lẽ sống chàng Trương
Căn nguyên hạnh phúc – tỏ tường là đây

Con Người – nền tảng xum vầy
Tình yêu – nguyên tắc dựng xây cuộc đời

Sống trong xã hội đương thời
[675] Lắm tên tàn ác – sống rời thương yêu
Nguyên do khoa học làm điều
Con người phản xạ theo chiều thú y
Tạo ra xã hội suy vi
Yếu thua mạnh thắng – là vì không yêu
[680] Đấu tranh giai cấp khê nhiều
Làm cho đời sống thủ tiêu Tình Người
Tiên Rồng chánh thuyết tuyệt vời
Thân Thương Bình Đẳng là lời sống chung
Trở thành nguyên lý tốt cùng
[685] Toàn dân chung hưởng – khắp vùng yêu thương
Trải qua thời buổi nhiều nhương
Lai căng văn hóa khinh thường tình yêu
Tống Nho – lập luận một chiều
Trọng nam khinh nữ – xóa điều Trầu Cau
[690] Môn đẳng hộ đối – mè màu
Phá tan chánh thuyết – còn đâu Chử Đồng
Gia đình – phân hóa vợ chồng
Tam tông tứ đức – Tiên Rồng lãng quên
Chử Đồng – nền tảng nói lên
[695] Gặp nhau trọn vẹn – đôi bên “đi tìm”

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Con người sống thực trong tim
Tiên Rồng hoàn chỉnh – đắm chìm tình yêu
Trương Chi – khác hẳn một điều
Hai người đôi ngã – tình nhiều trái ngang
[700] Thương ai trong cảnh phũ phàng
Nhớ ai mà nhớ có nàng My Nương
Trở về sinh hoạt – ngày thường
Chàng Trương – ray rứt nhớ thương cô nàng
Tương tư lá ngọc cành vàng
[705] Dẫn chàng tiến tới thiên đàng tình yêu
Mộng mơ nhan sắc diễm kiều
Khiến chàng chết đứng trong chiều thu sương
Trái tim hóa ngọc yêu thương
Giúp chàng sống mãi trên đường ái ân
[710] Quán chi năm tháng tảo tần
Đưa đò thổi sáo đơn thân đợi chờ
Tích truyện – người đẹp mộng mơ
Sống trong nhung lụa – nàng chờ bóng ai
Chiêm bao hiện rõ hình hài
[715] Về chàng nghệ sĩ xấu trai hôm nào
Bởi nàng trả giá thấp cao
Khiến chàng gục chết – để vào tình thương

Làm người sáng tỏ bước đường
Sống thiêng thác gởi – tình tường nơi đây
[720] Lạ thay! Tình được xum vầy
Khi nàng bật khóc đáp đầy tình yêu

Lạ thay – người đẹp điểm kiều
Vừa rơi giọt lệ mỹ miều khóc thương
Phút giây nhắc nhớ chàng Trương
[725] Chén tan tình trọn – âm dương hợp hòa
Tích truyền – nhắc đến thăng hoa
Cảm thông chấp nhận – nhạt nhòa tình yêu
Cuộc tình gắn bó sớm chiều
Cho nhau trọn vẹn – sống điều Thân Thương
[730] Tình-chân-thiện-mỹ là đường
Con người sống thực – kỷ cương thuận hòa

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI



Vợ chồng tác giả sinh hoạt trong Hội Không Quân
Việt Nam Cộng Hòa
Tiểu Bang Washington Hoa Kỳ

B. BỘ BỐN SỐNG THỰC

Trước khi chúng ta tiếp tục khai triển “Bộ Bốn Sống Thực” và “Bộ Hai Phục Hưng,” xin được nhắc lại tổng kết sơ lược “Bộ Ba Nền Tảng” của Chính Thuyết Tiên Rồng – một tuyệt tác chính trị của Tổ Tiên Việt Nam.

- Tiên Rồng, Chử Đồng, Trầu Cau là Bộ Ba Nền Tảng, sở dĩ gọi là nền tảng vì chúng ta có được nhận diện hay định nghĩa về một con người thật và một cộng đồng xã hội một cách hoàn chỉnh, tổng hợp, toàn diện, đúng thực.

Đúc kết nét đặc thù và khai thác các truyền tích truyền khẩu sẵn có trong lòng dân tộc qua bao ngàn năm lịch sử, chúng ta có được một hệ thống tư tưởng chỉ đạo sống động và hiện thực, được gọi là Sinh Thức Tiên Rồng, một hệ thống tư tưởng chỉ đạo cho toàn dân rất sống động và hiện thực – Hệ Tiên Rồng.

Từ đây chúng ta có được Nguyên Lý Tiên Rồng Song Hiệp để áp dụng vào cấu trúc tổ chức cộng đồng xã hội Bọc Mẹ Trăm Con, xã hội đồng bào, xã hội anh em mà không một văn hóa hay tôn giáo nào có thể đạt đến cấu trúc tổ chức và lãnh đạo đồng bào.

Nhân đây Phạm Văn Bản tuyên bố rằng mình chỉ “Đi Tìm Mùa Xuân Cho Dân Tộc,” – là người đi tìm chân lý, và may mắn đã gặp gỡ chân lý ấy ẩn tàng trong 9 câu chuyện truyền miệng sẵn có trong lòng Dân Tộc Việt Nam. Vì thế chúng tôi xin mời các bạn cùng cầm chìa khóa cánh cửa tâm tư, để cùng

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

mở và bước vào kho tàng văn hóa ưu việt, để cùng tìm kiếm lại những ý tưởng báu vật làm gia tài của Tổ Tiên truyền lại.

Đặc biệt chúng ta là người khởi xướng Chính Thuyết Tiên Rồng của Tổ Tiên, sau hơn bốn ngàn năm Dựng Nước và Giữ Nước mà bao lớp cha anh chưa thực hiện hoàn thành ước nguyện chung của Dân Tộc Việt trong công việc làm cho dân giàu nước đẹp.

Sau đây chúng ta tiếp tục đào sâu hai truyền tích Tiết Liêu và An Tiêm tới tận ý nghĩa thâm thúy nhất, có thể có. Chúng ta cũng rút tĩa kinh nghiệm về việc Dựng Nước – Dựng Làng của hai chàng rồng này, và cũng đừng quên chuyện “tiên nào rồng nấy.”

Gọi là Tự Lập, thì chúng ta cần (1) Lập Quốc như Tiết Liêu (2) Lập Làng như An Tiêm (3) Lập Gia như Vọng Phu (4) Lập Thân như Trương Chi.

4. Tiết Liêu



HOA TIÊN RỒNG

Nếu như Chủ Đổng đề ra nguyên tắc phát triển xã hội, thì Tiết Liêu định đặt việc Thịnh Nước An Dân. Vua Cha muốn truyền ngôi, đã hướng dẫn chúng ta đi tìm lễ vật dâng kính Tổ Tiên. Đang khi nhiều văn hóa khác lại cổ vũ bạo lực, điều binh khiển tướng đi chinh phục lân bang và kiếm nhiều thủ cấp của dân láng giềng, hoặc bắt người về làm nô lệ.

Trước hết, Tiết Liêu có tinh thần dân tộc (thờ kính Tổ Tiên), làm con hiếu thảo (đặt gia đình là nền tảng căn bản, là gốc của nước như Trầu Cau), không màng sang giàu nhưng biết lo cho dân (lấy gạo làm căn bản cuộc sống ấm no của dân), có sáng kiến và phát triển kinh tế (gạo nấu cơm để lâu dễ thiu, nhưng làm bánh dày bánh chưng thì để dành trong thời gian dài hơn), lại mang đầy đủ ý nghĩa của đạo Trời đạo Đất.

Xin hỏi, con người như thế không đáng thịnh nước an dân đó sao? Không xứng tầm tổ chức và lãnh đạo chính trị?

Khi các hoàng tử lên đường đi tìm của lễ vọng ngoại phương xa, Tiết Liêu vì hiếu chàng ở nhà (stay home) lo cho mẹ lâm bệnh dịch Cô Vi. Vì bình tâm sáng tạo Tiết Liêu đã

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

gặp Tô hiển hiện và chỉ cách làm bánh dày bánh chưng, lại mang đủ ý nghĩa đời sống Đạo Đức Tiên Rồng của toàn dân.

Vâng Lời Tô, Tiết Liêu làm bánh dày bánh chưng là chàng đã đem hết tâm thành, hết tài trí, hết sức lực để thực hiện truyền thống đạo đức siêu việt của dân tộc. Chẳng những Tiết Liêu làm ổn định đời sống người dân, mà còn biết xử dụng quyền lực nhằm bảo đảm và giảm bớt những cách ngăn, những chướng ngại trong cuộc sống chung.

Chàng dùng luật lệ giúp mọi người thực sự san sẻ tài năng của cái cho nhau, nhằm thoát nạn bất công hay cách biệt giữa u nghèo như bao xã hội hiện hành.

Dấu chỉ của độc tài thống trị là hận thù chia rẽ, đấu tranh giai cấp, chia dân để trị. Để đạt đến quyền lợi cai trị, nhà cầm quyền làm phân tán đại chúng, làm cho người dân trở thành đơn độc, bơ vơ, lạc lõng không nơi nương tựa.

Và khi dân chúng trở thành con số đơn độc như an sinh xã hội, thì lúc đó quyền lực thống trị dễ bề thao túng áp bức và chiếm đoạt tài sản quốc gia mà đặc quyền đặc lợi.

Tiết Liêu cũng xử dụng quyền lực, tuy có thể gây phiền toái cho số người, nhưng cần thiết để bảo đảm cuộc sống chung, giúp mọi người thừa hưởng lợi ích, tạo cuộc sống chung, cộng đồng đồng tiến trong một Xã Hội Đồng Bào. Và từ đó toàn dân kết thành một khối đồng nhất, đồng thuận với chính quyền để tạo dựng nếp sống hương vị, dinh dưỡng, tồn tại lâu đời.

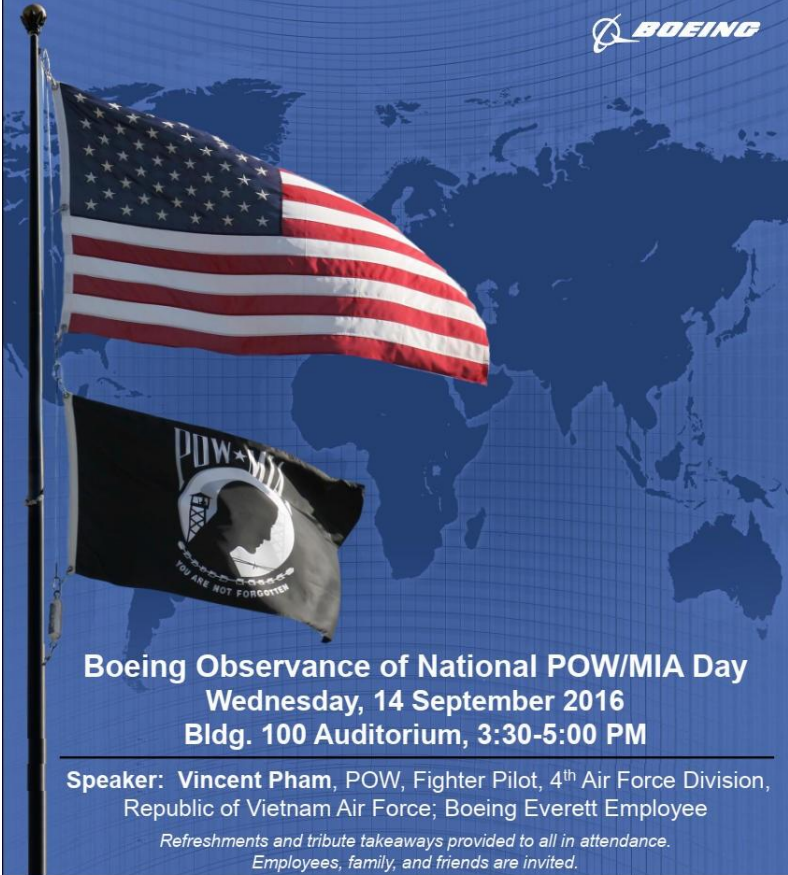
Cái tài của Tiết Liêu, của người làm việc nước là “Tài biết tin tưởng vào dân nước, Tài giúp dân sống thực truyền thống dân tộc, Tài thấu hiểu nhu cầu thực tế của dân, Tài cải tiến cuộc sống người dân.” Trong hoạt động phục vụ dân nước, với 4 tài năng, thì tài cải tiến cuộc sống người dân là công tác thực tiễn và đa đoan.

Tiết Liêu chẳng những nấu xôi chín, tức là làm cho cuộc sống người dân đầy đủ đúng mức, mà cố gắng quết giã cho tất cả trộn lẫn vào nhau, và xôi quánh lại một khối thơm ngon. Nghĩa là chúng ta dùng quyền lực làm cho mọi người cùng nhau chia sẻ tài năng và của cải, giúp đỡ đùm bọc nhau trong đời sống Tiên Rồng, ở thời bình cũng như thời loạn.



Phạm Văn Bản thuyết trình về đề tài “My POW Story” trong Ngày Lễ Quốc Gia Hoa Kỳ tại hãng sản xuất phi cơ quân sự Boeing Defense ở Saint Louis, Missouri

FULFILLING OUR PROMISE



Boeing Observance of National POW/MIA Day
Wednesday, 14 September 2016
Bldg. 100 Auditorium, 3:30-5:00 PM

**Speaker: Vincent Pham, POW, Fighter Pilot, 4th Air Force Division,
Republic of Vietnam Air Force; Boeing Everett Employee**

*Refreshments and tribute takeaways provided to all in attendance.
Employees, family, and friends are invited.*

Employees attending the ceremony during work hours must coordinate with their supervisor regarding time off work - no charge number for the event. Please visit the St. Louis Veterans Task Force website for additional information: <http://bds.web.boeing.com/index.aspx?com=210&id=11>

5. An Tiêm

Chuyện quả dưa đỏ đã hình thành bài học dựng làng. Thà bị Vua Cha đày oan còn hơn là trốn theo tàu buôn về đất liền làm giặc. Nhưng khi có được thành quả lao động với những trái dưa hấu là loại của ngon vật lạ ở nơi hải đảo xa xôi, An Tiêm đã gửi về dâng vua biểu nước.

Từ đó dân ta, đặc biệt vùng miền khô cát nóng có được món ăn tươi mát, bổ dưỡng, thơm ngon. Chàng rồng này chẳng đáng mặt thịnh nước an dân sao?

Dưới khía cạnh kinh tế, chúng ta có thể nói Tiết Liêu phát triển trên đất, nội địa thì An Tiêm phát triển vùng biển, ngoại thương.

Việc phát triển Nước của Chủ Đờng thì người chủ động là thành phần Tiên (Tiên Dung). Nhưng trong việc phát triển Làng, tuy cũng là Tiên Rồng nhưng phần chủ động và đặc trách công tác lại khác biệt nhau, đó là thành phần Rồng.

Tiên chủ động trong việc Phát Triển Nước, là yếu tố Trường Cửu, truyền thống dân tộc, lòng dân song hiệp với nước là chính yếu, là động lực nhằm vận động mọi người xây dựng kiến thiết quốc gia.

Cũng vậy, việc Phát Triển Làng và đời sống người dân, tuy cần có sức sống và tinh thần chung của dân tộc, nhưng thành phần Rồng chủ động. Và An Tiêm nhấn mạnh tới cuộc sống thực tế, tài năng của cải trước mắt, là yếu tố Biến Hóa.

Theo truyền tích: “An Tiêm con nuôi của Vua Hùng bị đày ra đảo hoang,” Tô Tiên giới thiệu quan niệm đặc biệt về vị trí

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

của người dân lập làng, bị đày ra đảo hoang xa cách triều đình. An Tiêm tự lực cánh sinh, tự túc tự cường, tự chủ tự quyết thì lúc đó dân tộc mới có tự do dân chủ và nhân quyền.

Với truyền thuyết An Tiêm, Tổ Tiên giới thiệu nếp sống đặc biệt của làng thôn Việt Nam. Khác biệt với tổ chức chính trị của các văn hóa khác, quyền hạn vua quan ta chẳng những không can thiệp trực tiếp vào đời sống từng người, mà cũng không xâm phạm vào nếp sinh hoạt của làng thôn.

Đối với triều đình, mỗi làng được xem là một hải đảo ở tận ngoài biển khơi, người dân phải tự quyết tự lập cho chính mình. Đây chính là chế độ tự do dân chủ thực sự của làng xã Việt, bởi “Phép vua thua lệ làng.”

Nếu chỉ để thu tích của cải lợi lộc vật chất, dù dưới bất cứ hình thức nào như chủ trương của xâm lăng đế quốc, tư bản hay cộng sản thì cũng không giúp ích gì cho con người, mà còn tạo ra cho chúng ta thêm khôn khổ, biến chúng ta thành nô lệ, thú tiến bộ hay sinh vật kinh tế.

Làng Nước Việt Nam là một hệ thống cấu trúc sinh hoạt độc lập tự do. Nếp sống thân thương bình đẳng, làng thôn tự thành nơi bảo toàn lực lượng dân quân, bảo vệ, nung đúc tinh thần yêu nước của toàn dân, và cũng là nơi bảo tồn đời sống dân chủ thuần túy trong thời bình cũng như thời loạn.

Đặc tính của định chế Làng Nước, là người dân tự ý tới ở và quy tụ thành làng. Tuy cách khởi lập có khác nhau, nhưng điều kiện tiên quyết trong việc dựng làng là lợi ích tự quyết của những người quy tụ, chớ không dùng quyền hành mà bắt buộc ai.

Làng được thành lập không chỉ vì lợi ích vật chất, biến nơi khô cằn hoang vu thành miền phì nhiêu trù phú, mà còn vì lợi ích tinh thần. Làng giúp cho người dân thoát nạn sống cảnh

bơ vơ, thiếu nơi nương tựa, giúp cho mọi người có cuộc sống ấm no xum họp trong một xã hội anh em Đồng Bào.

Tự họp thành làng, mọi người chia sẻ cảnh sống vui buồn sướng khổ có nhau, giúp nhau vượt thắng những khó khăn, cùng nhau gánh vác trách nhiệm, cùng nhau xây đắp cho đời, cho làng cho nước ngày thêm giàu đẹp.

Và cũng không một thường dân nào bị bó buộc phải cư trú tại một nơi nhất định; dân chúng có thể tùy thích tới ở hay tự ý bỏ đi, miễn là tự quyết và chấp nhận Lệ Làng là nơi mình muốn gia nhập cư ngụ.

Khác với tổ chức chính trị của nhiều quốc gia, quyền hạn vua quan Việt chẳng những không can thiệp vào đời sống từng người dân, mà cũng không xâm phạm vào nếp sống sinh hoạt của các làng thôn. Đối với triều đình, mỗi làng Việt là một quốc gia thu hẹp có chủ quyền và độc lập; việc làng thì dân chúng tự lập và tự quyết.

Làng tự lập, có một ban quản trị riêng do chính dân bầu ra, điều lệ riêng cho hệ thống hành chính của làng. Làng có một ngôi đình để thờ Thành Hoàng riêng, với nghi thức tế lễ do truyền thống riêng.

Làng có tổ chức trị an riêng với tiêu chuẩn thưởng phạt do làng quy định. Làng cũng có tài sản riêng và toàn quyền sử dụng ngân sách theo nhu cầu.

Khi góp phần vào việc nước, làng là đơn vị đại diện người dân. Theo truyền thống chính trị Tiên Rồng, người dân không trực tiếp với vua quan mà qua làng trong tất cả mọi việc, từ tiếp xúc, lệnh truyền, tới sưu thuế, lính tráng. Nước chỉ căn cứ vào làng, liên lạc với làng, và theo khả năng của làng mà định phần đóng góp.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Làng thôn Việt Nam không phải là nếp sống ngẫu nhiên, mà được Tổ Tiên tạo thành một thể chế chính trị độc đáo, nhân bản tuyệt vời và được gọi là Định Chế Làng Nước.

Tổ Tiên phân biệt rõ ràng hai loại công tác chính trị, việc làng việc nước là hai việc khác nhau, khác biệt từ phần chủ động tới cấp độ dân thân, khả năng tài trí, và các vấn đề nhu yếu khác. Bởi thế chúng ta có hai loại công tác làng và công tác nước.

Người dân ai cũng có thể làm việc làng, và ai cũng có quyền can dự vào việc tổ chức, điều hành, bầu cử, hay quyết định của làng.

Nhưng để đủ tầm vóc để làm việc nước thì người đó phải học hành ở trường sở, phải thông thạo những khoa chính trị thịnh nước an dân, và thi cử như thi hương, thi hội, thi đình để xác định khả năng tài trí của người làm quan.

Với chủ trương chính đáng về bổn phận của người lãnh đạo, vua quan trong thể chế làng nước, việc chung được quan niệm và thực sự là việc giúp ích cho mọi người.

Khi vua quan đem hết tâm hồn và tài trí chăm lo cho toàn dân hạnh phúc, và khi người dân được thực sự sống trong tự do dân chủ đúng nghĩa, thì đóng góp vào việc chung là một đồng tâm hiệp lực, một tương trợ cần thiết để bảo đảm cho hạnh phúc chung của nhau.

Đi làm việc chung chính là ta đem tài trí giúp ích cho đời.

Tuy nhiên, nhiều khi việc chung cũng vượt quá nếp sống thường ngày và ít mang lại kết quả lợi lộc trước mắt. Vào thời loạn, gánh vác việc chung còn kèm theo cả nguy hiểm tánh mạng, do đó việc chung thường đòi hỏi tầm nhìn xa trông rộng, và cũng thường làm nhiều người ái ngại.

Nhìn vào lịch sử chúng ta thấy rằng vua quan cũng xây thành, nhưng thành thị không phải là nơi tập trung sức nước. Thủ đô hay thủ phủ cũng chỉ là cái làng lớn với số cơ sở thích ứng, cần thiết cho nhu cầu hành chánh, nghi lễ ngoại giao.

Khi nguy cấp, vua quan sẵn sàng bỏ thủ đô mà về chiến đấu trong địa bàn làng xã mà chống giặc cứu nước, và không ảnh hưởng tới dữ kiện mất nước. Do đó làng là trung tâm sinh hoạt tự lập tự chủ của mọi người dân, mà cũng là sức mạnh của toàn thể đất nước.

Dưới khía cạnh quân sự làng là nơi đào tạo huấn luyện toàn dân trở thành nghĩa sĩ, có hệ thống canh gác nghiêm nhặt, có lớp người túc trực, có những lò võ thuật tạo ra nhiều cấp lãnh đạo chỉ huy tài ba. Làng cũng là nơi phát xuất sức mạnh dân tộc về mọi phương diện.



Tỉnh Trưởng Everett Thomas Madison trao Bằng Công Dân Danh Dự (City Of Everett Honorary Citizenship) và Chỉ Huy Trưởng Căn Cứ Hải Quân Everett trao Quốc Kỳ cho Phạm Văn Bản với sự chứng giám của Chính Quyền Quận Hạt Snohomish County, Washington, USA

6. Vọng Phu



HOA TIÊN RỪNG

Trên quê hương ta, nhiều núi đá được gọi là Hòn Vọng Phu. Từ Đồng Đăng ở Lạng Sơn, xuống tới Thanh Hóa, Bình Định, Khánh Hòa, vào mãi tới Hà Tiên, và ra tận Côn Sơn, nơi nào cũng có Hòn Vọng Phu. Trên khắp đất nước và trong suốt dòng lịch sử, không có một sự tích nào lại được đem đặt tên cho nhiều danh sơn thắng cảnh là Hòn Vọng Phu.

Sự phổ biến sâu rộng của chuyện tích, và nhất là việc trở thành địa danh cho nhiều đồi núi trên toàn đất nước, chứng tỏ truyền tích Vọng Phu đã chiếm một địa vị quan trọng trong tâm hồn và nếp sống dân Việt.

Ngoài ra, cũng như Người Em trong truyền tích Trầu Cau, nàng Vọng Phu cũng hóa thành đá. Chuyện người hóa đá, nhất là hóa thành ngọn núi cao, là dấu chỉ của biểu tượng những bài học quý báu của Tổ Tiên.

- Tình Yêu Thể Hiện

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Đứa con vừa là hình ảnh hạnh phúc gia đình, vừa là biểu hiệu của vinh dự và trách nhiệm, vật chất lẫn tinh thần, của những người được điểm phúc sinh dựng thêm một Con Người.

Với đứa con, tình yêu phối hợp của hai vợ chồng được sống thực và kết quả. Nơi đứa con, hai cuộc sống, hai tâm hồn, hai con người, đã hòa hiệp thành một cuộc sống tự tại mới.

Đứa con là tình yêu thể hiện của hai vợ chồng, là thực tại của Tiên Rồng song hiệp. Vì vậy, chẳng những đứa con đã không ngăn trở, mà còn tăng thêm sự kết hiệp của hai vợ chồng, trong tình yêu cũng như trong cuộc sống.

- Chức Năng Nam Nữ

Hai vợ chồng vui sướng bên đứa con thơ, cuộc sống thật tuyệt vời. Nhưng hạnh phúc của gia đình đầm ấm đã không làm hai người quên những bổn phận khác.

Đã quen với nếp sống nâng đỡ đùm bọc nhau của đại gia đình và của làng xóm, họ nhận biết rằng sở dĩ họ được yên vui là nhờ nhiều người khác đang tham gia vào việc chung, đang đánh giặc ngoài tiền tuyến để giữ làng giữ nước, để giúp cho họ có được một cuộc sống tự do thanh bình ở hậu phương.

Cũng vì vậy họ luôn luôn sẵn sàng đóng góp phần họ. Và rồi, khi tới dịp, người chồng đã ra đi làm bổn phận công dân.

Ở các văn hóa khác, việc làng nước, việc chung thường được coi là công tác phục vụ cho giai cấp thống trị. Trái lại, trong văn hóa Việt, với chủ trương chính đáng về bổn phận vua quan và thể chế làng nước.

Việc chung được quan niệm và thực sự là việc giúp ích cho mọi người. Khi vua quan cư xử như cha mẹ, đem hết tâm hồn và tài trí chăm lo cho người dân được hạnh phúc (Chữ Đồng, Tiết Liêu), và khi người dân được thực sự sống trong tự do và dân chủ đúng nghĩa (An Tiêm), thì đóng góp vào việc

chung chính là một đồng tâm hiệp lực, một tương trợ cần thiết, để bảo đảm nếp sống hạnh phúc chung của nhau.

Đi làm việc chung chính là đem tài trí giúp ích cho đời. Tuy nhiên, việc chung nhiều khi lại vượt quá nếp sống thường ngày và ít có kết quả lợi lộc ngay trước mắt.

Vào thời loạn, gánh vác việc chung còn kèm theo cả nguy hiểm tánh mạng. Do đó, việc chung thường đòi hỏi tầm nhìn xa rộng, và cũng thường làm nhiều người ái ngại.

Vì vậy, việc cưỡng bách, dưới một số hình thức, cũng là chuyện thường tình. Và cũng vì vậy, dần thân làm việc chung luôn được mọi người coi là một hành động đáng khâm phục.

- Việc Nhà

Truyện tích Vọng Phu chú trọng đến người vợ hiền đang ở lại nhà. Tâm trạng và công việc của người ở nhà cũng không phải nhẹ nhàng. Chồng đã ra đi, người vợ phải tự lo liệu cho cuộc sống của chính nàng.

Trước kia, khi chồng ở nhà, có nhiều việc nàng không cần động tay, không cần nghĩ tới. Giờ đây, một mình nàng phải cáng đáng tất cả.

Trước kia thì chồng cày vợ cấy, bây giờ để em cày em cấy mặc lòng em đây. Công việc chẳng những nặng nhọc hơn, mà còn cô quạnh buồn tẻ hơn nhiều.

Nỗi cô đơn đó còn tăng thêm gấp bội, khi nàng còn phải một mình chăm sóc con thơ. Chẳng những phải lo ăn mặc, thuốc men mà còn phải dạy dỗ cho con nên người.

Trước kia nàng chỉ là bà mẹ hiền, giờ đây nàng phải gánh luôn vai trò của người cha nghiêm... Công việc, trách nhiệm và nỗi cô đơn vây bọc người ở nhà.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Ngoài ra, nàng còn có trách nhiệm đối với đại gia đình. Dĩ nhiên, nàng cũng được họ hàng thân thích giúp tay đỡ đần.

Nhưng không phải vì vậy mà nàng có thể quên phần vụ của mình trong đại gia đình. Lấy chồng gánh vác giang sơn nhà chồng.

- Chia Nhau Công Tác

Ở thời suy thoái, quan niệm gái việc nhà trai việc nước đã bị cực hóa đến độ phụ nữ bị nhốt trong bốn vách tường. Trong khi đó, đàn ông lộng hành, coi mình vượt xa trên nữ giới.

Tuy nhiên, ca dao tục ngữ, cũng như quan niệm về nếp sống bình dân, tức là những phản ảnh trung thực của văn hóa Việt, luôn luôn thể hiện tinh thần Vọng Phu:

Ca dao Việt Nam:

- Anh đi em ở lại nhà

Hai vai gánh vác mẹ già con thơ

Lầm than bao quản nắng mưa

Anh đi anh cố chen đưa với đời

- Anh ơi phải lính thì đi

Cửa nhà đơn chiếc đã thì có em

Tháng chạp là tiết trồng khoai

Tháng giêng trồng đậu tháng hai trồng cà

Tháng ba cày vỡ ruộng ra

Tháng tư gieo mạ thuận hòa mọi nơi

Đến khi gặt hái xong rồi

Trời đổ mưa xuống nước trôi đầy đồng

Anh ơi giữ lấy việc công
Để em cày cấy mặc lòng em đây

Người vợ Việt luôn ý thức rõ ràng bổn phận của mỗi người, của chồng cũng như của chính nàng, đối với việc chung. Nhưng nàng cũng ý thức rằng trong thực tế, chàng có nhiều điều kiện hơn nàng để lo việc chung, cũng như nàng có nhiều thuận lợi để lo việc nhà hơn chàng.

Vì vậy, thay vì mỗi người phải tự mình làm tròn nhiệm vụ vừa đối với nhà vừa đối với nước, người phụ nữ Việt đã mạnh dạn thúc dục chồng ra đi lo việc nước, gánh thêm phần vụ việc chung của nàng, trong khi nàng khẳng khái đứng ra lãnh phần chu toàn việc nhà thay cho chàng.

Mỗi người tùy theo cấu trúc và điều kiện thuận hợp riêng, mà chu toàn công tác ứng hợp với khả năng mình. Chính nhờ chia nhau công tác, nhờ phân công theo chức năng, mà cuộc sống bớt khó khăn, bớt nặng nề, và thêm vui tươi, thêm trọn vẹn, thêm hạnh phúc.

- Bồ Túc Hồ Tương

Như vậy Vọng Phu xóa bỏ sự phân cách giả tạo giữ những đặc tính nam nữ. Vì không thấy Con Người trong việc phối hiệp vợ chồng, mà chỉ thấy từng cá nhân đơn độc, nên những dị biệt nam nữ đã trở thành dấu hiệu chia cách, hơn là sự mời gọi hiệp nhất.

Sự phân cách đó đã đưa tới hậu quả tai hại như trọng nam khinh nữ, coi việc chung là đặc quyền của nam nhi, coi phụ nữ chỉ xứng đáng quay mặt vào bếp, nuôi con thờ chồng.

Trái lại Vọng Phu nhấn mạnh tới sự hiệp nhất bồ túc hồ tương giữa nam và nữ. Chàng đi lo việc nước, không phải chỉ

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

vì đó là bổn phận của người trai, mà còn vì chàng được nàng ủy thác.

Cũng vậy, chàng ra đi không phải để trốn tránh việc nhà, mà vì đã có nàng gánh vác thay chàng.

Trong chàng có nàng và trong nàng có chàng.

Mỗi người đều ủy thác và nhận ủy thác. Họ phân công trong toàn bộ, trong liên nhiệm của hai người đã hiệp nhất Thành Một Đơn Vị xã hội.

- Gia Đình Và Con Người

Chàng đã lên đường. Với hệ thống giao thông và liên lạc thô sơ thời xưa, ra đi là biệt tăm.

Vì vậy, nàng chờ chàng từng ngày. Chiều chiều, khi công việc nhà đã tạm yên, nàng bỗng con đứng ngóng, mong được thấy bóng chồng thấp thoáng ở cuối chân trời.

Có hình ảnh nào cảm động bằng cảnh người vợ hiền bỗng con đứng ngóng chồng trong lúc chiều tà. Hình ảnh đó bộc lộ niềm nhớ thương và chung thủy của nàng. Bỗng con, qua đứa con, nàng đang ôm ấp mỗi tình dạt dào của hai vợ chồng.

Bóng hai mẹ con kéo dài trên mặt đất càng tô đậm nỗi cô đơn lạnh lẽo của nàng trong lúc đêm về.

Nàng chờ, chờ từng ngày, từng đêm. Sự thiếu vắng của chàng trong cuộc sống hàng ngày, trong những sinh hoạt cần có chàng, lại càng làm nàng thương nhớ nhiều hơn.

Tuy vắng mặt, nhưng chàng vẫn luôn luôn hiện diện trong tâm tưởng, trong cuộc sống của nàng.

- Có Nhau Từng Ngày

Sự thương nhớ này chẳng những nói lên tình yêu thương chung thủy, mà còn bộc lộ một đặc tính thiết yếu của Tình Vợ Chồng.

Tình vợ chồng chẳng những kết hiệp hai thể xác và hai tâm hồn, mà còn phải luôn được thể hiện trong cuộc sống từng ngày.

Tình yêu chỉ thực sự bền vững khi con người Có Nhau Từng Ngày, chấp nhận nhau từng ngày và chia sẻ với nhau cuộc sống từng ngày của nhau.

Chỉ khi nào hai người có nhau từng ngày, tin tưởng vào quyết tâm thể hiện thực sự tình yêu cho nhau, bất chấp thời gian, bất chấp hoàn cảnh, thì khi đó tình yêu mới trọn vẹn, đời sống vợ chồng mới thực sự hạnh phúc, tràn đầy, và tăng triển.

- Gia Đình Thiết Yếu

Hơn nữa, việc nàng nhớ chàng từng ngày lại nhấn mạnh tới sự thiếu vắng khi người chồng đã ra đi.

Hai mẹ con không thể yên tâm vui sống khi vắng chồng vắng cha. Sự thiếu vắng này chẳng những không suy giảm mà còn gia tăng với thời gian.

Nàng thiếu chàng, nàng chờ chàng. Nhưng không chỉ chờ vì thương nhớ, mà còn chờ chàng sớm làm xong phận vụ của chàng.

Trong khi thay chồng làm việc nhà, nàng tin chắc chàng cũng đang chu toàn phần việc chung của cả hai người. Hình bóng chàng về, không chỉ là hình bóng của người chồng thân yêu, mà còn đậm nét hiên ngang của một chàng trai Việt trở về, sau khi chu toàn bốn phận của mình và của gia đình đối với làng nước.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Đây là tuyệt đỉnh tôn vinh tính cách thiết yếu và trường cửu của gia đình. Chỉ khi nào là thành phần của một gia đình, với yhai cuộc sống vợ chồng hiệp nhất, thì Con Người mới thực sự sống trọn vẹn cuộc sống của mình.

Gia Đình Là Nền Tảng Cuộc Sống Con Người.

- Thiên Chức Làm Mẹ

Nàng bông con chờ chồng đến nỗi cả hai mẹ con đều hóa thành đá.

Nếu là thực tế, thì sau độ mười năm, đứa con đã khôn lớn, nhưng trong Vọng Phu, mẹ vẫn bông con dẫu đã ngàn năm. Đây chính là hình ảnh tô đậm trách nhiệm và niềm tự hào của thiên chức làm mẹ.

Cho đến ngàn năm, nàng vẫn hãnh diện và nâng niu cái diễm phúc cảm nhận mình đang bảo bọc, nuôi dưỡng và dạy dỗ con thơ ngay trong chính bản thân mình.

Sự yêu thương đùm bọc đó không chỉ hiện hữu khi đứa con còn bé bỏng, mà lại gia tăng theo thời gian và kéo dài tới ngàn năm.

- Có Mãi Ngàn Năm

Chuyện hai mẹ con chờ chồng chờ cha đến thành hóa đá còn nói lên sự quý trọng và quan niệm sống nền tảng của văn hóa Việt.

Trong Chính Thuyết Tiên Rồng, người Em ở Trầu Cau đã chết cho gia đình người anh, nên thành tảng đá vôi; nàng Mỹ Châu vì quá thương chồng mà máu hóa ngọc trai; Trương Chi ôm mối tình câm chung thủy, nên tim cũng thành ngọc.

Tất cả những đá ngọc đó, tất cả những kết tinh của tình người đó, lại đều chờ đợi để kết hiệp với người thương. Đá vôi chờ được nhai chung với trầu cau. Tim ngọc của Trương

Chi chờ được hòa tan với giọt nước mắt My Nương. Giọt ngọc My Châu lại chờ được ngâm mình trong nước giếng Trọng Thủy. Tất cả đều hóa đá để chờ.

Nàng Vọng Phu cũng chờ. Nàng chờ tới ngàn năm. Cho đến ngàn năm, Tình Vợ Chồng của nàng vẫn bền vững.

Sương gió giải dầu, thời gian mòn mỏi, nhưng chẳng những không làm tiêu hao niềm thương nhớ, mà trái lại, còn làm cho mẹ con nàng, cho chính tình yêu chung thủy của nàng, vươn cao lên thành núi.

- Tạo Thành Đất Nước

Việc hai mẹ con nàng vươn thành núi cao lại là hình ảnh tuyệt vời của địa vị Gia Đình trong cuộc sống Xã Hội.

Núi cao nhắc nhớ Mẹ Tiên đem năm mươi con lên núi, Mẹ Tiên ở núi. Nhưng nơi đây, chính Mẹ đã vươn thành Núi Non, chính Mẹ góp phần cho Đất Nước rộng lớn thêm.

Cha ra đi lo tròn việc Nước, thì Mẹ ở nhà hóa thành Non cao. Nhờ có Mẹ Cha nên mới có Non Nước, giang sơn.

Đất Nước thành hình và phát triển, chính là do những cặp vợ chồng cùng nhau Sống Trọn Tình Nhà Tình Nước, sống trọn Vọng Phu.

- Hòn Vọng Phu

Văn hóa Việt đã luôn sống thực Vọng Phu. Gia Đình luôn chiếm địa vị cao nhất trong xã hội Việt.

Nhờ kết hiệp thành một Gia Đình kiên vững, cả người nam lẫn người nữ mới có thể sống trọn vẹn cuộc sống của chính mình.

Nhờ gia đình, nam nữ chẳng những không xung khắc nhau, mà trái lại, bổ túc nhau để chu toàn mọi chức năng của Con Người. Công tác khác nhau, nhưng tương trợ, hòa hiệp.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Cũng vì tầm quan trọng và thiết yếu bậc nhất của Bài Học Gia Đình, nên bất cứ hình thức nhắc nhở nào, cũng được Tổ Tiên chúng ta đặt tên là Hòn Vọng Phu.

Để diễn tả và tôn vinh vai trò của cả hai vợ chồng, không có hình ảnh nào ý nghĩa và cao quý hơn Hòn Vọng Phu. Không còn hình ảnh nào súc tích và cảm động hơn để nhắc nhở Tình Nghĩa Vợ Chồng bằng Hòn Vọng Phu.

Gia Đình, chớ không phải từng cá nhân, là nền tảng của Cuộc Sống Con Người, và của Tổ Chức Xã Hội Loài Người.

7. Trương Chi



HOA TIÊN RỒNG

Với Huấn Ca Trương Chi, Tô Tiên bàn chuyện trái tim, nơi thâm sâu nhất, căn cội hạnh phúc của con người. Chuyện kể chàng chèo đò tàn tật họ Trương có tài thổi sáo, với mối tình người đẹp nhà giàu Mỹ Nương.

Không tình yêu con người không thể sống.

Trong tình yêu con người luôn sống.

Tình yêu quyết định sự sống con người.

Có tình yêu đời sống con người mới thật là sống, biết sống, và quý trọng sự sống.

Mỹ Nương ngày đêm mơ mộng chàng phi công tài ba với tiếng tiêu tiên múa rồng bay, tưởng nhớ hình bóng chàng khôi ngô tuấn tú, tài trí song toàn sẽ ngự trị trong vòng tay ngọc ngà của nàng, ước nguyện cùng nàng chung sống một túp lều

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

tranh hai trái tim vàng và cuộc đời thanh nhàn bên bờ sông tương, với sự nghiệp hành nghề đưa đò tiễn khách qua sông.

Trai Tài Gái Sắc! Phi Công Thục Nữ! Môn Đẳng Hộ Đối! ... Nhưng định mệnh phũ phàng vì khi được gặp mặt nhau thì nàng bỗng dưng dưng, vì nhìn chàng khác lạ với người trong mộng!

Nhưng tiếng sét ái tình lại làm Trương Chi thương nhớ ngậm ngùi, say mê ôm mối tình cam. Ôi tình đầu, lãng mạn, đẹp và buồn làm sao! Đã khiến chàng chết trong tử lạnh!

Tình tuyệt vời và tuyệt vọng! Đã biến trái tim chàng thành chén ngọc. Và chàng vẫn mãi chèo đò trong chén ngọc với tiếng tiêu oán thương sầu nhớ người yêu qua mau!

Chàng đã chết vì nàng! Chàng yêu nàng tha thiết! Chàng trọn tình chung thủy với nàng, mà nay vùi thân dưới mộ sâu! Âm dương xa cách!

Nhận tin sét đánh My Nương thần thờ, than vắn thở dài và thôi thúc nàng xuất hành tới thăm Trương Chi. Nghe chuyện kể, nàng nhìn chàng lái đò trong chén ngọc mà ngậm ngùi nhỏ lệ. Ô kìa! Chàng chờ nàng được giọt nước mắt của người yêu, chén mới tan, tình mới trọn!

Ai dám bảo Tổ Tiên ta khô cằn sỏi đá? Sống lia xa tâm hồn con người?

Dẫu bất cứ hoàn cảnh hay lý do gì mà đôi nam nữ gặp nhau, ngay cả cảnh ngộ ngộ ngàng hay cuộc sống khác biệt. Nếu hai người biết chấp nhận cho nhau, biết thực tâm tìm hiểu lẫn nhau, biết cảm thông cho nhau thì cuộc tình mới mỗi ngày tăng trưởng và thêm hạnh phúc.

“Biết nhau bằng con người thật, con người tình tuyền, con người không bị vật chất, tài của, ngọc ngà châu báu che phủ!” Ngược lại cuộc tình cho dù có được khởi sự tốt đẹp mà mỗi

người lại tự đóng khung trong ốc đảo, so sánh hơn thua thì ngày càng xây bức tường ngăn cách và đổ vỡ.

Khi yêu nhau vợ chồng phải ứng dụng nguyên tắc nhận thực chính mình trong cuộc sống hằng ngày, “Chỉ thấy con người, chỉ lấy con người làm tiêu chuẩn căn bản để nhận diện, chớ không vì gái tham tài, trai tham sắc như bao xã hội đương đại.

Ngoài ra vợ chồng còn phải dùng tài năng và của cải để giúp cho nhau thăng tiến trong cuộc sống lứa đôi, chung hưởng cuộc sống, kết hai cuộc sống thành một cho dù bất cứ ở hoàn cảnh nào.

Chấp nhận cho nhau, không vì bất cứ lý do gì mà lia nhau. Sẵn sàng chết cho nhau. Không buồn phiền giận dữ!

Mãi mãi có nhau. Khi vợ chồng biết đối xử với nhau như vậy thì Tình Yêu mới thực sự trọn vẹn, cuộc sống mỗi ngày tăng thêm hạnh phúc, bền vững bên nhau.

Tóm lại, chuyện chàng rộng Phi Công Phản Lực chết vì tình, Tổ Tiên xác tín về đời sống Bản Thân, nên tặng hạnh phúc Con Người, và đề ra những nguyên tắc sống thực nhằm bộc lộ và phát triển Tình Yêu của con người trong Xã Hội Đồng Bào, một xã hội mới đích thực!

Bọc Mẹ Trăm Con: Một là Trăm và 100 mà là 1. Mình sống vì mọi người, và mọi người sống vì mỗi người.

Xin hỏi quý bạn có làm được không vậy? Ai làm được thì ghi danh để Phạm Văn Bản phát bằng Hôn Nhân cho!

Ở cấp Tinh Nước, những người an dân thịnh nước như Tiên Dung Chử Đồng thành Tiên, Phù Đồng thành Thân. Tiên, Thân là phần thưởng công, phần thăng hoa hay tinh túy của linh thiêng.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Ở cấp Tình Nhà, Trầu Cau qua chuyện người em hóa đá, máu Mỹ Châu trọn tín thác chồng thì hóa ngọc, trái tim Trương Chi ôm mối tình câm, chỉ vì con người phân chia đẹp xấu, giàu nghèo thì cũng hóa ngọc. Đá, ngọc là kết tinh, tinh túy của vật chất!

Nói đến cả hai phần vật chất và tinh thần của con người, được thăng hoa thành đá, thành ngọc, thành tiên, thành thần thì chúng ta lại trở về với con người Tiên Rồng – con người thật trong Bộ Ba Nền Tảng!

Vậy có sự an ủi và niềm hãnh diện nào hơn là chúng ta được làm con cháu của Tổ Tiên dòng giống Tiên Rồng ưu việt – được mệnh danh là Con Cháu Tiên Rồng.

CHƯƠNG XIII

SÁCH LƯỢC GIỮ NƯỚC
VÀ
CỨU NƯỚC

8. Huấn Ca Mỹ Châu
Sách Lược Giữ Nước



HOA TIÊN RỒNG

Dương Vương muốn dựng Cổ Loa
Ước mong chống giặc Triệu Đà xâm lăng

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Nhưng thành luôn mất thăng bằng
[735] Xây xong lại sụp – bởi rằng yêu tình
Vương liền cầu khẩn thần linh
Kim Quy – để quốc nể tình giúp cho
Từ đây – thành ốc khỏi lo
Thần còn tặng móng – làm cò cung tên
[740] Bắn ra một phát – sừng rên
Giết ngay vạn giặc lên khên ngoài thành

Triệu Đà – mưu chước khôn ranh
Cầu hòa – xin tặng thêm cảnh thiên hương
My Châu Trọng Thủy – uyên ương
[745] Thương chồng – nàng lộ hiến chương quốc phòng
Giúp chàng nội gián vào trong
Tráo ngay lấy nỏ – việc xong là về
Cùng cha – qua đánh nhạc thê
Cổ Loa thất thủ ê chề đắng cay
[750] Vương cùng con gái cao bay
Ôm lưng tuấn mã mơ ngày thoát thân
Ngàn trùng đào tẩu tảo tần
Đối phương lại cứ rần rần rượt theo
Vì nàng – lông ngỗng rắc gieo
[760] Giúp chồng Trọng Thủy – bám đeo đuôi hoài!

“Triệu Đà Trọng Thủy” – cả hai
Biểu trưng “đế quốc” – chuỗi dài xâm lăng
Tiên Rồng – vì mất quân bằng
Bởi không “song hiệp” – gia tăng đối thù

[765] Tích truyền lịch sử nghìn thu
Một lần duy nhất trùng tu vương thành
Tuyên xưng chống giặc đã đành
Nhưng vì thành ốc chỉ dành cho vua
Nguyên nhân công cuộc thắng thua
[770] Tốn hao công quỹ – theo hòa ngoại bang
Chẳng màng cải tiến Nước – Làng
Đã không chăm sóc – lại càng hại dân
Rời thành sập đổ nhiều lần
Sưu cao thuế nặng – muôn phần tổn hao
[775] Bắt dân đắp lũy vét hào
Ruộng nương hoang phế – tăng cao đói nghèo
Tạo ra xã hội cheo leo
Lòng dân than oán – rắc gieo tương tàn
Người người cơ cực làm than
780] Tham quan những nhiễu lan tràn khắp nơi
Nước – Dân thành chuyện xa vời
Còn chi lý tưởng với lời nói suông

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Tướng binh dù có bổng lương
Nhưng vì “hồn nước” đã ruồng bỏ đi
[785] Dân thì “hồn giặc” ám ghi
Mong thay chế độ – thị phi bất cần
An Dương – lại sống xa dân
Chui vào ốc đảo – vinh thân lợi nhà
Kết bè – nhận giặc thông gia
[790] Môn đăng hộ đối – để mà khinh dân
Hôn nhân đình đám rần rần
Xe bao trăm cỗ tỏ phần xa hoa
Tiệc tùng quà cáp lựa là
Vui trên xương máu nước nhà – mà thôi

[795] Nỏ thần thành ốc – đủ rồi
Tăng tàu phi pháo – yên ngôi trị vì
Mặc dân – ai khổ can chi
Tin vào vũ khí – cậy vì đồng minh
Giặc kia – mà ngỡ thâm tình
[800] Rước tên nội gián – rập rình sẵn tin
Còn đâu quân sự giữ gìn
Còn chi bảo mật – thiếu nhìn thanh tra
Việc công – vua đã lơ là
Quên lời Dựng Nước – để mà An Dân

[805] Xa lìa truyền thống tiền nhân
Chạy theo Duy Lợi – vong thân cầu ngoài
Mộng mơ khoa bảng làm “tài”
Cam tâm nô lệ – Chẳng hoài “nước non”

Nuôi thân trả nợ chưa mòn
[810] Sớm khuya hia mảo bon chen việc làm
Lâu lâu có buổi họp quan
Vua ngồi vua phán – lam nham ích gì
Toàn dân – xa lánh khinh khi
Vua thời chờ phút sinh thì – mất ngôi
[815] Việc vua việc nước – đơn côi
Một người con gái – thành đôi nghịch thù
Gả nàng – trao đổi – đền bù
Biến con thành giặc cho dù giữ ngay
Hỡi ơi! Tham lợi háo tài

[820] Bán buôn máu huyết hình hài Tổ Tiên
Nhận làm phương tiện – ngang nhiên
Giúp cho giặc chiếm trọn miền quê hương
Ngây thơ chính trị – dẫn đường
Lộ điều bí mật – vì thương người chồng
[825] Cướp xong vào buổi chiều đông
Anh chàng gián điệp – thông dong về nhà

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Cùng cha – qua đánh nhạc gia
Phép công là trọng – lọ là niềm riêng
Đất bằng nổi sóng binh khiên
[830] Dân cư tan tác – xóm giềng điêu linh

Dương Vương nay rõ sự tình
Nỏ thần hết nghiệm – tướng binh đầu hàng
Pháo phi thiết kỵ – mọi đảng
Lọt về tay giặc – phũ phàng – hận căm

[835] Ba mươi tháng bốn bảy lăm
Mặc dân sống chết – vua nhằm thoát thân
Ấm con – ôm bạc – nhanh chân
Tìm đường tỵ nạn – cầu ân xứ người

Nào đâu chẳng thấy tiếng cười
[840] Con dân địch vận là người ngu ngơ
Lệnh truyền từ “cục e – rò”
Áo choàng lông ngỗng – phát phơ chỉ đường
Chạy qua bao ải dặm trường
Địch quân sao mãi tinh tường rượt theo
[845] An Dương lâm cảnh hiểm nghèo
Truy ra nguyên có – Giặc đèo sau lưng

Than ôi – nàng My – con cung
Lông chim đã nhỏ – biểu trưng Tiên tàn
Nhát gươm oan nghiệt – chém tan
[850] Máu nàng – vung vãi lan tràn biển khơi
Đau thương khổ lụy chưa vơi
Chết theo vua chúa – chết đời nước dân
Triệu Đà chiến thắng khắp phần
Chủ trương vô sản – phi nhân phơi bày
[855] Tàn dân cùng cực đọa đày
Người người căm phẫn – chờ ngày vùng lên
Giúp Dân Cứu Nước – xứng tên
Học bài Phù Đổng làm nền dựng xây
My Châu – dẫn chứng nơi đây
[860] Trước là Hòn Nước – từ rầy chớ quên
Tổ là biểu tượng nói lên
Tiên Rồng Chánh Thuyết – dựng nên nước nhà
Tinh thần kết hiệp hài hòa
Tàn Dân Giữ Nước – chính là việc công
[865] An Dương – phản bội Tổ Tông
Không cầu khẩn Tổ – cậy trông người ngoài

Kim Quy – biểu tượng thần tài
Đại cuộc giữ nước – đã sai từ đầu

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Hồn lia trước – Nước mắt sau
[870] Nỗi đau mất nước – lụy sâu nhà tan
Nước Dân – Đòi sống liên can
Mất theo Hồn Nước – lụi tàn Lòng Dân

Mất Dân – thì mất mọi phần
Kẻ chi thành ốc nỏ thần – thị uy
[875] Cổ Loa – bài học dễ suy
Biểu trưng thành chết – xụp tùy thời gian

Lòng Dân – Sức Nước tương quan
Quốc phòng quân sự – bảo an nước nhà

Phải luôn cải tiến, kiểm tra
[880] Là phần cơ mật – để mà phòng nguy

Tuyệt tin vũ khí Kim Quy
Dương Vương ý lại – tiện tùy ngũ quân
Say men chiến thắng – ngỡ bèn
Quên điều cập nhật – sót tên bảo trì!
[885] Nhận con rết giặc – làm gì
Rước vào cung cấm – còn chi quốc phòng

Dương Vương – dầu hưởng thông dong
Nhưng về tay giặc đã xong mọi phần
Chỉ chờ khi giặc xuất quân
[890] Nhà tan nước mất – thoát thân chạy dài

Đồng minh – trở mặt ly khai
Quốc gia sụp đổ – như bài học trên

Tích truyền minh chứng – nói lên:
Phát huy truyền thống – giữ bền non sông
[895] Sống theo Đạo Đức Tiên Rồng
Giúp Dân Giữ Nước – thành công sáng ngời
Hòn – Dân – Sức – Đất ai ơi
Giữ toàn vẹn bốn – Nước thời thịnh an

Mỗi khi nạn nước tràn lan
[900] Giữ Hòn – Dân – Sức phá tan giặc thù

Hòn – Dân – mất Sức cho dù
Muốn mong quật khởi – cần cù có ngay

Mất Dân – Sức – Đất chờ ngày
Giữ Hòn tụ điểm – tỏ bày thành công

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

[905] Mất Hồn – mọi sự tang bồng
Nước thành xác chết – đừng mong phục hoàn

Mất Hồn – Dân mãi lo toan
Cũng thành công cụ – hoàn toàn gây nguy

Mất Hồn – Dân – Sức ích chi
[910] Thuộc về tay giặc – cũng tùy thời gian

Giữ – Hồn – Dân – Sức liên quan
Theo bài Phù Đổng – ta bàn sâu hơn

My Châu – phá hoại giang sơn
Tội đên xử chém – làm ơn răn đời
[915] Nước – Nàng không sống trọn lời
Tình Nhà chung thủy – đồng thời thưởng công

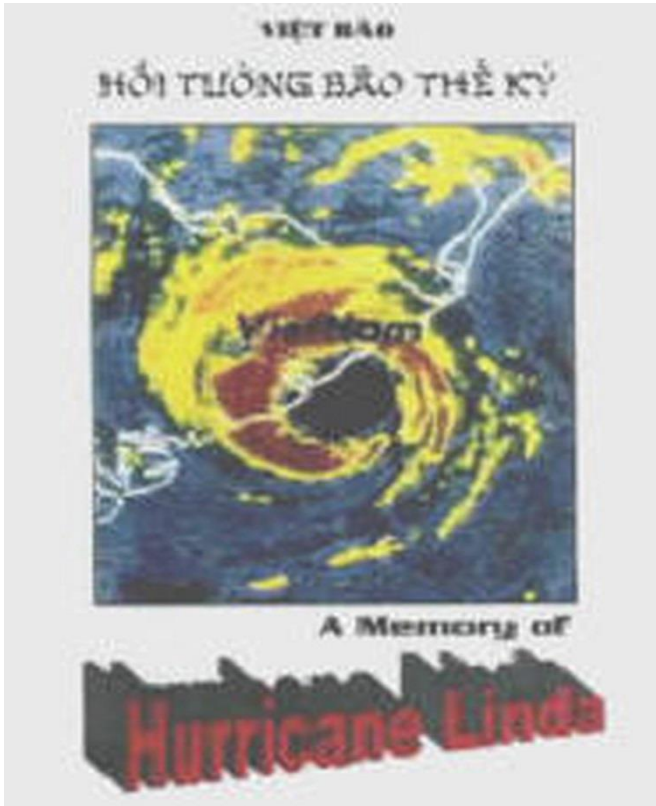
Tổ Tiên – phán xử mình thông
Tội làm mất nước – thương chồng mà ra
Máu nàng – được hóa ngọc ngà
[920] Chính là Máu Đá – Tình Nhà thặng hoa
Ngọc trai nước giếng – tắm hòa
Trở nên sáng đẹp – nhạt nhòa Thân Thương

Trầu Cau – tích dẫn tỏ tường
Thương nhau trọn vẹn – con đường quang vinh
[925] Nước Nhà sống thực – trọn tình
Tiên Rồng Song Hiệp – chứng minh tuyệt vời



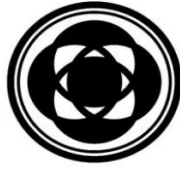
Vợ chồng tác giả chuẩn bị về thủy phủ
là quê hương của loài rồng

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI



Hồi Tưởng Bão Thế Kỷ của Việt Bào Phạm Văn Bản viết cho chương trình Phòng Chống Bão Lụt của Hội Hồng Thập Tự Quận Bộ Snohomish

9. Huấn Ca Phù Đổng Sách Lược Cứu Nước



HOA TIÊN RỒNG

Tích truyền Cứu Nước dẫn lời
Huấn linh Phù Đổng từ thời Hùng Vương
Đề ra Sách Lược tổ tông
[930] Tổ Tiên hướng dẫn con đường Giúp Dân

Xâm lăng với nạn giặc Ân
Vua Hùng tìm cách giải phần nguy cơ
Dùng bao phương thức – nào ngờ
Chẳng ngăn nổi giặc – cõi bờ phá tan
[935] Nhà Vua chợt nhớ lập đàn
Khấn cầu Quốc Tổ – thương ban nước nhà

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Can qua tại chốn ngã ba
Trong cơn giông tố hiện ra Cự Già
Hình dung cổ quái – múa ca
[940] Râu dài áo đỏ – đậm đà tuyết son
Giỡn chơi với đám trẻ con
Rầm rầm chạy nhảy – cười dòn pháo rang

Nhìn qua khung cảnh ngoài đàng
Tuần quan thấy lạ vội vàng tâu vua
[945] Hùng Vương tiến đến kính thưa
Cầu Cự giúp chước – tránh thua quân thù
Cự cười và bảo: “Nhân thu
Nhà vua sai sứ chu du tìm người!”
Vương liền phán đến khắp nơi
[950] Tìm người cứu nước như lời Tổ khuyên
Sứ nhân hăng hái rao truyền:
“Tổ về và bảo thường xuyên đi tìm”

Và làng Phù Đổng đòi sim
Có con trai nhỏ im lìm ba năm
[955] Chẳng đi, cười, nói – chỉ nằm
Tới khi sứ đến viếng thăm làng này

Cậu ta bật dậy trình bày
Xin con ngựa sắt với tay roi dài
Từ đây Cậu Bé trở tài
[960] Lớn mau như thổi – tiêu sài áo com
Gia đình tận lực bỏ bom
Bà con lối xóm đong đơm giúp vào

Tối hôm ngựa sắt sứ trao
Vươn vai hít thở lớn cao phi thường
[965] Phóng lên ngựa sắt cầm cương
Ngựa liền phun lửa nhắm phương nghịch thù
Vung roi đánh giặc mịt mù
Nhỏ tre mà đánh – cho dù gãy roi

Số làng ngựa thổi cháy toi
[970] Giặc tan – trời đất đã soi rửa hờn
Thắng quân tới núi Sóc Sơn
Cậu cùng ngựa lửa thoát cơn – Về Trời
Gốc tre bỏ lại trên đồi
La Ngà – Thánh Gióng – đồng thời mọc lên
[975] Vua Hùng phong cậu với tên
Thiên Vương Phù Đổng giữ bền non sông.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI



Trống Đồng Ngọc Lũ của Việt nam

Trống đồng là sản phẩm của nền văn minh nông nghiệp phát triển và là di vật biểu trưng cho nền văn hóa của người Việt cổ xưa vào thời kỳ Dựng Nước. Nổi bật trong số ấy phải kể đến hình ảnh Trống Đồng Ngọc Lũ với họa tiết hoa văn vô cùng tinh xảo và độc đáo, thể hiện sự sáng tạo tuyệt vời về nghệ thuật từ những buổi đầu sơ khai của nền văn minh văn hóa Lạc Việt.

C. Bộ Hai Phục Hưng

8. Mỹ Châu



HOA TIÊN RỒNG

Mỹ Châu là bài học Giữ Nước. Theo quan niệm của Tổ Tiên, thì công cuộc xây dựng và kiến thiết đất nước là của toàn dân. Bất cứ tổ chức chính trị độc tài nào cũng là phản dân hại nước và đắc tội với Dân Tộc Việt.

Mỹ Châu minh định rằng việc xây thành, lập đảng nhằm mang lại lợi ích cho giai cấp thống trị, có ích chi? Cây chi vũ khí nổ thần mà bỏ quên sức dân? Trông chi đồng minh Kim Quy xa lạ mà lia bỏ Hồn Dân Hồn Nước?

Xây thành Cổ Loa làm cho dân đói khổ. Phung phí tài nguyên làm cho dân cùng cực.

Tôn hao ngân sách làm cho nước kiệt quệ. Ý vào thành vững nổ thần mà khinh dân, xa dân, bỏ dân để phó mặc mà chạy theo lợi ích ngoại bang.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Thành cao lũy tốt, khí giới hiện đại có ích chi khi chính người công dân cuối cùng là con gái của mình Công Chúa My Châu đã đổi nghịch, huống chi dân chúng ngoài thành? Vì từ khi gả nàng cho giặc, nàng thành người của giặc, thì nàng phải nghe lời giặc và nàng làm theo ý giặc.

An Dương Vương không thể đổ thừa hay trách oán ai?

Việc An Dương Vương xây thành Cổ Loa cách Hà Nội khoảng 15 cây số và làm mất nước, đã trở thành một đề tài suy tư cho bao thế hệ tiếp nối. Với hơn bốn ngàn năm văn hiến, việc tích lũy truyền đạt kinh nghiệm Giữ Nước từ sai lầm của triều đình An Dương thành bài học cao quý cho chúng ta.

Tổ Tiên dùng câu chuyện thương tâm An Dương Vương và cặp vợ chồng My Châu Trọng Thủy làm đề tài Mất Nước để dẫn chứng cho chúng ta thấy rõ ràng về bài học Giữ Nước: Muốn Giữ Nước thì chúng ta phải biết Giữ Hồn Nước, Giữ Dân Nước, Giữ Sức Nước và Giữ Đất Nước.

Dưới khía cạnh bài học Làm Người, truyền thuyết My Châu cũng nói lên điển tiến của một người làm mất chính mình, mất đồng bào tính, mất Chính Thuyết Tiên Rồng và khiến cho con người ấy bị tha hóa, bị đầu độc, bị tuyên truyền bởi những tà thuyết ngoại nhân nhằm biến đổi con người của mình trở thành một Cá Nhân Vị Kỳ, chứ không phải Tự Do Cá Nhân.

Chuyện kể rằng để chống quân Triệu Đà, thì An Dương Vương đã khởi công xây dựng Loa Thành. Đặc biệt trong suốt dòng lịch sử của Dân Tộc Việt chưa bao giờ có việc xây thành kiên cố cho vua chúa trú ngụ.

Các Vua Hùng đã luôn sống với dân, gần dân và cùng dân chia sẻ mọi trách nhiệm theo định chế Làng Nước xưa nay.

Việc xây Loa Thành này đã đánh dấu quan niệm chống giặc giữ nước theo kiểu của An Dương Vương. Quan niệm này đi ngược lại truyền thống ngàn đời của Dân Tộc Việt, và xây thành trở nên việc làm xa lạ với nếp sống của toàn dân đương thời.

Ngoài ra, sự kiện thành bị sụp đổ nhiều lần, đã chứng tỏ hoàn cảnh đất nước không đủ cung ứng cho việc xây thành lũy. Chẳng những An Dương Vương lìa xa tinh thần dân tộc, mà còn lìa xa đời sống thực tế, thực thể hay thực trạng hiện hữu của đất nước.

Khi thành bị sụp đổ, đáng lý An Dương Vương phải tìm hiểu, thay đổi kế hoạch mới, để ứng hợp với hiện trạng nhằm vận dụng, xử dụng và tận dụng sức mạnh thiết thực của toàn dân. Nhưng ông lại trông cậy vào mưu lược tài trí của người lạ Thần Kim Qui.

Như thế việc xây Loa Thành còn nói lên khuynh hướng sống vọng ngoại của An Dương Vương.

Theo Chính Thuyết Tiên Rồng, việc lìa bỏ tinh thần dân tộc, Hồn Nước của An Dương Vương lại càng rõ rệt. Đang khi trong truyền thuyết Tiết Liêu hay Phù Đổng, khi cần An Dân Cứu Nước, thì các Vua Hùng khẩn Cầu Tổ về chỉ dạy. Nhưng ở đây, An Dương Vương không cầu Tổ, mà lại đi cầu đòng mình Kim Quy đến giúp xây đặc khu kinh tế giữ nước, trong chương trình “Vành Đai – Con Đường!” của thiên triều Trung Quốc.

Chẳng những giúp xây được Loa Thành, Thần Kim Qui còn cho một cái móng chân để làm lẫy nỏ, vũ khí nguyên tử nỏ thần này bắn một phát giết vạn giặc ngoài thành.

Với thành vững, với vũ khí hiện đại Nỏ Thần đã khiến cho các tài năng thiện nghệ của Thanh Niên Việt trở thành vô dụng. Các tài năng chất xám của bao lớp người thanh thiếu

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

niên cũng không xử dụng, không nuôi dưỡng, không cần thiết trong công cuộc Dụng Nước – Giữ Nước của An Dương Vương.

Có phải đây biểu trưng của một nhà chính trị độc tài chuyên chế?

- Nhận Hòn Giặc

Đã xa nếp sống người dân, đã chỉ cậy nhờ người ngoài, An Dương Vương lại đem công chúa My Châu gả cho hoàng tử Trọng Thủy, con của cửa đôi phương Triệu Đà.

Đang là một tên xâm lăng khiến cho An Dương Vương phải lo xây thành để chống cự, thì Trọng Thủy bỗng ngang nhiên bước vào tung hoành tới tận thâm cung bí sử của Loa Thành.

Đang là một tên giặc nguy hiểm Trọng Thủy lại trở thành người đầu gối tay ấp của nàng tiên My Châu.

Như vậy, từ chỗ tùy thuộc vào người ngoài, rồng An Dương Vương bước tới giai đoạn rước giặc vào nhà. Và tiên My Châu, biểu tượng cho tâm hồn Việt, cũng đã chấp nhận giặc, ôm ấp giặc, nghe lời giặc và thành người của giặc.

Cớ sự mất nước đã vậy mà My Châu còn tiến thêm một bước, là nàng yêu và chiều Trọng Thủy đến nỗi đưa vũ khí tối mật của quốc gia là cái nỏ thần cho Trọng Thủy coi. Tuy không hoàn hảo, nhưng đất nước đang được tạm thời sống trong yên ổn nhờ có thành vững nỏ thần.

Thế mà sau khi giúp cho giặc phá lũy thành, thì giờ đây My Châu còn làm theo ý giặc là trao cho Trọng Thủy xem cái nỏ thần, để rồi bị chàng đánh tráo cướp mất.

My Châu đã coi ý giặc hơn sự an toàn của dân nước. Nàng đã yêu quý giặc hơn đồng bào mình, hơn quê hương mình.

Vậy thì còn gì Nước, còn chi là Dân? Nhưng nàng vẫn cho là chưa đủ! Trên lưng ngựa cùng cha chạy trốn, My Châu còn nhỏ lông ngỗng nơi chiếc áo đang mặc, để ghi dấu cho Trọng Thủy tìm đường rượt theo.

Thực là chua chát.

Nàng Tiên Việt đã hoàn toàn quên mình vì giặc!

Giờ đây, người nàng chỉ còn chiếc áo lông ngỗng, hình ảnh cuối cùng của chim Lạc, của Tiên, mà nàng cũng nhẫn tâm rút bỏ để làm dấu dẫn đường cho giặc!

Lông đã nhỏ, lớp áo tiên mỏng manh bên ngoài cũng không còn, nên My Châu gục chết.

Lâu nay, tuy tâm hồn đã đổi thay, nhưng nàng vẫn còn giữ và khoác chiếc áo Tiên. Giờ đây nàng lộ nguyên hình là giặc.

My Châu là Tiên, là biểu tượng cho tinh thần, cho ý thức văn hóa trong việc Giữ Nước. Nay đã mất Tiên. Mất theo nàng, theo An Dương Vương, là cả một đất nước và cả một dân tộc.

Thật là chua chát đắng cay cho chúng ta.

- Diễn Tiến Mất Hồn Nước

Thế là An Dương Vương và My Châu đã làm cho Nước mất Nhà tan. Đó cũng chỉ vì “chàng rỗng” An Dương Vương từ bỏ truyền thống, xa lìa hiện trạng dân nước đi cậy nhờ và lệ thuộc người ngoài. Và “nàng tiên” My Châu lại chấp nhận việc kết thân với giặc, rồi làm theo ý giặc, quên mình vì giặc, và chết cho giặc.

An Dương Vương và My Châu đã để Hồn Nước dần dần tiêu hao với những quyền rũ hào nhoáng của những lợi ích hời hợt bên ngoài. Khi nền tảng dân tộc bị phai lạt nơi bất cứ dạng

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

thức nào của đời sống dân nước, thì tại phần đó, từ phần đó nước bắt đầu mất.

Dưới khía cạnh Con Người, đây cũng là diễn tiến Con Người đánh mất chính tâm hồn mình. Điều đáng sợ là diễn tiến đó rất tuần tự, nên nhiều khi mình đã đánh mất chính mình, đã trở thành giặc, đã làm hại mình, mà mình cũng không hay, không ngờ.

- Hồn Mất Trước, Nước Mất Sau

- Bài Học Dân Nước

Việc bỏ mất Hồn Nước luôn luôn kéo theo việc bỏ dân, làm mất dân. Khi giới quyền chức đã tin tưởng và ỷ lại vào ngoại nhân, thì người dân trong nước bị khinh khi rẻ rung, bị coi là phương tiện để phục vụ quyền lợi riêng tư của nhóm người đặc quyền thông trị hay nhóm lợi ích.

Sự kiện An Dương Vương quyết định xây thành đã tố cáo việc ông bỏ quên trách nhiệm chăm sóc đời sống cho toàn thể mọi người dân trong nước. Trước đây, mọi người đều là con dân, đều được ông chăm sóc, nhưng từ nay, với quyết định xây thành của ông, những kẻ ở ngoài thành sẽ bị phó mặc cho đau thương, cho hoạn nạn, cho bất trắc, cho tiêu diệt.

Thế mà thành lại hư sập nhiều lần, và gánh nặng lại đổ xuống trên người dân. Toàn Dân phải chịu sưu cao thuế nặng, mưa nắng dãi dầu, gia đình ly tán, vợ con nheo nhóc khi phải sống cảnh chồng đi làm phu phục dịch đào hào đắp lũy.

Đã hết lo cho dân, An Dương Vương lại hành hạ dân, bắt dân phục vụ ông.

Khi xây xong thành, An Dương Vương đã thực sự sống xa cách dân. Trước kia, trong suốt mấy ngàn năm các vua dân Việt đã không hề xây thành mà luôn sống với dân, bên dân và cùng dân chia sẻ cuộc sống chung.

Nhưng nay, An Dương Vương rút mình vào trong vỏ ốc. Đối với ông, toàn dân bây giờ chỉ còn có nghĩa là nhóm người đang lo đóng thuế và phục dịch ông ở trong thành lũy này.

Được thêm vào vòng thành tròn ốc với chiếc nỏ thần hiếm quý của Thần Kim Qui càng làm cho An Dương Vương vững tâm và xa dân hơn. Đã hết gần dân, giờ đây ông lại không cần dân.

Một phát nỏ thần bắn ra có thể giết hàng vạn quân giặc, nên sự góp sức của dân không cần thiết nữa. Trong việc giữ nước, người dân đã trở thành vô dụng, thành thừa thãi, thành ngoại cuộc.

Chẳng những vậy, từ nay, ngoài đám dân phục dịch trong thành, còn toàn thể dân tộc trong nước đều ở trong tầm sát hại của nỏ thần. An Dương Vương coi dân như giặc, và ông đã trở thành giặc, đã bán nước cho Triệu Đà.

- Thành Giặc

Từ chỗ đối xử với dân như giặc, An Dương Vương đem My Châu gả cho Trọng Thủy, hoàng tử của giặc. Với việc thông gia giữa hai dòng vua, An Dương Vương đã tạo ra giai cấp đặc quyền.

Ông muốn từ nay gia đình ông phải là dòng họ cao trọng và giàu sang đặc biệt, không còn liên hệ với dân. Ông hoàn toàn tách rời dân, tách rời truyền thống văn hóa đặt nền tảng trên bài học Chử Đồng: “Nàng tiên Công Chúa Tiên Dung lấy chàng rỗng Chử Đồng nghèo khổ không khổ, không mặc quần đùi.”

Thế là An Dương Vương đã rước giặc vào cung. Ông hủy bỏ công dụng của Loa Thành, và bỏ quên những người ở trong thành.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Giờ đây ông chỉ còn biết có gia đình ông. Quanh ông chỉ còn có hai người: một là My Châu, hai là tên giặc nằm vùng Trọng Thủy.

An Dương Vương chỉ còn My Châu là con, là dân, người dân cuối cùng. Vì vậy, ông giao cho My Châu trách nhiệm gìn giữ chiếc nỏ thần, báu vật bạo lực thần thánh của ông. Ông tập trung quyền lực vào gia đình, vào những người thân cận ông.

Với việc tập trung quyền lực, từ nay người dân bị tham nhũng, bị bóc lột, và trở thành dân oan hoặc thành miếng mồi ngon cho tham vọng không đáy của nhóm quan chức. Ai làm chủ nỏ thần, làm cò đất, và ai nắm giữ quyền lực thì người đó có toàn quyền sinh sát và cướp đoạt tài sản nhân dân.

Vì vậy, Trọng Thủy đã dùng thủ đoạn, đoạt cái lẫy nỏ khỏi tay My Châu một cách dễ dàng. Sau đó nhóm đặc quyền tranh nhau xương máu của dân, và người dân trở thành mồi lợi, món hàng, của bọn quan chức chỉ còn biết tư lợi và quyền lực.

Kết quả của tranh chấp quyền lực là tai họa giáng xuống trên người dân. Ách thống trị theo chân Trọng Thủy và Triệu Đà trùm phủ lên toàn thể dân nước.

Bài Học Dân Nước thực thấm thía. Bỏ trách nhiệm chăm sóc dân, hành hạ dân, xa lánh dân, coi dân như thù địch, để chỉ dựa vào thành lũy, vào nỏ thần, vào nhóm đặc quyền, vào bạo lực, thì rồi, việc giữ nước chỉ còn là những thủ đoạn tranh quyền đoạt lợi.

Người dân trở thành mục tiêu cho bóc lột, cho bạo hành. Và Giữ Nước trở thành Cướp Nước.

Giữ Nước Là Việc Của Toàn Dân. Dân không giữ nước thì giặc giữ!

Không cho dân giữ nước thì chính quyền đó là kẻ cướp nước.

- Bài Học Sức Nước

Dưới khía cạnh Sức Nước, khi An Dương Vương từ bỏ truyền thống và xa lìa cuộc sống người dân, để quyết định xây thành, chính là lúc ông làm băng hoại sức mạnh xã hội của nước. Việc xây thành làm hao tổn của cải, tài năng và nhân lực trong nước.

Vậy mà thành còn bị hư sụp đồ nhiều lần, nên sức mạnh kinh tế lại càng suy sụp thêm, nghèo đói thêm.

Khi sống trong thành, xa dân, không còn biết đến đời sống người dân, An Dương Vương bỏ mất sức mạnh chính trị: Tô Chức & Lãnh Đạo. Khi được nỏ thần, khi không còn vận dụng sức dân, khi làm cho dân thấy mình trở thành người ngoại cuộc thừa thãi, chính là lúc An Dương Vương đánh mất sức mạnh tinh thần trong công cuộc Giữ Nước.

Làm mất dân, An Dương Vương đã bỏ mất những sức mạnh nền tảng của việc Giữ Nước. Nhưng ông cũng chưa thấy nguy cơ vì ông đặt trọn niềm tin vào Loa Thành và Nỏ Thần.

Loa Thành bảo đảm thế thủ an toàn, và Nỏ Thần đang làm mọi người khiếp sợ. Loa Thành và Nỏ Thần là biểu trưng của sức mạnh quân sự, khả năng giữ nước cuối cùng của An Dương Vương.

Nhưng rồi ông thua kém trên mặt trận ngoại giao, khi bị rơi vào thủ đoạn của giặc. Sau khi hao tổn biết bao công quỹ để xây thành ngăn giặc, ông lại long trọng rước giặc vào tận thâm cung.

Chính ông đã loại bỏ công dụng sức mạnh phòng thủ của ông.

Thành đã bị phá lũng, An Dương Vương chỉ còn chiếc Nỏ Thần. Nhưng ông lại bị thua ở mặt trận gián điệp.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Trọng Thủy đã biến vợ mình là My Châu thành nội tuyến, và nàng đã tiết lộ bí mật quốc phòng. Khi để Trọng Thủy đánh tráo lấy nỏ, trao vũ khí giữ nước cuối cùng vào tay giặc, An Dương Vương đã để mất luôn sức mạnh kỹ thuật.

Không Sức Mạnh Lấy Gì Giữ Nước?

- Bài Học Đất Nước

Công cuộc giữ nước bộc lộ rõ ràng nhất trong việc bảo vệ từng tấc đất của quê hương. Thế mà An Dương Vương dám bỏ mất dần.

Trước kia, chưa xây Loa thành, An Dương Vương đã để tâm chăm sóc toàn thể đất nước. Nhưng khi xây thành, ông chỉ còn giữ lại mảnh đất trong thành.

Đối với ông, đất nước ta không còn trải rộng ra khắp bờ cõi, mà thu hẹp lại trong hào lũy. Ông chênh mảng trong việc giữ nước, để chỉ chú tâm tới cái làng mà ông đang ở để mà sống hưởng thụ.

Thế nhưng, khi lo cưới chồng cho My Châu, rước tên giặc Trọng Thủy vào nội cung, An Dương Vương lại vì tình nhà mà hủy bỏ sự phòng thủ của thành. Ông chỉ còn thấy có cái nhà của ông.

Và rồi, khi để My Châu trao nỏ thần vào tay giặc, ông đã không giữ nổi mấy chục thước đất cuối cùng. An Dương Vương đã thực sự không còn đất sống.

- Áo Tửng Giữ Nước

Thế là hết, An Dương Vương đã để mất Hòn Nước, để mất Dân Nước, để mất Sức Nước, và cũng đã mất Đất Nước. Tuy nhiên, ông vẫn không ngờ, ông vẫn tưởng rằng ông đang giữ nước.

Thực vậy dầu Hồn Nước có mất, cũng chỉ có nghĩa là ông đã thực hiện quan niệm của riêng ông. Cho dù người Dân đã bị loại ra khỏi việc giữ nước, nhưng nhờ đó ông lại càng dễ thống trị hơn.

Cho dù Trọng Thủy là con giặc, nhưng đã trở thành con ông. Cho dù My Châu nằm trong tay giặc, nhưng nàng vẫn còn mặc áo lông ngỗng.

Cho dù giặc có tung hoành ở thâm cung, nhưng vòng thành bên ngoài vẫn kiên cố vô song. Và cho dù lấy thân đã bị tráo, chiếc nỏ vẫn còn nguyên hình dạng cũ.

Tất cả đều cho An Dương Vương ảo tưởng là đất nước vẫn an toàn, là ông đang hoàn thành nhiệm vụ giữ nước một cách tuyệt hảo. Nhưng quả thực, sở dĩ đất nước còn, và ông vẫn còn như đang giữ nước, không phải là vì ông phòng thủ hữu hiệu, mà vì giặc chưa xua quân tiến chiếm.

Vì vậy, khi Triệu Đà xua quân tới, An Dương Vương chỉ còn cách lên ngựa chạy trốn. Ông không còn gì.

Tất cả đã bị giặc chiếm. Cả đũa con ngòai sau lưng cũng đã thuộc về giặc, cũng đã là giặc.

Ôi dân tộc đồng bào! Ôi giang sơn gấm vóc!

Tuy rằng Chính Thuyết Tiên Rồng đang liệt kê nhiều nhân vật góp phần làm mất nước, nhưng mọi nhân vật đều có thể quy về một mình An Dương Vương. Chính An Dương Vương đã lia bỏ truyền thống dân tộc mà quyết định xây thành.

Chính ông đã nhờ thần Kim Quy, đã xin nỏ thần. Chính ông đã hành hạ dân, đã từ khước dân.

Ông cũng đã đón rước Trọng Thủy, đã đặt nỏ thần trong tay Trọng Thủy. Chính ông đã dành cho Triệu Đà mọi điều kiện để đặt ách nô lệ lên toàn dân.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Trong diễn tiến đó, chúng ta có thể thấy tất cả đều chỉ là những giai đoạn của con người An Dương Vương.

Từ chỗ là một người chăm lo cho cuộc sống an thịnh của dân nước, như Tiết Liêu, ông đã đề tham vọng cho ông ảo tưởng ông là thần thánh. Qua việc ông cầu kết với thần Kim Quy, qua việc xây xong thành và làm chủ chiếc nỏ thần, ông muốn toàn dân suy phục ông như một vị thần.

Ông đã bỏ nguyên tắc nền tảng đầu tiên của người làm việc nước, là phải xác tín Thân Phận Là Người của mình.

Từ chỗ coi mình là thần thánh, An Dương Vương khinh rẻ người dân, không còn nhớ tới điều kiện thứ hai của người làm việc nước, là mình đang Mang Nặng Trách Nhiệm. Ông dùng thành lũy để bảo vệ ông, và dùng nỏ thần để uy hiếp mọi người. Ông quyết tâm hưởng thụ, và bắt toàn dân phục vụ ông.

Thay vì cùng với toàn dân chia sẻ gánh nặng giữ nước, An Dương Vương chỉ còn chuyên dùng bạo lực của thành Ốc và nỏ thần. Từ đó, ông tạo ra giai cấp đặc quyền.

Ông chọn một hoàng tử để làm phò mã, đầu đó là con của giặc. Ông còn tập trung quyền lực vào gia đình của riêng ông, và ông giao trọn việc giữ nước, giờ đây chỉ còn cái nỏ thần, vào tay đứa con gái ngờ nghệch của ông.

Từ đây, đối với ông, dân chỉ là một lũ nô lệ phải luôn luôn cúi đầu khuất phục. Thế là, đối với nước, đối với dân, ông không còn là người giữ nước, mà đã trở thành tên giặc cướp nước.

Ông trở thành Triệu Đà. Như vậy, làm vua, làm việc nước, nhiều khi còn có nghĩa là giặc nước.

Người giữ nước tuyệt hảo là người cùng với toàn dân chia sẻ cuộc sống. Mọi người đều chung phần trách nhiệm giữ

nước, tuy ở tầm độ khác nhau, nhưng mọi chức vụ đều là trách nhiệm.

Nếp sống này đã được thể hiện trong nhiều giai đoạn của lịch sử Việt, và được kết tinh trong những truyền tích Tiết Liêu, Chử Đồng, An Tiêm, và Vọng Phu. Là thời suy thoái khi An Dương Vương xây thành và đặt dân dưới sự kim tỏa của nỏ thần.

Đó là chế độ, dầu dưới bất cứ danh xưng cao quý nào, mà xây dựng trên võ lực, trên lý của kẻ mạnh, trên mạnh được yếu thua.

Khi An Dương Vương tiếp nhận hoàng tử ngoại bang và trao nỏ thần cho con gái, chính là lúc thành lập chế độ gồm giai cấp đặc quyền, nắm giữ mọi quyền hành, và hưởng thụ trên xương máu người dân. An Dương Vương thành Triệu Đà là hình thức lộ liễu nhất của thống trị, chuyên chế, đế quốc, thực dân, đảng trị, thủ đoạn, mị dân.

- Yếu Tố Giữ Nước

Muốn giữ Nước thì phải giữ Hòn Nước, giữ Dân Nước, giữ Sức Nước, và giữ Đất Nước. Hòn nước được giữ bằng việc sống thực và phát huy truyền thống cao quý của dân tộc.

Dân Nước có được là nhờ chăm sóc đời sống người dân và để dân chia sẻ trách nhiệm giữ nước. Sức Nước mạnh được là nhờ các cơ cấu xã hội, chính trị, kinh tế, và tổ chức quân sự thích đáng và hữu hiệu.

Đất nước chỉ còn, khi thực sự được các yếu tố trên bảo vệ một cách trọn vẹn. Có được cả bốn, giữ được cả bốn, thì quê hương thanh bình thịnh vượng, đồng bào hạnh phúc yên vui.

Nếu mất Đất, vì quân xâm lăng tràn ngập, nhưng vẫn còn Hòn, còn Dân, còn Sức, thì ngày quật khởi ở trong tâm tay.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Nếu mất Đất, mất Sức, mà còn Dân, còn Hồn, thì lo gì không có ngày vùng dậy.

Nếu mất Đất, Sức tan và Dân bị phân tán, mà còn Hồn Nước, thì tuy cần thời gian, vẫn còn cơ hội có lại Dân, có lại Sức và có lại Đất.

Nếu mất Hồn Nước, dầu còn Đất, còn Sức, còn Dân, thì cũng đã khô cạn sức sống, cái xác không hồn, ma giặc sắp ám.

Nếu mất Hồn, mất Dân, thì Sức và Đất trở thành những khí cụ đầy bất trắc, cực kỳ nguy hiểm. Nếu mất Hồn, mất Dân, mất cả Sức, thì giang sơn gấm vóc của Tổ Tiên đang là miếng mồi ngon nằm bên miệng giặc.

Và nếu giặc đã ra tay, như thảm trạng quê hương đồng bào ta hiện nay, thì Tổ Tiên linh hiển hướng dẫn chúng ta tiến sang bài học cứu nước của truyền tích Phù Đổng trong Chính Thuyết Tiên Rồng siêu việt.

9. Phù Đổng



HOA TIÊN RỒNG

Sách Lược Cứu Nước của Tổ Tiên muôn đời hữu dụng, sách gói đầu giường hằng đêm suy tính từng điểm, từng chữ, từng câu làm một chương trình sống cho những ai dám quyết tâm phá giặc. Dám thấy việc phải làm, dám làm việc đã thấy.

Dám đối diện với thực tại, dám nhìn thẳng vào tương lai. Dám đương đầu với khó khăn, dám biến chướng ngại thành phương tiện.

Dám từ bỏ những gì mà mình đang có, để thực hiện điều cao quý hơn. Không chỉ dám bằng hứng chí, bằng lý trí, bằng chứng cứ, bằng suy tư mà còn dám với tất cả tâm hồn, chúng ta dám cảm nhận sống thực với chính mình, vì bao trăm năm qua dân nước Việt Nam chưa một lần được thực sự giải cứu.

Bởi thế Phù Đổng là Bài Học Cải Hóa – cải hóa từng con người, và cải hóa toàn thể xã hội. vừa Cứu Nước lại vừa Cải Hóa Con Người.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Khởi đầu sự kiện nước bị Giặc Ân xâm chiếm – Thời Nhà Ân Trung Quốc cũng cùng với Thời Vua Hùng ở vùng Đất Tổ của chúng ta là Hồ Động Đình. Nhân việc kể đi kể lại chiến tích chống ngoại xâm, Tô Tiên đúc kết thành bài học Cứu Nước và Cứu Người.

Trước nạn giặc xâm chiếm, nước mất nhà tan, dân tình khốn khổ, Vua Hùng và triều đình đã dùng hết cách, hết sức, hết lực nhưng vẫn không ngăn được giặc. Tuy là bối cảnh câu chuyện, nhưng lại là yếu tố giúp chúng ta chuẩn bị cho một tổ chức cứu nước hoàn chỉnh và hữu hiệu.

Mọi phương thức chống giặc đều vô hiệu, lực lượng tan rã, lòng dân phân tán, đồng minh trở mặt. Giặc lại thừa thắng xông lên, gây bao oan nghiệt, điều linh thống khổ cho đồng bào, cho đất nước, cho giống dòng.

Chúng ta phải nhận chân thảm trạng mất nước. Không lượng định chính xác sức mạnh của giặc, và tình trạng yếu kém của ta về mọi phương diện, thì chỉ là lạc quan trái mùa hay sợ giặc mà không nhìn ra giặc, không đánh giặc mà lại đánh nhau.

Chúng ta cần học hỏi và trau dồi tài năng sao cho hơn giặc mọi mặt thì mới mong thắng giặc. Nhận chân thực trạng để biết địch biết ta.

Xác định đức tính thiết yếu của chúng ta là dám nhận thực hiện trạng phủ phàng, dám tin tưởng tuyệt đối vào sức sống sức mạnh của dân tộc. Chúng ta dám lột xác để thích ứng với tình thế mới, điều kiện mới, hoàn cảnh mới, và quyết tâm dần dần thực hiện việc tổ chức cứu nước cho đến ngày thành công.

Bài học khởi sự với việc nêu rõ điều kiện, đức tính cần thiết để cải hóa từng người, rồi từ một người tới tổ chức, từ tổ chức tới mọi người khác. Phù Đổng duyệt qua từng giai đoạn, từng công tác, từng hành động từ việc vận động tinh thần, tới

các điều kiện đoàn kết, qua phương thức phát hiện tiềm năng, tới cách thể hiện điều hợp, ứng biến và tập trung sức mạnh.

Bài học nêu rõ vấn đề vai trò các chủ lực, thái độ và phương thức để khơi rọi vào trông độc tài, áp bức, bất công. Tất cả được Tổ Tiên hướng dẫn từng bước cụ thể, từng giai đoạn thực tế, để từng người, từng nhóm người và toàn thể trở về với Con Người đích thực, và Xã Hội cũng đích thực trọn vẹn là xã hội con người.

Trong ngõ bí của thời cuộc, trong phũ phàng của thực trạng mất nước, Tổ Tiên cho bùng lên một vùng sáng chói chang hy vọng là Vua Hùng lập đàn cầu Tổ về giúp. Việc lập đàn chứng tỏ lòng thành và ý thức của chúng ta về tầm mức quan trọng vượt bực trong đại cuộc giúp dân cứu nước.

Cứu một người đã khó thay, huống chi cứu cả một dân tộc, một đất nước, một lịch sử giống dòng. Tổ là biểu trưng cho Tinh Thần, cho Sức Sống tối cao, Hồn Thiêng của Dân Tộc.

Ngài là nguồn gốc và là sự sống còn, là niềm hy vọng và là tụ điểm của toàn dân. Cầu Tổ là bộc lộ niềm tin bất diệt, niềm hy vọng tuyệt đối vào sức sống vô biên và truyền thống siêu việt của dân tộc. Đây chính là nền tảng đích thực của tổ chức chính trị mang sứ mệnh Giúp Dân Cứu Nước.

Bất cứ nền tảng nào khác đều dẫn tới hậu quả là biến dân nước thành vong nô của ngoại bang, của tà thuyết, của cường quyền hay nhóm lợi ích.

Việc cầu Tổ, Phù Đổng còn nối kết cách tuyệt diệu với các truyền thuyết Tiên Rồng, Tiết Liêu. Tiên Rồng – Cha Rồng nhấn nhủ: “Khi cần thì gọi, Ta về ngay.” Tiết Liêu – Tiết Liêu thành tâm an dân thịnh nước, Tổ cũng về giúp.

Thời bình mà Tổ còn thương như vậy, huống chi thời loạn và con cháu đau khổ. Con cháu Tiên Rồng có lúc nào cần Tổ

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

thương về giúp, khi đất nước gặp nạn, gia đình ly tán, đồng bào thông khô?

Con cháu khẩn thiết kêu cầu, Vua Hùng lập đàn cầu Tổ về giúp.

Trên đàn có ngai quý để Tổ về ngự, hương trầm nghi ngút, đèn nến sáng ngời, lễ vật đầy đủ. Vua quan đều thân thanh tâm tịnh, thành tâm thiện ý, đoàn kết một lòng.

Dân chúng vây quanh cầu khẩn, van xin thống thiết, và uy nghi trang trọng. Ai cũng chờ Tổ hiển hiện tại đàn, “hoành tráng” chưa từng thấy.

Nào ngờ trên đàn chưa thấy dấu linh, thì ở ngã ba đường có một Cụ Già Áo Đỏ đang đùa giỡn với đám trẻ trong làng. Người dám tiến vào đại chúng, tìm gặp Tổ chính là Vua Hùng.

Vì quyết tâm cứu nước, nên dầu thấy những cảnh tượng bất thường của Cụ Già, Vua Hùng cũng tìm tới gặp Cụ, và xin Cụ dạy cách cứu nước. Phải thành tâm cùng tột, tuệ linh sáng ngời như Vua Hùng mới có thể nhận ra đó không phải là quái nhân tới phá đám, mà Tổ đã về.

Tuy đã lập đàn và chuẩn bị mọi sự, tức là đã dự tính cho nhiều kế hoạch, nhiều chương trình nhưng Vua Hùng cương quyết gạt bỏ tất cả, tới ngã ba đường gặp Cụ Già cố quái để học cách tổ chức cứu nước. Đây là điểm đột phá quan trọng cho người lãnh đạo, là Lộ xác.

Không vượt điểm đột phá này, không lộ xác, không từ bỏ dự tính và phương thức cũ, thì chúng ta không thành công. Không thích ứng với điều kiện và hoàn cảnh mới, không đón nhận kiến thức mới, chúng ta không thể hội nhập vào tổ chức chính trị Tiên Rồng.

Không mở rộng tâm trí đón nhận những bất ngờ, những cố quái, thì chúng ta không thể nghe được tiếng Tổ gọi, tức là

không thể nhận ra những phương thức thực sự hữu hiệu cho việc cứu nước. Và chúng ta có vượt qua được điểm lột xác thì mới có cơ may được Tô dạy cách Cứu Nước.

Bất chấp sự phản đối của những quần thần kênh kiêu can ngăn, Vua Hùng lợi bùn đội mưa tới ngã ba đường gặp Tô, và được Tô dạy một phương thức cứu nước. Nhưng cách Tô dạy cũng cổ quái. Tô bảo vua sai sứ đi khắp nơi tìm người cứu nước.

Thực kỳ lạ! Tại sao Tô không nói rõ vị cứu tinh đó là ai? Tại sao lại bảo cho người đi tìm? Nếu chỉ có thế, thì Tô hiện về làm gì? Vua Hùng cũng chẳng đang làm những việc đó sao?

Nhưng chính điểm kỳ quái lại là một bài học cho chúng ta. Tô nhắc nhở, Tô chỉ dạy, chứ Tô không thể làm giúp thay cho chúng ta.

Tô không giết giặc, Tô không chỉ huy, Tô cũng không làm gián điệp. Tô cũng không cho nô thần hay khí giới hiện đại để thị uy hoặc tiêu diệt giặc.

Biết bao lần chúng ta cầu mong phép lạ, điềm linh giết giặc thay chúng ta hưởng. Biết bao lần chúng ta trách móc các Đấng Linh Thiêng không tích cực độ trì, giúp ta khoanh tay nhìn giặc chết!

Biết bao lần chúng ta kết tội người khác, kết tội nhau vì không làm thế này thế nọ. Vấn đề không phải là Tô làm, mà là chúng ta biết thực thi ý muốn của Tô.

Khi biết Tô Tiên và các Đấng Thiêng Liêng muốn cứu dân lành, thì chính chúng ta phải tỏ ra là người con thảo, là tín đồ thuận thành. Chính chúng ta ra công phá giặc và hoàn thành ý muốn của Đấng Thiêng Liêng.

Chính chúng ta phải làm, phải dẫn thân, thì mới cứu được nước. Xin nhớ rằng chúng ta có tổ chức hợp nhu cầu thời đại

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

và có con người thời đại thì mới thành công. Ví dụ Thời Đại Tin Liệu (Information Age) hiện nay thì chúng ta phải có những con người kiến thức (Knowledge).

Vua Hùng được Tổ chỉ cách. Nhưng trước khi vua thể hiện ý Tổ, chúng ta thử nhìn lại giai đoạn vừa qua.

Vua Hùng sống với thực trạng mất nước, và khởi công từ thực trạng đó mà làm. Vua không nuối tiếc hão huyền, cũng không mơ mộng viễn vông của cuộc đời vương giả.

Vua tìm về nền tảng của công cuộc tổ chức cứu nước. Nền tảng đó là Tổ, là Sức Sống, là Truyền Thống siêu việt đang tiềm tàng trong đời sống dân chúng.

Với quyết tâm cứu nước, vua lột xác, sẵn sàng thích ứng và xử dụng mọi hoàn cảnh mới, mọi điều kiện mới. Cuối cùng là dân thân, không do dự, không ỷ lại, sẵn sàng biến mọi chướng ngại thành phương tiện hữu hiệu trong việc cứu nước.

Vua Hùng là biểu tượng của con người cứu nước đích thực. Vì vậy những đức tính trên cũng chính là những điều kiện cần thiết cho bất cứ ai muốn thực sự góp phần vào việc phá giặc.

Truyền thuyết Mỹ Châu – An Dương Vương từ bỏ Hòn Nước, nên dẫn tới mất Nước. Ở đây Vua Hùng gặp lại Tổ, sống lại Hòn Nước, nên khởi sự cứu nước.

Lời dạy của Tổ chính là phương thức cứu nước. Lời dạy của Tổ là ý muốn của Tổ, là chính Tổ sống động hiện thực trong dân nước.

Theo Lời Tổ là động lực cho mọi hành động của vua Hùng. Vua sai sứ đi tìm Người Cứu Nước, sở dĩ các sứ chịu đi và toàn dân chịu nghe theo cũng vì làm theo Lời Tổ – chớ không theo Lời Vua.

Lời Tổ trở thành Sứ Sóng, trở thành Hồn Thiêng tạo dựng, thúc đẩy, điều hợp và hoàn thành đại cuộc. Sứ Sóng này từ Vua Hùng truyền qua đoàn sứ nhân (đảng chính trị) và từ sứ nhân truyền qua toàn dân.

Được Tổ chứng giám, Tổ chỉ dạy, giở đây vua mạnh dạn sai sứ lên đường. Đoàn sứ nhân chính là đại diện, là hiện thân, là chính Vua Hùng đi đến với toàn dân.

Như vậy, đoàn sứ nhân là Người Cứu Nước lên đường hành động, dẫn thân thể hiện sứ mạng theo Lời Tổ dạy. Dem Sứ Sóng của Tổ đến cho toàn dân.

Toàn dân nhờ đó mới nhận được sứ điệp Tổ và mới cứu được nước. Vai trò của tổ chức cứu nước đích thực, là vai trò nền tảng trong công cuộc cứu nước.

Sứ nhân lên đường và chia nhau đi đến với dân chúng khắp nơi. Mục tiêu hành động đầu tiên của tổ chức cứu nước là Dân, chớ chưa trực tiếp đối đầu với Giặc. Công tác chính là vận động mọi người đứng lên chống giặc.

Có như thế thành công mới trọn vẹn là của dân và do dân.

Sứ nhân đi khắp nơi, không bỏ sót, không từ khước bất cứ nơi chốn hay một phạm vi nào. Nơi đó có thể là trong nước hay ngoài nước, nơi thân thiện hay ở ngay trong lòng địch, trong các lãnh vực văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị, ngoại giao, quân sự, kỹ thuật, văn nghệ, giáo dục, thể thao, giải trí, truyền thông.

Sứ nhân tiến vào các cộng đồng, hội đoàn, nghiệp đoàn, họ tộc, gia đình, hay là trí óc, con tim, cuộc sống của bất cứ ai, ở bất cứ nơi đâu, trong bất cứ hoàn cảnh hay sinh hoạt con người, cá nhân cũng như tập thể.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Sứ nhân chia nhau đi, không dồn chung một chỗ, không dành nhau một việc. Mỗi người tùy khả năng và hoàn cảnh riêng mà nhận phần trách nhiệm của mình.

Có phân nhiệm mới có tổ chức. Tổ chức cứu nước là những con người cùng thể hiện các đức tính của sứ nhân, và theo hiện tình và khả năng linh động, mà chia nhau trách nhiệm hoàn thành các công tác thực thi Sách Lược Cứu Dân Nước.

Đoàn sứ nhân chia nhau đi khắp nơi để loan tin. Nhưng tin của họ thực là đơn sơ, Tổ đã về và sai đi tìm người cứu nước.

Thông điệp với nội dung ngắn gọn, nhưng tác dụng lại hệ trọng. Tổ về và Tổ bảo đi tìm chứng tỏ Tổ độ trì cho tổ chức, cho phương thức, chắc chắn có người cứu được nước. Chúng ta đã có Sức Sống, có sách lược, có nhân sự.

Đây là lúc khám phá, là lúc thực hiện. Dầu giặc đang mạnh, nhưng chắc chắn chúng ta sẽ thắng.

Có gì khích động và hứng khởi hơn để khơi dậy niềm tự tin tự hào dân tộc bằng nguồn tin tuyệt diệu này? Dầu ai tuyệt vọng, cũng phải hăng say với tin mừng.

Đoàn sứ nhân đi loan tin khắp nơi, chính là thể hiện công tác đem Tinh Thần dân tộc đến cho toàn dân. Nước mất vì dân quên Tổ, quên nếp sống truyền thống siêu việt của Tổ Tiên, quên Chính Thuyết Tiên Rồng.

Giờ đây sứ nhân nhắc nhớ tới Tổ, thức tỉnh niềm tin, sống lại tinh thần và sức sống dân tộc. Khi đến với dân sứ nhân không chỉ loan tin, mà còn phải có hành động cụ thể.

Sứ nhân lục lạo tìm kiếm cho ra Người Cứu Nước (Phù Đổng). Hoạt động này cũng gây tác dụng thiết yếu. Khi đã phần khởi nhờ sống lại niềm tin, mọi người cũng tiếp tay với đoàn sứ nhân mà đi tìm Phù Đổng.

Khi góp phần tìm kiếm, chính là lúc mọi người đều thấm thía nạn mất nước. Do đó, mỗi người sẽ ý thức đích xác về phận vụ của mình trong công cuộc cứu nước.

Mọi người sẽ lột xác, lãnh nhận trách nhiệm, và dân thân chu toàn sứ mạng lịch sử. Như vậy, đoàn sứ nhân loan tin và tìm kiếm chính là thực hiện công tác làm cho người dân sống lại Hồn Nước, ý thức nạn nước, nhận lãnh trách nhiệm, và dân thân cứu nước.

Đây cũng là công tác làm cho Mọi Người sống trọn nếp sống Việt, trở thành Người Dân Đích Thực, trở thành Người Cứu Nước.

Truyền tích An Dương Vương làm mất nước, vì đã xa cách dân, loại dân ra khỏi việc nước. Giờ đây Vua Hùng, qua đoàn sứ nhân đã tìm lại dân, giúp dân ý thức và chung phần việc nước.

Mọi người đã cùng cố công tìm kiếm, và rồi tại làng Phù Đổng họ đã gặp người cứu nước. Việc gặp thấy người cứu nước tại một làng cũng là nét đặc trưng của Chánh Thuyết Tiên Rồng, nhấn mạnh người cứu nước được tìm gặp ở trong làng, chớ không phải cung điện vua hay chôn đô thị.

Trong nếp sống dân ta, làng giữ một vai trò nền tảng. Thể chế làng nước đã được Tổ tiên đặc biệt chú trọng và lưu truyền trong truyền tích An Tiêm.

Tại làng đã xuất hiện người cứu nước. Nhưng nhân vật này cũng kỳ lạ khác thường, chỉ là cậu bé ba tuổi.

Tính cách bé bỏng của cậu bé tượng trưng cho đại chúng, cho toàn dân. Cậu bé lên ba cũng phù hợp với khoảng thời gian mà sử Trung Quốc ghi Ân Cao Tôn xâm lấn nước ta.

Như vậy, cậu bé ba tuổi này chính là biểu trưng cho đại chúng, cho toàn dân. Vị cứu tinh chính là người dân.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Dầu tê liệt tâm nín, nhưng Cậu Bé lại lắng nghe. Sóng trong tay giặc, toàn dân hay Cậu Bé Phù Đổng phải lặng im bất động.

Vì ai phát biểu linh tinh là bị giặc bắt đi tù cải tạo mút mùa lệ thủy. Mọi người nôn nóng trông chờ ngày thoát ách giặc.

Mọi người sôi sục đợi ngày vùng lên. Mọi người lắng tai nghe ngóng tin tức cứu nước. Khi sứ nhân loan tin Tô về, Cậu Bé cấp thời hưởng ứng.

Khi nghe sứ nhân, chính là lúc Cậu Bé bùng lên niềm hy vọng chói chan, sống lại Hòn Nước.

Đã gặp lại Tô, đã sống lại niềm tin, Cậu Bé liền bật nói, toàn dân đều bật nói. Bật nói là dám hiên ngang bộc lộ.

Dầu mới chỉ bằng lời, nhưng đây cũng là dấu chỉ của lòng tự tin và phấn khởi. Từ đây người dân đã dám tự hào về mình, dám nói lên niềm tin tưởng của chính mình.

Cậu phát biểu lời đầu tiên là đòi ngựa và roi sắt. Cậu đòi hỏi phương tiện để phá giặc cứu nước.

Dấu chứng sức mạnh tinh thần đã bộc lộ. Khi thoát khỏi tình trạng tâm nín, khi tinh thần đã được củng cố, khi ý thức được trách nhiệm với nước, điều đầu tiên người dân nghĩ tới là phương tiện chiến đấu.

Khi dân đòi phương tiện chiến đấu, cũng là dấu hiệu cho thấy đoàn sứ nhân – tổ chức cứu nước đã thành công trong công tác thức tỉnh người dân. Tại khúc quanh quyết định này, vai trò của sứ nhân cũng đổi khác.

Trước đây thì sứ nhân nói cho dân nghe. Hôm nay dân đã nghe đã nói, thì sứ lại là người phải nghe dân. Trong hoạt động tổ chức, chúng ta phải thấy rõ điều này.

Khi người dân thành tâm tiếp nhận và sống đúng tinh thần Tổ, thì tiếng dân trở thành tiếng Tổ. Ý dân là ý Tổ trong hiện trạng đất nước.

Tiếng dân giờ đây trở thành phương thức thiết thực và hữu hiệu cho công cuộc cứu nước.

Khúc quanh này đặc biệt rất quan trọng cho tổ chức cứu nước, chẳng những vì nó quyết định sự thành bại cho đại cuộc, mà còn thẩm định bản chất của tổ chức. Tổ chức không biến đổi, không trở thành người nghe dân, thì chắc chắn tổ chức đó không phải là tổ chức của dân.

Từ đó lắng giềng khắp nơi đem gạo vải tới giúp Cậu ăn mặc. Khi đã tự tin, người dân tự động khởi công gia nhập và đóng góp. Ăn mặc là nhu cầu nền tảng của đời sống con người. Gạo vải là tất cả nhu cầu thiết yếu trong cuộc cứu nước.

Đẹp thay cảnh toàn dân tập nập góp gạo góp vải. Mọi người tự nguyện góp của góp công, cộng tài cộng đức.

Bao thiện chí bấy nhiêu nung nấu, bao tài năng bấy lâu che đậy, bao sức mạnh bấy lâu đè nén, bao phương tiện bấy lâu tích trữ, bao diệu kế bấy lâu ấp ủ thì giờ đây tất cả bộc phát, tất cả hiển hiện, tất cả vùng lên.

Khi lãnh nhận trách nhiệm, người dân tự nguyện đóng góp, tự túc chu cấp những nhu yếu cơ bản của cuộc chiến đấu. Tất cả gạo vải, mọi sự đóng góp đó, đều để giúp cho Cậu Bé Phù Đổng ăn mặc.

Tất cả tự nguyện của dân đều tập trung vào Cậu Bé. Người dân chỉ quy tụ quanh Cậu Bé, là dân chớ không tập hợp theo các sứ.

Trong giai đoạn đầu của công cuộc thức tỉnh, người dân chỉ mới tin tưởng vào những người thân cận quanh mình, trong

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

tâm vóc làng thôn. Những gì sứ nhân hứa hẹn, dầu sao, cũng còn quá xa vời.

Theo đúng tâm trạng Con Người, người dân chỉ tự ý quy tụ quanh Cậu Bé Phù Đổng. Vì chính Cậu Bé đã tỏ ra vài dấu hiệu đặc biệt, chỉ Cậu Bé đáp ứng phần nào công tác tìm kiếm anh hùng cứu nước.

Dân chỉ quy tụ theo ai tỏ ra thực sự có tâm huyết, có tinh thần, hết lòng vì đại cuộc, dấn thân chu toàn sứ mạng chung. Có dân tự ý quy tụ chính là tiêu chuẩn để thẩm định một công cuộc đích thực của dân, do dân.

Khi mọi người góp sức, Cậu Bé Phù Đổng lớn nhanh như thổi. Gạo vãi thu tích không phải để chất đống, mà tất cả đều được xử dụng làm tăng trưởng sức sống toàn diện.

Việc tập trung sức mạnh, vấn đề phân nhiệm và điều hợp giữ phần quan trọng hàng đầu. Sức mạnh toàn dân chỉ có thể thực sự hữu hiệu, khi được vận dụng và điều hợp đúng mức.

Không phân nhiệm, không định hướng, sự quy tụ sẽ trở thành hỗn loạn, phân hóa, và đối nghịch nội bộ.

Giai đoạn tập trung năng lực toàn dân, cũng là bài học đoàn kết. Mọi người vây quanh Cậu Bé Phù Đổng, là vì sống lại niềm tin dân tộc, ý thức trách nhiệm cứu nước, tìm ra Cậu Bé, và Cậu Bé bật nói.

Như vậy, công tác kết hợp toàn dân đã thành công, chẳng những giúp cho mọi người sống thực tình thần dân tộc và ý thức trách nhiệm, mà còn chứng tỏ kế sách hữu hiệu, qua một số hoạt động có kết quả thực tiễn. Đây là những điều kiện thiết yếu cho việc đoàn kết toàn dân.

Khi không hội đủ các yếu tố này, việc đoàn kết chỉ là chòm xóm, giai đoạn, hời hợt theo mục tiêu hạn hẹp. Sứ vua đem ngựa và roi sắt tới.

Ngựa sắt và roi sắt là sức mạnh và phương tiện chiến đấu. Ngựa và roi sắt cũng là biểu trưng của sức mạnh quân sự để phá giặc.

Trong bầu khí mất nước và toàn dân vừa vùng lên góp tài góp của, thì ngựa và roi sắt chính là sự đóng góp của toàn dân. Tuy nhiên, sức mạnh phương tiện đó lại do sứ đem tới.

Đoàn sứ nhân, tổ chức cứu nước đã đem Hồn Nước về với toàn dân, nhờ đó Toàn Dân vùng dậy. Đó là Sức Mạnh Hồn Việt!

Giờ đây đoàn sứ nhân còn phải điều hợp sức mạnh ở các tổ chức làng xã thành tầm vóc toàn nước, biến sự đóng góp của toàn dân thành sức mạnh chiến đấu chống giặc.

Sức mạnh này không chỉ nhấn mạnh ở lãnh vực quân sự, mà còn bao trùm mọi lãnh vực kinh tế, xã hội, chính trị, giáo dục, ngoại giao ảnh hưởng tới cuộc chiến đấu.

Phận vụ của tổ chức cứu nước còn là nhận rõ sức mạnh hiện thực tiềm ẩn trong dân nước, rồi tùy theo hoàn cảnh và điều kiện thực tế mà ứng biến thành sức mạnh cứu nước hữu hiệu. Việc tổ chức và điều hợp lại cần nhân sự, khả năng đặc biệt, và ngành nghề chuyên môn.

Tất cả đều xác định đúng vai trò quan trọng của một tổ chức có đủ tầm nhìn xa trông rộng, biết quyền biến với tình thế.

Khi nhận được ngựa và roi sắt, Cậu Bé liền vươn vai thành người cao lớn. Cậu đã ăn nhiều, đã lớn như thổi, nhưng phải chờ cho tới khi có ngựa và roi.

Cậu mới vươn vai vượt tới tầm vóc đúng mức của mình. Trước đây, khi nghe về Tổ, Cậu đã bật nói, đã dám bộc lộ chính mình.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Nhưng nay, có thêm ngựa và roi sắt, Cậu mới vùng dậy, mới đi đứng, mới hành động. Dầu mọi người đã thức tỉnh, đã quyết tâm, nhưng phải có phương tiện thì toàn dân mới có thể ra tay, mới có thể đối đầu với giặc.

Nhờ có sứ nhân trao ngựa sắt, Cậu Bé đã vươn vai. Nhưng khi cậu nhảy lên ngựa, thì ngựa sắt biến thành ngựa thần, sống động và phun lửa.

An Dương Vương ý vào thành ốc và nỏ thần để mất dân. Nỏ thần dầu bắn một phát giết cả vạn giặc, mà vì không có dân, nên mất hiệu nghiệm, không bằng nỏ gỗ.

Khi được sức mạnh dân tộc sử dụng, thì ngựa sắt cũng hóa thành ngựa thần.

Không dân, nỏ thần thành nỏ gỗ. Có dân, ngựa sắt hóa ngựa thần.

Toàn dân vươn vai thì mọi sự cũng đều vươn theo. Sức mạnh của toàn dân làm cho mọi phương tiện trở thành hiệu lực cách thần kỳ, trở thành linh hiển.

Không có hình ảnh nào diễn tả sức mạnh và vai trò của toàn dân một cách rõ ràng và đầy đủ hơn.

Đã có Hòn Nước, đã có toàn dân. Sức mạnh đã tập trung, đây là lúc vùng lên đuổi giặc để giành lại Đất Nước. Với ngựa lửa roi sắt, vị anh hùng Phù Đổng đã oai dũng đánh giặc một trận toi bời.

Khi toàn dân đã có tinh thần, đã có sức mạnh, đã có phương tiện, thì việc đuổi giặc ra khỏi bờ cõi là chuyện đương nhiên.

Ngựa lửa là sức mạnh của đấu tranh, nhưng Phù Đổng dùng roi sắt. Hình ảnh dùng roi nói lên lòng nhân thứ của Tổ Tiên, tổ chức chúng ta dùng roi chứ không dùng gươm.

Roi mang ý nghĩa sửa dạy, đánh phạt, đầu là roi sắt, gươm giáo luôn là vũ khí chém giết, tàn sát. Ngay trong ngôn ngữ chúng ta cũng dùng chữ đánh, đầu là giặc, đánh giặc. Cương quyết, dũng mãnh, nhưng không tàn bạo, giết giặc.

Đó là tinh thần nhân thứ, khoan dung, và quý trọng con người được ghi trong Chính Thuyết Tiên Rồng.

Với việc Tô trở về, với vua Hùng và đoàn sứ nhân dân thân, với tổ chức cứu nước, với mọi người góp gạo góp vải, với ngựa sắt roi sắt, với tre làng bị nhô, với số làng bị cháy, tính cách toàn dân toàn diện của công cuộc cứu nước đã bộc lộ rõ ràng.

Mọi người và tất cả, đều được vận dụng để chống giặc. Từ những phương tiện vật chất, gạo, vải, sắt, lũy tre, thú vật đến làng thôn, hệ thống tổ chức quốc phòng, chính trị, xã hội, văn hóa cho đến tinh thần dân tộc, quá khứ lịch sử, và cả sông núi, Hòn Thiêng tất cả đều gom đúc thành Sức Mạnh thần diệu của Dân Tộc, tất cả đều góp phần vào việc cứu dân cứu nước. Toàn Dân Toàn Diện!

Giờ đây chiến thắng mới thực sự là chiến thắng toàn vẹn của toàn thể dân tộc. Có như vậy, cuộc sống mới thực sự mở đầu cho tất cả mọi người.

Bài học dạy cách đánh giặc cứu nước. Giờ đây giặc đã tan, nhưng việc cứu nước vẫn chưa xong.

Bài học Phù Đổng vẫn còn tiếp khi cỡi ngựa lên núi về trời. Núi là nơi ở của Tiên (chữ nhân ghép với chữ sơn là chữ tiên). Hình ảnh lên núi nhắc nhớ đến phần Tiên.

Phù Đổng biểu tượng của sức mạnh tập trung của dân tộc, tức phần Rồng. Sức mạnh đó đã được vận dụng tối đa và oai dũng đánh đuổi quân giặc.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Giờ đây giặc đã tan, dân nước lại vui hưởng thanh bình, nên Sức Mạnh đó lên núi, tức không còn cần phải bộc lộ oai dũng, mà được thăng hoa tiềm tàng vào sông núi, vào tâm hồn của dân nước.

Chiến công đuổi giặc trở thành kinh nghiệm sống của toàn dân, trở thành phần Tinh Thần, phần Truyền Thống bất diệt, xấp nhập vào phần Tiên của dân tộc, theo nguyên lý Tiên Rồng Song Hiệp.

Qua toàn bộ công cuộc, chẳng những toàn dân đã đánh đuổi giặc nước, mà mỗi người còn dẹp tan được mọi thứ giặc trong chính bản thân. Trong tiến trình trở thành người cứu nước, mọi người cũng trở thành Con Người toàn vẹn.

Khi cứu được nước, dân tộc ta đã trở thành một khối hiệp nhất, toàn hảo, toàn hiệp.

Với mọi chướng ngại đã được đánh tan, với những kinh nghiệm tuyệt hảo, với niềm tin chan chứa, và với sức sống tràn đầy, giờ đây khối người toàn hiệp này đem trọn tâm sức cùng nhau xây dựng một cuộc sống mới. Với cuộc sống phát xuất từ tâm khảm của những con người thấm nhuần Chính Thuyết Tiên Rồng, toàn dân hiên ngang bước vào một Kỷ Nguyên Mới của một xã hội loài người tràn đầy hạnh phúc.

Về Trời là sự phong thưởng cao quý nhất của Chính Thuyết Tiên Rồng. Như Chử Đồng – Tiên Dung về trời sau khi hai ngài trọn đời chăm lo việc thịnh nước an dân.

Phù Đổng thi hành nghĩa vụ giúp dân cứu nước, cũng được Về Trời. Tổ Tiên phong thưởng cho những người đóng góp công đức trong đại cuộc dựng nước được về trời, được toàn dân kính nhớ tôn thờ.

Có người cho rằng dân Việt có đạo thờ Anh Hùng. Quả thật chúng ta thờ những vị Danh Tướng và trên đất nước có nhiều đền thờ các Ngài.

Ngoài ra, mỗi làng đều có Thành Hoàng và hầu hết là những Anh Hùng đóng góp công đức cho dân nước thuộc mọi thành phần. Anh Hùng Kiệt Nữ được thờ là những vị cứu dân cứu nước, không có người nào đi xâm lăng hay tàn hại dân tộc khác mà được tôn thờ như những văn hóa khác sùng bái thần Chiến Tranh, thần Máu Lửa trong các đền thờ và cổ vũ trong nếp sống, trong phim ảnh, trong giáo dục như thảm trạng nhân loại hiện nay.

Bi kịch Loa Thành thất thủ dẫn tới việc nàng công chúa My Châu bị chết dưới lửa gươm oan nghiệt của vua cha An Dương. My Châu đền tội vì trách nhiệm trong việc làm mất nước.

Nhưng sự thể xảy ra nông nổi đó cũng chỉ vì nàng quá yêu thương và tin tưởng chồng.

Tổ Tiên thưởng phạt phân minh. Có tội làm hại nước thì phải chết. Nhưng nàng đã trọn tình nhà, thì cũng được thưởng công.

Tổ Tiên phong thưởng bằng cách cho máu nàng chảy xuống biển và được giống trai nuốt vào mà hóa thành ngọc.

Cách phong thưởng này chẳng những không kỳ lạ, mà lại nằm trong hệ thống giá trị của văn hóa Việt. Những người sống trọn tình nhà như người em trong Trầu Cau, người vợ trong Vọng Phu, trái tim của Trương Chi, và máu của My Châu.

Tất cả đã hóa đá hóa ngọc. Đá, ngọc là thành phần Vật Chất, là trở thành trường tồn với thời gian, được quý chuộng, và được làm nền tảng xây dựng lâu dài.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Về phần Trọng Thủy, dầu thành công trong mưu đồ xâm chiếm, nhưng chàng nhớ vợ và nhảy xuống giếng mà chết. Chàng đã vì ý đồ xâm lăng, mà phụ nghĩa vợ chồng, thì chàng cũng phải chết.

Vì danh lợi mà không trọn Tình Nhà, thì cuộc đời cũng không đáng sống, thì không có quyền sống.

Vì tình nhà mà hại nước thì phải chết. Vì quyền lực mà hại nhà, thì cũng phải chết.

Đây là tuyệt đỉnh bài học làm người của văn hóa Việt. Bài học này đi ngược hẳn chủ trương của nhiều văn hóa khác.

Với cái chết của My Châu, Tổ Tiên ta đã xử tử hình các chủ thuyết cá nhân vị kỷ. Với việc Trọng Thủy nhảy xuống giếng, các chủ thuyết tập thể bá quyền cũng bị nhận chết theo.

Con người chỉ có thể sống xứng đáng, trọn vẹn và hạnh phúc khi thể hiện đầy đủ các đặc tính bẩm sinh vừa cá thể vừa xã hội của mình. Có nhà mà cũng có nước, Có nước mà cũng có nhà.

Tiên Rồng Song Hiệp hoàn chỉnh.

My Châu và Trọng Thủy đều phải chết. Thực cảm động khi những viên ngọc do máu My Châu trở thành sáng đẹp hơn khi rửa trong nước giếng chôn xác chồng nàng.

Nàng yêu thương và tin tưởng chàng đến nỗi giao phó cả nước non, đưa nỏ thần cho chàng xem. Nàng yêu chàng trong tuyệt vọng đến liều lĩnh khi nhờ lông ngỗng làm dấu hiệu trên đường chạy trốn chàng.

Giờ đây cả những giọt máu của nàng cũng tươi sáng lên khi được tắm trong nước tắm xác chàng.

Nàng sống trọn tình yêu Chính Thuyết Tiên Rồng. Nàng thể hiện những nguyên tắc Thân Thương Tột Cùng, Quyết chẳng lia nhau, Sẵn sàng chết cho nhau, và Mãi mãi có nhau.

Chỉ tiếc là nàng không ứng dụng nguyên tắc tắc đầu tiên của hai người phải Giống nhau như đúc, là phải tìm hiểu nhau, phải Gặp nhau trọn vẹn, nên nàng đã không nhận ra Trọng Thủy và bị giặc lừa gạt.

Ở cấp Tình Nước, những người an dân thịnh nước như Tiên Dung Chử Đồng thành Tiên, Phù Đổng thành Thần... Tiên, Thần là phần thưởng công, phần thăng hoa hay tinh túy của linh thiêng.

Ở cấp Tình Nhà, Trầu Cau qua chuyện người em hóa đá, máu Mỹ Châu trọn tín thác chồng thì hóa ngọc, trái tim Trương Chi ôm mối tình câm, chỉ vì con người phân chia đẹp xấu, giàu nghèo... thì cũng hóa ngọc. Đá, ngọc là kết tinh, tinh túy của vật chất!

Nói đến cả hai phần vật chất và tinh thần của con người, được thăng hoa thành đá, thành ngọc, thành tiên, thành thần thì chúng ta lại trở về với con người Tiên Rồng – con người thật trong bộ ba nền tảng!

Vậy có sự an ủi và niềm hãnh diện nào hơn là chúng ta được làm con cháu của Tổ Tiên dòng giống Tiên Rồng siêu việt – Con Cháu Tiên Rồng.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI



Học giả Vinh Đức Nguyễn Đức Đơn và Phạm Văn Bản đang thuyết trình công việc tổ chức Liên Minh Toàn Dân Việt Nam Quốc Gia với Đức Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Tâm Châu và Hội Đồng Phật Giáo Việt Nam tại Viên Thông Tự. Riêng phần trình bày của Phạm Văn Bản được hội đồng đặt ra nhiều câu hỏi và được tác giả trả lời một cách thành thật mạch lạc và tinh tường nên đã chiếm trọn tình cảm ưu ái của mọi người

CHƯƠNG XIV



Ý Nghĩa
Lá Cờ Tiên Rồng

Quốc Kỳ Do Thái được công bố vào năm 1948, ở trung tâm cờ đặt biểu tượng Tâm Khiên của Vua David kết hợp với Dấu Triệu của Vua Solomon, gọi là Ngôi Sao David có 6 cánh tia, xuất hiện cách nay hơn bốn ngàn năm (National Flag consisting of a central Shield Of David (Hebrew: "Magen David," which is also popularly known as the Star of King David).

Trong chuyến hành hương thánh địa, tôi gặp và tâm tình với người thanh niên Israel trên chuyến du thuyền qua bờ Biển Hồ Galilee, anh cho tôi biết niềm tự tin và tự hào dân tộc của anh được thể hiện qua Kinh Thánh và Quốc Kỳ với Ngôi Sao David.

Anh hỏi tôi về tình hình chính trị Việt Nam, thì tôi cũng mạnh dạn thưa rằng: "Tôi cũng như anh, tôi cũng có niềm tự tin và tự hào dân tộc Việt Nam qua Chính Thuyết Tiên Rồng,

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

được gọi là Kinh Việt và đoàn kỳ Đạo Đức Việt Nam gọi là Cờ Phúc Đức, với Mặt Trời Đỏ toả 14 Tia Sáng được Tổ Tiên ghi khắc ở trung tâm của Trống Đồng Ngọc Lũ và Thập Đồng Đào Thịnh.



Quốc Kỳ Do Thái



Lá Cờ Tiên Rồng

Đạo Đức Tiên Rồng

Chữ Đức, theo Việt Ngữ có nghĩa Mặt Trời 14 Tia được đặt trung tâm mặt Trống Đông, gồm có bộ chữ "Thập Tứ Nhất Tâm," nghĩa là Mười Bốn người mà Một Lòng hay 14 người mà đồng tâm, mang ý nghĩa là anh em hay đồng bào cùng bọc Mẹ Cha Tiên Rồng. Vậy thì khi khắc trống đồng, Tổ Tiên đã dụng ý nhắc nhớ con cháu học hỏi về chủ đề Đạo Đức Tiên Rồng.

Cũng theo Việt Ngữ, chữ Đức có nghĩa là Phúc Đức, nhân đức, ân đức, đạo đức... Đức có nghĩa là hành động, hoạt động, thực hành của Đạo. Đức còn là cái thể của Trời Đất, đức là hành động, là thần lực, là sức mạnh của Trời Đất, lúc Đạo hoạt động, chuyển động.

Vậy thì Đạo ở thể tĩnh của Trời Đất, và Đức ở thể động của Trời Đất. Lá Cờ Tiên Rồng ngày nay là cờ của Trời Đất, cờ của Quốc Tổ và Hồn Thiêng Sông Núi, được trưng ra để phò trợ cho con cháu, tức lớp Thanh Niên Việt Nam thời đại đứng lên làm cuộc Cải Hoá Bản Thân, Cải Hoá Xã Hội và Giúp Dân Cứu Nước, theo **Quan Niệm Sống Phúc Đức** của Dân Tộc Việt như sau:

Hễ là con người thì mỗi khi tai qua nạn khỏi hay gặp một điều lành, chúng ta đều nghe hay nhắc tới Phúc Đức: “Nhờ phúc ông bà nên tôi vừa thoát nạn.” “Nhờ phúc nhà nên cháu vừa thi đỗ.” “Cầu phúc tổ tiên cho được mẹ tròn con vuông.”

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Nhiều ca dao tục ngữ cũng nhắc tới phúc đức, và khuyên chúng ta gây phúc lập đức, “Có phúc làm quan.” “Tiên tích đức hậu tâm long.” “May phúc ba đời để lại.” Mừng một sự kiện tốt đẹp bất ngờ chúng ta buột miệng, “May phúc!” Trái lại lời nguyên rửa nặng nề vẫn là câu, “Đồ vô phúc!”

a. Làm Phúc

Phúc là điều tốt lành cho cuộc sống con người. Con người vừa được hưởng phúc, lại vừa có thể tạo ra phúc. Đang khi đức là kết quả của việc tạo phúc, mà cũng là nguyên ủy của việc hưởng phúc.

Chủ đích của việc phúc đức, cũng như linh huấn của Chánh Thuyết Tiên Rồng, là vừa làm cho chính mình được hạnh phúc, lại vừa giúp cho mọi người cũng được hưởng hạnh phúc với mình. Do đó, phúc đức là vừa do tâm thành thiện ý, lại vừa do kết quả công việc sinh lợi cho người khác.

b. Hưởng Đức

Khi làm việc phúc đức, chẳng những chúng ta giúp ích cho người, mà chính chúng ta cũng được hưởng nhờ. Làm phúc thì được hưởng đức – Lợi vật chất thì do thu góp, mà ích phúc đức thì do san sẻ.

Chúng ta còn có thể lưu truyền phúc đức đến người khác. Do đó, con cháu được hưởng nhờ phúc đức của Tổ Tiên để lại.

c. Phúc Phận

Ngoài phúc đức Tổ Tiên, con người cũng hưởng phúc do Trời ban. Nhưng Phúc Trời lại khác nhau nơi từng con người.

Tầm độ hưởng nhờ Ôn Trời và Phúc Đức Tổ Tiên chính là phúc phận của mỗi con người. Mọi sự xây đến trong một đời người đều do phúc phận. Cũng do phúc phận mà chúng ta có hay không, được hay mất bất cứ sự gì trên đời.

Việc phúc đức lại có thể làm thay đổi phúc phận. Nhờ làm nhiều phúc đức, do tâm thành và do kết quả ơn ích, số phận chúng ta trở thành tốt đẹp hơn, tai qua nạn khỏi, phúc thọ gia tăng.

Tùy duyên không có nghĩa là buông xuôi chấp nhận, mà để chờ duyên là chúng ta phải luôn chuẩn bị, phải tạo điều kiện, phải cố gắng làm việc phúc đức.

Thông thường chữ “Đức” có ý nghĩa đạo đức, nhân đức, ân đức, phúc đức. Chữ “Đức” còn có nghĩa là cái “Dụng của Đạo.” Chúng ta biết, đặc biệt theo triết lý Lão Học, đạo là cái thể của Trời Đất, còn đức là lúc đạo hoạt động, là cái dụng của đạo.

Chúng ta có thể nói đạo là “tạo hóa” ở thể tĩnh, còn đức là “tạo hóa” ở thể động, hoạt động, là “thần lực” dựng nên vũ trụ, con người. Đức là sức mạnh của Trời! Chữ đức được Tổ Tiên ghi khắc trên mặt trống đồng Ngọc Lũ, “Mặt Trời 14 Tia.” (Thập tứ nhất tâm: 14 người mà một lòng).

Bởi thế Phúc Đức là quan niệm gắn liền với tâm hồn và cuộc sống của người dân Việt chúng ta, chẳng những đã ăn sâu trong tư tưởng, trong tâm hồn mà lại còn bộc phát ra trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta, và để giúp cho chúng ta sống “hạnh phúc.”

Quan niệm Phúc Đức đã giúp cho toàn thể Dân Việt sống hạnh phúc qua mấy ngàn năm mà đã giữ trọn vẹn tâm hồn con người để làm người.

Khi nói tới phúc đức, chúng ta luôn nhớ tới Tổ Tiên Ông Bà là người khuất núi, dĩ nhiên không quên cảm ơn Trời Phật, nhưng chúng ta nhận được ơn Trời Phật cũng là nhờ hồng phúc của Tổ Tiên Ông Bà.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Trong cuộc sống hàng ngày, mỗi khi làm việc lành điều thiện, chúng ta ý thức rằng không những “mình làm mình hưởng,” mà còn dành để phúc đức đó cho cả dòng họ con cháu hưởng nhờ, “Làm lành để đức cho con.” “Quang tiền dư hậu.” “Tiên tích đức hậu tâm long.”

Quan niệm phúc đức đã giúp cho con người sống thật trong hiện tại, mà còn liên kết với quá khứ vị lai, hầu sống trọn vẹn kiếp người. Do đó chúng ta có thể nói phúc đức là quan niệm sống hữu thần sâu xa, mà gần gũi với con người nhất.

Quan niệm này là câu giải đáp cho họa duy vật vô thần thời nay, mà còn giúp chúng ta thoát ách duy tâm duy linh, đang làm con người coi thường thực tại hiện hữu của cuộc sống.

Bởi thế quan niệm phúc đức của Tổ Tiên là căn bản tâm linh cho đại cuộc Giúp Dân Cứu Nước ngày nay. Trong cuộc chiến đấu, phúc đức là tiêu chuẩn để phân định rõ ràng giữa chính nghĩa hay gian tà. Tiêu chuẩn phúc đức để kiểm chứng những việc chúng ta làm là cứu dân cứu nước, hay cướp nước hại dân.

Trong lịch sử cận đại, nhiều người ra hải ngoại cũng có thể tính chuyện cứu nước thoát ách Thực Dân Pháp, nhưng vì không xét vấn đề phúc đức như Tổ Tiên linh huấn, nên đã vô tình hay cố ý chấp nhận chủ thuyết vong bản ngoại lai. Thay vì khi trở về cứu dân cứu nước, thì thực tế họ đã làm những việc bán nước hại dân, bởi không phân biệt ý niệm chính – tà.

Giờ đây, nếu chúng ta không xét đến phúc đức ắt cũng chẳng khác Hồ Chí Minh năm xưa, cũng du nhập chủ thuyết Mác – Lê, cũng là đoàn quân viễn chinh trở về cướp nước, cướp chính quyền, rồi cũng tranh giành quyền lợi, cũng đàn áp lương dân, và có khi còn gieo tai họa nặng nề hơn giặc nước hiện tại.

Có người hỏi rằng, trong chiến tranh chém giết, trong chính trị mưu mô mà chúng ta bàn chuyện phúc đức sao?

Thưa rằng nếu bắt buộc chúng ta phải chiến đấu để cứu người, giải cứu dân lành thì việc chém giết đó là việc làm phúc đức. Phúc đức không phải để tránh tác hại, dĩ nhiên chúng ta cần tránh chém giết thì càng tốt.

Nhưng khi không thể đừng đừng, chẳng những chúng ta không được quyền tránh, mà còn có bổn phận dân thân cứu người vô tội. Việc giết giặc cứu người là việc làm phúc đức, và càng xả thân trừ ác thì phúc đức lại càng có nhiều.

Vì nguyên ủy của Chính Nghĩa là Làm Việc Phúc Đức, mưu cầu hạnh phúc cho con người. Ai làm hại Con Người thì đầu đạt được quyền uy hay giàu sang tột bực như tập đoàn Cộng Sản cầm quyền thì vẫn không có chính nghĩa.

Trong đời sống con người chính nghĩa là quyết tâm đánh giặc cứu người. Giặc là tất cả những ai hay những gì làm suy hại hạnh phúc của con người và xã hội loài người.

Mặc dù chính trị có mưu mô, chiến tranh có chém giết, nhưng quyền biến, mưu lược của chính trị là để củng cố xã hội, để trợ giúp cho cuộc sống của con người. Quân sự có máu lửa, chiến tranh tàn phá, nhưng Tổ Tiên cho rằng đó không phải là hiếu sát, cưỡng bức, khủng bố mà là đánh giặc nhằm giải cứu người vô tội.

Trong đại cuộc Giúp Dân Cứu Nước, chúng ta ý thức rõ ràng rằng mình đang đi cứu người, cứu anh em, cứu thân nhân, cứu nhau mà hợp thành đoàn quân nhân nghĩa đi giải cứu cả một dân tộc đang bị giam hãm đọa đày.

Trong lúc giải cứu dân tộc, chắc chắn có sự xô sát và tùy theo trường hợp mạnh yếu chúng ta lường trước tầm quan trọng trong việc cứu người mà chấp nhận thực thi. Tập đoàn

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

cầm quyền ác nhân, cố bám vào đặc quyền đặc lợi của phe đảng riêng tư thì tranh đấu sống còn của dân tộc là chuyện khó tránh. Khi đó kẻ ác đền tội, và người thiện hưởng thêm phúc đức.

Đại cuộc Giúp Dân Cứu Nước là việc làm phúc đức hết sức to lớn, mà chúng ta khó thể tưởng tượng, như lời Tổ Tiên linh huấn, “Dù xây chín bậc phù đồ, không bằng làm phúc cứu cho một người!” Dù cho có bỏ công của ra xây cất chín cảnh chùa cho tăng ni tu luyện, cũng không bằng làm phúc cứu cho một người.

Thế vậy mà giờ đây chúng ta cứu cả trăm triệu người, khi ta bỏ công bỏ của ra toan tính và sẵn sàng hy sinh cả tính mạng, dành để mọi khả năng, chuẩn bị tổ chức chu đáo cho công cuộc dựng nước, thì phải nhận chân rằng đó là “Đại Phúc!”

Việc làm đại phúc đó, chẳng những chúng ta được hưởng, mà như Tổ Tiên đã nói, gia đình giòng họ con cháu và toàn thể dân tộc, ngay cả những người khuất núi và con cháu chưa sinh ra: “Quang tiền dư hậu” cũng được hưởng nhờ.

Do đó không phút giây dành để cho quê hương dân tộc là uổng phí, vì chính lúc chúng ta mưu cầu giải cứu lương dân, như Tổ Tiên xác quyết, “Đại phúc đó dân tộc cũng được hưởng nhờ!”

Sở dĩ đã gần thế kỷ qua, Dân Nước chưa được giải cứu là vì chúng ta chưa có phúc đức, chưa đủ phúc đức, chưa góp thành đại phúc.

Khi chúng ta quan tâm giải cứu đồng bào, hay nói đơn giản hơn, khi nhớ tới đồng đội bị bắn ngã gục, tù đầy cải tạo, hay lời trăng trối của người thân, lời thề khi bỏ nước ra đi. Và khi chúng ta nhớ tới đồng bào rên xiết dưới ách giặc Cộng mà quyết tâm hành động cứu giúp thì đó phải là đại phúc. Và khi

đóng góp đủ đại phúc thì tất nhiên chúng ta sẽ cứu được dân nước.

Con người phạm tặc như chúng ta mà còn biết quặn đau trước nỗi thống khổ của dân tộc mình, thì không lý Đức Quốc Tổ và Hồn Thiêng Sông Núi hay Tổ Tiên Ông Bà lại làm ngo, phó mặc con cháu chịu cảnh đọa đày?

Sở dĩ các Đấng Linh Thiêng chưa thể ra tay oai linh trừ bạo cứu dân cứu nước, cũng chỉ vì tại chúng ta. Chúng ta không đóng góp phúc đức, không học hỏi, không có đủ phúc đức thì chưa xứng đáng làm tác nhân cho các Ngài xử dụng vào đại cuộc Giúp Dân Cứu Nước để gọi là, “Bất chiến tự nhiên thành.”

Nói theo kiểu Trạng Trình, “Bất chiến tự nhiên thành!” Sở dĩ được gọi là “bất chiến” vì trong việc “tham chiến” với Đạo Binh Nhân Nghĩa của chúng ta đã nhận sự phù trợ của các Đấng Linh Thiêng. Với sự tham chiến cùng bao lớp con cháu trừ ác cứu dân được gọi là “bất chiến,” tất nhiên chúng ta không chỉ có được “sức thần” (sức mạnh, thần lực) mà còn đủ tài đủ trí, thông toàn và thành công thắng giặc.

Nhìn vào lịch sử thì những cuộc chiến thắng lớn thường kết tụ tinh anh sau vài trăm năm mới có, nếu ước tính từ Chiến Thắng Đống Đa lịch sử thì tới nay cũng đã đủ thời gian cho “thiên tài cứu nước” sản sinh. Muốn thế, chúng ta phải đóng góp phúc đức, và “cộng tài cộng đức” tức là “cộng nghiệp,” là tổ chức. Tổ chức hợp thời đại thì mới thành công.

Kể từ Chiến Thắng Đống Đa đã hơn hai trăm mùa xuân trôi qua với bao vật đổi sao dời, nhưng chiến công hiển hách của người anh hùng áo vải khởi nghĩa của đất Tây Sơn vào Tết Kỷ Dậu năm xưa vẫn oai linh ngời sáng. Và ngọn lửa Cứu Nước ấy luôn luôn bùng cháy nung đúc tình yêu nước thương dân của bao thanh niên hào kiệt anh tài, noi gương Đại Đế

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Quang Trung mở ra trang sử hiển hách và dựng lại Kỳ Đài Bách Việt, hay được gọi là Hoa Tiên Rồng Mở Hội của ngày nay.

Và trong nỗi đau quốc nạn, mỗi người chúng ta cần suy niệm phúc đức của Tổ Tiên, lúc ấy chúng ta mới vững dạ sắt gan, bùng lên hùng khí mà vượt qua giai đoạn chiến đấu khó khăn nhất, chính là chiến thắng ngay tự trong tâm hồn của mỗi người mà ra, mà có, mà thành.

Nhiều người cũng đang chú tâm tìm kiếm “minh quân, thánh chúa.” Xin hỏi hễ là con người thì ai có đủ tài đức lớn để cứu được toàn dân? Nếu có, phải chăng chúng ta nhờ có phúc đức cùng nhau đóng góp trong tổ chức mà người lãnh đạo được bầu làm đại diện.

Các Vị Anh Hùng trong lịch sử được gọi là đủ tài, đủ đức cũng do Các Ngài cộng tài, cộng đức trong những tổ chức của Các Ngài. Và Phúc Đức ngày nay quả là một tiêu chuẩn, là thước đo được dùng trong một tổ chức để xét đúng sai, chính tà.

Phúc đức là quan niệm căn bản cho mọi hoạt động cứu nước của chúng ta ngày nay. Do đó chúng ta ý thức rõ ràng rằng, mỗi phút giây, mỗi hành động lo liệu cho quê hương đồng bào là những việc đại phúc.

Bằng nhờ vào quan niệm phúc đức mà chúng ta không còn bơ vơ hay chán nản lạc lõng trong cuộc sống gọi là tẻ nhạt thường nhật, vì mỗi phút giây dành để cho quê hương, là đại phúc.

Phúc đức đó, chẳng những chính mình, gia đình dòng tộc được hưởng, mà quê hương dân tộc cũng được hưởng nhờ. Bởi có đủ phúc đức thì mới cứu được dân nước.

Như thế tổ chức chính danh là tụ điểm giúp nhau thêm tài thêm đức, và cộng tài cộng đức để giải cứu đồng bào. Mỗi phút giây cho quê hương là đại phúc. Xin góp tài đức làm sức mạnh diệt giặc.

Cờ Mặt Trời Phúc Đức

Cờ Mặt Trời Phúc Đức đã toả sáng, con đường đã vạch, phương thức đã sẵn, giờ hành động đã điểm, Thanh Niên Việt Nam tiến lên, đem ánh sáng thần diệu Tiên Rồng mở đầu Một Kỷ Nguyên Mới và dựng lại Kỳ Đài Bách Việt.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI



ĐẢNG TIÊN RỒNG
GIÚP DÂN CỨU NƯỚC

www.dangtienrong.org

Xin mời vào tham khảo ở đầu nối dưới đây:
<http://www.dangtienrong.org>

Tổng Kết

Là nhân viên làm việc 3 năm trong Thư Viện Everett Community Colledge, và hàng ngày đã đọc nhiều sách vở tài liệu nói về thời đại, Phạm Văn Bản xin tổng hợp lại như sau:

Samuel P. Huntington viết cuốn sách “Đợt Sóng Thứ Ba: Dân Chủ Trong Thế Kỷ 20”

Cuốn sách Đợt Sóng Thứ Ba (The Third Wave) trước đó là đề tài của Alvin Toffler được xuất bản vào năm 1980. Đây là phần viết tiếp theo của cuốn sách Future Shock đã xuất bản vào năm 1970. Đợt Sóng Thứ Hai (The Second Wave) như trong đề tài ban đầu, Đợt Sóng Thứ Nhất (The First Wave) là bộ ba được tác giả tiếp tục với cuốn sách Powershift: Kiến Thức, Giàu Có Và Bạo Lực Tại Edge Của Thế Kỳ 21, xuất bản năm 1990, là sự bổ sung vào cuộc Cải Hóa Thịnh Vượng (Wealth Reform), tuy nhiên trong năm 2006 được xem như là sự mở rộng chính yếu của Đợt Sóng Thứ Ba.

Theo Toffler, cuốn sách mô tả sự chuyển đổi trong những nước phát triển từ xã hội của Thời Đại Kỹ Nghệ (Industrial Age) mà ông gọi là Đợt Sóng Thứ Hai (The Second Wave) để đề phổ biến tin tức của Đợt Sóng Thứ Ba (The Third Wave).

Nội Dung Lý Thuyết Toffler Wave:

- Giải thích nhân chủng học
- Đặc điểm chính xã hội Đợt Sóng Thứ Ba
- Đợt Sóng Thứ Tư
- Xuất bản

Đọc trong cuốn sách, Toffler mô tả về ba loại xã hội, dựa trên

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

khái niệm về sóng (wave) - mỗi đợt sóng đã đẩy xã hội cũ và các nền văn hóa qua một bên để tiến sang thời đại mới.

- Đợt sóng đầu tiên là Thời Đại Xã Hội Nông Nghiệp (Agricultural Age) định hình ở nhiều quốc gia trên thế giới sau khi thay đổi thời đại đồ đá hay thời đại văn hóa săn bắn hái lượm của Thời Đại Tiền Sử (Pre-History Age).

- Đợt sóng thứ hai là Thời Đại Kỹ Nghệ (Industrial Age). Đợt sóng thứ hai bắt đầu ở Tây Âu với cuộc cải hóa kỹ nghệ hay công nghiệp. Sau đó thời đại kỹ nghệ lan rộng trên toàn thế giới, với khía cạnh chủ yếu của xã hội đợt thứ hai là gia đình hạt nhân, tức là một hệ thống giáo dục theo kiểu nhà máy và công ty.

- Toffler viết rằng, “Thời đại kỹ nghệ là dựa trên việc sản xuất hàng loạt, khối lượng phân phối, khối lượng tiêu thụ, giáo dục đại chúng, thông tin đại chúng, khối lượng giải trí, khối lượng giải trí, và vũ khí hủy diệt hàng loạt. Bạn kết hợp những điều đó theo tiêu chuẩn hóa, tập trung hóa, đồng bộ hóa, và xã hội hóa này trở nên một phong cách tổ chức mà chúng tôi gọi là quan liêu.”

- Đợt sóng thứ ba là Thời Đại Tin Liệu. Toffler nói rằng kể từ cuối những năm 1950 hầu hết các nước đã được chuyển đổi từ xã hội của làn sóng thứ hai thành ra xã hội của làn sóng thứ ba.

- Giải thích nhân chủng học.

Việc chuyển đổi từ những xã hội săn bắn hái lượm ra xã hội nông nghiệp được gọi là cải hóa sang thời đại mới. Điều này trùng hợp với sự chuyển đổi từ Âu Á, thời kỳ này thuộc về tân thạch khí (tương ứng thời trung và hậu đồ đá). Việc chuyển đổi từ thời đồ đá cũ (Paleolithic) đến Âu Á trùng hợp với sự nổi lên của thời đại của con người cổ xưa (Homo Sapiens).

Gần như tuyệt chủng trong thế giới ngày nay, các xã hội săn bắn hái lượm, mà người ta gọi là xã hội thời không (0 Wave) không được công nhận trong chương trình của Toffler. Tương tự trong cổ điển hệ thống ba tuổi, phân biệt được ghi nhận giữa thời đại đồ đá và thời đại đồ đồng, đồ sắt có lần ranh khoảng năm 1300 - 1200 trước Công Nguyên, được phân định theo đợt sóng Toffler.

Việc chuyển đổi từ Toffler đầu tiên của đợt sóng thứ hai được công nhận là một quá trình chuyển đổi từ thời đại đồ sắt (Steel Age).

Đặc điểm của Đợt Sóng Thứ Ba:

Mặc dù xã hội dự kiến vẫn còn đang nổi lên, với quá trình chuyển đổi mạnh mẽ trong hai thập kỷ qua (ví dụ: Điện Thoại, Điện Tín, Internet hay sự nổi lên của quyền hạn không quốc gia, siêu quốc gia...) một số tính năng phân biệt được đặt ra như là đặc trưng của xã hội mới này. Trong số những điều mới bao gồm:

Những trở lại của tín ngưỡng kỹ nghệ, kỷ nguyên của chuẩn hóa, ví dụ trong một kích thước được đồng bộ hóa với tất cả các cách tiếp cận điển hình của các tổ chức của thời đại này, chẳng hạn như hệ thống giáo dục, nhà máy, chính phủ, các phương tiện truyền thông đại chúng, khối lượng sản xuất hàng loạt và phân phối...

- Cuộc tấn công vào chính quyền quốc gia từ trên xuống dưới và lỗi thời tiến bộ của nhà cầm quyền quốc gia của mình.
- Cuộc tấn công vào chính quyền quốc gia từ dưới, bao gồm việc mất dần sự đồng thuận, chẳng hạn như có đặc điểm chính trị của Hoa Kỳ trong thế kỷ 21, cũng như bất ổn chính trị ở Trung Quốc (phần lớn là số chia lần ranh giữa đô thị và nông thôn), Israel (chính thống so với thế tục), Đức (bế tắc sau cuộc

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

bầu cử năm 2005), thế giới Hồi giáo (chính thống hay truyền thống so với thế tục) và các nơi khác.

- Bao gồm sự gia tăng của lợi ích khu vực và phân cấp các tiến bộ của chính quyền quốc gia, ví dụ: các tự động hóa (autonomization) xứ Wales và Scotland ở Anh; của Nunavut và Canada; tỷ lệ thường xuyên của các phong trào ly khai, chẳng hạn như tại Chechnya, sự tan rã của Nam Tư, Tiệp Khắc, Liên Xô, Ethiopia, sự nổi lên của microstates, như Đông Timor.

- Cuộc tấn công vào chính quyền quốc gia từ phía trên bao gồm sự gia tăng mạnh mẽ của các thực thể phi quốc gia: bởi IGO của các tập đoàn đa quốc gia, các tôn giáo với vươn ra toàn cầu, và thậm chí cả tổ chức, tập đoàn khủng bố. Bao gồm tiến bộ trong các nền kinh tế quốc gia theo mạng lưới ngày càng tăng của các tổ chức siêu quốc gia và đảng phái. Ví dụ: Liên minh châu Âu, Bắc Mỹ Union, mới thành lập Liên minh châu Phi, cũng như các tổ chức như WTO, NAFTA hay Tòa án Hình sự Quốc tế.

- Sự kiện làm lu mờ (eclipsing) của tiền tệ, của kiến thức và của thông tin là yếu tố quyết định chính của quyền lực và phân phối. Điều này được thảo luận đầy đủ trong phần tiếp Powershift.

- Sự kiện làm lu mờ của sản xuất hàng hoá bằng cách chế biến kiến thức và thông tin, như là hoạt động kinh tế.

- Đợt Sóng Thứ Tư được một cuốn sách, xuất bản năm 1993, có tiêu đề Đợt Sóng Thứ Tư (The Fourth Wave): Kinh doanh trong thế kỷ 21 bởi Herman Bryant Maynard và Susan E Mehrtens, dự báo và những người ủng hộ sự nổi lên của một hình thức toàn cầu hoá, sinh thái trong thế kỷ 21.

Theo tôi nghiên cứu thì chưa thể có đợt sóng thứ tư, vì chưa thấy sáng kiến hay phát minh ra máy móc gì mới lạ để

có thể có tốc độ mới làm thay đổi đời sống con người. Vì thế tôi đã chỉ chú trọng tới đợt sóng thứ ba khi con người đạt đến vận tốc 25 ngàn dặm một giờ trong tương lai gần.

A decorative horizontal banner containing the name 'Phạm Văn Bản' written in a highly stylized, black calligraphic font. The characters are bold and fluid, with elaborate flourishes extending from the top and bottom of the letters. The banner has a light, textured background.

<http://www.phamvanban.org>

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI



Khi gia đình tôi từ trại tỵ nạn đến định cư Everett được hai tuần lễ thì Cố Học Giả Vinh Đức Nguyễn Đức Đơn từ Úc Đại Lợi tới thăm, và chúng tôi có một tấm hình đầu tiên làm kỷ niệm cho tổ chức Tiên Rồng ngày nay. Năm 1984 Anh 6 đi phi cơ một vòng với nhiều địa chỉ thăm gặp ở những tiểu bang mà anh mua vé sẵn có, còn tôi vì tình trạng mới nhập cư nên không có đủ tài chánh mua vé phi cơ, mà tôi phải dùng phương tiện di chuyển bằng Hỏa Xa Amtrak để đến gặp anh từng địa điểm theo chuyến du hành tổ chức. Từ một người đơn thân độc mã mới tới Hoa Kỳ, và sau một tháng công tác hoàn chỉnh tôi đã ôm về nhà hàng ngàn địa chỉ hộp thư liên lạc.

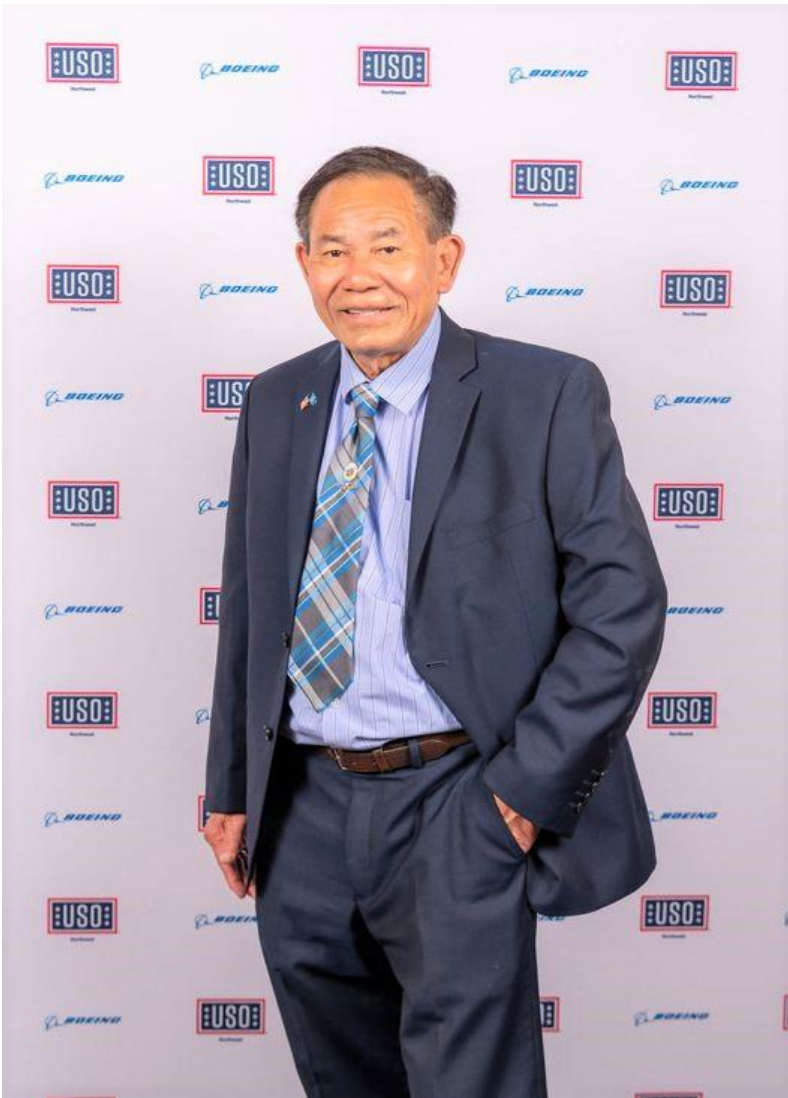
TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Adam Smith, An Inquiry into the Nature and Causes of the Wealth of Nations (1776), London.
- Alvin Toffler, Future Shock, The Third Wave, Power Shift, Bantam export edition, December 1991.
- Alvin Toffler, War and Anti War, Warner book, New York USA 1995.
- Brian O'Connell, Civil Society: The Underpinnings of American Democracy, Tuft University Press, 1999.
- Clinton Rossister, Parties and Politics in America, Hoàng Mạch Điền và Trần Thái Châu dịch, Sài Gòn, 1972.
- Dexter R. Tager, Sr. With Doyle Yager, The Business Handbook, Internet Services Corporation, USA 1993.
- Encarta 96 Encyloperia, Microsoft Corporation, USA 1996 Edition.
- Han Kung, Global Responsibility, SCM Press, London 1991.
- Isaac Newton, The Mathematical Principles of Natural Philosophy, Courtesy of the Joseph Regenstein Library, The University of Chicago.
- John Ehrenreich, The Third Wave Capitalism: How money, Power, and the Pursuit of Self-Interest Have Imperiled the American Dream, Cornell University Press.
- John Dewey, Democracy and Education: An Introduction to the Philosophy of Education, New York, Macmillan, 1916, 1944.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

- Karl Heinrich Marx, The Communist Manifesto and Dan Kapital, London
- Marshall McLuhan & Bruce R. Powers, The Global Village, Oxford University Press, New York, 1989.
- Nam Trục, Việt Nam Khúc Quanh Lịch Sử, San Jose, USA, 1995.
- Rossiter, Clinton, Parties and politics in America, Ithaca, N.Y., Cornell University Press, 1960.
- Samuel P. Huntington, The Third Wave: Democration in the late Twentieth Century, University of Oklahoma Press: Norman and London, 1981.
- Samuel P. Huntington, The Clash of Civilizations and the Remaking of World Order, Simon & Schuster Paperbacks, New York USA, 1996.
- Steven Levitsky and Daniel Ziblatt, How Democracies Die, Broadway Books, Newyork USA, 2018.
- Stephen R. Covey, Principle Centered Leadership, A Fireside Book, New York, 1992.
- Tổng Hội Cựu Sinh Viên Quốc Gia Hành Chánh, Việt Nam một số góp ý cho tương lai, Alumni Association, CA, USA 1995.
- Vinh Đức Nguyễn Đức Đơn, Chính Trị Thời Đại, Hoa Tiên Rồng xuất bản, Brisbane Australia, 1997.
- Vinh Đức Nguyễn Đức Đơn, Thuật Thành Công, Hoa Tiên Rồng xuất bản, Brisbane, Australia, 1996.
- Vũ Ký, Luận Cương về Văn Hóa Việt Nam, Trung Tâm VHXXHVN tại Bruxelles, 1995.

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI



Người viết Tác Phẩm Đầu Tay “Con Người Thời Đại”
Thân Chào Các Bạn Đọc & Chúc Bạn Một Ngày Vui

CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

Cám Ơn Bạn Đọc Thank You



Trung Úy Phi Công Phạm Văn Bản

Giá Sách: